

PHÙNG PHƯƠNG QUÝ

Dòng đời và
CHIẾN TRẬN

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

DÒNG ĐỜI VÀ CHIẾN TRẬN

Truyện vừa.

Tác giả: Phùng Phương Quý

Xuất bản: **Quân Đội Nhân Dân**

Text : Waka

Đóng gói: **Cùi Bắp**

Tháng tám, trời xanh vắt, những đụn mây trắng tơ xấp, nhỏ nhoi, lững thững trôi dạt về phía tây, nơi mặt trời vàng rực đang thấp dần sau những ngọn cây đào lộn hột, lá cũng uá vàng. Cây dừa mồ côi trong vườn hơi nghiêng mình về phía rẫy mì gòn, như muốn che chở cho đám mì lúp xúp, còi cọc. Bên giếng nước, chiếc gàu múc gò bằng thiếc hoa gác lên thành gạch thấp, tay quay cần trục bằng gỗ được tra mỡ kỹ lưỡng, rung lắc nhẹ nhẹ theo đà gió, phát ra âm thanh nhỏ, kéo kệt kệt. Cây ổi cạnh đó lúc lỉu mấy chùm trái xanh, trái nào trái nấy bằng nắm tay, nhưng bị ruồi vàng chích, sần sùi những nốt đen.

Bầy chó gần chục con nằm khoanh tròn góc sân, cặp mắt lim dim mơ ngủ. Vậy mà khi đàn gà giò vừa lén lút thâm nhập bãi thóc phơi chưa kịp gom, cả đàn chó chột vùng dậy lao tới đuổi, sủa oang oác. Bọn gà hốt hoảng bay toán loạn, con gà trống có bộ cánh màu cờ sắc sỡ còn cố dừng lại, xù lông cản bọn chó cho đám gà mái chạy trốn. Con chó vàng sủa lên một tiếng cộc cằn, lao thẳng vô đánh lộn. Trống đỏ đỡ không lại, quỳnh quáng bay lên rơi thẳng miệng giếng. Hên là nó hạ cánh đúng chiếc gàu thiếc. Chiếc gàu rớt xuống, kéo theo dây dợ lằng nhằng, loảng xoảng. Con trống đỏ lấy đà vút ra ngoài, thoát chết trong gang tấc.

Bà Thảo bày bình trà lên bộ bàn ghế giả đá kê sau hiên nhà, miệng la đuổi gà, tay nhanh nhẹn lau qua mặt bàn. Chiếc bình trà cổ cao bằng gốm nâu nóng ran, hương trà bay ngan ngát. Trà này bà mới nhờ đưa cháu họ ngoài Bắc gửi vô cho. Ông chồng ghiền trà Bắc từ những năm tập kết đến nay, nên rất kén. Mấy thứ trà Bảo Lộc, Đ'rao ông uống không nổi. Nó nhạt hoét, nước lại đỏ đồng độc, uống vô chỉ tổ đi tiểu.

- Trà được rồi ba ơi! Nghỉ tay chút đã!

Ông Năm Chinh ném mấy bụi mì vô chuồng heo rừng, cười móm

mém khi thấy lũ heo con cũng lăn xả vô cướp thức ăn với mấy con heo lớn.

- Hùi! Hùi! Đừng có cắn lộn hầy!

Chùi hai tay lấm đất vô dĩa quần, ông lững thững bước ra bàn nước, cặp mũi sư tử bành ra, hít lấy hít để mùi hương trà bay ngào ngạt. Đây là bình trà thứ hai trong ngày, sẽ được ông nhấm nháp từng ly một, cho tới khuya. Bình trà nhất được bà vợ dậy sớm chế cho lúc năm giờ sáng, qua nước nhị, nước tam, nước tứ... tới khi nào rót ra ly còn có màu lọt lọt của trà. Bình này uống tới năm giờ chiều, lúc đó ông mới chịu cho bà chế tiếp bình mới. Năm Chỉnh ghien trà, nên ông rất hà tiện, dè sẻn trong việc hãm. Dù có khách hay không, ấm trà thứ nhất được duy trì cả ngày. Khách nào tới chơi buổi sớm, hên được uống trà ngon, rủi mò tới giắc trưa coi như uống lại trà rửa bình.

Ông ngồi gác chân chữ ngũ, khẽ nâng ly trà lên miệng. Cái đầu tóc bạc trắng lâu ngày chưa hót lòe xòe, gục gặc. Ngon! Đúng là “chè Thái, gái Tuyên”. Mấy chục năm sống ngoài Bắc, từng làm rể Hà Nội, ông thấm thía câu nói trên. Trà Bắc có nhiều loại, từ chè Shan Tuyết Suối Giàng, Yên Bái và Xín Mần, Hà Giang tới những đồi chè Phú Thọ, không trà nào ăn đứt được chè Tân Cương của Thái Nguyên. Hương vị đậm đà, chát ngọt, màu nước nhàn nhạt vàng chanh chứ không đỏ đậm, đã làm nên thương hiệu “Trà Thái”. Còn gái Bắc, có lẽ không đâu đẹp bằng Tuyên Quang. Gái Tuyên đa phần cao ráo, tròn trịa, vẻ đẹp quyến rũ. Vụ này ông từng được nghe, rằng xưa kia vua nhà Mạc dựng thành ở xứ Tuyên, nên tập trung về đây rất nhiều cung tần, mỹ nữ. Tới khi nhà Mạc sụp đổ, những mỹ nhân của vua quan lẫn trốn vào thôn dân, lấy chồng thường dân và truyền lại cái gen đó cho hậu thế.

Ông móc tới móc lui mấy chiếc túi lòng nhùng trên chiếc quần soóc dài quá gối, lấy ra gói thuốc Jet màu trắng bẹp rúm. Phì phà phun khói lên trần nhà, ông nhịp nhịp chân nghĩ miên man về những miền “chè ngon, gái đẹp” từng đi qua. Bất chợt ông cười khúc khắc, kéo vạt áo

phông có in dòng chữ “Tiệm xe Hưng Phát” lên chùi nước mắt. Bà Thảo ngạc nhiên nhìn chồng. Lão già lại có gì vui đây. Bảy mươi lăm tuổi mà sức vóc còn khỏe mạnh, cơm bữa ba chén, một ly rượu thuốc, ngày hai bình trà nóng, da ông già vẫn đỏ au, cặp chân khuỳnh khuỳnh còn đi lại nhanh nhẹn. Có lẽ do thói quen vận động từ thời thanh niên, ông từng là cầu thủ chân giày của đội bóng Tổng cục Đường sắt. Ông cũng mới bỏ môn bóng chuyền và bóng bàn mấy năm nay, vì tuổi già ngại đi xa tới trung tâm văn hóa thể thao xã. Ngay cả cách ăn mặc của ông cũng đậm chất con nhà thể thao. Toàn áo phông, quần lửng, những thứ xin lại của mấy đứa cháu kê bằng cậu. Ngược lại, bà Thảo chưa tới sáu mươi mà da mặt nhăn nheo, ăn bận lúc nào cũng kín cổng cao tường, đúng cách của một bà già nhà quê. Nhìn vô đôi vợ chồng, không ai hay bà kém ông những hai mươi tuổi. Thấy bà ít chăm sóc bản thân, ông cự nự:

- Mình cứ cố tình dày thân chi vậy? Hồng lẽ tui già quá rồi sao?

Ông thương vợ cắn nhai miết, bà chỉ cười:

- Ba chưa già! Mới rụng gần hết hàng tiền đạo thôi! Ôi dào ời! Tôi theo ba lên rừng xuống biển, lăn lộn chăm sóc ba cha con bao nhiêu năm giờ, chưa chết sớm là còn may!

Ừa hén! Bả cực quá mà. Ông không còn nhận ra vợ mình hai lăm năm về trước. Hồi đó thiếu phụ gốc Bắc da trắng, tóc dài, mắt sáng ngời, môi đỏ tươi. Hai con rồi mà ngực vẫn săn chắc như thiếu nữ. Bây giờ tóc bà vẫn còn đen, chưa bạc sợi nào, bụng vẫn thon phẳng, dáng vẫn đẹp. Chỉ có làn da là se sắt lại, gò má nhô cao, nếp nhăn đầy mặt. Bà Thảo giống một nông dân thực thụ, gót chân rạn nứt chân chim, chiếc quần lửng đen cũ lửng lơ ngang bắp chân.

- Ba ời! Liệu mà lừa dê vào chuồng! Khéo trời mưa ba ạ!

- Ừa! Mưa thì buồn quá! Tui lại sắp thất nghiệp không trông tría gì, ở nhà lo cắt cỏ dê.

Ông vừa ngửa mặt nhìn trời vừa bước vội ra trại dê phía sau vườn. Mưa thì mưa đi ông trời! Dầm dứ miết. Mọi năm tháng này mưa lắc rắc

rồi đó. Năm nay vác cây sào chọc lên trời chỉ thấy xanh ngắt, khô rang.

Cổng vô trại dê nằm ngay phía lộ đất chạy qua khu vườn nhà Năm Chinh. Có ba mươi bảy con dê cả thầy, được nhốt trong chiếc chuồng rộng lợp tranh. Ông Năm Chinh nghe lời khuyên của người có kinh nghiệm, đốn gỗ tràm về cất chuồng dê theo kiểu nhà sàn, vừa sạch sẽ vừa tránh cày cáo vô bắt dê non. Ngoài khu vực chuồng và sân rộng chừng hai trăm mét vuông để nhốt dê, phía sau ông để ba sào đất trồng cỏ và cây tạp. Sáng chiều hai lần, khi thì ông, khi thì đưa con gái lớn cắt cỏ đem bỏ chuồng cho dê. Từ khi con nhỏ ra Quy Nhơn học Cao đẳng Y tế, việc cắt cỏ dồn lên vai ông.

Đàn dê thấy bóng dáng ông thì kêu be be, chạy tới bên hàng rào. Những chiếc lưỡi đỏ ram rám thò qua lỗ rào thép B-40 liếm lên tay chủ.

- Vô chuồng thôi các con! Trời sắp mưa rồi kìa!

Bọn dê còn đứng đỉnh chán mới chịu trèo lên cầu thang gỗ, lên chuồng. Con dê đực đầu đàn có bộ lông màu nâu rất ấn tượng. Thân hình to lớn, nó đứng sừng sững cạnh lối lên chuồng, hai cái tai dài vắt phủ tới má, đôi mắt đỏ rực theo dõi bầy đàn. Con dê cái nào trước khi bước lên cầu thang đều bị tên thủ lĩnh giữ lại, ngửi ngửi sau đó, rồi ngửa mặt lên trời cười. Đó là cách nó kiểm tra bọn dê cái xem có con nào tới chu kỳ động dục không. Chị dê nào có nước chảy ra, thằng dê xồm nhảy lên lưng làm chuyện tục tĩu ngay trước mắt ông chủ. Ngày mai, nó sẽ đi theo mấy con dê cái đó, nhảy suốt ngày. Năm Chinh đứng im lặng quan sát, thầm phục sức dẻo dai của thằng dê đực. Đã năm con dê cái vô chuồng, ngoài kia còn hai con nữa đang mải mê trèo lên hàng rào hái lá đậu đũa mà thằng dê đực vẫn kiên nhẫn đứng chờ. Đám dê này, giá thị trường cũng hơn trăm triệu đồng, vợ chồng ông không có khả năng và ý định đầu tư nuôi chúng. “Giàu nuôi chó. Khó nuôi dê. Hết nghề nuôi ngỗng”. Vậy là con dê phù hợp với những gia đình nghèo khó. Đây thực ra là ý tưởng và tấm lòng của một người bạn cùng đơn vị với ông. Hai Rựa trước kia làm trinh sát, nhanh nhẹn và khôn ngoan như

khí, nên suốt cả hai cuộc kháng chiến hần chẳng bị sứt mẻ chút da thịt nào. Sau khi nghỉ hưu, Hai Rựa tham gia kinh doanh buôn bán với con trai, một nghề hần đam mê từ trẻ mà không có cơ hội thực hiện. Một bữa Hai Rựa lên Phù Cát chơi, ghé Năm Chinh nhậu một bữa toi tả, rồi ra thăm đất vườn:

- Chu cha! Đất rộng hầy! Hay là làm cái trại dê đi Năm Chinh?

- Tau hông có tiền mầy ơi! Lương hưu nuôi sắp nhỏ còn chưa đủ!

Hai Rựa cười nhạt:

- Tui biết ông ghét buôn bán từ hồi nào kìa. Vậy ông mới chết...

Nghe Hai Rựa nhắc lại, Năm Chinh phì cười. Đúng là đi kháng chiến thì dính cái tên trùng với tên ông Trường Chinh. Tên khai sinh của ông là Nguyễn Hồng Chinh, nhưng vô bộ đội địa phương, khi xếp hàng nhập trung đội, thủ trưởng hỏi tên gì, ông nói Nguyễn Hồng Chinh, người ta nghe không ra viết danh sách là Nguyễn Trường Chinh. Vậy là gắn với cái tên đó suốt đời. Năm Chinh giờ đã thay đổi cách nghĩ. Dù mang tên trùng với ông Trường Chinh hay gì thì cũng phải tìm cách vượt nghèo, nuôi vợ con. Từ khi về đây ông đủ thứ nghề sơn lâm, thủy sản rồi. Nhưng nói tới chuyện lập trại dê thì chịu. Không có vốn.

- Giờ tui bàn vầy hánh! Ở đây sẵn cây cọc, ông dựng trại, trông cỏ đi. Con giống tui cấp cho. Ông chăm sóc dê, cuối vụ lờl lóm cưa đôi! Được không?

Còn gì nữa mà không được! Năm Chinh kêu vợ ra hỏi lấy lệ, rồi hỏi bà Thảo mần con thỏ nhậu tiếp. Hai Rựa xua tay bai bãi:

- Thôi cha nội! Nhậu tăng hai tui đứt bóng liền, rồi mất luôn nhà đầu tư đó cha.

Hần bỏ về, tháng sau chạy lên thăm chuồng trại. Rồi một chiều mưa tầm tã, chiếc xe bán tải chở bầy dê nhập chuồng, con nào con nấy ướt sũng, run rẩy vì lạnh.

Ba mươi năm trước, Năm Chinh đột ngột trở về quê nhà. Chiếc xe đạp hiệu *Thống Nhất*, chắc mang từ Hà Nội vô, đằng sau vồn vện chiếc

hòm gỗ sơn véc ni sòn tróc, bên trên chiếc hòm là chiếc quạt máy cũ được chằng cột kỹ cùng mấy chiếc xoong nhôm. Phan Thành Danh hay còn gọi là Danh “cán gáo” lúc đó đang là chủ tịch xã, trước kia cùng tiểu đội với Năm Chinh, hồi kháng chiến một lần dùng súng trường quất rụng một thằng trực thăng “cán gáo”. Danh “cán gáo” bữa đó chuẩn bị đi họp huyện, thấy bạn cũ lò dò hỏi đường tới công an xã nhập hộ khẩu. “Ủa! Có phải Năm Chinh không ta? Thằng này nghe nói làm trưởng phó phòng gì đó dưới Quy Nhơn, đi đâu cũng ngồi xe com-măng-ca, sao hồi này ồm ồm, đen đúa vậy chứ?”.

- Nè! Năm Chinh phải hông?

- Chào đồng chí! Tui là Năm Chinh! Tui muốn hỏi công an xã ở chỗ nào?

Danh “cán gáo” thoi cho thằng bạn một đấm lên vai:

- Con khỉ! Tau Danh “cán gáo” nè! Hỏi công an chi?

Năm Chinh đứng sững, gạt chân chống xe đạp, rồi ôm chầm lấy bạn:

- Ui chô! Là Tiểu đội phó Phan Thành Danh hả? Tưởng bây... liệt sĩ rồi chứ! Hè hè! Tau đi làm cái hộ khẩu! Hưu rồi! Tìm đường về quê chứ sao!

- Giờ ở đâu? Vợ con sao rồi?

Năm Chinh gãi đầu:

- Thì có đưa mẹ con nó về cùng mà! Đang ở nhờ nhà chị Ba!

- Giờ tau đi họp đã! Chừng nào về, ghé thăm tui bây liền! Hay để tau dắt vô kêu mấy đứa công an làm cho lệ!

Năm Chinh xua tay:

- Khỏi! Cứ đi đi! Mấy em cháu ở đây lạ gì tau!

Chị Ba Chiến ngồi bần thần trên tấm phản gỗ, giờ chiếc áo nhỏ lên ngấm nghĩa. Màu đen không hợp với con nít, nhứt là con gái, nhưng biết kiếm đâu ra vải bông bây giờ. Cửa hàng hợp tác xã mua bán rất mấy thứ vải màu tối, lại phải mua theo tiêu chuẩn tem phiếu. Chị mua ba mét vải đen, cắt may được bộ đồ bà ba, nhưng chiếc áo cộc tay, chưa được hai miếng đầu thừa đuôi thẹo, đem may cho con nhỏ nhà Năm Chinh tấm

áo. Thời buổi gì khan hiếm quá trời. Hồi trước giải phóng, mấy thứ đồ con nít bán thiếu gì, lại đẹp nữa. Mà thôi, mình cũng phải thông cảm cho bên ta, chính quyền mới còn nhiều khó khăn, lo cái ăn cái mặc cho dân đã quá sức rồi. Bà mẹ chúng nó, mấy cái đũa ngoại xâm ấy. Sao cứ lăm le uýnh mình hoài. Vừa thống nhất đất nước cái, tự dưng tòi ra thằng Khơ-me đỏ phía Tây Nam. Nay đã yên yên chút, nên cuộc sống còn khó khăn có gì lạ đâu. Đến cậu Năm Chinh nhà này, đi tập kết về mà tài sản duy nhất có chiếc xe đạp Thống Nhất. Nay về hưu rồi, vẫn chỉ có chiếc xe đó, thêm con vợ xinh đẹp như diễn viên cải lương mà lười thấy mẹ, hổng biết làm thứ gì.

Đó, nhắc Tào Tháo là ổng tới liền. Năm Chinh cồng kênh con gái nhỏ trên cổ, đi vô sân vừa hát, vừa nhún nhảy. *"Ai/ đã từng đi qua / sông Cửu Long giang. Cửu Long giang/ sóng trào nước xoáy. Ai/ đã từng/ nghe tiếng/ Tiểu đoàn. Tiếng/ tiểu đoàn/ ba trăm lẻ bảy... lẻ bảy/ Tiểu đoàn lẻ bảy...!"*. Con nhỏ Quyên túm tóc ba nó, cười hắc hắc.

- Cha con bay sung sướng quá hánh! Vô đây! Vô đây cô Ba biểu!

Con Quyên trần xuống đất, lăm chằm chạy tới, miệng kêu:

- *Chô cha! Chô cha!* (Cô Ba! Cô Ba!).

- Ừa! Vô đây cô Ba thương! Cô cho con chiếc áo mới nè! Chớ mẹ nó đâu?

- Dạ, nó đạp xe đi chích thuốc giùm bà Bảy xóm ngoài, chị Ba!

Năm Chinh hớn hờ nhìn chị Ba Chiến mặc áo mới cho con gái. Hơi chật một chút, nhưng có áo mới là vui rồi. Chị Ba Chiến vuốt mái tóc xoăn khét nắng của cháu, miệng lăm bầm:

- Nồi giống nhà tau thì tau thương, chớ nhìn cái mặt con mẹ nó chịu hết nổi!

Nghe chị gái chê vợ mình, Năm Chinh chỉ biết thở dài. Đã nhiều lần anh giải thích với mọi người trong nhà, rằng cô Thảo vốn là dân sư phạm, trước kia cũng con nhà đài các, vì vậy cổ không biết lao động nặng, chớ "nữ công gia chánh" cũng khá lắm đó. Anh thương vợ nên

gánh giùm mấy việc nặng nhọc, còn việc trong nhà chăm sóc chồng con, không tay cô thì ai làm.

- Nhìn thấy chiều nào cậu cũng gánh nước về cho nó tắm là tau lên ruột! Đồ đờn bà gì quen ngồi trên đầu chồng!

Năm Chinh ngậm tằm. Thôi chấp chi bà chị khó tánh. Cũng tại bả khổ sở đơn thân riết, rồi thấy người khác được chồng quan tâm thì ghét. Anh Tịnh chồng chị, ngày trước cũng cưng vợ lắm chớ bộ. Từ lúc hai người còn tham gia dạy “bình dân học vụ”, tối nào cũng xách đèn thầu đi xóm trong, xóm ngoài, hện hò yêu đương miết. Hồi Cách mạng Tháng Tám năm bốn lăm, chính quyền mới bắt buộc nông dân, thợ thuyền xóa mù chữ, giáo viên thiếu rất nhiều. Chị Ba Chiến đã học qua lớp nào đâu. Chẳng qua thời Pháp, có cha là người có bằng sơ học yếu lược, ở nhà kèm cặp cho nên biết đọc, biết viết, rồi gặp may được Ty Bình dân học vụ tỉnh chọn làm giáo viên. Cả Năm Chinh cũng đọc thông viết thạo từ năm bảy, tám tuổi, là do cha dạy cho. Anh Tịnh cùng đi tập kết với Năm Chinh, nhưng bên ngạch hành chánh. Anh mới cưới chị Ba Chiến được nửa năm, chưa vướng bận con cái gì. Hồi đó, người đi kẻ ở lưu luyến không rời, nhưng họ động viên nhau, ráng chờ hai năm sau là sum họp. Hiệp định *Giơ-neo* nói rõ vậy, mình phải an tâm. Ai ngờ chính quyền Ngô Đình Diệm phá hiệp định, thời hạn hai năm đó kéo dài gần hai mươi năm. Chị Ba Chiến một dạ chờ chồng đúng mười chín năm. Mãi tới năm một chín bảy ba, có người tập kết ngoài đó trở lại chiến trường Khu Năm, gặp chị mới cho hay anh Tịnh có vợ ngoài Bắc, con cái đùm đề rồi. Đang hoạt động bí mật, chị Ba giận chồng lắm nhưng biết làm sao. Hồng lẽ gào thét, chửi rửa thứ đàn ông bạc tình, ai nghe cho mình. Năm đó chị tròn bốn mươi tuổi, nghe lời khuyên của bạn bè và má chồng, nên kiếm đứa con mà nuôi, đừng chờ nữa, mai mốt già còn có chỗ mà nương tựa. Chị tìm được một anh cán bộ cùng huyện, thẳng thắn đề nghị:

- Tui muốn một đứa con để sau này nhờ vả. Anh giúp được hông? Mọi chuyện sẽ hết sức bí mật! Tui hoàn toàn chịu trách nhiệm về đề

ngiht này.

Chị sinh thắg con trai, đặt tên nó là Nguyễn Thống Nhất. Chỉ đau nỗi là thắg nhỏ mới ba, bốn tuổi thì bị té, gãy chân, giờ đi cà lết. Nay thấy em trai cõg đũa con nhỏ về xin ở nhờ, chị Ba Chiến vui lắm, nhưng lại ghét con vợ nó. Nghe nó kể lại, thì gia đình con Thảo cũng là thứ dữ ngoài Bắc, di cư vô Nam hồi năm tư. Nó lại là người Mường, mà gái Mường chắc rành ba thứ bùa ngải, hèn chị thắg Năm Chinh làm thí xác vì vợ.

Danh “cán gáo” chạy chiếc xe *honda* đậm màu rêu còn khá mới, tiếng xe nổ tanh tanh dễ chịu. Vừa dựng xe, đã lớn họng la:

- Chị Ba lo cho tui với thắg quý nè bữa nhậu đi! Rau đậu gì cũng đượ!

Ba Chiến thấy chủ tịch xã tới nhà thì mừng:

- Vô uống nước với thắg Chinh đi! Để chị lo mời. Hổng có gà vịt, cứ bánh trắg bột mì như hồi năm là đượ hánh?

Năm Chinh đỡ bi đông rượu móp méo bạn đũa cho, hít hà:

- Rượu Bàu Đá hả? Tưởng Nhà nước cấm nấu rồi?

- Chu cha! Tau có mối mầy ời! Cấm đâu chớ chiến hữu lâu ngày gặp nhau không nên cấm.

Danh “cán gáo” lết ngay xuống sàn nước, lật rau sống với chị Ba Chiến.

- Chị Ba kiểm mớ tép bạc, nấu bậy lên cuốn bánh trắg là ngon rồi! Trờ ời! Hồi năm đó, hông có chị với má ngồi trên nóc hầm bí mật cuốn bánh trắg cho ăn, tui với anh Bảy bí thơ chết đói rồi.

Nhắc lại chuyện cũ, chị Ba Chiến cũng ngạc nhiên không hiểu hồi đó hai má con sao gan cùng mình. Thắg Danh với anh Bảy bí thơ xã vừa về nằm hầm trong nhà chị tối hôm trước, thì sáng hôm sau giấc bố càn. Một nhóm bảo an đoàn cấm chốt nằm lì ngay vườn mía trước nhà. Chị Ba Chiến lo quá, mặt mũi tái mét. Má bình tĩnh hơn, rỉ tai con gái:

- Cái giống gì mà mặt xanh lét vậy! Coi chừng tui nó phát hiện nhen!

Cứ đi rầy cỏ mì như thường ngày, mọi chuyện để má lo!

Chiều chị đi rầy cỏ về, thấy má trái chiếu ngồi ngay trên miệng hầm bí mật với mâm bánh tráng tổ trắng, cùng nồi tép bạc kho ớt, rổ rau sống đủ loại.

- Vô tắm rửa lên còn ăn tối con ơi! Bữa nay cho bay ăn bánh tráng cuốn cá cơm hánh!

Một thằng bảo an lột chiếc nón kết giắt lên cầu vai, nghênh ngang cây súng bước tới, ngó vô cái mẹt đầy rau. Bà già xởi lời:

- Ăn bánh tráng hông chú? Bánh bột mì ngon lắm đó! Tui cuốn mời chú một chiếc hánh!

Thằng lính cười cười, lảng đi.

Dưới hầm, qua lỗ thông hơi Danh và anh Bảy bí thơ nghe rõ tiếng bọn lính cười nói phía trên, cố ghìm cơn lo lắng trong lòng. Suốt từ trưa ngày hôm trước đến giờ, chưa ai được hột cơm, củ mì vô bụng. Cơn đói và nỗi lo lắng làm hàm răng đánh lộp cộp. Danh ngồi gần lỗ thông hơi, ghé sát tai nghe ngóng. Bỗng giật mình vì có vật gì ướt nhẹp rơi trúng vai. Giơ tay sờ, anh phát hiện đó là chiếc bánh tráng cuốn còn lòng thòng mấy cọng rau, hành.

- Anh Bảy! Có bánh tráng ăn rồi!

Lại một chiếc bánh nữa rớt xuống đất. Danh lượm lên, thổi phù rồi nhai ngon lành. Vụ tiếp tế đồ ăn có một không hai này là do bà má nghĩ ra. Danh vội cởi áo, trải xuống đất ngay dưới lỗ thông hơi. Bánh tráng thi thoảng lại rớt xuống cái đập. Bên trên hai má con chị Ba vừa ăn vừa chuyện rôm rả. Ba Chiến hết cả sợ, cười khanh khách, làm mấy thằng bảo an ngạc nhiên thao láo con mắt dòm vô.

Danh “cán gáo” vừa nhai bánh tráng, vừa kể cho Năm Chinh câu chuyện cách đó hai chục năm. Vậy mà hồi đó, lên tàu thủy ra Bắc rồi, đơn vị ai cũng bàn tán chuyện thằng Danh bỏ trốn không tập kết, ở lại với con bồ bán hủ tiếu ngoài chợ Phú Phong.

- Cắp trên điều tau ở lại nằm vùng, chớ đi tập kết hết, tụi địch phá nát

cơ sở sao!

Chuyện đau lòng xảy ra sau đó, khi anh Bảy đi công tác, bị địch phục kích bắn chết. Bên cạnh xác anh là con rựa mang theo. Cây rựa đó là của nhà Ba Chiến. Một người hàng xóm vô tình nhận ra cây rựa, vì bà má Ba Chiến hay nhờ ông mài. Vậy là hai mẹ con lập tức bị chúng hốt lên đồn. Vừa bị ném vô căn phòng đầy rác và nặng mùi khai nước tiểu, bà già đã bị một trận mưa gậy ma trắc tơi tả, toét đầu chảy máu.

- Nói! Bà đưa cây rựa cho đứa nào? Phải đồng đội của thằng Chinh hông?

Bà già cắn răng chịu đau, chỉ hét lên khi cây ma trắc đập vô vai con gái:

- Rựa tui gài ở bếp, ai vô lấy mà hông được! Mấy ông ức hiếp đồn bà, con nít quá lắm!

- Bà nói chớ hông nghe được! Sao thằng đó hông vô bếp nhà người khác, lại vô nhà bà? Thằng con trai bà đi tập kết phải hông?

- Đi kiếm nó mà hỏi! Nó nhảy núi với mấy ông cách mạng, giờ nó đi đâu làm sao tui biết!

Đánh bà già một chập, mấy thằng lính khép cửa phòng bước ra. Bà già giậm chân, đánh mắt cho con gái về phía cửa. Ba Chiến hiểu ý mẹ nhắc hãy trốn đi, tìm mấy chú mấy anh báo cáo. Cô đã mười bảy tuổi, cơ thể nở nang trở mã xinh đẹp, lỡ tụi lính làm ẩu, hãm hiếp thì khổ. Thấy má giậm chân lần nữa, Ba Chiến liều mạng hé cửa phòng lách ra. Cô thấy có một cửa sổ trống hướng ra phía nhà bếp của đồn, bức tường thấp đổ bóng mờ tối. Đã gần sáu giờ chiều, bóng trời chạng vạng, gió thổi ràn rạt. Cô nép mình theo bức tường, rảo bước ra phía cổng đồn. Một bóng người bước trong bụi cây ra ngay trước mặt làm cô chết sững. Thằng lính trẻ vừa gài nút quần, vừa ngạc nhiên nhìn cô gái:

- Ủa! Cô em ở đâu ra vậy?

- Dạ! Em xin ra ngoài mua cho má ổ bánh mì. Anh Hai bữa nay gác hả! Mai mốt rảnh ghé nhà em chơi hánh!

Thằng lính chắc cũng chỉ mười bảy, mười tám cỡ tuổi Ba Chiến. Nó cười tí mắt:

- Nhà cô em ở chỗ nào?

- Người đẹp trai mà hay mau quên, bữa hôm anh có ghé nhà em ăn bánh trắng mà.

- Nhớ nha! Chủ nhật anh ghé nha!

Ra khỏi đồn, Ba Chiến chạy một mạch như ma đuổi. Sao mà hên quá, gặp thằng lính con nít. Đường làng trải đầy cát, ngập tới mắt cá chân. Những bước chân bị cát trì nứu lại, rã rời làm Ba Chiến khóc nức nở. Cô muốn gào lên gọi má, gọi dì Hai mà không dám. Giờ này không biết tình hình ra sao, phải ráng chạy tới nhà dì, đón con Bảy em gái đang ở đó, trốn sang Cát Lâm với cậu Chín. Chậm chút nào nguy hiểm chút đó.

Ba ngày sau, lính đồn gọi người nhà lên đưa má về. Bà già người mềm oặt, nhàu nhĩ như đám giẻ rách. Dì Hai thương em quá, vừa khóc vừa chửi tụi lính đồn. Bán một cặp heo thịt, dì Hai chạy mua thuốc về phục cho em, nhưng không kịp. Một tuần sau thì má mất, Ba Chiến cho con Bảy về chịu tang má, còn mình thì tránh mặt. Hôm đám tang, người làng nói có mấy thằng mật vụ lảng vảng đi theo tận ngoài huyết mộ.

Chiếc sàng cũ, từng cộng nan nâu bóng làm nền cho đám rau sống tập tàng hái ngoài vườn vô. Chị Ba Chiến đặt chiếc sàng xuống manh chiếu rách, thêm thau nước giếng và xấp bánh trắng mỏng. Món ăn này đúng ra phải cầu kì lắm, có đậu, có thịt, bánh trắng nướng đi kèm. Chị Ba chỉ có một ơ tép bạc kho ớt, nước đặc quánh nồng cay. Danh “cán gáo” lạnh tay nhúng nước, cuộn bánh, đôi mắt anh ngầu đỏ, rịn ra khoe mắt một nửa giọt lệ đùng đục. Mới đó mà đã ba chục năm rồi, từ buổi chiều anh trải áo dưới hầm bí mật, đón từng chiếc bánh cuốn thiệt chặt, thiệt kỹ của má, của chị Ba thả xuống. Giờ thì người còn, người mất. Anh Bảy bí thơ hai năm sau hy sinh ở Bồng Sơn. Má già thì bị địch tra tấn đến chết. Bản thân Danh cũng bị bắt dìm Tết Mậu Thân, bị đưa tuốt ra Côn Đảo, tưởng bỏ xác ngoài biển. Mãi năm bảy lăm mới được giải

phóng khỏi lao tù, về địa phương. Mấy năm nay nhận kiêm cả hai chức Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch xã Cát Sơn, thấy oải quá.

- Vô mầy! Anh em, đồng đội lớp chết, lớp đi hông về, còn gặp được nhau vậy là mừng rồi! Mầy về xã, tham gia công tác phụ tau hánh! Tau thiếu người quá.

Năm Chinh nheo mắt nhìn thẳng bạn chiến đấu. Nó vẫn dẻo miệng y chang hồi còn làm tiểu đội phó bộ đội địa phương. Cái thứ rượu Bàu Đá này, lâu lâu mới vô một lần, cháy hầu cháy họng. Ủa! Công tác thì tao làm được, cũng quản lý miết chớ đâu. Chỉ sợ về quê, dân gian phức tạp, đủ mọi thành phần, khó nói cho xuôi.

- Thôi để tau ổn định chỗ ở cho má con sắp nhỏ đã, rồi tính.

Năm Danh khất bạn.

Vừa lúc đó thấy con nhỏ Quyên reo lên:

- Má dề! Má dề!

Chị Thảo dựng xe, giơ tay đón con gái, lấy trong giỏ xách ra gói lá chuối khô, đưa cho con:

- Kẹo này con! Con gái ngoan của mẹ!

Danh “cán gáo” sững người. Vợ thằng Năm Chinh đây sao! Đẹp dữ má ơi! Chị Thảo người cao ráo, thon thả, mái tóc dài kẹp sau lưng buông tới hông. Nụ cười tươi với môi hồng, răng trắng thiệt khác lạ so với chị em nhà quê. Đôi chân mày cong vút và cặp mắt sáng hiền hậu chứng tỏ người này tử tế, lương thiện. Chị cắp con nhỏ bước tới chào khách, rồi nựng con:

- Ờ ờ! Con gái chờ mẹ một tí, mẹ phụ cô Ba dọn cơm cho con ăn nhá!

Danh gật đầu:

- Chào thím Năm! Chớ đi chợ về mua quà gì cho con dặng?

- Dạ! Kẹo cà anh ơi! Chợ quê mình có thứ quà gì khác ngoài kẹo cà với bánh dúc đâu ạ!

- Ủa! Trước kia thì đủ thứ đó, nhưng mấy năm nay kinh tế khó khăn, không được như ngoài Quy Nhơn.

- Dạ! Em biết mà anh! Mời hai anh ăn cơm ạ! Ăn cơm thôi Thống Nhất ơi!

Một thằng nhỏ chừng mười tuổi, chân đi cà lết, tay cầm cuốn truyện tranh từ trong nhà bước ra. Nó giương mắt nhìn hai người đàn ông, không thềm thưa hỏi chi hết, ngồi phệt xuống bên mâm cơm.

- Lại cơm độn mì hả?

Thằng nhỏ nhăn nhó nhìn mâm cơm. Một rổ rau muống luộc to chà bá, một chén tép kho lỏng bống vừa cái vừa nước. Chỉ có vậy thôi. Chị Ba Chiến thủng thẳng:

- Có vậy thôi đó! Hông ăn thì nhịn! Muốn ăn ngon thì vô Sài Gòn!

Năm Danh lén nhìn vợ. Chị Thảo cúi đầu xuống chén cơm độn, nhắm nháp. Con Quyên vẫn cầm miếng kẹo cà, một thứ kẹo nấu bằng mật mía với đậu phụng, được lót bằng bột mì khô chống ướt. Năm Danh xót ruột vì biết vợ không ăn được cơm độn. Lại càng không thích ăn các loại cá. Thảo chỉ hợp với thịt heo kho tàu, thịt gà rang nấu lá giang hoặc bò xào hành tây, mà mấy thứ đó ở nhà quê này kiếm đồ mất không ra.

Khi Danh “cán gáo” ngà ngà rượu, bỏ đi kiếm cà phê uống, Năm Danh mới dám nói với chị gái:

- Chị Ba nấu cơm độn ít mì thôi, cho vợ tui ăn với. Nó đang có bầu đứa thứ hai đó.

- Cậu làm vua làm tướng ở đâu? Ở quê thì ăn theo lối nhà quê chứ. Gạo ở đâu mà ăn cho dữ?

- Tiêu chuẩn của tui mỗi tháng mười ba ký gạo. Chị làm ơn nấu nhiều cơm hơn mì giùm chút, cho mẹ con nó sống với.

- Hả! Mầy tính toán với cả tau hả thằng Năm? Đã vậy cút cha tui bay đi hết cho tau nhờ! - Chị Ba Chiến giận dữ chửi một hồi. Nó là cái thằng không biết phải quấy. Trước kia chị từng nói, hên là thằng Năm đi tập kết, chứ ở lại trong này, không biết nó làm những chuyện trời gầm gì nữa. Nó bỏ xứ đi mấy chục năm nay, giờ về còn không biết thương chị, cứ bình chăm chặp cái thứ đàn bà của ngụ quân bỏ lại. Đẹp thì có mài

ra mà ăn được không?

- Thôi, bay có gạo tiêu chuẩn hằng tháng rồi, sống ở đâu cũng được. Làm ơn đừng làm phiền tau nữa! Tau mẹ góa con cô, cực lắm rồi.

Năm Chinh nghe chị gái chửi thì tự ái. Bả nói vậy mà nghe được. Anh tập kết ra Bắc, rồi về lại quê hương, làm công tác đầu tắt mặt tối chớ bộ đi du lịch ha. “Mà kì ghen! Giờ giải phóng rồi, hòa hợp hòa giải dân tộc rồi, sao cứ quân nó, quân mình hoài. Các người còn ích kỷ, hận thù tới bao giờ? Cổ không chồng, tui không vợ, cưới nhau có gì sai hả?”. Anh giận cảnh hông, dùng dùng dắt vợ con đi chỗ khác.

- Giờ bay tính lôi con nhỏ đi đâu? - Chị Ba Chiến đã nguôi giận, ôm con Quyên vô lòng, vuốt ve.

- Tui qua vợ chồng con Bảy ở nhờ!

Nghe Năm Chinh nói vậy, chị cười khẩy:

- Bay ở được với con Bảy mới sợ! Tau là chị gái còn hông chịu thấu hưởng chi con Thảo là chị dâu!

Nhưng Năm Chinh giận chị gái gọi vợ là đồ người ta bỏ đi, ngay chiều đó chạy qua hỏi vợ chồng cô Bảy ở nhờ ít tháng, chờ xin đất cất nhà riêng. Hôm sau thì cả nhà dắt díu dọn đi, tài sản cũng chỉ có chiếc rương gỗ chất lên trên xe đạp.

Chị Ba Chiến nói không sai. Vợ chồng Năm Chinh ở nhờ nhà em gái không trọn một tuần. Một đêm, Năm Chinh nằm võng nhà trên dò xuống giường vợ con ngủ dưới bếp. Vợ chồng đang thì thầm bàn chuyện cất nhà, thì em rể dựng ghế rầm rầm, chửi:

- Mấy người thích chơi nhau, đi chỗ khác hánh! Đừng có làm ở đây thêm cản đẫn, xui xẻo nhà tui.

Sau đó nhờ Chủ tịch xã Phan Thành Danh can thiệp, họ mới có được miếng đất cất nhà. Chỉ một ngày chủ nhật, các thành viên đoàn thể thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh đi cắt tranh, chặt cây dựng cho vợ chồng Năm Chinh căn nhà nhỏ.

Bình trà đã thay ba lần nước, ông Năm Chinh đã vác bốn bao cỏ mang

vô chuồng dê. Bây giờ trời có mưa tới hai ngày cũng được. Bà Thảo chân quần thấp, chân quần cao, lại đem ra rổ mì gòn vừa luộc. Những khúc mì trắng tươi, chỉ nhỉnh hơn ngón chân cái một chút, bỏ và thơm. Năm Chinh ra vòi nước, rửa qua loa bàn tay rồi sà ngay vô bàn.

- Cho miếng muối mè nữa mình ơi! Chu cha! Ngon quá!

Bà Thảo để chén muối xuống, rồi đứng phía sau nhẹ tay đấm lưng cho chồng.

- Con Quyên nhẩn về, tháng sau nó thi trả môn, ba gởi thêm tiền cho nó. Chắc phải tới hai triệu rưỡi.

Ông Năm bị nghẹn củ mì, rướn cổ lên cổ nuốt. Bàn tay chỉ chỉ ra phía chuồng dê. Bà gật đầu. Có mấy con dê thịt bán được rồi. Lại còn tiền học cho con Trinh nữa. Tháng tới khai giảng rồi, năm nay nó vô lớp mười chắc cũng đóng bộn tiền. Năm Chinh vẫn sì sụp ăn mì, tay vỗ vỗ vô ngực. Bà hiểu ông muốn nhắc tới số lương hưu tháng này, phải tiết kiệm lại đừng lo cho con Trinh.

Tiếng dê be be vọng lại. Ông Năm Chinh đứng dậy, vói tay đấm sau lưng rồi lật đật bước đi. Chỉ có ông mới hiểu được lũ dê kêu gọi điều gì.

Nhóm học thêm tiếng Anh của bà Thảo có khoảng năm đến bảy đứa trẻ nhỏ. Toàn mấy đứa lớp năm, sáu, bảy, lại con nhà nông dân trong thôn. Bà Thảo không phải giáo viên, nhưng trước năm 1975 có học tiếng Anh, Đại học Văn khoa Sài Gòn. Hơn ba chục năm trước, bà được chồng xin vô dạy hợp đồng môn tiếng Anh ở một trường tiểu học ở Quy Nhơn. Coi như có chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy. Bà nhận kèm thêm mấy đứa trẻ, cho đỡ nhớ nghề cũ và thêm đồng tiền chợ. Cái tình vun quén của phụ nữ Bắc bao giờ cũng vậy. Lúc nào cũng thấy thiếu. Đã có hơn sáu triệu tiền hưu của ông mỗi tháng, nhà lại nuôi thêm dê, bò, heo gà, vườn trồng mấy sào điều, mì, đậu đỗ mùa nào thức nấy. Hai ông bà già đừng ốm đau thì tiền xài bao giờ cho hết. Bà nghĩ mình còn sức thì cứ làm. Tiền bạc có bao giờ thừa. Không xài hết thì phụ con cháu. Như thằng Thành con riêng của bà ngoài Quảng, vợ đẻ, con bệnh gì cũng điện vô xin tiền mẹ.

Chiều nay có thêm một trò lớp ba nữa. Má nó là một cô gái còn khá trẻ, dạy trường mẫu giáo.

- Thím Năm cho con gọi cháu với! Cháu rất cần học thêm về Anh ngữ!

Con bé cười xởi lởi thấy cũng dễ mến, kẹt cái nhà bà nhỏ quá, bàn ghế cũng chật chội cả rồi.

- Cô thì chẳng tiếc gì đâu, nhưng mẹ bay xem có hai cái bàn thì bảy đứa chen nhau ngồi rồi...

- Dạ hông sao mà thím Năm. Ráng thu xếp giùm con. Hay để con chạy ra mua thêm cho cháu nó chiếc ghế nhựa được hông?

- Thôi! Con cháu nó ham học thì mình ráng một tí. Cũng thêm mấy đồng cho ông già uống sữa - Bà Thảo vội vàng dõn chỗ, chừa cho con nhỏ mới tới một góc ghế.

- Con cháu nhà ai mà siêng học vậy? Ở thôn nào thím biết không?

- Dạ! Con là dâu nhà ông Bảy Liên bên Thuận Hòa đó thím.

Bà Thảo buột miệng kêu à à ngạc nhiên:

- Là cháu nội Bảy Liên hả? Hồi ông Năm nhà tôi làm chủ tịch cự chiến binh xã, Bảy Liên là phó chủ tịch xã, phụ trách công an. Nhớ rồi! Nhớ rồi! Trời ơi! Ông già chồng bay ngày xưa cũng nguyên tắc dữ lắm đó.

Bà Thảo hả hê trong bụng: “Hừ! Ngày trước ông bắt hành bắt tội tôi miết, giờ con cháu ông cũng phải lụy tôi rồi. Hồi tôi mới chân ướt, chân ráo theo chồng về đây, chẳng phải ông là người tung cái nghi vấn: “Con vợ Năm Chinh là nhân viên biệt đội Thiên Nga địch gài lại” sao? Mấy ông chưa chắc rành mấy con Thiên Nga bằng tôi đâu. Tôi còn có đứa bạn làm trong biệt đội đó, một tổ chức nữ chiến binh ngầm do CIA đào tạo. Nó đẹp mê hồn, đến phụ nữ còn mê hướng chi đàn ông. Nó từng tâm sự, đằng sau cái vinh quang ảo là nỗi nhục nhã thật. Nó đã bán cả tâm hồn lẫn thể xác cho quỷ dữ, đã từng nặng trĩu mặc cảm tội lỗi với chồng con, khi phải trao thân xác cho hàng tá đàn ông, cả bên này lẫn bên kia. Tôi kinh tởm cái đội quân nữ đó, nên các ông nghi ngờ tôi là Thiên Nga gài lại, thật không phải chút nào. Tôi thích đi học, đọc sách, chơi đàn ghi ta. Tôi yêu nghề giáo. Vậy thôi!”.

Người nhiều chữ quá cũng khổ! Nhất là phụ nữ. Mà bà Thảo từng học Đại học Văn khoa Sài Gòn, từng dạy tiếng Anh bậc tiểu học. Ông Năm Chinh cũng từng học Đại học Xây dựng ngoài Hà Nội. Hai vợ chồng chữ nghĩa đầy mình về vùng quê bán sơn địa này, là sự hiếm. Bà con thường nhờ vả họ viết giùm lá đơn xin giấy đi đường, đơn xin giết mổ con heo làm đám cưới, đơn nhờ ủy ban xã can thiệp việc tranh chấp giữa nhà này nhà kia. Thậm chí có người còn nhờ viết lên tờ đăng ký khai sinh cho con họ. Ông Năm chữ xấu hơn vợ, nên toàn dúm ba thứ đơn từ cho bà. Bà viết đơn giùm người ta hoài, thì đến tai cán bộ xã. Có thằng Ba Thoại trước làm nghề buôn cá ngoài biển, đâu cũng tham gia cách mạng

hồi mới giải phóng, những đối tượng mà bà con thường gọi là dân “ba mươi tháng tư”, vì khi Quân giải phóng vô địa phương những ngày cuối tháng tư năm bảy lăm, bọn họ thừa cơ hòa theo, cũng lu bu việc dọn dẹp, chuẩn bị cho quân quản, chạy loong toong đưa bộ đội đi chỗ này, chỗ kia, giục dân ấp này treo cờ Giải phóng nửa xanh nửa đỏ, hối dân thôn nọ kẻ khẩu hiệu chào mừng chính quyền mới. Đại loại như vậy. Ba Thoại sau giải phóng, đi đâu cũng lu loa mình là dân cách mạng thứ thiệt, bám chân Bảy Liên làm đủ trò mèo trong xã. Hắn thường la cà mọi nơi, nghe xem nhà nào phát ngôn có ý “phản động” chống chính quyền mới. Ai không chấp hành triệt để chính sách của Nhà nước cách mạng, còn nấu rượu lậu, lãng phí lương thực. Có lần Ba Thoại chạy về trụ sở công an xã, thì thăm vô tai Bảy Liên:

- Nhà Hai Nghĩa ở thôn Bầu Cua làm giỗ lãng phí quá đi anh Bảy! Em trèo lên cành mít dòm xuống, thấy nhà nó giết tới hai con gà với ba con vịt xiêm.

Bảy Liên khó chịu:

- Mấy chuyện đó kệ cha người ta! Chú cũng soi kỹ quá. Thấy nhà nào nấu rượu hay buôn lậu lương thực thì hãy báo!

- Dạ!

Lần sau, Ba Thoại không vô trụ sở mà tới thẳng nhà Bảy Liên.

- Vợ thằng cha Năm Chinh đó anh, con mẹ chắc là nhân viên “biệt đội Thiên Nga” gài lại. Thấy nó toàn viết đơn mượn cho người ta, mà chữ đẹp lắm đó anh Bảy!

Bảy Liên cũng có lòng ngờ vực. Năm Chinh vừa ốm vừa đen, sao cưới cô vợ chân dài đẹp dữ vậy? Bọn giặc cái trong “biệt đội Thiên Nga” của chính quyền Sài Gòn cũ, trước cũng tuyển toàn những cô chân dài, xinh đẹp, có học. Có khi nào cô Thảo cũng là “Thiên Nga”? Một buổi Bảy Liên cho một nhân viên cùng xuống nhà cô Thảo điều tra. Hôm đó họ biết Năm Chinh phải vô rừng chặt rế trâu, chắc hai ngày sau mới về. Chưa kịp uống ly nước trà cô Thảo mời, Bảy Liên đã hắng giọng hỏi:

- Tui hỏi thêm chút! Chớ chị có phải Bùi Thị Thảo hông? Quê ở đâu?

- Dạ... Trong giấy tờ hộ khẩu chồng tôi trình công an xã, có ghi rõ ràng mà anh Bảy?

Bảy Liên hơi sượng mặt, nhưng vẫn hỏi tiếp:

- Tui biết rồi, chỉ muốn kiểm tra lại! Mà tại sao chị lại biết chữ? Chị học chữ ở đâu?

Cô Thảo hơi lo lắng. Tại sao trưởng công an lại hỏi những điều này? Có phải họ biết gì về đời tư của cô rồi không?

- Dạ...! Tôi học Đại học Văn khoa trước năm bảy lăm đó thưa anh!

Bảy Liên giật mình: “Hèn chi con mề viết đơn đâu vô đó”.

- Tui nhắc chị, hông được tự động viết đơn từ cho bất cứ ai!

- Dạ...!

- Ai cần đơn từ, lên xã có bộ phận văn thư người ta viết cho. Chị hông được phép, nghe chưa?

- Dạ! Tôi biết rồi ạ!

Bữa sau Năm Chinh từ trong rừng ra. Gánh rế mang nặng trĩu trên lưng áo quân phục bạc màu, đầm mồ hôi, cái chân đi cà nhấc. Chị Thảo chạy từ trong bếp ra đón chồng, miệng lo lắng:

- Chân ba bị sao vậy?

- Gai chứ sao! Mình lẽ giùm tui mấy cái gai đi.

Tắm sơ qua Năm Chinh thích thú ngả lưng trên chiếc võng trăn. Chị Thảo bắc ghế ngồi cạnh, kéo chân chồng gác lên đùi mình. Bàn chân rộng bè, những ngón vuông vức xòe ra, ngang ngạnh. Chị xuýt xoa khi thấy dưới lòng bàn chân chồng, mấy nốt sừng tấy do gai rừng đâm phải. Vết gai găng đã nấu mủ trắng, vết gai ửng tấy đỏ, vết gai mắc cỡ nhỏ hơn nhìn rõ cả đầu gai đen đen. Năm Chinh nhắm mắt, chịu đau cho vợ dùng kim băng lẽ từng đầu gai, miệng rên rĩ:

- Nước mủ, nước máu hay là nước vàng mình ơi?

- Nước gì cũng có hết! Đây! Đầu gai chui ra rồi nè! Ba coi nó là nước gì!

Năm Chinh cố nén đau, vươn tay sờ rầm vết gai, quệt thứ nước chảy ra đưa lên mũi ngửi, rồi chùi lên vách tường đất, lấm bầm:

- Nước mủ rồi...

Chị Thảo xoa nắn bóp chân chồng, nắn nỉ:

- Lần sau vô rừng, ba mang dép nhé! Có đôi dép cao su cất trong rương làm gì chứ?

- Dép còn tốt! Đi rừng miết hư mất, lúc ra phố, đi họp lấy gì mang...

- Ba tiếc đôi dép hơn chân mình hả? Lần sau ba đi chân chim vô rừng, em chặt đôi dép vứt xuống nương nước.

Năm Chinh vội nắm lấy cánh tay vợ, giật giật:

- Mình đừng làm vậy! Tui mang! Tui mang!

Chị làm bộ chột nhớ ra:

- Ba ơi! Bảy Liên bên công an hôm qua tới nhà hạch sách em về lý lịch cá nhân. Còn hỏi tại sao em biết chữ nữa đó. Liệu họ có biết em là dân Bắc di cư, từng có chồng là sĩ quan chế độ cũ không?

Năm Chinh ngồi bật dậy:

- Bảy Liên hả? Bữa tui đi họp cự chiến binh, thấy thằng Ba Thoại rì rầm to nhỏ với trưởng công an rồi. Để tui lên tận nơi nói chuyện phải quấy coi.

Con nhỏ Quyên bung chén cơm ngồi dưới đất hóng lên, chờ ba mẹ giục ăn cơm mà không thấy ai nói gì, nó bắt đầu hức hức, khóc. Mọi bữa, chị Thảo thường nói:

- Cưng của mẹ ăn cơm đi!

Nó cầm muỗng lên miệng leo leo:

- Mời ba ăn cơm!

Năm Chinh nựng con:

- Ờ! Ăn cơm đi ba thương!

Bữa nay có cá thu kho rất ngon mà con nhỏ chưa chịu ăn. Ngược đôi mắt đen có cặp chân mày xé giống mẹ, bé Quyên ỉ ỏi:

- Ba hông thương con! Hích hích! Ba không thương con...

Cái đầu đang nóng bừng bừng vì vụ Bảy Liên, Năm Chinh khùng lên chụp một cây củ mì, quất vô đít con ba cái liền. Con nhỏ mở tròn mắt nhìn ba ngạc nhiên, rồi sợ hãi khóc thét. Sao ba ướnh con? Ba cưng con nhứt mà? Ánh mắt con nhỏ đầy câu hỏi. Chị Thảo giật lấy cây củ mì từ tay chồng:

- Thôi ba bớt nóng, lần sau con nó sẽ ngoan. - Chị nhăn mặt, lo lắng. Ông chồng nóng tính quá hư việc hết. Chị cũng tự hiểu mình không làm gì sai pháp luật. Nhưng ở nơi thôn quê này, người ta còn quá nặng nề về lý lịch, thì giấu được điều gì hay điều đó.

Chiều thứ hai, Năm Chinh bận bộ quân phục cũ, đầu đội nón cối, chân đi dép cao su, đạp xe lên xã. Bảy Liên còn ngồi quán cà phê ngoài cổng ủy ban, thấy Năm Chinh thì ngoắc tay:

- Anh Năm! Về rồi hả! Vô cà phê đã!

Vừa ngồi xuống ghế, Năm Chinh hỏi luôn:

- Bữa qua xuống nhà tui chi vậy?

- Chu cha! Ngày nghỉ đi thăm anh hông được ha?

- Chú hỏi vợ tui mấy thứ chi chi đó. Tui có mang lên đây nè. Sơ yếu lý lịch đây. Gia đình di cư vô Nam năm bả còn trong bụng mẹ. Là cô giáo dạy tiểu học chế độ cũ. Trước khi về đây có dạy tiểu học ngoài Quy Nhơn. Đây là giấy đăng ký kết hôn của tui với bả do Ủy ban phường Lê Hồng Phong cấp.

Bảy Liên xua tay:

- Thâu, thâu¹! Cất đi ông nậu²! Giở mấy thứ đó ra đây làm chi! Tưởng bữa nay anh lên nhận chức chủ tịch cự chiến binh, chớ lên để kiểm chuyện với tui hả?

¹ *Thôi, thôi.*

² *Ông nậu.*

Thấy hấn quỳnh lên xỏ một tràng tiếng nẫu, Năm Chinh phì cười, nghĩ: “Cứ tưởng mang chức trưởng công an ra khè được tau hả”. Còn vụ lãnh chức chủ tịch cự chiến binh, Danh “cán gáo” đã nói nhỏ với ông từ

lâu. “Có chủ trương của Nhà nước cho thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Xã mình tui nhắm chưa được ai, hay Năm Chinh giúp vụ này đi”. Hôm nay tiện ghé hỏi coi sao. Cũng định không làm gì hết, nhưng thấy vợ mình bị ăn hiếp, ông thay đổi ý định. Vậy mình cũng chủ tịch cho tui nó ớn.

Có một điều bí mật, Năm Chinh không muốn cho ai biết. Không phải vì sợ mà vì thương vợ, không muốn chị Thảo bị tẩy chay, đổ kỵ. Trước khi tới với ông, chị Thảo đã có một đời chồng và hai đứa con. Thấy Thảo xinh đẹp ngoan ngoãn, ông yêu mê mẩn mà không tò mò hỏi đời tư làm gì. Mãi khi đám cưới xong, chị mới thú thực chồng trước từng là trung úy quân đội Sài Gòn, chết trận cuối năm 1974. Ông hơi đặng đót trong lòng, nhưng rồi bỏ qua.

Tháng 10 năm 1976, chỉ năm rưỡi sau giải phóng, Năm Chinh hồi hương, chuyển công tác từ Hà Nội về Bình Định, phụ trách cung đường sắt Diêu Trì. Trong căn phòng nhỏ ở khu nhà tập thể, chỉ trơ một chiếc rương gỗ đựng quần áo và giấy tờ quan trọng. Chiếc đài bán dẫn hiệu Panasonic vỏ da nâu để ngay ngắn đầu giường nằm. Chiếc quạt tai voi cũ để trên bàn làm việc. Chiếc xe đạp *Thống Nhất* lúc nào cũng lau chùi bóng loáng, dựng cạnh cửa sổ. Có một điều mà ông trăn trở nhất là đứa con gái, nó đã lớn và biết suy nghĩ. Ông không thể bỏ mặc con lại sống thiếu sự quan tâm của cha được nên mới phải dắt con theo rồi gửi trong ký túc xá Đại học Quy Nhơn. Minh Tuyết là đứa con gái đầu lòng, một cô gái đẹp, đầy cá tính. Sau khi ba mẹ ra tòa chia tay, cô theo ba về quê nội. Cuộc sống ở Quy Nhơn không ồn ào như Hà Nội, nhưng cũng thật đáng sống. Cô sinh viên ngữ văn rất mê biển và muốn được tự do trong ký túc xá. Cô không thích cảnh đông người ở cơ quan ba. Minh Tuyết giấu nỗi buồn vào lòng, vì không hiểu nổi tại sao ba mẹ lại ly hôn? Dù mẹ là một hoa hậu, thì cuộc sống ở Quy Nhơn cũng phù hợp mà.

Năm Chinh trở lại cuộc sống đơn thân. Lâu lâu, dịp cuối tuần, con Minh Tuyết về với ba một ngày, hì hụi nấu nướng, tìm mồi cho ba và

mấy chú nhậu lai rai, tối lại trở về trường. Cũng thời gian ấy xuất hiện một cô gái cao dong dỏng, tóc dài buông chấm hông, thường mặc bộ bà ba sẫm màu, hay ghé ngồi nghỉ trong quán nước dừa gần cổng cơ quan. Một lần Năm Chinh tò mò ghé mua gói thuốc lá, dòm tận mặt cô gái ấy. Cô ta đẹp thật, còn đẹp hơn cả vợ cũ, mẹ Minh Tuyết.

- Cô học ở trường nào? - Năm Chinh thả lời làm quen.

- Dạ... em nghỉ học lâu rồi ạ!

Cô gái nói giọng Bắc. Sau mấy lần lân la ngồi trò chuyện, Năm Chinh mới hay Bùi Thanh Thảo là người Mường ở Hòa Bình, cha mẹ cô di cư vào Nam năm 1954, rồi sinh cô ra ở Kon Tum. Dù không tìm thấy ở cô những váy áo Mường quen thuộc, Năm Chinh cũng nhớ da diết chuỗi ngày tháng đơn vị đi làm nông trường ở Hòa Bình. Bất chợt ánh mắt cô gái làm hiện lên một con suối trong xanh, chảy uốn theo các ghềnh đá, mấy con cọn nước như chiếc nong khổng lồ kéo kẹt quay, thông thả ngày đêm đổ từng ống nước vào máng. Mái tóc đen dài buông trước ngực kia, cũng nhưng nhức ký ức về dải núi xanh biếc đổ bóng xuống dòng sông Đà. Những người chiến sĩ miền Nam tập kết, sau hòa bình được phân công đi làm kinh tế. Họ còn làm gì được hơn khi tiếng súng đã yên, lòng người nao nức chờ đợi tới ngày được trở về xứ sở. Hai năm nông trường ấy, bàn tay họ trồng không biết bao nhiêu là chuối, mì, vun xới bạt ngàn những đồi dứa, đồi chè. Những năm tháng ấy, họ vừa làm vừa hát, vừa mong chóng tới ngày hội ngộ.

"Mỗi tuần ta có được bảy ngày, là bảy ngày

Ta giành, giành lấy một, ta giành giành lấy một

Gọi đó ngày miền Nam

Miền Nam ơi miền Nam! Thương nhớ vô ngần

Lòng càng càng tin tưởng, sức ta càng càng vươn lên

Cố gắng bao ngày đêm

Hẹn ngày ơ về là hẹn ngày ơ về!"

Họ vừa làm vừa hát và nuôi niềm tin tưởng. Nhưng niềm tin đó

chẳng bao giờ đến. Hiệp định Giơ-neo bị bọn đế quốc thực dân phá hoại. Năm Chinh đã trở thành cư dân miền Bắc, lấy vợ sinh con trên miền Bắc.

- Thế ra chú cũng ở Hòa Bình! Còn em chỉ nghe mẹ kể lại, chứ chưa biết nó ra sao.

- Hòa bình rồi! Lúc nào có điều kiện cô nên về thăm quê. Hòa Bình giờ đẹp lắm, lại có hồ thủy điện lớn nhất Đông Nam Á đó.

- Dạ! Nhưng em không biết đường!

Năm Chinh bỗng vui vẻ lên, chỉ những đồng tà vẹt xếp ngổn ngang cạnh ga:

- Sắp có tàu Thống Nhất rồi, chạy một lèo từ Sài Gòn ra Hà Nội. Cô muốn về Bắc, cứ ra đây tui gửi tàu cho, tới đó rồi đi xe khách về Hòa Bình. Dễ mà!

Trong lòng cô gái cũng đang náo nức hồi hộp một chuyến đi xa, nhưng ở hướng khác, chứ không phải ra Bắc. Mấy lần từ Kon Tum xuống Quy Nhơn, cô đều nói với Năm Chinh là đi buôn cá khô. Quản lý thị trường làm gắt gao lắm, không mang được nhiều, nên đôi khi phải giấu giếm, gửi cả bao ở chỗ cơ quan ông.

Đêm đó trời se lạnh. Tháng mười đổ những cơn mưa miên man làm trời đất càng lạnh hơn. Năm Chinh ngồi chúi vô đồng sổ sách. Cuộc vận động nhân dân trong tỉnh tham gia khôi phục tuyến đường sắt Bắc-Nam đang rất hiệu quả. Bà con thu gom được hàng ngàn thanh tà vẹt, hàng trăm mét đường ray tàu về tập kết tại cung quản lý đường sắt. Cán bộ quản lý như ông thấy trong lòng lâng lâng niềm vui, y chang những ngày đất nước hoàn toàn thống nhất. Gió tạt nước mưa vô tới bàn giấy, Năm Chinh đứng dậy bước ra, khép cánh cửa gỗ lại. Cửa chưa khép hẳn, đã có một bàn tay bên ngoài xô tới. Rồi bóng một người phụ nữ lách vội qua, bước vô phòng. Đó là cô gái Mường quen biết. Thanh Thảo đầu tóc ướt nhẹ, quần áo bị nước mưa dính sát vào người.

- Chu cha! Đi đâu mà muộn dậy cô?

- Chú Chinh! Cứu em với!

- Chi dậy?

- Con Hiền rủ em vượt biên, bị công an phát hiện!

Năm Chinh há hốc mồm, đứng sững giữa phòng:

- Chô ui! Em mà cũng dại dột vậy sao? Chớ cô Hiền em đâu rồi?

Thanh Thảo ngồi phịch ngay xuống chiếc giường cá nhân, mặt mũi xanh lét, miệng lắp bắp:

- Chắc bị bắt rồi! Trước kia em có dạy học ở Quy Nhơn nên thuộc đường hơn, biết rõ các ngõ ngách. Em lạy chú, xin đừng báo công an bắt em!

Cô quỳ xuống nền nhà, vái lia lịa. Năm Chinh như á khẩu, chỉ biết nắm tay cô gái kéo lên, ấn vai ra hiệu ngồi xuống. Ông bước ra, chốt cửa phòng lại. Thanh Thảo hốt hoảng lao tới, nhưng cánh cửa đã đóng sập trước mũi. Nước mắt cô tràn ra, chảy đầm đìa. Thôi thế là hết. Sao mình ngu vậy chứ, lại tin tưởng cái lão già háo sắc này. Mấy tháng quen biết, lúc nào cũng thấy lão nhìn đắm đắm, cứ tưởng lão thích cô cơ chứ. Thanh Thảo vừa hực lên trong cổ, kêu khẽ “Mẹ ơi!”, thì cửa phòng lại mở. Ông ta cầm trên tay bộ quần áo bảo hộ màu xanh, đưa cho cô, nói thay đi kéo cảm lạnh.

- Quần áo nữ, chắc cô bận vừa. Thay liền đi!

Ông ta lại bước ra khỏi phòng, khép cửa phòng lại.

Pha cho cô một ly nước chanh nóng, ông khuyên cô hãy bình tĩnh. Giờ cô nên ở tạm đây vài bữa. Ông sẽ nói với mọi người là có cô cháu ngoài Bắc mới vô chơi. Chờ nghe tin tức về chị gái cô ra sao rồi tính tiếp. Chủ nhà trải chiếu chiếu cũ xuống nền nhà, nhường giường cho cô gái. Từ chiếc giường cá nhân tới chỗ trải chiếu khoảng hai mét. Đêm khuya dần trôi về sáng, mà giấc ngủ không đến được với cả hai người. Những tiếng thở dài đầy lo lắng, tiếng trở mình liên tục, lẫn với tiếng mưa gió ngoài trời, thành một tạp âm ám ảnh.

Năm Chinh bỏ thời gian đi nghe ngóng tin tức từ mấy người bạn làm

bên công an. Họ nói đêm chủ nhật đã tổ chức vây bắt một nhóm người định vượt biên, sáu bảy người gì đó, không kẻ nào chạy thoát. Như vậy có nghĩa là cô gái tạm an toàn. Cô em gái đã không khai ra chị mình. Thanh Thảo chỉ tiếc chiếc túi nhỏ giắt ở cạp quần. Trong đó có ba cây vàng, là vốn liếng của hai chị em mang theo. Trong lúc tháo chạy, cô quáng quàng lao bạt mạng, vấp ngã liên tục. Chiếc túi không biết rớt ở đâu. Nhưng mà “của đi thay người”, Thanh Thảo vẫn còn cơ hội trở lại nhà với hai đứa con nhỏ. Đêm thứ tư ngủ trong căn phòng tập thể của Năm Chinh, cô đã ái ngại kêu ông lên nằm chung giường, khi thấy ông khúc khắc ho vì phải nằm đất. Đêm ấy, cô đã không cưỡng lại khi bị cánh tay ông mơn man vuốt ve, thậm chí cô còn chủ động ôm hôn ông, như một cách trả ơn cho ân nhân của mình. Họ trở thành vợ chồng ngay đêm ấy. Ông kể cho cô nghe về việc bà vợ người Bắc không chịu vô quê chồng, xin ly hôn. Còn cô cũng thật thà nói rõ hoàn cảnh đời mình. Cô có chồng từ năm 18 tuổi. Năm nay 25 tuổi mà đứa con trai đầu đã lên sáu, đứa em nó con gái đã ba tuổi. Cô góa chồng từ cuối năm 1974, chồng cô chết trẻ, lúc đó anh ấy chưa tới ba mươi.

Một ngày cuối tuần, Minh Tuyết về thăm ba. Năm Chinh giới thiệu với con người bạn gái mới của ông. Con nhỏ không phản ứng gì, còn tỏ ra thông cảm. Nó thốt lên khâm phục:

- Cô còn đẹp hơn mẹ cháu ngoài Hà Nội!

Chủ tịch xã Phan Thành Danh báo cáo với ủy ban huyện, xã mình đã chọn được chủ tịch cự chiến binh. Người này so với tiêu chuẩn trên đưa ra thì dư sức. Năm Chinh là đảng viên, đi bộ đội từ năm mười sáu, lại cán bộ tập kết về, trình độ đại học. Chu cha! Quá ngon rồi! Cho chả làm chủ tịch cự chiến binh huyện cũng được nữa. Bữa họp các ban ngành, thông báo nhân sự cho một tổ chức mới là cự chiến binh, ai cũng nói cử Năm Chinh là ổn. Chỉ có Bảy Liên, Phó chủ tịch xã là băn khoăn về việc tân chủ tịch cự chiến binh lại có bà vợ là dân Bắc di cư. Dù có là dân lương thiện thì gốc gác gia đình cũng một thời theo giặc.

Không chống Cộng sao theo chính quyền Ngô Đình Diệm vô Nam? Thằng chả cầm rơm miết, đến nỗi Danh “cán gáo” phải kêu riêng một chỗ, dằn mặt:

- Ông để yên cho Năm Chinh sống nghen! Nếu không ông là người ra đi khỏi xã đầu tiên đó. Mấy trò khỉ của ông với thằng Ba Thoại tui chưa đụng tới đâu.

Bảy Liên nín khe. Từ đó không dám nhắc tới vụ vợ con Năm Chinh nữa. Danh “cán gáo” xuống tận căn nhà tranh nhỏ của Năm Chinh, giắt theo chai rượu đế. Hên bữa đó con chó Vàng đi rừng với Năm Chinh bắt được con chồn đèn, ông vật lông, thui lên rồi nhậu với bạn tới gần tối. Danh “cán gáo” dấm nhẹ vô ngực bạn, cười rồn rảng:

- Yên tâm công tác hánh! Chủ tịch cựu chiến binh chỉ có mấy đồng phụ cấp tháng, ráng giùm tau chút.

- Thì biết làm sao giờ! Nhưng nói trước, tau công tác ít thôi, còn phải kiếm cơm nuôi lũ nhỏ. Mẹ nó có bầu đứa thứ hai rồi.

Danh “cán gáo” há hốc cái miệng, lộ cả chiếc răng hàm bị gãy đen ngòm...

- Trời quơ! Thiệt na bay! Giải dữ vậy trời!

Đứa con gái thứ hai được đặt tên là Nguyễn Hồng Trinh. Con chị Nguyễn Hồng Quyên lúc đó mới bốn tuổi rưỡi, chỉ biết ngồi cạnh võng, xoa xoa má em, hoặc chạy đi lấy tấm tã, chiếc khăn giúp mẹ. Năm Chinh ngất ngư lo cho cuộc sống gia đình. Ông hiểu giờ đây trách nhiệm của mình nặng nề biết chừng nào, khi ba người phụ nữ yếu đuối trông cả vào đôi vai rám nắng của chồng, của cha. Phải có đất trồng trỉa vài đám mì, đám đậu, khoai lang, để có lương thực ngay mà nuôi vợ con. Ông nói với Danh “cán gáo”, đề nghị ủy ban xã cho khai hoang mấy vuông rẫy để sản xuất. Chủ tịch xã hỏi cán bộ địa chính, rồi kêu ông tới, nói:

- Đất rừng tạp quanh nhà ông bi giờ đó, có sức cứ phát rẫy đi. Đất đó chưa có chủ đâu.

Số gạo tiêu chuẩn hằng tháng, Năm Chinh mua về để riêng cho vợ

con. Mỗi ngày, ông nấu một nồi mì gòn, đậm chén muối ớt thiệt đỏ, quất no bụng rồi cầm rửa ra rùng. Bắt đầu là những khoảng đất lúp xúp cây và cỏ tranh gần nhà. Chặt cây, phát cỏ, lật đá, được chừng một mẫu đất thì bàn tay ông nát bấy, rỉ máu. Chị Thảo tối nào cũng phải pha nước muối nóng, ngâm tay cho chồng. Vuốt ve đôi bàn tay bầm dập, sần sè, chị không tưởng tượng nổi đôi bàn tay thuôn dài, gõ máy tính lóc cóc và chơi bóng bàn điêu luyện của chồng chỉ mới hai năm trước giờ đã biến dạng.

Một buổi chiều nắng như rang. Chị Thảo ẵm con Trinh nằm à ơ trên chiếc võng trước nhà. Trời không một gợn gió, hơi nóng hong héo khô những cọng tranh lợp mái nhà. Con bé chắc nóng quá, oe oe khóc. Con Quyên đã dắt chó Khì Khà theo ba đi phát rẫy ngoài đồi. Không biết có chịu đội nón hay lại phơi mặt đón nắng. Hai chiếc xe đạp chở bốn người dừng lại trước cây mít mới trồng. Mồ hôi tướt tấp trên hai khuôn mặt bặm trợn đàn ông, rịn trên lưng áo hai người phụ nữ. Họ có lẽ chỉ ngoài bốn mươi, nhìn những đôi dép Lào họ mang, biết đây là người phố chợ, không phải nông dân.

- Đây phải nhà Năm Chinh hông?

Người đàn ông có nhiều râu hói. Chị Thảo lo lắng ôm con ngồi dậy, trả lời:

- Dạ phải! Mấy chú mấy cô vô nhà ngồi nghỉ xơi nước ạ!

- Thôi khỏi! Ổng đâu rồi?

- Dạ chồng cháu làm rẫy ngoài kia! - Chị Thảo chỉ tay về phía có tiếng chó sủa.

Người đàn bà mặc áo bà ba màu tím, xía xói vô mặt chủ nhà:

- Nói cho mấy người hay! Đất này trước kia là của ông bà tui tui khai phá, quản lý. Giờ mấy người tự tiện chặt phá làm nương rẫy là sao?

Chị Thảo ngó người. Chẳng hiểu ông bà họ trước kia là ai. Có lẽ nhìn vẻ mặt bối rối và nghe cái giọng Bắc của chị, bọn người lạ đã hiểu chuyện.

- Chúng tôi là cháu chắt ông Trần Đại, chủ đất vùng này từ xưa từ xưa. Đất vợ chồng cô đang khai phá là của ông bà tui để lại. Đề nghị dừng lại ngay, hông tui thưa kiện tù mục xương đó.

Chị Thảo không biết trả lời ra sao, liền bảo họ chịu khó đi ra ngoài rẫy, trực tiếp nói chuyện với ông Năm Chinh, chồng mình. Cả nhóm ngần ngại một lát, rồi từ chối không chịu nghe theo.

- Tui tui tới thông báo vậy thôi. Mấy người liệu chừng. Giải phóng rồi, đừng giở thói ăn cướp là hông được đâu. Sẽ có người còng đầu vợ chồng cô lại đó. Cô về nói lại với Năm Chinh như vậy, tuần tới tui tui xuống nữa.

Nhóm người quày quả bỏ về, bỏ lại ánh mắt lờm nguýt, đe dọa. Họ ra tới gần chợ thì tắt vô một quán cà phê. Ba Thoại ngồi vắt vẻo ở đó từ bao giờ, nhả khói thuốc hình vòng tròn bay lượn.

- Sao rồi! Có dẫn mặt thằng chả hông? - Ba Thoại hỏi.

- Chưa! Nhưng hù con vợ nó rồi. Chú nói anh Bảy Liên nhắc nhở vợ chồng chả giùm tui. Tui biết ơn! Có ly cà phê gởi anh Bảy, chú nhận giùm hánh!

Ba Thoại cười tủm tỉm, vươn người cầm gói thuốc lá hiệu Ngựa Trắng. Gói thuốc cầm đậm tay hơn bình thường.

Tuần sau không thấy ma nào tới giành đất. Năm Chinh nóng no trong bụng, chỉ chờ mấy người con cháu ông Trần Đại nào đó để coi mặt ngang mũi dọc chúng ra sao. Ông này sau Cách mạng Tháng Tám năm một chín bốn lăm, bỏ xứ vô Sài Gòn làm ở Sở Canh nông từ tám đời rồi. Thằng con trai thứ tư của ông, hồi đó giác ngộ cách mạng, vô bộ đội rồi ra tập kết miền Bắc cùng lượt với Năm Chinh. Mà thằng đó cũng định cư ngoài Bắc Giang, có vợ là công nhân Nhà máy Dệt 8 tháng 3, có về quê đâu, đòi đất làm chi? Nỗi bức dọc đóng thành cục muối trong lòng ông. Chỉ mong đám người đi đòi đất kia quay lại để ông đổi chất với họ cho ra bắp ra khoai. Vừa may bên ủy ban xã có giấy triệu tập Năm Chinh lên để giải quyết vụ việc. Ông bước vô phòng công an xã, thì thấy Danh “cán

gáo” đã ngồi đó, đang chụm đầu bàn bạc gì với Bảy Liên. Góc đằng kia, ngồi trên chiếc ghế băng là hai người phụ nữ trung niên, vẻ béo tốt.

- À! Năm Chinh đây rồi! Vô giải quyết vụ này cho dứt, tui còn đi xuống thôn.

Bảy Liên chìa ra tờ giấy viết chữ chi chít. Nói là đơn của người nhà ông Trần Đại yêu cầu ông Nguyễn Trường Chinh thôn Thuận Lợi dừng việc khai hoang trên đất ông bà họ để lại.

- Anh Năm thấy sao?

Năm Chinh đón tờ đơn, đọc lướt qua, rồi đưa trả lại Bảy Liên, giọng thủng thẳng:

- Tui thấy bà con làm đơn đòi đất là đúng. Tui khai hoang phục hóa cũng đúng luôn. Giờ cho tui hỏi hai chị. Đất đai ông bà họ Trần để lại có giấy tờ gì chứng nhận hợp pháp hông? Ví dụ như bằng khoán của chính quyền cũ để lại.

Hai người phụ nữ đưa mắt nhìn nhau, rồi một người ngập ngừng:

- Dạ, hông! Nhưng từ trước năm Ất Dậu, bà con ở đây đã biết đất này là của ông nội tui. Mồ mả ông bà cố chúng tui còn nằm trên đất này.

Chủ tịch Danh cắt ngang:

- Nhưng gia đình địa chủ Trần Đại bỏ xứ đi từ mấy chục năm rồi đó.

Năm Chinh nhìn hai bản mặt bóng mỡ, bỗng giận bưng bưng:

- Ngày xưa, mỗi lần ba con tui muốn vô rừng chặt rế trâu hay đốn củi cũng phải tới nhà ông Trần Đại xin phép. Giờ thì khác rồi. Tui thấy chính sách của Nhà nước thời kì này là khai hoang, vỡ hóa, tận dụng đất để sản xuất. Tịch thu ruộng đất của Việt gian, địa chủ cho dân nghèo. Phân chia cả đất vắng chủ cho nông dân. Mấy người về đây cùng khai hoang đi, tui tui nhường đất cho đó.

Ông nói một hơi, mồ hôi tướt trên trán, cổ họng khô rang. Danh “cán gáo” hít hà. “Bà mẹ nó chó! Đúng là có ăn học. Bõ công ra tới Hà Nội để học tập. Cha Năm Chinh này còn làm Chủ tịch xã thay mình được nữa chó giỡn ha”.

- Thôi, thôi! Việc đã rõ như ban ngày, mấy bà về đi cho chúng tui nhờ. Xã còn bao nhiêu việc quan trọng chưa giải quyết kìa. Mai mốt có chủ trương đắp đập thủy lợi Ba Núi, mấy bà về đi dân công hánh. - Nói rồi, Danh “cán gáo” khoác vai bạn đi ra ngoài:

- Tau phục mày thiệt đó! Mày nói về chính sách tau chịu liền. Qua phòng tau uống trà đã.

- Thôi tau dì! Với lại ba thứ trà gói của ủy ban tau uống hông được.

Trong phòng, hai người phụ nữ cùng nhào tới chỗ Bảy Liên.

- Giờ tính sao đây anh Bảy?

- Hai bà cứ dì đi rồi tính tiếp. Cha Năm Chinh nó nắm chính sách như vậy, cãi sao được.

Thằng Xuân hàng xóm mới ba mươi tuổi mà râu ria, hom hem như ông già. Ba ngày nay trời mưa, nó lết qua nhà Năm Chinh, hai chú cháu đốt lửa nướng mì ăn, uống trà nhìn trời mưa. Trong buồng, con Quyên đang lú lo chuyện trò với em gái mới sinh:

- Ủa! Ủa! Chị nói với ba cho em ăn mì nướng hánh! Hánh!

Thằng Xuân khệ nệ kéo một khúc củi to, kê vô bếp. Đón khúc mì cháy đen từ tay ông Năm, nó than vãn:

- Mưa gì ác hơn quá chú Năm! Có nước chú cháu mình nằm chờ mưa dứt, đất ráo rồi mới tính cày bừa được!

Ông Năm ừ hử, nhìn ra ngoài trời. Cơn mưa quát rào rào lên mái tranh, nước như trút xuống từ đợt tranh trước nhà, cuộn đỏ chảy ra sân.

- Ông trời mưa kiểu này, bờ trở lở hết, qua hai ba tháng mười, lại kéo cát lấp trở hộc máu, rồi mới gieo sạ được. Thằng Xuân tính coi, chớ làm ruộng không khéo là lỗ hánh mầy? Nông dân mình không làm ruộng thì làm gì? Coi như khỏi lo tiền mua gạo, còn dư được mớ rơm cho bò ăn mấy ngày mưa. Tau cả đời đi công tác, về hưu có cái sổ gạo, cũng đỡ hơn bà con trong thôn. Nhưng bà vợ tau đâu có biết làm nông. Hai đứa con gái, khi nào lớn cũng cho nó đi học, kiếm việc làm ngoài phố. Ở nhà cực thấy mẹ. Hay thầy trò mình rủ nhau vô rừng đi Xuân. Kêu cả thằng Mén

nữa, đông người còn lo cho nhau. Trong rừng thiếu gì thứ quy ra tiền.

Thằng Xuân gật đầu đồng ý liền:

- Trời mưa vậy, vô rừng kiếm cây, kiếm rễ về bán.

Tối nay thì họ đã ở trong rừng, ở nhờ trong ngôi nhà sàn của ông bạn Năm Chinh. Hồi chiều, con chó vàng của Năm Chinh săn được một chú sóc. Thằng Xuân thui rồi đem nướng. Ông Năm nhanh tay giã mấy trái ớt rừng trộn muối hạt.

- Đợi chú sóc chín vàng thơm, ta làm một ly giải mỗi. Cái món thịt sóc rừng, chỉ có nướng lên, cuộn lá ngành ngành chấm muối ớt là ngon, chứ càng chế biến cầu kì càng dở òm. Nào thịt chín rồi, làm mấy ly, ngủ khỏe mai còn leo núi, tụi bây.

 Bà Hồng Thu quên mấy chiếc xoong cũ, xếp cả vào góc bếp. Chút nữa vợ thằng Thường đi làm về, nó sẽ dọn rửa. Ôi giờ đất ơi! Tám mươi tuổi rồi mà còn khổ vì con, vì cháu.

- Thằng Thành đâu? Con Hường đâu? Có về ngay không! Chúng bay lại xúm xít dưới gốc cây xoài mút ngoài cổng chứ gì! Cấm nhá! Cấm đứa nào ăn xoài xanh đấy. Mấy hôm trước, đi Kon Rẫy thăm vườn tiêu, bà đã chứng kiến một thằng nhỏ người Thượng ăn nhiều xoài xanh quá, đi tống đi tháo chảy chết ngay tại gốc đấy. Chúng mày cứ xoài xanh ăn mãi vào. Có thể nào lại tội chết bà nội không trông nom.

Bà Hồng nhỏ người, thấp béo, đầu tóc bạc trắng chỉ còn vài lọn, đôi mắt sâu trũng, cái miệng lúc nào cũng mím chặt, toan tính. Con cháu chẳng ai ưa bà, toàn tìm cách ở xa. Cô Hiền con gái thứ, sau khi ngồi tù hai năm về tội vượt biên về, gom góp tiền bạc mở tiệm vàng ngoài thị xã. Chị Thảo ở với chồng dưới Bình Định, chỉ có người con trai út tên Thường là phải ở chung đất với mẹ. Cô con dâu là giáo viên tiểu học, đi dạy thì thôi, về tới nhà là nơm nớp sợ mẹ chồng như sợ cọp. Chiều ấy vừa về nhà, đang cọ rửa đồng xoong nồi cái bồn cho mẹ chồng, nghe chó sủa, cô con dâu nhìn ra, thấy chị Thảo tay dắt, nách cặp hai đứa con gái đi vào.

- Mợ ơi! Chị Thảo lên chơi ạ!

Bà Hồng chui từ trong phòng sau ra, đứng dưng nhìn con gái với lũ cháu ngoại. Con bé Quyên nhanh nhẩu khoanh tay chào:

- Thừa ngoại con mới lên!

Con nhỏ Trinh nhèu nhèo bên nách mẹ, thấy bà ngoại thì khóc thét lên. Bà Hồng lạnh nhạt nhìn hai đứa cháu, hỏi chị Thảo:

- Thế mày không gửi ai được mấy hôm mà đi chơi à? Cặp theo cái nôi

này lên đây làm gì?

- Mợ nói hay thật! Các cháu còn nhỏ, con không mang theo thì gửi ai? Các cô nó thì bận buôn bán. Ba nó thì suốt ngày chận bò, làm rầy...

Chị vừa nói vừa quệt nước mắt. Bà Hồng nguây nguẩy quay lại, miệng xan xát:

- Thôi đừng nước mắt dài hơn người! Xin mời quý khách vô nhà! “Có con mà gả chồng xa. Một là mất gối hai là mất con”.

Chị Thảo vốn biết bà ngoại lữ nhỏ chẳng ưa gì ba chúng. Cán bộ thì đã sao? Chẳng phải bà đang ở với họ đó thôi. Mấy năm trước, không có thằng rể bảo lãnh, con gái bà là cô Hiền còn ngồi tù rữ xác, chứ lại được tha trước thời hạn hử? Chẳng qua là có hai đứa con riêng gửi bà ngoại nuôi giúp, lâu lâu chị muốn về Kon Tum thăm con. Chứ cả như bà ngoại, chị chẳng cần công đi làm gì cho tốn tiền, mệt xác. Tại sao bà cứ ác cảm với chồng chị? Vì ông già hơn chị hai mươi tuổi à? Phận đàn bà mười hai bến nước. Trong nhờ đục chịu. Chị chỉ cần được yêu thương che chở chứ cần gì trẻ hay già, giàu hay nghèo. Buổi tối, bà Hồng nhai trầu chộp chộp, chờ cho hai đứa cháu ngoại ngủ rồi, mới thẽ thọt với con gái:

- Mợ thương con thì mới nói. Con nghe hay không thì tùy. Chứ thấy con khổ sở mợ xót lắm. Ngày xưa con ăn trắng mặc trơn, đi đâu cũng như bà hoàng, lên xe xuống ngựa. Bây giờ nhìn có giống mấy con ăn mày không?

- Kệ con!

- Kệ thế nào được! Con tôi thì tôi phải thương. Thôi hay mợ bàn thế này. Con đem trả hai đứa trẻ cho ba nó nuôi, về trên này với mợ. Rồi mợ sẽ kiếm cho tấm chồng khác tử tế hơn.

Chị Thảo nóng rần rần trong đầu, nước mắt tự nhiên tuôn lã chã.

- Thế hai đứa này không phải con của con à? Mợ nói thế mà nghe được? Mợ cứng rắn thế, sao trước kia không ở Nam Định cho sướng, còn vác con chạy theo cậu vào tận đây làm gì? Mà ông ấy có thương yêu gì mợ đâu!

Bà Hồng giận con tím mặt. Thì ra nó nhổ vào mặt bà đây. Hoàn cảnh hồi ấy khác, bây giờ khác. Nói cho công bằng, ngày xưa bà hơi kém sắc, chứ không được đẹp như mấy đứa con gái bây giờ. Chúng nó giống cha, cao ráo, thon thả, mắt phượng mày ngài, chứ không lùn tịt, béo tròn như mẹ. Cái sống mũi dọc dừa kia thì in của cha nó chứ lẫn ai vào đó nữa. Nhưng nếu không có lá gan cóc tía của bà, chắc gì chúng nó đã có được người cha đằng hoàng sau này.

Gia đình bà Hồng trước năm 1945 thuộc loại phú hào ở huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Cô Hồng mười sáu tuổi, má đỏ rục, mắt lá răm lúng liếng, ngực đã căng vồng, buộc tóc đuôi gà, Được cậu mợ cho lên thành phố học trường Sanh-tô-mát. Nhưng mà cái thời ấy, con gái học nhiều cũng chẳng làm được thứ gì, ngoài việc mơ mộng vãn vợ và học đòi lãng mạn. Cô suốt ngày chúi đầu vào đọc tiểu thuyết của Khái Hưng, đắm đuối với tình yêu thanh tao, thoát tục của Ngọc và Lan trong “Hồn bướm mơ tiên”, mơ tưởng tới mối tình cao đẹp, phi giai cấp của Hiền và Vội trong “Trống mái”. Đến nổi năm mười bảy tuổi cô đã có vài mối tình vắt vai, bỏ bê học hành, theo sang quản lý cái Săm (Chambre) cho bà cô bên phố Bống Đèn. Nói cho sang là quản lý, nhưng thực chất là trông nom, giám sát đám phụ nữ làm nghề hát cô đầu, bán dâm trong nhà thổ. Mấy cô gái quê được tuyển lên hay thiếu nữ từ Hà Nội xuống. Nói chung là họ tài giỏi, đủ các món “vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề”. Có loại ngồi suốt ngày đêm hầu mấy ông quan bản địa hát chầu văn, tom chất chán thì dắt nhau đi uống rượu rồi lên giường. Có loại chờ lính Tây da đen, lính khố xanh người thiếu số tới, một chốc, một lát bị đè ra, hùng hục như trâu bò, mệt lử mệt lả. Cái Săm của bà cô có tới mười hai cô gái ăn ở, hành nghề bên trong. Những cái Hĩm, con Hến, con Mò, nay có tên mới là các cô Hồng, Đào, Tuyết... sang trọng, xinh đẹp. Trong thời gian quản lý đào, đón khách nam, cô Hồng có dịp làm quen vài người mà cô có cảm tình. Có vài người được cô yêu mến, cho phép “con ong đã tỏ đường đi lối về”. Cũng là mơ mộng, rồi buông thả cho biết mùi đời, chứ

cô chưa gặp được ai tâm đầu ý hợp. Cho đến khi gặp công tử họ Bùi từ Hòa Bình xuống.

Chiều muộn, cô Hồng vừa trang điểm xong thì có khách. Hai người đàn ông cao dong dỏng, râu quai nón như anh em sinh đôi bước vào. Cô Hồng thoáng như bị điện giật. Hai vị khách này quá đẹp giai, một người Pháp, một người Việt. Nụ cười của cô thiếu tự tin khi chào khách bằng tiếng Pháp. Thanh niên người Việt cúi đầu hơi thấp:

- Bonjour Je suis le adjudant Bui (Chào cô! Tôi là phó quản Bùi!).

Rồi chàng giơ tay lịch sự sang người bạn Pháp:

- *Capitaine Dex Bou!* (Ngài quan ba Đờ Bô!).

Cô Hồng lúng túng, hỏi chàng trai Việt:

- Các ông cần gì ạ?

- *J'ai besoin d'une femme intelligente!* (Tôi cần một người phụ nữ thông minh).

- Vâng ạ! Nếu cần một phụ nữ thông minh thì có tôi đây ạ!

Cô quay sang nói với chàng người Pháp:

- *Jesuis une telle personne!* (Tôi là một người thế đấy).

- *Bon aussi!* (Rất tốt!).

Anh chàng tóc vàng gật đầu lia lịa. Họ uống hết một chai Boóc-đô, rồi chuyển sang ăn đêm, món gà quay với rượu Ty, loại rượu trắng khá nặng do nhà nước quản lý. Một cô xinh đẹp tên Tuyết được gọi lên cùng ngồi tiếp khách với cô Hồng. Lúc khách đã ngà ngà say, cô Hồng nháy mắt ra hiệu cho Tuyết dắt chàng quan ba người Pháp về phòng. Cô còn ngồi tâm sự với chàng công tử Việt.

- Tôi là người Mường Hòa Bình cô ạ! - Chàng trai giơ ly rượu lên ngang tầm mắt, ngắm nghía một thoáng, rồi mới đưa vào miệng, nhắm nháp.

- Con trai người Mường rất đẹp trai, hào hoa đấy ạ! - Cô Hồng đưa đẩy, nịnh nọt.

Chàng nói tuy là họ Bùi, không danh giá bằng bốn họ “Đinh - Quách -

Bạch - Hà” ở Mường Động, dòng họ không ai được làm tới Lang đạo, Lang cun, nhưng cũng thuộc loại Âu eng, có cửa ăn cửa để. Chàng khoe cha mình có một tiệm may Âu phục lớn nhất Hòa Bình, quan Tây, quan ta lúc nào cũng tin tưởng, đến đặt may vét-tông.

Cô Hồng nhìn chăm chú vào khuôn mặt điển trai đang đỏ dần lên. Cái mũi cao ngạo rất đàn ông và cặp mắt xếch. Ôi giời ơi! Sự quyến rũ chết người ở cái miệng rộng vừa phải và hàm răng đều, chắc. Anh chàng này đào hoa lắm, nói chuyện cứ thủ thỉ thủ thỉ, chết con gái người ta lúc nào không hay. Chàng kể nhà mình giàu, nên chẳng phải đi học đâu cho vất vả, ông bố đón thầy giáo từ Hà Nội lên, dạy học cho mấy anh em ngay tại nhà. Chàng nói làu làu tiếng Pháp, nên vào lính tập một thời gian là được phong chuẩn úy, làm phó quản cho ngài quan ba kia.

-Ồ ồ! Tuy hơn moa đến ba cấp, nhưng quan ba rất bình đẳng và thân tình như anh em. Chúng tôi cùng tuổi và cũng rất phong trần. Đúng không?

Cô Hồng như mê muội trước cặp mắt đa tình của chàng chuẩn úy họ Bùi, nên gật đầu như cái máy:

- Oui! Oui!

Rồi thì cô cũng dụi dụi được chàng họ Bùi vào nghỉ ngơi trong phòng riêng của mình. Trên đúng chiếc giường gỗ gụ cô từng quần quýt với vài chàng trước đó. Sáng hôm sau, chàng họ Bùi thức dậy trong cơn đau đầu khủng khiếp, thì thấy cô Hồng trần như nhộng, khoác hờ tấm rap mỏng, gục đầu khóc nức nở. Trước mặt cô là chiếc khăn tắm trắng muốt, ở giữa loang một vệt đỏ tươi. Chai thuốc đỏ cô đổ vội nên loang ra hơi nhiều, so với mấy giọt máu từ màng trinh.

- *Pourquoi?* (Tại sao vậy?).

- Không sao ạ! Em đã hiến dâng sự trinh tiết cho anh rồi. Bây giờ em biết sống sao đây?

Cô lại khóc nức nở, hỉ mũi xoèn xoẹt, chùi vào tấm vải.

- Tôi xin lỗi! (*Désolé vous!*).

Chàng ta uể oải vươn vai, mặc quần áo rồi lấy ra một đồng bạc Đông Dương, đặt trước mặt cô Hồng. Cô gào lên:

- Em không cần tiền! Em cần trái tim của anh!

Chàng công tử họ Bùi tỏ ra là người ăn chơi sành sỏi và từng trải. Chàng ta giả bộ ôm lấy đầu cô Hồng vuốt ve, hôn nhẹ lên trán cô:

- Em cứ yên tâm! Coi như trái tim tôi đã thuộc về em! Bây giờ tôi phải đi tìm ngài quan ba và về đơn vị. Lệnh nhà binh nghiêm lắm.

Như lời hứa, trong khi tiểu đoàn 1 của quân Pháp còn đóng quân gần thành phố, Bùi công tử có đến thăm nhà Săm của cô Hồng vài lần nữa. Khi thì đi một mình, khi thì đi với quan ba Đờ Bô. Lần nào tới, hai sĩ quan cũng được tiếp đón thịnh tình, tất nhiên bằng tiền của cô Hồng. Sau Tết Giáp Ngọ (1954), khi nghe cô Hồng thông báo đã có thai và muốn tổ chức đám cưới, công tử Bùi đột ngột mất tăm mất tích. Cô Hồng không phải là người dễ bị lừa gạt. “Đừng tưởng là công tử nhà giàu mà muốn đóng vai họ Sở nhé! Bà thì truy tận gốc dây mơ rễ má, thúc bá đệ huynh, tam huynh, tổ khảo nhà mày nhé”. Cô bỏ việc, thuê xe kéo lên tận đồn lính tìm người tình. Nhưng quan lính họ rút đi từ tám đời rồi. Có người bảo đơn vị đồn binh Pháp - Việt ra hết ngoài Hải Dương, chuẩn bị rút vào Nam theo Hiệp định Giơ-ne-vơ. Cô Hồng lo lắng mất ăn mất ngủ. “Thế này thì mất cả chì lẫn chài à? Không được! Mình không thể mất chồng”. Như vậy là có lý do họ bị chuyển đi đột xuất, chứ chưa cạm tình với cô. Trai thời loạn đôi khi chịu hy sinh nhiều bề. Phận nữ nhi không gánh vác việc núi sông được, thì cũng nên giúp người ta trọn tình thủy chung. Cô Hồng về khóc một đêm, sưng húp con mắt. Hôm sau cô thu gom vàng bạc tiền nong cho vào một túi, quyết đi tìm bằng được công tử Bùi.

Đúng là trời muốn thử thách tấm lòng kiên trinh của cô. Sau khi rủ được một người chị họ đồng ý vào Nam làm ăn, với cam kết cô Hồng sẽ lo tiền đi đường và vốn liếng sau khi tới nơi. Họ lên Hà Nội, đi tàu hỏa về Hải Phòng. Đang định lộn lên Hải Dương tìm người, thì có tin đơn vị

lính tập đã tập kết ở Hải Phòng, chuẩn bị lên tàu há mồm vào Nam. Dù bụng chưa vượt mặt, cô Hồng không cảm thấy mệt mỏi. Người chị họ phải kêu lên:

- Dì làm gì mà như ma đuổi thế! Phải chú ý giữ gìn cho cái thai chứ.

Cô Hồng cười, lau mồ hôi trán:

- Không sao đâu ạ! Cháu nó cũng sốt ruột muốn gặp lại cha nó đấy.

Dòng người đổ xuống bến cảng như nước chảy. Một dòng nước đen thui, nhếch nhác, bắn thiu, chậm chậm chảy vào cái miệng toang hoác của chiếc tàu chiến Mỹ mang số hiệu 803. Những bàn chân trần lem luốc, từ rất nhiều vùng đất vượt trăm ngàn dặm về đây. Chị gái họ nắm chặt tay cô Hồng, nhìn chăm chăm vào chiếc tàu như nhìn con quái vật, đang nuốt chửng từng đoàn người gồng gánh, công bế nhau đi tìm vùng đất mới.

- Sợ quá dì ạ! Mình có nên đi không?

- Đi! Bước chân đi cấm kì trở lại! Chị đừng sợ. Vào trong ấy làm ăn dễ hơn, lại không có chiến tranh.

Chị gái họ nhìn những người nông dân đang hồi hải bước xuống tàu, bàn chân đất không chút ngập ngừng, thêm vững lòng vì quyết tâm của cô Hồng.

- Đi thì đi! Đi luôn dì ơi! Đứng mãi đây rồi ruột lắ. Mà xuống trước còn có chỗ mà ngồi.

- Chị lo bò trắng răng! Chiếc tàu to như cái chợ thế kia...

Xuống tàu rồi, trước khi bước qua một cánh cửa rộng, họ bị dừng lại, bắt cởi bỏ quần áo. Cô Hồng giãy nảy lên không chịu. Tại sao bắt phụ nữ cởi quần áo giữa chỗ hàng trăm con người thế này. Một phụ nữ nước ngoài có cặp mắt vàng thau giải thích, họ cần phải được phun thuốc diệt chấy, rận trước khi lên tàu. Một tên người Việt mặc quần soóc trắng làm phiên dịch, vừa cười vừa nói lại như vậy. Nghĩ đến chấy rận, cô Hồng rùng mình. Bản thân chưa bị chấy rận, nhưng cô đã từng thấy chúng, từ cơ thể của mấy cô gái quê mới lên thành phố. Trước khi thay một cái tên

để gọi, các cô còn phải trải qua một trận chiến kịch liệt để trừ khử thứ ký sinh trùng bẩn thỉu, nhưng nhúc trên đầu, trong cặp quần. Nghĩ vậy nên cô mạnh dạn cởi quần áo, còn liếc qua ngắm bầu vú căng sữa, núm đen sì.

Ba ngày sau, trong góc tàu há mồm, có tiếng oe oe trẻ sơ sinh. Cô Hồng trở dạ đẻ con ngay trên tàu, người đàn bà kiên cường ấy giục người chị đi xin cho mình một ấm nước sôi, rồi tự lo cho cả hai mẹ con. Bùi Thanh Thảo đã sinh ra như vậy, cuống nhau của cô được cuốn vào chiếc áo cũ của mẹ, ném xuống biển, báo hiệu cho một số phận đầy sóng gió, gian khổ.

Chị Thảo chờ hai đứa con riêng đi học về, cho bốn anh chị em chúng chơi với nhau một buổi, cuốn cho thằng Thành, con Hường mấy chiếc bánh tráng bột mì mà hai đứa thèm ăn từ ngày xa mẹ. Xong bấy nhiêu việc, chị sẽ cho hai chị em con Quyên, con Trinh về Bình Định. Thực lòng chị không ưa mẹ, ngay từ cách bắt các con xưng hô theo kiểu cách thượng lưu Bắc Bộ, rằng cha mẹ thì phải gọi là “cậu, mợ” nó mới sang. Cha chị rất thích các con gọi theo giọng Mường là “bố, mẹ”, nó tình cảm, gần gũi hơn. Nhưng đời nào bà mẹ chịu nghe. Từ hồi lấy chồng có con, chị gọi mẹ là bà ngoại, thay con, tránh cái tiếng “mợ” kệt cớm kia.

Anh em thằng Thành, con Hường phải ở với bà ngoại. Nhà cửa, điền sản của ba chúng phải để bà Hồng quản lý, giám hộ. Như vậy chị Thảo mới được đi bước nữa với ông Năm Chinh sau này. Chị nghĩ cái vận đen cuộc đời, cũng là do mỗi xung khắc mẹ con đem lại. Năm ấy chị mới 18 tuổi, đang là sinh viên năm nhất Đại học Văn khoa Sài Gòn, mà đã có mấy chàng đẹp trai đeo đuổi. Nhưng lì lợm nhất là trung úy Hoàng, đại đội trưởng bộ binh thuộc trung đoàn 42, quân lực Sài Gòn. Anh chàng này cao lớn, đẹp trai, lại con nhà giàu, cùng dân Bắc di cư nên bà Hồng kết lắm. Là dân được học hành, lại đọc nhiều sách nên mở miệng là bà nói có câu có vắn. Bà nói với hai đứa con gái “Một đêm nằm đất với chàng bán hương, hơn cả đời nằm giường với thằng bán cá”. Quan điểm

của bà là như vậy, phụ nữ cần thực dụng. Bà lấy ngay mình ra làm tấm gương cho các con: “Tao vừa lùn vừa kém duyên, mà cua được cậu chúng mày đẹp giai con nhà giàu”.

Cho nên, khi chàng trung úy mang lựu đạn tới nhà hỏi Thảo làm vợ, dù chồng không ưa, bà vẫn giục con gái đồng ý ngay.

- Con còn phải học cho xong đã!

Thảo ôm mặt khóc. Bà Hồng vỗ về:

- Lấy chồng vẫn học được mà con! Chứ mày từ chối, thằng Hoàng cho nổ lựu đạn chết cả nhà hả?

Cô sinh viên xinh đẹp vừa học vừa làm vợ, vừa ôn bài thi vừa mang bầu. Năm 19 tuổi Thảo đã làm mẹ. Hai mươi tuổi có bầu thứ hai thì chồng tử trận, cô trở thành góa phụ. Cô đâm ra oán hận mẹ, người đã gián tiếp xô đẩy cô vào số phận oan nghiệt. Mỗi lần nghe con gái buồn khóc, trách móc, bà Hồng lại giận dữ:

- Chồng tử trận thì đã sao? Còn trẻ đẹp thế kia thiếu gì người rước. Ít nhất thì mày vẫn có lương nuôi con. Ngày đẻ ra mày, mợ chỉ một thân một mình, nhọc như chó ý. Mày biết không?

Chuyện ấy thì bà kể mãi rồi. Từ hồi cha còn sống, ông đã từng gạt đi, rằng bà đừng kể những chuyện ấy nữa. Nó làm các con buồn mà ông cũng bị ám ảnh, ân hận. Sau khi chồng tử trận một năm, cha Thảo cũng ốm đau, qua đời. Điều thanh thản nhất lúc nhắm mắt xuôi tay của ông là không phải nghe bà vợ kể về những ngày bà ôm con đi tìm người tình. Đến lúc chồng mất, chắc bà Hồng vẫn chưa hiểu nỗi tâm sự của ông, một người đàn ông có học, đào hoa, phong nhã. Bà tự hào vì đã đeo đuổi đến cùng, đã “bắt” được ông, chứ không cần biết ông suy nghĩ ra sao về bà. Sau khi ôm con lên tàu, bà Hồng cứ nghe theo người khác nói đơn vị đóng quân ở đâu là ẵm con theo tới đó, mở quán bán cà phê thuốc lá, hàng tạp hóa cho lính để kiếm sống, cũng là hy vọng sẽ gặp được công tử họ Bùi. Vậy mà tới năm bé Thảo ba tuổi, bà mới tìm được ông. Lần đó ngồi trong một quán nhậu, công tử Bùi lúc đó được phong

từ phó quản lên chức đội, chợt thấy một phụ nữ dẫn đứa con gái đi ăn phở. Con bé rất xinh, sống mũi cao, đôi mắt sáng và đôi chân mày xéo lên nhìn rất quen thuộc. Đội Bùi chợt thấy nó giống mình. Như có thần giao cách cảm, con bé cũng vừa ăn vừa nhìn sang viên sĩ quan cao lớn.

- Xin lỗi! Đây là con gái chị à?

Người chị họ lúc đó cũng ngờ ngợ đây là đối tượng em mình truy tìm, nên trả lời có chủ ý:

- Thưa ông, không phải ạ! Cháu là con của em gái họ tôi. Dì ấy ôm bụng bầu đi từ Bắc vào Nam tìm chồng, đến nay con gái ba tuổi rồi mà vẫn chưa tìm thấy. Dượng ấy cũng là lính như ông đây.

Đội Bùi không nói gì, quay sang nhậu tiếp với bạn hữu. Một lúc sau anh ta bước qua bàn của hai dì cháu, vuốt tóc con bé:

- Cháu xinh quá! Cháu tên gì?

- *Dà Xanh Xảo ạ!*

- À à! Thanh Thảo phải không! Mẹ cháu tên gì?

- *Mẹ Đồng!*

Chị phụ nữ đỡ lời:

- Mẹ cháu là Nguyễn Thị Thanh Hồng! Cháu là Bùi Thanh Thảo ạ!

Hình như người đàn ông cảm động, một giọt lệ chậm rãi rơi ra khóe mắt. Có lẽ cũng do uống đã nhiều rượu. Anh ta năn nỉ xin chị cho gặp mẹ cháu bé. Cũng chẳng xa xôi gì, vì cô Hồng mở tiệm tạp hóa ngay sát hàng rào kẽm gai của đồn lính ở Hồ Nai - Biên Hòa. Cuộc hội ngộ như trong mơ. Cô Hồng lúc cười, lúc khóc, mơ mơ, tỉnh tỉnh suốt một tuần. Từ một người phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ, cô Hồng trở thành bà đội Bùi. Đám cưới nhà binh được tổ chức vội vã, vì lúc đó tình hình đang biến động. Những đơn vị lính tập của quân Pháp để lại, được chuyển sang quân đội quốc gia của quốc vương Bảo Đại, một số xin giải ngũ về với gia đình. Trong đó có đội Bùi, vì anh ta đã có một gia đình đúng nghĩa. Họ dắt díu nhau lên tàu hỏa, quay trở ra đến vùng Phù Mỹ - Bình Định thì dừng lại lập nghiệp. Đội Bùi đưa cho vợ cọc tiền trợ cấp sau giải ngũ:

- Mợ cầm lấy thêm vốn buôn bán. Tôi đàn ông chẳng biết làm gì đâu!
Cô Hồng cười khanh khách, gạt đi:

- Gớm! Em mà chờ tiền của cậu thì chết đói lâu rồi. Tiền vàng em còn nhiều, cậu cứ giữ lấy mà tiêu xài.

Mãi sau này cô Hồng mới thấy hối hận vì đã không nhận tiền giải ngũ của chồng. Giá trị cũng mười mấy cây vàng chứ ít đâu. Năm Mậu Tuất, họ sinh thêm một cô con gái đặt tên là Bùi Thanh Hiền. Đội Bùi lấy có buồn vì không có con trai, nên kiếm có chơi bời chỗ này chỗ kia, có khi vào tận Sài Gòn. Số tiền không mấy mà hết, còn hệ lụy theo hàng tá các cô gái bám sau anh ta, như bản tính thích ăn chơi từ hồi là công tử nhà họ Bùi. Đùng một cái, có tin dữ. Đội Bùi lại bị bắt lính. Lần này là lính quốc gia của ông Ngô Đình Diệm. Trước đó, chính phủ của quốc vương Bảo Đại bị Ngô Đình Diệm phế truất, lập ra chế độ thân Mỹ. Đội Bùi khai là thiếu úy lính khố xanh Pháp. Họ cười khẩy, không tính đến đội quân lạc hậu ngày xưa. Giờ quân đội Sài Gòn khác rồi, hiện đại, văn minh hơn. Tuy vậy, biết đội Bùi từng quản lý quân đội, họ cho vào trường hạ sĩ quan ở Đồng Đế - Nha Trang học một khóa sáu tháng, phong cho cấp trung sĩ, rồi điều tuốt lên Tây Nguyên.

Một sáng tháng mười, mưa gió dầm dề. Mẹ con cô Hồng bỏ lại hết vật dụng gia đình, chỉ mang theo tiền, vàng, quần áo, ngồi xe nhà binh chạy một mạch lên Kon Tum, theo chồng. Trung sĩ Bùi bận đồ lính mới, quân phục thời ông Diệm bó gọn gàng, vải xanh biếc, đẹp hơn thời Pháp lung thụng màu cứt ngựa. Tiếng mưa ràn rạt lên lớp mui bạt, tiếng máy ầm ì nhức đầu, mùi dầu, khói khen khét. Cô Hồng tay ôm con, ngồi tựa lưng vào chồng, miệng lẩm bẩm không dứt:

- Mất hết! Mỗi lần chuyển là mỗi lần mất...

- Mợ nói ít thôi cho con nó ngủ.

- Em nói có bằng tiếng máy xe không? Ngủ hay không kệ nó! Đang tiếc đứt ruột, cái tủ kiếng bán hàng vừa mới mua hai trăm bạc giờ bỏ lại. Lần trước từ Hồ Nai ra, cũng bỏ mất bộ sô pha da đắt tiền. Cứ chuyển đi

chuyển lại thế này, nghèo mục xương ra.

Nghe vợ phàn nàn, Bùi chỉ cười. Thời chiến tranh, giữ được mạng sống mới là quý nhất. Của cải là vật ngoại thân, có khi tham lam quá mà chết. Chuyện này anh đã chứng kiến mấy lần rồi, đám lính dưới quyền phó quân Bùi ngày trước, đi hành quân, vào nhà dân cái gì cũng muốn lấy. Gạo nếp, gà vịt, thậm chí tượng đồng, bát hương gì cũng nhặt. Đến lúc bị Việt Minh phục kích, vẫn còn cố giữ mà chạy, chết vì chậm chân.

- Lên Kon Tum, ổn định chỗ ở, tôi khắc đi kiếm đồ dùng về cho mẹ, khỏi phải mua.

Cô Hồng cười nhạt. Ông tính nét trắng hoa, lại đi như ngựa vĩa. Chờ được ông mua sắm cho thứ gì mới lạ. Nhưng cô là người mát tính, nhẹ nhàng nói với chồng:

- Thôi thì trăm sự mẹ con em nhờ vào cậu!

Mọi sự đều không như vậy. Nói tóm lại là cô Hồng chẳng được nhờ vả gì ở chàng trung sĩ hào hoa. Vừa ổn định tiệm phở gia truyền Nam Định ở Kon Tum, cô tá hỏa khi nghe tin chồng có bồ nhí bên Đà Lạt. Lại phải giao công việc cho người chị họ, nhờ chị ấy trông hai đứa trẻ. Từ ngày vào Nam, chị họ lấy chồng làm nghề thợ mộc, người Huế. Cô Hồng đi đâu cũng kéo vợ chồng chị theo, cấp cho ít vốn làm ăn, giữ đúng lời hứa từ hồi chưa di cư vào Nam.

Tìm được đơn vị của chồng, cô Hồng chết sững khi gặp cảnh anh đưa tiễn một lúc ba cô nữ sinh Đà Lạt áo dài trắng thướt tha, áo khoác len hờ hững ra khỏi cổng doanh trại. Cô nào cũng trẻ trung, xinh đẹp, thấy mặt cô thì chào hỏi ríu rít.

- Đứa nào là bồ của cậu?

Trung sĩ Bùi chưa kịp trả lời, thì cô mặt tròn, mắt sắc dao cau cúi chào lần nữa:

- Dạ là em đó chị! Trung sĩ buồn vì sanh toàn con gái, em tình nguyện tặng anh một baby mà anh chưa dám nhận!

Họ cười râm ran, chào tạm biệt rồi ra về, những tà áo dài lờn vờn núa

bước chân như lưu luyến. Cô Hồng ngậm bồ hòn làm ngọt, ngủ với chồng một đêm rồi về Kon Tum sớm. Cô nghĩ ra cách trị ông chồng trắng hoa, bằng cách giam lỏng ông ở nhà. Cẩn rằng bỏ ra năm chỉ vàng, chạy cho chồng được chế độ thương phế binh, giải ngũ. Thế mới hay có tiền mua tiên cũng được. Công tử Bùi chấm dứt con đường binh nghiệp, trở về phụ vợ bán quán. Nhưng tính nết ham chơi thì không bỏ được, nên lâu lâu lặn mớ tiền của vợ, đi chơi hai ba bữa rồi về. Năm bốn mươi tuổi thì vợ chồng cô Hồng sinh quý tử. Cậu con tuy è uột, nhưng đẹp trai giống cha. Cô Hồng đặt tên con là Viên, tức viên mãn, toại nguyện. Bùi Đức Viên học giỏi, sau này là một kỹ sư hóa tài năng ở Đồng Nai.

Quanh quẩn mãi bên quán phở, công tử Bùi cũng buồn. Thấy bọn con nít ở trong làng không có tiền tới trường, anh bỏ tiền ra mua bàn ghế, bảng phấn, kê ở sau nhà, rủ con nít tới học chữ. Lúc đầu chỉ hai ba đứa rụt rè tới nhà, sau chúng thấy vui, rủ nhau đến cũng đông. Có đợt cả mười mấy đứa.

- A... bờ a ba! Ba mẹ! A bờ an bờ an ban nặng bạn! Bạn học...

Con bé Thảo đã lớn, tuy được đi học ở trường, nhưng về nhà vẫn chạy ra dự lớp học của cha. Nó thường đứng dựa chiếc cột cạnh lớp, tự nhiên gào tướng lên:

- A bê xê... dất dê đi ỉa! A bờ cờ là sờ ti mẹ!

Công tử Bùi chỉ cười, nhẹ nhàng nhắc con trật tự để cậu dạy học, nhưng con bé được đà càng gào tướng lên, cho tới khi một cây củi của mẹ quất vào mông dít, mới vừa khóc vừa chạy ra sân trước.

- Mợ đừng đánh con! Nó hiểu động thôi mà!

Cuộc sống đã xoay chiều không như họ tưởng. Ước mơ một cuộc sống tự do làm ăn buôn bán của chị em cô Hồng đã tắt hẳn, khi tiếng súng đã nổ lại trên cao nguyên yên tĩnh, thơ mộng. Không có hòa bình như người ta tuyên truyền. Chiến tranh vẫn tiếp tục, bằng sự vi phạm Hiệp định Giơ-ne-vơ của chính quyền Ngô Đình Diệm. Bây giờ thì rối tinh lên rồi. Các đơn vị đồn binh bắt đầu những cuộc bố càn. Rồi thương

vong là chuyện đương nhiên. Một lần về Quy Nhơn cất đồ khô lên bán, cô Hồng gặp đứa bạn thân đi chợ, đầu chít khăn trắng. Hỏi thăm, mới biết chồng nó vừa tử trận ở An Khê. Buồn cho bạn, cô cũng thấy việc mình bỏ tiền chạy cho chồng giải ngũ là rất khôn ngoan. Từ ngày về nhà, lấy việc dạy học làm vui, công tử ngày xưa cũng bị vợ quản thúc nhiều, nên bớt ăn chơi, trắng gió. Cô Hồng lúc ấy còn sung sức, chưa tới bốn chục xuân xanh, còn để thêm được hai cậu con trai nữa. Năm đứa con, mẹ chỉ tốn công chăm sóc, còn tiền nuôi chúng đã có quân đội cấp. Càng đẻ nhiều, càng được nhiều lương. Nhưng nói thật, cô Hồng không ham mấy trăm tiền lương còm kia. Chẳng bằng cô quơ tay trái. Chồng ra trận, chết mất là hết chứ gì. Được mấy đồng tử tuất, lại cô đơn suốt đời. Cô coi trọng đồng tiền thật nhưng cũng biết tính toán. Mạng người còn quý gấp ngàn lần.

Cô Hồng ngày xưa, bà chủ tiệm phở Bắc nổi tiếng ở thị xã cao nguyên, giờ đã là bà già ngoài tám mươi. Tấm lưng còng kéo bà càng thấp xuống, nhìn giống một đứa trẻ già nua. Cái trán thấp, cặp mắt lá rằm giờ ti hí làm khuôn mặt nhăn nheo càng thêm nanh nọc. Bà hận vì con gái lớn đã chọn lầm người làm chồng. Bà ghét thằng rể chỉ kém mẹ vợ sáu tuổi đã đành, mà còn khinh miệt cái nghèo kiết xác của nó. Mang tiếng là cán bộ tập kết về, mà chẳng có cửa chòm của nổi gì. Hồi năm ấy, khi hai chị em con Thảo, Hiền định vượt biên, đứa chạy trốn thí xác, đứa bị bắt. Bà cứ tưởng tay ấy quyền to, chức trọng lắm mới bảo lãnh được cho con Hiền giảm án tù tới hai năm. Ai ngờ chẳng ăn thua gì. Con Thảo thì một mực đòi lấy chồng chẳng ai cản được. Ông Bùi, cậu nó thì mất trước giải phóng miền Nam, thành ra không ai nói nổi cả. Hai năm trước, bà đã đích thân về Phù Cát thăm con gái và hai cháu ngoại, đã phải chảy nước mắt vì thấy cảnh ngộ của đứa con gái yêu. Ba mẹ con chui rúc trong căn nhà tranh thấp lè tè, khéo chẳng bằng chuồng bò nhà bà trên Kon Tum. Bữa cơm thì hạt gạo công ba lát mì, toàn rau tạp chấm mắm cơm. Con rể bà vừa gầy vừa đen, so với thằng chồng trước của con Thảo không đáng

xách dép. Thằng rể già suốt ngày lúi cùi ngoài rẫy trồng mì, trả đậu, chăn bò, mặc kệ hai mẹ con bà muốn chuyện trên trời dưới đất gì cũng được. Buổi chiều, thấy nó xách về một con gà rừng, nói là mới bắt được, làm thịt đãi bà ngoại. Đến bữa, bà Hồng ngồi bó gối nhìn ba con nhà nó ăn. Đúng là dân chết đói từ năm Ất Dậu mà. Chúng cầm đầu sì sụp ăn, chắc lâu lắm mới được bữa thịt.

Hôm sau bà ngược Kon Tum ngay, để lại lời nhắn:

- Mà muốn sướng như ngày xưa, lên xe xuống ngựa thì về trên ấy với mợ. Mợ chờ nhé, lúc nào nghỉ kỹ thì lên với mợ. Đi một mình thôi.

Chị Thảo không trả lời mẹ, cũng không thấy lên Kon Tum. Chị an phận làm người vợ chung thủy, vì cảm thấy đời mình mắc nợ ông chồng già quá nhiều. Hằng ngày, chị lo cơm nước, chăm con ở nhà. Công việc nặng nhọc ngoài vườn, trên rẫy đều do ông Năm Chinh đảm nhiệm. Trời không phụ vợ chồng chị. Sau mấy năm trúng mùa lúa, mùa mì. Họ đã cất được ngôi nhà gạch mới, khang trang giữa khu vườn xanh mát của cây điều, mà ở đây người dân gọi là cây đào lộn hột.

Danh “cán gáo” mặt đỏ tía như con gà cồ. Cha nội này xuống sức rồi, ngồi chưa hết hai xị rượu mà đã sắp đứt bóng. Nhìn cánh tay hắt run run khi cầm chén cháo gà, Năm Chinh hỏi:

- Hồi này nấu xuống sức rồi ha! Mới hết một xị mà tay run như thằn lằn đứt đuôi!

- Bậy nà! Bàn tay trái bị tật từ hồi tù Phú Quốc. Thằng cai ngục động cho một chiếc đinh vô giữa bàn tay, đến giờ nó cứ run run vậy đó.

Cuộc nhậu bữa nay do Danh “cán gáo” chủ xị. Hắt mang tới một con gà cồ, nhờ chị Ba Chiến nấu cháo, xé phay theo kiểu Nam Bộ. Món này chị Ba làm khá ngon, vì trước kia ông chồng là người miền Tây. Cái mặt hắt bữa nay ngó ngò ngộ, không làm ra vẻ quan trọng vốn có của ông chủ tịch xã. Hình như hắt có điều gì muốn nói với Năm Chinh. Đó, giọng hắt chùng xuống, như muốn khóc:

- Mà đi tập kết không hiểu hết đâu Năm Chinh! Tụi tao ở lại nhục nhã, khổn khổ vì bị truy lùng gắt gao. Cha con Ngô Đình Diệm đó, nó sẵn tụi tao còn hơn sẵn chuột nữa. Hồi má bị thằng Trịnh trưởng đồn tra tấn tới chết, tụi tao đã lên kế hoạch trừ khử nó trả thù cho má. Chưa kịp mần thì tau bị chúng hốt vô khám rồi.

- Biết rồi! Biết rồi! Lúc đó thân cô thế cô, mầy đâu có làm được gì! Thôi, nói chuyện bây giờ cho vui đi cha nội! Tau phục hóa được hơn năm mẩu rồi đó. Có cho làm nữa thôi?

- Làm tới đi! Tau ủng hộ! Chớ xứ này có thấy ai chịu cực được như mầy không? Cán bộ tập kết về, có chế độ hưu mà vẫn trần thân phát hoang phục hóa. Làn hợp nào ở các khối đoàn thể mà tau không nêu gương.

Danh “cán gáo” giành chai rượu từ tay Năm Chinh, lắc lắc những giọt

trong vắt cuối cùng, nhẹ rót ra ly. Cái chai chống ngược đáy lên, một, hai, ba giọt rượu nhều xuống. Còn được đúng một ly.

- Nửa hông? Một xị nữa ha?

Năm Chinh lắc đầu. Thôi! Còn đám đậu chưa vun gốc, chiều nay trời mát đang tính làm cho xong. Danh “cán gáo” tròn xoe mắt, khoe:

- Nè! Thằng con tao ra học trường cảnh sát ngoài Hà Nội!

- Dậy na! Thằng đẻ hồi “tổ cộng” đó hả?

- Ừa! Nhờ có Luật 10/59, tau chui về hầm trong vườn nhà năm mấy tháng, má nó mới có bầu thằng Hai Lâm. Sau đó mới nhoi lên thì bị chúng túm đầu liền chớ đâu. Con út Hạnh hồi năm “bảy lăm” tau về mới có. Mà ở ngoài nhiều năm, có mối quen biết nào giới thiệu giúp tau.

Năm Chinh cười hơ hơ:

- Được đi học ngành cảnh sát là Nhà nước đã xét lý lịch ba đời nhà mày rồi. Ngon lành mới được tuyển, còn nhờ cậy ai nữa. Ngoài đó, có mấy thằng bạn hồi đá banh cũng về hưu hết rồi. Hai thằng bên Tổng cục Đường sắt thì không liên quan gì tới công an.

- Mà được rồi! Để tau giới thiệu cháu nó tới ở bên nhà bà vợ cũ ngoài Hà Nội, mẹ con Minh Tuyết đó. Từ ngày ly hôn, bà chưa đi lấy chồng khác.

Danh “cán gáo” hỉ mũi. Thằng cha này đi công tác cả đời mà không biết gì. Trường cảnh sát có chỗ ăn nghỉ cho học viên, mắc mớ gì hẳn phải lo. Hay là nói hẳn ngồi sui với mình đi. Con nhỏ ngoài Hà Nội học ở Quy Nhơn ra trường lâu rồi mà.

- Hay là tau với mày sui gia đi! Con gái mày chắc cũng lấy chồng được rồi.

- Ừa! Nó tuổi Tí, năm nay hai mươi bốn rồi! Đang làm bên thương nghiệp. Thằng Lâm nhiều tuổi rồi?

- Cũng tuổi chuột! Ngon rồi! Tụi mình ráp hai đứa lại đi! Hánh!

Năm Chinh hẹn khi nào ba con thằng Lâm ra Hà Nội, ông sẽ đi cùng, dắt tới giới thiệu với mẹ con Minh Tuyết đang hoang.

- Vậy hánh! Cứ báo tau biết thôi, còn tiền tàu xe tau tự lo.

- Đâu có được ông kẹ! Mà thôi tới đó hăng hay. Sắp giỗ má rồi đó! Nhớ kêu tau ha!

Ừa, thằng này nó cũng nhớ ngày giỗ bà già nữa hả? Năm Chinh ngạc nhiên, nhưng với Danh “cán gáo” và mấy anh cán bộ giờ công tác trên tỉnh thì họ đều nhớ. Ngày bà Mười Hết bị địch bắt vô đồn họ đều biết, vì đang nằm hầm bí mật, lo ngay ngáy vì sợ bà già không chịu được đòn thù, khai ra thì chết cả đám. Ngày thứ năm, khi lính đồn kêu con cháu lên đưa bà Mười về, bà già đã rũ như tàu chuối héo, thở nặng nhọc. Về nằm nhà chị Ba Chiến được hai ngày, bữa thứ ba bà kêu Ba Chiến vô, chỉ mấy cây vải xếp gần giường, thều thào:

- Mang ra tiệm... Má sắp chết rồi!

Ý bà già nói hàng hóa mà để gần chỗ người chết thì khó bán, nên kêu chị Ba với cô Bảy chuyển ra bên ngoài. Hai chị em chuyển xong mấy cây vải, quay vô thì thấy má chết từ lúc nào, đầu trên giường, chân dưới đất. Vụ này Năm Chinh chỉ nghe chị Ba với cô Bảy kể lại, chứ lúc đó ông đang ở miền Bắc, má chết mà cũng không được biết.

Bà Mười Hết ở Cát Lâm vốn lì một cây. Hồi Việt Minh mới lên nắm chính quyền, bà có tham gia hoạt động bí mật. Rồi ông Mười từ miền Tây lên kiểm việc làm thuê, hai ông bà gặp nhau mới nên vợ chồng, đẻ một lèo bảy người con. Chị Hai bệnh chết khi vừa cưới chồng. Chị Ba, anh Tư đều liên quan tới cách mạng, chị Ba bị bắt, anh Tư hy sinh khi chống càn. Chú em thứ Sáu bị đau bụng chết mới mười tháng tuổi. Cô Bảy và cô Út còn nhỏ quá không tính, sau con Út cũng bệnh chết chứ đâu. Nỗi chết chóc làm Năm Chinh bàng hoàng. Ông từng chứng kiến cái chết thê thảm của ba mình. Hồi năm ấy má biểu ba chết vì tội... nhiều chữ quá. Lúc đó Năm Chinh không hiểu điều vô lý này. Ba ông là người giỏi chữ quốc ngữ nhất vùng. Trong lúc người dân được vận động đi học xóa mù chữ thì ông đã đi giúp người ta đơn từ, thưa kiện, rồi sau này giúp mấy ông cán bộ kháng chiến ghi chép, viết báo cáo, làm biên bản.

Rồi một ngày, có lũ người hung tợn mang gậy gộc tới nhà kiếm ông, đánh cho một trận tơi tả không hiểu vì lý do gì. Bà Mười Hết đắp chiếu để thi thể chồng trong nhà ba ngày, đi kêu kiện với các cấp chính quyền mới, nhưng không có kết quả. Lúc đó đang đánh nhau với quân Pháp lại không có đủ lực lượng mà truy bắt lũ người gây án, thành ra ông già chết oan. Chính vì nỗi hận đó, Năm Chinh xung phong vô lực lượng tự vệ kháng chiến lúc mới 16 tuổi, với mơ ước ban đầu là có được cây súng trong tay, rồi sẽ tìm lũ người độc ác kia để trả thù cho ba.

Trong nhà, chị Ba Chiến ớn nhất thằng em thứ năm. Sức nó khỏe, đầu nó thông minh, nên phá phách cũng hạng trời gầm. Năm mười tuổi, Năm Chinh theo chị vô rừng kiếm củi, đã tới nhà xin phép ông địa chủ Trần Đại. Sau khi chị Ba cúi đầu chào, ông địa chủ lừ mắt:

- Đang mùa khô! Coi chừng củi lửa hông cháy rừng hánh!

- Dạ! Tụi con biết rồi!

Vậy mà vừa mới vô rừng, thằng Năm lôi đầu ra cái hộp quẹt nhôm của ba, vừa đi vừa bật lửa đốt đám cỏ khô cháy đùng đùng. Chị Ba hết hồn, la hét nó cùng bẻ nhánh cây tươi dập lửa. Lửa không bốc cao, chỉ cháy lem lém, nhưng vì chỉ có hai chị em nên chạy đầu này nó cháy đầu kia, tới gần hết ngày mới dập tắt hết. Xong đám cháy rừng, mặt mũi hai chị em đen nhẻm, tóc cháy khét lẹt. Lúc đó chị Ba Chiến mới dè sắp thằng em bắt trị xuống, đập vô hời lên mông dít nó cho hả giận.

- Đồ mất dạy! Tối nay về tau méc má ỳnh mầy nữa!

Thằng Năm chẳng thềm kêu, mím chặt miệng nằm im chịu trận. Giờ nó mới biết sợ. Cứ cháy khu rừng này rồi, cả nhà có nước bỏ xứ mà đi trốn, chứ sống gì nổi với chủ đất.

Năm mười lăm tuổi, thằng Năm lại gây ra tội tày trời, là dám ỳnh cả con trai địa chủ. Thằng Liêm là con út địa chủ Trần Đại, cùng lứa với Năm Chinh và hai thằng cũng chơi với nhau ngoài bãi chăn bò. Thằng Liêm chiều nào cũng ngồi trên lưng con ngựa nhỏ, lóc cóc ra bãi chơi với tụi trẻ. Nó thường xưng là Triệu Tử Long, quất ngựa chạy lòng vòng,

cho bọn trẻ kia lé mắt chơi. Một lần Năm Chinh biểu:

- Mày làm Triệu Tử Long miết, giờ cho tau mượn ngựa làm Quan Vân Trường coi!

Nhìn Năm Chinh xé lá chuối từng sợi nhỏ, cột dưới cằm làm râu, thằng Liêm cười ngất:

- Ngựa Quan Vân Trường gì mà lùn ỉn, đen thui hà!

Nó quát ngựa chạy ra xa, Năm Chinh vừa ái vừa quạu liền chạy vút theo kéo thằng Liêm xuống đất, dẫm đá uỳnh uych vô lưng thằng nhỏ. Buổi tối, thấy ông Trần Đại cho người kêu cha con Năm Chinh tới hỏi tội, thằng Liêm năn nỉ:

- Tui con giỡn thôi mà tía! Kêu họ tới chi mất công tía mệt nữa.

Cuối năm 1952, Năm Chinh một lần theo chị Ba Chiến đi họp đêm. Chị Ba Chiến vốn sợ ma, nên phải dắt thằng em theo, nhưng dặn nó không được đùa giỡn và phải giữ bí mật. Thằng Năm ngồi dựa vách ngủ gật, nhưng tai nó nghe rõ các chú, các anh bàn chuyện vận động bà con đi dân công hỏa tuyến, tuyển thêm thanh niên vào lực lượng vũ trang địa phương, chuẩn bị đánh quân Pháp ở An Khê. Chú đầu hớt cua, to cao chắc là chỉ huy, đang thông báo lại tình hình:

- Đây là vị trí rất quan trọng của địch, nhằm chặn quân ta trên lộ 19. Phải diệt ngay để giữ an toàn cho căn cứ miền Tây Liên khu 5. Chúng ta được giao nhiệm vụ kết hợp với E120 bộ đội địa phương, đánh tiêu diệt hai chốt địch ở Eo Gió và Đầu Đèo. Hiện nay E120 đang tuyển thêm bộ đội, đồng chí nào có sức khỏe thì đăng ký.

- Cho cháu đăng ký với!

Mọi người ngỡ ngàng nhìn thằng thanh niên còi đứng dậy bên vách tường.

- Ủa! Là đứa nào đây?

Chị Ba Chiến nhăn mặt:

- Trời ơi! Thằng em tui! Thôi, thôi! Mấy anh coi nó đi được, giới thiệu cho nó đi giùm tui. Ở nhà phá quá, chịu hết nổi rồi.

Chú chỉ huy cười khùng khục, cười té nước mắt:

- Chu cha ơi! Muốn đi bộ đội thiệt hả? Mai tới chỗ tau đăng ký, nếu ôm nổi cây trường Nhựt³ thì tau cho đi.

³ *Nhật.*

Ai dè thằng Năm Chinh đi đăng ký thiệt. Nó còn rủ thêm cả thằng Liêm con địa chủ Trần Đại. Cả hai thằng đều cầm nổi khẩu súng trường Nhật dài ngoẵng, đều khai man thêm một tuổi.

- Đánh nhau với quân Pháp, không có cà nhổng như ở nhà đi chận bò nghe chưa! Hai cậu đã trúng tuyển, giờ về nhà nghỉ hai ngày rồi tới đơn vị nhận nhiệm vụ mới.

Nghe nói tới nhiệm vụ mới, cả hai đều ham. Thằng Liêm ngó Năm Chinh, hỏi:

- Có về nhà nữa hông?

- Hông cần! Về rồi lờ tía mầy với chị Ba tau hổng cho đi nữa làm sao?

- Ở há! Vậy mình ở lại luôn đi!

Hai thằng ở lại, lẩn quần dưới bếp giúp anh nuôi bữa củi, lật rau. Hai ngày sau mới tập trung nhận nhiệm vụ mới. Hóa ra cũng đông tân binh dữ. Có lẽ đến hơn trăm người. Hên là hai thằng về cùng tiểu đội. Nhiệm vụ mới của họ là học kiến thức quân sự. Xạ kích, lặn lè, bò toài, chọi lựu đạn. Đúng mười hai ngày thì xong. Cũng là dịp đầu năm Quý Tỵ, quân ta tổ chức đánh cứ điểm An Khê của Pháp. Rộn ràng quân đi, vũ khí reo lách cách. Nườm nượp bước chân dân công tải đạn, cáng thương. Đêm hôm trước, súng nổ đạn réo rầm trời ở đồn Kon Lía. Năm Chinh bắn bị bộp được năm viên đạn, thì lính đồn đã bỏ chạy hết.

- Đại đội 14 ở lại yểm trợ cho dân công thu dọn chiến lợi phẩm!

Có lệnh cấp trên điều xuống. Hai anh lính trẻ tròn mắt ngạc nhiên trước dãy kho địch bỏ lại, đầy rẫy những lương thực, quần áo, đạn dược. Dân công ào ào một đêm thì chuyển hết. Sáng hôm sau, lại có lệnh rút về trung đoàn đánh chặn hai đại đội địch từ thị xã An Khê nống ra. Nhưng khi C14 tới nơi, địch chịu không nổi hỏa lực của quân ta, đã rút về căn

cứ cũ.

Thời gian này, quân Pháp tập trung cho tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ngoài Bắc, trong này lâu lâu mới đánh một trận, cứ như đánh trận giả. Năm Chinh và Út Liêm vừa mới quen thuộc chiến trường, chưa bắn hết một cơ số đạn, thì đã nghe rục rịch chuẩn bị chuyển quân ra Bắc. Tin đó được Tiểu đội phó Phan Thành Danh, người cùng làng rĩ tai:

- Có Hiệp nghị *Giơ-neo* rồi! Hai miền Nam - Bắc chia đôi ở vĩ tuyến 17. Lực lượng cách mạng trong này sẽ tập kết ra Bắc. Tụi mình sắp đi hết rồi, có đũa nào sợ hông?

Út Liêm nhảy tưng tưng vì mừng.

- Tau đi! Tau đi! *Làm trai cho đáng nên trai. Phú Xuân đã trái, Đồng Nai đã từng.* Đồng Nai tau chưa biết, Phú Xuân tau cũng chưa biết luôn. Phên này thỏa chí tang bồng.

Năm Chinh có vẻ buồn. Nhà còn một mình là con trai lớn. Thằng Sáu còn nhỏ. Rồi má bả trông cậy vô ai. Bữa đó về phép, đem chuyện tập kết ra nói với má, bả nẹt:

- Giờ không đi, ở đây coi như nạp mạng cho địch. Anh Ba mà cũng đi kìa, có sao đâu?

Chị Ba Chiến bình tĩnh, vui vẻ nhất nhà:

- Có chi đâu! Ráng hai năm, tổng tuyển cử cả nước rồi lại về chớ gì! Lúc đó tui mới hai mươi ba, còn mặc sức mà sinh con.

Rất tiếc là ước mơ đó của chị không thành, vì sau này anh Ba chồng chị ở luôn ngoài Bắc, có vợ con, không trở về với chị nữa.

Cũng có nhiều người mang niềm lạc quan, tin tưởng vào sự sum họp như chị Ba Chiến. Nhưng khi chuyện chia ly diễn ra, mọi sự mới thật buồn thảm. Nước mắt của vợ chồng, cha con, anh em thấm ướt vòng tay ôm. Ánh mắt quẩn luyến, giằng níu với một con đường quê mịn cát, một lối nhỏ vô rừng hay dãy núi nhấp nhô mấy mùa ẩn nấu chiến chinh. Tất cả trở nên trống vắng, hoang vu đến rợn người, từ trái tim đến cảnh vật. Bà Mười Hết gói trong chiếc khăn rằn bộ bà ba nâu, xấp bánh trắng

bột mì, dặn Năm Chinh đi đường lúc nào đói thì kiếm nước nhúng ăn đỡ. Bà mượn chị Ba Chiến hai chỉ vàng, đúc thành nhẫn giao cho con trai.

- Giữ mà phòng thân! Nếu có cưới vợ ngoài Bắc thì nói là nhẫn má cho con dâu!

Năm Chinh không có ý định cưới vợ Bắc. Từ ngày vô bộ đội, anh đã có người yêu là cô Loan mười bảy tuổi làm nghề thợ may. Loan xinh đẹp, dịu dàng theo kiểu gái quê. Cô cũng may tặng Năm Chinh chiếc áo sơ mi màu thanh thiên, hy vọng hòa bình mau trở lại để họ làm đám cưới.

- Hết hai năm, nhớ trở về hánh! Hông tui đi lấy chồng đó!

Cô hôn nhẹ lên má Năm Chinh, rồi chạy về phía sau, đứng trên một gò mối, nhìn đoàn quân nhộn nhịp bước chân, xa dần.

Tháng mười nôn nả trút những cơn mưa bất tận. Con sông Côn chậm rãi dâng nước từng phân từng phân, để rồi bất ngờ ngập lụt những cánh đồng hai ven bờ. Những bước chân hành quân hối hả, giày dép ngập trong bùn đất. Áo mưa bay phần phật, chỉ che kín khẩu súng, còn phơi ra, thấm ướt những chiếc bông nhỏ. Đồ dùng cá nhân phải hết sức gọn nhẹ, chỉ quan trọng là vũ khí đạn dược. Quần áo chỉ cần hai bộ, ra đến miền Bắc sẽ được cấp quần trang mới.

Cảng Thị Nại gió thổi ù ù, từng con sóng nhồi lên, quật mạnh vào bờ kè. Từng khối lính đứng tập trung thành những hình vuông, chữ nhật xám xịt. Chiếc tàu biển lớn của Ba Lan neo đậu sát cầu cảng, dập dềnh lên xuống. Mũi tàu nhô cao một đường vát chéo, màu sơn trắng trên thân và màu xanh thẫm bên dưới, vạch mơn nước còn cao. Hai cột buồm trên tàu như hai chàng khổng lồ, đứng dang tay chào đón những người lính đang rút khỏi trận địa của mình.

Đứng ở bãi cầu cảng, Năm Chinh cảm thấy lạnh run người. Có lẽ do thời tiết cộng với nỗi lo lắng hồi hộp trước một cuộc viễn chinh. Út Liêm tỏ ra thích thú, ngھn đầu ngó nghiêng hết chỗ này tới chỗ khác. Bỗng

hắn đập vai Năm Chinh, hét to:

- Coi kìa! Voi cũng lên tàu mày ời!

Năm Chinh ngạc nhiên ngó nhìn lên. Cầu cầu đang chuyển một ông voi bị nhốt trong chuồng gỗ lên tàu. Những tiếng hò reo động viên bùng lên vài giây rồi bị nén lại. Năm Chinh ghé tai Út Liêm, nói rằng mình đã nhận ra con voi già có vết rách ở tai trái kia, chính là con voi tham gia chở vũ khí đạn dược chiến lợi phẩm trong trận đánh cứ điểm An Khê hai năm trước.

- Nãy giờ có ba ông voi lên tàu rồi! Nấu đưa voi ra Bắc làm gì ta?

- Thì voi của bộ đội, giờ mình đi cũng phải mang theo chớ giao cho ai! Ra ngoài Bắc thiếu gì việc.

Khi đoàn quân từng tốp tiến về chiếc cầu thang hẹp, bắt đầu lên tàu, Năm Chinh mới phát hiện không thấy Tiểu đội phó Phan Thành Danh đâu. Hỏi anh em trong tiểu đội, ai cũng lắc đầu không biết. Chắc thằng chả nhớ vợ, chuồn ở lại rồi. Năm Chinh len đến chỗ anh Hòa Tiểu đội trưởng:

- Báo cáo anh! Không thấy thằng Danh đâu!

- Danh Tiểu đội phó hả? Từ chiều qua đã không thấy cậu ấy rồi. Thôi kệ! Chuẩn bị lên tàu! Kiểm tra lại súng đạn ha!

Dưới bãi cảng người đưa tiễn đông nghẹt. Trên boong tàu lính đứng chật, dồn cả về mạn trái. Hò hét ầm ĩ, la gọi tên nhau, nhả nhủ hện hò. Không thể nghe rõ gì hết. Người ta giơ tay vẫy chào tạm biệt, bàn tay cup ba ngón xuống, chỉ còn hai ngón hình chữ V. Út Liêm nôn nóng bên cạnh, hỏi Năm Chinh sao người ta giơ hai ngón tay lên ra hiệu cái giống gì?

- Trời quơ! Cái thằng...! Là hện nhau hai năm nữa trở về đó!

Út Liêm gật đầu ra vẻ hiểu, rồi há miệng cười hô hô, giơ hết cả năm ngón tay lên:

- Năm năm nha! Tui còn đi chơi khắp miền Bắc, năm năm sau mới về! Cái miệng thúi của thằng Liêm linh nghiệm sao đó, mà tới hai mươi

năm sau Năm Chinh mới trở lại Bình Định. Còn nó thì ở luôn ngoài Bắc, có lẽ năm mươi năm còn chưa muốn trở về.

Xuống hầm tàu, anh em chiến sĩ ở theo tiểu đội, chia nhau nằm trên dãy giường gỗ hai tầng ở hai bên sườn tàu, ở giữa chừa một lối đi khá rộng.

- Mấy ông voi nằm ở đâu ha? - Út Liêm hỏi, sau khi nhót lên tầng trên chiếc giường.

- Thì cũng nằm đâu đó trên tàu này chứ gì! Chắc tuốt dưới hầm tàu mà ời!

Cán bộ đại đội nhắc nhở anh em trật tự, không chuyện trò ồn ào. Ai mắc tiểu đại tiện gì đi về phía cuối tàu có dãy nhà vệ sinh. Đến bữa sẽ có thủy thủ nước bạn chở cơm tới chia cho từng người. Phải tỏ ra lịch sự, không tranh giành, cãi lộn nhau. Năm Chinh bực bội chửi thề. Nhắc vậy mà cũng nhắc. Bộ anh em chiến sĩ quê mùa quá hay sao. Nhưng ngay đêm đó, điều được nhắc nhở không thừa chút nào. Các chiến sĩ có người bắt đầu say sóng, nôn ói mặt xanh mặt vàng. Có người nằm bệt một chỗ, buồn tiểu mà không lết nổi tới khu vệ sinh, cố tụt xuống giường rồi ngồi tiểu ngay trên sàn tàu.

Ba ngày lao đao rồi cũng qua, Năm Chinh chỉ nôn nao trong người chứ không bị ói mửa. Chiều đó biển động, mây đen thấp giăng kín trên đầu. Chiếc tàu cập biển Sầm Sơn, Thanh Hóa, cách bờ khoảng một cây số.

- Kiểm tra hành trang, vũ khí. Chuẩn bị lên bờ!

Út Liêm xốc ba lô, lo lắng nhìn Năm Chinh:

- Ông nội tui cũng không biết bơi nữa. Bờ xa tít trong kia làm sao vô?

Chưa ai kịp trả lời Út Liêm, thì xuất hiện chiếc tàu chiến đen trũi, lồm lồm lao ra. Đó là tàu há mồm của Pháp, họ phải tăng bo vì trong gần bờ nước cạn, tàu lớn như Kilinski không vô được.

- Tàu Pháp hả? Tàu không thềm xuống đâu!

- Không đi tàu giặc! Anh em ta quyết không đi tàu giặc!

Ồn ào phản đối một lúc, rồi đầu vào đó. Đoàn quân lần lượt xuống tàu há mồm, phải ba chuyển trung chuyển mới hết người. Năm Chinh xốc lại ba lô, bước vô cái miệng đen ngòm của chiếc tàu. Mũi bắt gặp mùi thuốc tấy hay thứ thuốc gì đó rất khó chịu, tiếng hắt hơi vang lên đây đó.

- Má nó! Đúng là tàu thực dân! Thúi không chịu nổi!

Biển chiều le lói ánh mặt trời phía sau lưng con tàu. Sóng từng đợt hăm hở lao tới, rồi tan biến trên thành tàu. Khi tàu chạy gần bờ, bộ đội đã nhìn rõ đằng xa đông nghịt người, đỏ rực màu cờ vẫy chào. Người dân lấy những cây vầu to, bó lại thành những chiếc mảng, bắc cầu phao cho bộ đội lên bờ khỏi bị ướt giày và quần. Tiếng bước chân lao xao trên mặt cầu phao, sóng xô tới làm những bó cây vầu dập dềnh. Năm Chinh nắm tay Út Liêm nhảy xuống nước, lội ào ào vô bờ. Nước chỉ ngập ngang đầu gối. Những bàn tay già trẻ, trai gái từ phía bờ vươn ra, tranh nhau nắm tay các anh kéo lên. Những vòng tay mở ra, ôm chặt. Năm Chinh nhòe mắt vì cảm động. Anh nhìn thấy trước mặt mình là đám đông những tấm áo nâu bạc màu, vá vúi bằng đủ thứ vải cũ khác. Những bộ mặt dù đã cố tươi cười mà không giấu được vẻ tiều tụy, đói khát. Đồng bào Thanh Hóa còn khổ quá. Vậy mà tối đó, tiệc liên hoan đón bộ đội miền Nam tập kết được tổ chức rất đầy đủ. Có thịt heo luộc chấm muối ớt. Có canh cá tươi, xương ninh khoai lang. Lúc chiều, Năm Chinh nhìn thấy hai em bé gái con chủ nhà mình ở trọ ngồi chải chấy cho nhau, quần áo rách hở cả sườn, nên lúc ăn tiệc xong, anh gói mấy miếng thịt mỡ định bụng mang về cho tụi trẻ.

Gia đình ngư dân có năm người, đều rút hết xuống bếp để nhường nhà trên cho bộ đội. Hai đứa trẻ nhìn thấy mấy miếng thịt mỡ thì sáng mắt lên, chảy nước miếng, nhưng chúng nhìn bố mẹ, rồi lắc đầu không nhận. Lúc gần tối, thấy Út Liêm chạy theo Năm Chinh, vỗ vai anh, kêu lên:

- Chết cha rồi Năm Chinh! Bà con ở đây cực quá! Tau thấy bữa ăn của

họ chỉ có nồi cháo loãng với rau má.

- Để chút mình sốt cho anh chị chủ nhà vài ký gạo! Mình ra tới miền Bắc rồi, chắc được cấp thêm lương thực!

Vậy mà năn nỉ hết lời chủ nhà cũng không nhận cho. Út Liêm đem ruột tượng gạo bỏ vô trong buồng, lát sau thấy chị vợ mặt xanh mét lập cập xách ra trả lại:

- Mấy chú thương anh chị và các cháu... gia đình cảm ơn! Nhưng đừng cho gạo, cho thực phẩm. Cấp trên biết là khổ lắm!

“Vậy thì có cách rồi!” - Năm Chinh thốt lên. Đây có món bánh tráng đặc sản quê Bình Định, tui làm mời cả nhà với tiểu đội ăn cho vui. Cho vui thôi ha, hông bổ béo gì hết. Anh lấy bọc bánh tráng mà má dỡ theo cho, xin chủ nhà một thau nước lạnh và rổ rau má, món thịt heo luộc được thái chỉ từng lát mỏng. Bánh tráng cuốn rau má, thịt mỡ chấm nước muối ớt.

- Rồi! Mời bà con, anh em! Bánh tráng bột mì quê tui đó, ăn cho vui!

Anh em trong tiểu đội ngồi quây quần quanh chiếc nia. Chủ yếu họ cuốn bánh tráng mời chị chủ nhà và ba đứa trẻ, chỉ thỉnh thoảng mới nhấm nháp một miếng. Bọn trẻ hình như lâu lắm mới được một bữa ngon và no. Nước mắt những người lính âm thầm chảy. Con nít làm quen rất nhanh. Sau bữa bánh tráng đó, mấy đứa con nhà chủ đều quần lấy chân các chú bộ đội, đòi đi xem phim cùng. Năm Chinh cười hết cỡ, hai tay dắt hai đứa trẻ ra bãi, tuyên bố xanh rờn:

- Mai mốt lấy vợ, tau đẻ luôn sáu đứa nuôi cho đã!

Hôm sau có buổi liên hoan văn nghệ với chi đoàn thanh niên địa phương. Những bài hát về quê hương, vùng miền mang nặng tình cảm của người đi xa. Mấy anh em lên ca bài chòi, lính trung bộ thì nhớ nhà chảy nước mắt, nhưng anh em thanh niên ở đây nghe chẳng hiểu gì cả, cứ vỗ tay ào ào, vỗ tay để động viên nhau. Tới hồi họ hát dân ca Thanh Hóa với những nhịp nhấn sống động “dô tá, dô tà, ấy mấy khoan ta dô tà” thì anh em lính cũng như vịt nghe sấm. Chỉ có bài giải phóng Điện

Biên là ai cũng hiểu, cũng nhịp tay thật dồn dập, thật vang. Tới tiết mục múa sạp, mấy cô thôn nữ đầu chít khăn đen, quần đen áo gụ sờn vai mời các anh bộ đội miền Nam cùng múa. Bốn cặp cây nứa dài khoảng ba mét, gác trên hai cây vầu to. Hai người một cặp nứa đó, họ nhịp nhịp xuống cây vầu hai cái rồi gõ hai cây nứa với nhau một cái. Nhịp bốn “cách cách cách! cách”. Người múa đứng thành đôi, bắt đầu nhảy múa từ bên này qua bên kia, lần lượt hai bước vào khe nứa, hai bước ra bên ngoài. Người ta vừa múa vừa hát. “Sòn sòn sòn đô sòn. Sòn sòn sòn đô rê. Rê rê rê mí đô rê. Rê rê mí rê đô là...”. Năm Chinh vừa vỗ tay vừa hát nhẩm theo, một chút đã thuộc bài “Sòn sòn sòn đô sòn”, nhưng không dám nhảy múa. Thằng Liêm liều mạng bước vô sạp, cầm tay một cô thôn nữ lùn tịt, chân bước luýnh quính sai nhịp, bị hai cây nứa đập vô ống chân đau điếng.

Ba ngày sau, đơn vị bắt đầu hành quân bộ dọc đất Thanh, vừa đi vừa nghỉ lại nhà dân. Có nơi nghỉ một tuần, có nơi nghỉ nửa tháng. Hỏi cán bộ tiểu đoàn, Năm Chinh biết được từ đây vô xứ nẫu của mình gần chín trăm cây số. Xa quá là xa, mà con đường cứ tiến dần ra phía Bắc, nối dài khoảng cách hai miền. Mùa đông xứ Bắc nghiệt ngã và buồn tẻ. Những ngày chủ nhật, Năm Chinh thường mang chiếc áo sơ mi màu thanh thiên ra ngắm nghía, tính mặc đi chơi, xong lại thôi. Đây là từng đường kim, mũi chỉ còn hằn dấu bàn tay nhỏ nhắn, búp măng của Loan. Anh sợ chiếc áo bị bạc màu, sợ tình yêu bị đứt đoạn. Biết vậy, xin má cưới nhỏ Loan cho rồi. Dù gì thì mình cũng người lớn, mười tám tuổi rồi chớ non nớt gì nữa. Ước gì nằm ngủ một giấc, tỉnh dậy đã thấy hai năm trôi qua. Lúc đó anh em tập kết sẽ lên hết một chuyến tàu hỏa, chạy suốt từ ga Hàng Cỏ tới ga Diêu Trì.

Rét tê tái. Gió đông bắc cứ veo veo thổi trên đường, từ nhà ra đến thao trường. Đơn vị đã bổ sung áo dài thu đông và cả áo trấn thủ nữa mà không đỡ rét. Có bữa lạnh quá, Năm Chinh phải lấy cả chiếc áo “lời hẹn hai năm” của Loan mặc ngoài áo lót, xong mặc thêm chiếc áo xuân

hè, khoác áo trấn thủ và áo thu đông ngoài cùng, vậy mà chân tay vẫn buốt cóng. Buổi tối, lính ngồi sinh hoạt trên những chiếc ghế xếp tự đóng bằng bốn thanh gỗ và mấy đoạn dây bạt vốn là quai súng cũ, có người rét quá khoác cả tấm chăn mỏng lên người. Út Liêm học ở đâu rất nhanh một bài hát ngồ ngộ, mỗi khi sinh hoạt đơn vị hẳn đều xung phong hát, anh em vừa vỗ tay theo vừa cười nghiêng ngả:

Sáng hôm nay, anh tôi vác súng

Vác súng ra thao trường

Anh bắn như thế này là anh bắn như thế kia

Như thế này là như thế kia.

Hỡi anh ơi! Anh chăm bắn súng

Bắn súng cho hăng vào!

...

Em yêu anh, em yêu anh, em yêu anh.

Bài hát rất dí dỏm, có ba đoạn, hai đoạn kia chỉ thay mấy câu đầu là: “Sáng hôm nay anh tôi vác cuốc, vác cuốc ra thăm đồng”, hoặc “Sáng hôm nay anh tôi vác búa, vác búa ra công trường”. Sau này thì đơn vị của Năm Chinh chia sẻ thành mấy nhóm. Nhóm làm nông, lâm trường thì “vác cuốc ra thăm đồng”. Nhóm vào nhà máy, công trường thì được “vác búa ra công trường”. Bắt đầu những năm tháng sống và lao động, rèn luyện trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Riêng Năm Chinh, sau này anh còn được đi học thêm văn hóa, rồi thi vào Trường Đại học Xây dựng. Được sống an nhàn một thời gian ở Thủ đô Hà Nội mà thời gian phũ phàng kéo qua cái mốc “hai năm” của Hiệp định Giơ-ne-vơ. Anh đã có một cô vợ xinh đẹp người gốc Hà Nội, sinh ra được hai người con mang gốc gác Tràng An.

Thời gian nhoáng nhoàng như tiếng vọng của đạn đại bác. Hai năm sau khi những người đi tập kết đã yên ổn cuộc sống ngoài Bắc, thì ở Phù Cát tất cả mới bắt đầu. Những hy vọng và chờ đợi tắt ngấm về một cuộc Tổng tuyển cử. Súng lại đi đùng nổ. Làng quê rục rịch cựa mình để thích ứng với hoàn cảnh mới. Lúa vẫn xanh, mì vẫn tốt, bụi tre cạnh bờ ruộng vẫn chồi lên mấy đọt măng non. Tiệm tạp hóa của chị Ba Chiến ngày càng đông khách. Vải, gạo, mắm là những thứ người dân không thể thiếu.

Chị Ba Chiến bữa nay nhận về một lô vải mới, từ Quy Nhơn chuyển lên bằng xe lam. Khi chiếc xe kêu xạch xạch, phun khói mù mịt chuẩn bị quay đầu, người lái xe mới ghé tai chị nói vội:

- Anh Hai dặn chị ráng lên! Buôn bán sinh lời, phải chi tiêu gì thì cứ chi, miễn là có lợi cho gia đình.

Chị Ba gật đầu. Anh Hai là mặt hiệu của tổ công tác bí mật. Gia đình là ám hiệu tổ chức của ta vừa tiếp tục hoạt động trở lại sau khi toàn bộ lực lượng rút hết ra Bắc. Cần phải hợp thức hóa việc kiếm tiền và cơ sở vật chất để lo cho các hoạt động của ta. Tổ chức rút vốn về cho chị Ba Chiến làm nhiệm vụ này, vì chị vốn có khiếu buôn bán.

Bà Mười Hết từ khi đồng ý cho Sáu Hùng nhảy núi thì khép mình sống trong căn nhà cũ, chứ không ra ở với Ba Chiến. Cho Sáu Hùng theo anh em lên chiến khu luôn, lỡ ở nhà loạng quạng tại nó bắt quân dịch thì sứt đầu mẻ trán không chừng. Năm Chinh tập kết rồi, nhưng biết đâu nó bí mật trở lại chiến trường Khu 5, anh em nổ súng vào nhau thì bà còn khổ hơn.

Sáng nay, vác cuốc ra lấy nước vào ruộng lúa, bà Mười ngạc nhiên thấy mấy đọt măng trong bụi tre cạnh bờ ruộng bị ai đó bẻ mất. Kỳ vậy

ta? Xứ mình có ai sanh tặc trộm cắp sao? Từ hồi nào tới giờ, làng xóm không mất trái khóm, đọt măng hay bụi mì bao giờ. Bà chửi đồng:

- Tổ cha tui bây! Ăn cắp gì cho đáng, lại đi lấy mấy đọt măng. Chắc họ hàng, cha con bay sắp chết đói hết rồi.

Bà cúi xuống nhìn tận nơi. Tổ cha nó, lấy măng cũng không biết dùng dao rựa cắt cho đàng hoàng, lại bẻ ngang cây măng vậy mới xót ruột chó. Bà bỗng giật mình, nghe tiếng đàn ông ở đâu đó:

- Má! Má đừng chửi nữa!

Bà Mười cứng họng, lát sau mới lập bập:

- A... a... ai? Thằng Năm hả?

Tiếng nói phát ra ngay dưới chân bà. Thì thảo giống y chang giọng Năm Chinh:

- Má! Con là Tư Danh, bạn thằng Năm. Má ngồi xuống đi, giả bộ đang nghỉ...

Thằng Tư Danh thì bà biết rồi, nó là chỉ huy của thằng Năm Chinh. Cái thằng miệng rộng, cười nói tía lia tối ngày. Bà giả bộ ngồi xuống, lột nón ra quạt lia lia, miệng vẫn cảm rằm chửi đứa nào trộm măng nhà mình, mà tai thì nghiêng xuống, lắng nghe. Tư Danh nói rằng, nó được phân công ở lại gây dựng phong trào cách mạng. Thời gian trước nó ở chiến khu, giờ về đây móc nối cơ sở. Tư Danh bí mật đào hầm ngay dưới bụi tre nhà bà Mười Hết, có bẻ mấy đọt măng để đánh lạc hướng tui địch, cũng là tìm cách liên lạc với bà và Ba Chiến.

- Má với chị Ba Chiến nói anh em hãy vững lòng. Nếu có thể, má đào cho cái hầm, mai mốt con đưa anh Bảy bí thư Liên chi bộ về nắm tình hình.

Bà Mười Hết thủng thẳng ra về, tiếp tục vừa đi vừa chửi:

- Tổ cha tui chó! Rồi sẽ biết tay bà! Chờ đó ghen bay!

Làng xóm biết bà đang chửi mấy đứa trộm măng, nhưng thực ra trong lòng bà đang chửi thằng thiếu úy Trịnh trưởng đồn và lũ lính lác hay vô xóm hoành hành, dọa nạt bà con, nhất là những gia đình có người

đi tập kết.

Chiều tối thấy bà Mười Hết ống quần cao, thấp chạy ra tiệm, chị Ba Chiến ngạc nhiên hỏi má:

- Có chuyện gì gấp hả má?

- Ủa!

Bà đảo mắt nhìn, thấy hết khách vô mua hàng rồi mới nói nhỏ:

- Thằng Tư Danh mới về móc nối! Bên mình chắc hoạt động lại rồi.

- Con cũng đang sốt ruột! Thấy bọn nó làm quá, chịu hông nổi.

- Tau tính đào cái hầm ngay dưới nền bếp! Bay thấy sao?

- Được đó má! Làm đi! Tối tối con về phụ.

Bà Mười Hết kêu cha con lão Ba Thọt tới, thuê gánh đất ngoài vườn vô đắp thêm nền bếp và chuồng heo. Mùa mưa tới rồi, nền thấp quá nước ngập ướt hết. Khi cha con Ba Thọt đắp xong nền bếp, thì cái hầm cũng xong. Ban ngày cha con họ đào đất vườn gánh đổ vô, ban đêm má con bà Mười đào hầm, xúc đất đổ lên ngay nền chuồng heo, vừa tiện vừa bí mật. Tiền công thuê đổ đất, chị Ba Chiến đưa cho má, trích từ công quỹ. Đây là lần đầu tiên tiền lãi của tổ chức được sử dụng.

Chị Ba Chiến không đẹp nhưng có duyên. Với chiều cao một mét sáu lăm, chị tự nói “đàn bà mà cao vậy là hơi hỗn so với đàn ông”, nên kén chồng cũng khó lắm. Đụng thằng chồng thấp, lúc nào nó cũng phải ngược lên hỏi này kia, kia nọ, sợ tự ái. Mà lúc đi ra đường, tới đám tiệc, đám họ, chồng lách chách đi bên vợ ngó thấy bực mình. Nếu lấy chồng cao hơn một cái đầu, thấy cũng kì cục đời quá, chớ đâu vợ nào chồng nấy y chang cây cau nếp. Nếu kiếm được anh chồng cao bằng nhau thì đẹp hơn, cứ như đôi dưa ấy, ai nhìn vô cũng thích. Vậy mới trầy trật, lê lét miết, tới năm hai mươi tuổi, đi tham gia “bình dân học vụ”, Ba Chiến mới gặp anh Tịnh, một người đàn ông của lòng mình, có học thức, đẹp trai và quan trọng là cả hai sáp lại bằng chận như đôi dưa son. Giờ anh đi tập kết, bỏ lại người vợ trẻ mới quen hơi chồng. Hằng đêm, Ba Chiến thao thức nhớ đến phát cuồng!

Thiếu úy Trịnh trưởng đồn Tam Sơn để mắt tới Ba Chiến từ lâu. Con nhỏ có chồng tập kết này cũng là một trong nhiều đối tượng cần tiếp xúc, vận động ly hôn chồng Việt cộng, hoặc ép cho họ lấy chồng là lính quốc gia càng hay. Nhưng thiếu úy Trịnh còn cảm thấy tiếc. Ba Chiến có cặp giò dài miên man, eo lưng con kiến, cặp mắt to tròn và nhất là mái tóc đen dài chấm mông. “Má ơi! Bộ ngực tròn gọn, mây mẩy, làm đàn ông nhìn vô phải chảy nước miếng. Người này nếu chịu làm bà thiếu úy nhỏ, dặm chút son phấn lên mặt, diện váy đầm hoặc áo dài hở ngực kiểu bà Lệ Xuân là trở thành mỹ nhân xứ nẫu luôn”.

Chiều thứ bảy, thiếu úy Trịnh cùng ba tên lính thả bộ vô chợ, nhằm tiệm tạp hóa của Ba Chiến thẳng tới. Nơi buôn bán của con vợ Việt cộng này cũng khá khang trang. Đằng xa nhìn lại, thấy mặt tiền tiệm tạp hóa bề ngang bốn mét, mái lợp thiếc mới, tường xây gạch ba tanh. Chiếc tủ gỗ bưng kiếng phía trước, ngăn trên bày ngăn nắp những thuốc lá, hộp quẹt, bột nêm, bánh trái, ngăn dưới xếp từng cây vải đủ màu. Ba Chiến ngồi phía trong, áo bà ba xanh dương, tóc búi cao trên đỉnh đầu, nghiêng đầu chăm chú trên bàn máy may hiệu Singer. Tiếng máy may kêu tành tạch, vẫn không át được tiếng nói khen khét từ phía ngoài:

- Chu cha! Chị Ba vẫn còn chiếc máy hiệu Singer của Pháp ngon quá hén!

Ba Chiến liếc mắt nhìn ra, thấy tên đồn trưởng đứng trước hè nhà, nhịp nhịp bên chân ngăn ngủn dưới tấm thân tròn như khúc giò mỡ. Thằng này hồi nhỏ học đệ nhất cùng Năm Chinh. Đôi mắt hấn giấu sau cặp kính đen, nên chị Ba Chiến không biết được cặp mắt cú đó đang nhìn hau háu vô cổ áo bà ba khoét rộng.

- Thưa ngài thiếu úy mới tới! Xin mời quý ngài vô uống nước. Dạ! Tiệm nhỏ chật hẹp quá, mong thiếu úy thông cảm.

- Hức hức hức! Hồng có sao đâu chị Ba! Miễn tấm lòng rộng mở là được mà! Chị buôn bán có được hông?

- Dạ cũng tạm tạm thưa ngài!

Chị cố nở nụ cười tươi, đứng dậy đón khách. Thiếu úy Trịnh lại cười hức hức, cười gì giống hệt con khỉ đột. Hắn hít hà:

- Buôn bán vậy mà tạm tạm gì nữa! Nói thiệt với chị, từ khi có nền đệ nhứt cộng hòa tới nay, bà con ai cũng dễ thở hết! Như chị Ba đây, chồng và em trai đều tập kết ra Bắc, mà chính quyền có làm khó dễ gì đâu! Hánh?

Bây giờ nó mới kiểm chuyện với mình đây. Ba Chiến tự nhủ trong lòng, rồi bất chợt phá lên cười. Điều cười sảng khoái, khoe hết hai hàm răng hạt bắp, làm thiếu úy Trịnh giật mình vì bất ngờ.

- Dạ! Cũng là hai bên cùng thi hành Hiệp định *Giơ-neo* mà thiếu úy. Chồng và em trai tui đâu có muốn đi.

- Giờ này bà con mình đừng ai nhắc tới *giơ-neo*, *giơ đậu* gì nữa nhen! Không có tổng tuyển cử gì hết ráo! Miền Nam là của chính quyền Ngô Đình Diệm. Ai muốn chung sống yên ổn với chính quyền, thì hãy cắt đứt liên hệ với những kẻ đang sống ngoài Bắc. Chị đó! Hãy làm đơn xin ly hôn thằng chồng Việt cộng đi! Lấy chồng quốc gia cho dễ bề sinh sống, làm giàu.

Nhìn cái mặt ngẩn ngẩn đỏ rần lên, Ba Chiến biết tên này đang bốc hỏa, nên chị dịu xuống:

- Dạ! Mấy ổng ra ngoài Bắc biết đâu mà chờ. Ngài thiếu úy có dám nào làm mai cho em với!

Khuôn mặt ngẩn giã ra, vui vẻ trở lại:

- Vậy thì tốt rồi! Tui sẽ làm mai cho chị Ba một người có chức có quyền hẳn hoi. Chị nhớ lời đó nha!

Nụ cười có chút lảng lơ đưa tiễn mấy tên lính trở ra.

Tư Danh và anh Bảy bí thư tìm về nhà bà Mười Hết vào một đêm tối trời, lất rắt mưa. Đưa hai người xuống hầm xong, bà Mười bất ngờ lo lắng. Mưa lất rắt như vậy, chắc đất ướt để lại dấu chân, làm sao bây giờ. Rồi bà liềm cầm cây đèn dầu bước ra sau vườn, miệng kêu:

- Ụt, ụt! Ụt! Trời quoi, heo với gà! Tối rồi nó còn phá chuồng ra nữa.

Ut ut!

Dưới ánh đèn tù mù, bà nhìn thấy mấy dấu chân in mờ cạnh liếp mì. Thật chậm chạp, bà cầm đèn bước từ bờ cỏ đầu vườn vô nhà, đập lên dấu chân cũ của hai người kia. Nhưng mới được mấy bước, trời bỗng trở gió, mưa quật đùng đùng, xối xả, như giội nước xuống đầu bà già. Chỉ kịp kéo vạt áo che bóng đèn, bà Mươi vừa chạy vừa chửi:

- Má nó! Cho bay chết rét luôn! Đồ heo quỷ sứ!

Chưa vội thay đồ ướt, bà mở cửa hầm tuồn xuống bọc lá chuối còn ấm nóng:

- Mì gòn ngon bay ơi! Ăn đỡ đi khỏi đói!

- Cám ơn má!

Tư Danh thì thảo, giơ tay đón bọc mì rồi tụt vội xuống hầm. Bà Mươi rắc tro bếp lên trên miệng hầm, lấy cái nia rách che lại. Đêm hôm sau, nghe ngóng thấy êm, Bí thư Bảy gõ nắp hầm xin lên nói chuyện với chủ nhà. Bà Mươi Hết lúc đó mới hay chủ trương của trên có thay đổi. Từ đấu tranh chính trị, chuyển dần sang động thái chuẩn bị đấu tranh vũ trang. Anh Bảy đưa cho bà Mươi một tờ giấy, dặn:

- Nhờ má giữ gìn! Đây là sơ đồ vị trí quân ta chôn vũ khí trước khi tập kết. Lúc điều kiện chín muồi, sẽ móc lên chơi với địch. Con đi lại nhiều, lỡ xảy ra điều gì, mất sơ đồ là nguy hiểm.

Sự lo lắng của Bí thư Bảy là có cơ sở. Hiện tại, chính quyền họ Ngô đã đặt Việt cộng ra ngoài vòng pháp luật. Bắt bớ, tù đày, máy chém làm náo loạn cuộc sống thường nhật. Sự lo lắng của anh Bảy không lâu sau đó đã xảy ra. Đêm đó, khi chui lên khỏi hầm đi dự họp chi bộ ở xã trên, anh còn mượn bà Mươi Hết con rửa cầm theo phòng thân. Nửa đêm, thấy tiếng súng nổ ran phía Bàu Tre, bà lo thắt ruột. Sáng ra tin bay khắp thôn, rằng lính quốc gia phục kích bắn chết một người nghi Việt cộng nằm vùng. Bà con trong thôn bị lính thúc súng sau lưng ra trước sân nhà hội đồng xã để nhận diện thi thể. Người đàn ông trạc bốn mươi tuổi, mặc bộ đồ đen, cặp chân mày rậm như chổi sể. Anh nằm dưới đất,

chân co chân duỗi, nằng rang khô những vết máu trên ngực và cổ, ruồi nhặng bay lên bay xuống, bu kín mép và hốc mắt. Từng tốp người đi tới, tò mò và xót thương nhìn thi thể rồi quay về. Họ không biết Bí thư Bảy vì anh không phải người trong xã. Chị Ba Chiến bị ép ra nhận diện hồi cuối chiều. Nhận ra anh Bảy, Ba Chiến rụng rời chân tay, cắn chặt răng đi về tiệm tạp hóa. Vừa tới nơi, chị không kịp mở cửa, liền hộc tốc chạy sang nhà má, báo tin dữ. Bà Mười Hết chỉ thở dài thượt một tiếng, rồi nói nhỏ:

- Chết cha tui rồi! Còn cây rựa!
- Rựa nào hả má?
- Cây rựa nhà mình, hồi hôm thằng Bảy mang theo...

Từ giấc trưa, bốn tên lính thân tín cùng đồn trưởng Trịnh đã cầm cây rựa đi từng nhà trong thôn để hỏi:

- Cây rựa này của nhà thím hả?
- Dạ hông phải!
- Ê! Có biết cây rựa này của ai không?

Ai cũng lắc đầu. Ở quê nhà nào không có hai, ba cây rựa, nhưng cây rựa mẻ một miếng ở phần mũi thì không ai nhận hết. Bọn lính mồ hôi đầm áo, mệt rã chân cẳng, đang muốn trở về thì tới trước nhà lão Chín Ròm. Lão già vừa ốm vừa nặng tai, ngồi mài dao dưới gốc cây mít. Tiếng lưỡi dao chà lên đá mài soàn soạt, khiến lão Chín Ròm không nghe bước chân tụi lính. Thiếu úy Trịnh vứt cây rựa xuống trước mặt lão già:

- Rựa nhà lão phải hông?

Chín Ròm không nghe tiếng vì nặng tai, chỉ cầm cây rựa lên nhìn, lấy ngón tay gại gại lên lưỡi rựa:

- Ủa! Mới mài ba bữa trước mà! Bả nói mài nữa hả?

Thiếu úy Trịnh la lên mừng rỡ:

- Mới mài hả! Rựa của bà nào?

- Rựa nhà bà Mười Hết chứ ai! Lưỡi rựa bị mẻ một miếng nè, qua mới mài cho chứ gì.

Tên Trịnh chop vội cây rựa, khoát tay ra hiệu cho bọn lính: “Vây là tên Việt cộng này đi từ nhà mù Mười Hết. Con mù Việt cộng già này góp thiệt”.

- Tới vây nhà liền! Không chùng con mẻ trốn mất tiêu rồi!

Đúng là hai má con Ba Chiến đang giằng co nhau việc trốn hay không trốn. Bà Mười Hết kiên quyết:

- Má hông trốn! Bể mánh bể mung hết! Má mà trốn bi giờ, mày với con Bảy cũng hông yên đâu! Mà chắc gì tụi nó biết con rựa nhà mình!

- Con lạy má! Má tránh đi chỗ khác ít bữa! Lên với cậu Tám khi nào yên yên rồi về! Nè má cầm ít tiền rồi đi lẹ đi má!

Bà Mười thấy xuôi tai, cầm tiền con gái vừa đưa cho, nhưng trễ mất rồi. Thiếu úy Trịnh và bốn thằng lính, súng lăm lăm đã vây quanh nhà. Cả hai mẹ con bị trói thúc kè, dẫn về đồn. Sau một đêm, Ba Chiến tìm cách trốn ra ngoài, để ba ngày sau đau đớn nghe tin má chết vì bị tụi thằng Trịnh tra tấn. Thân già chịu đòn không được mấy hồi, bà Mười Hết nằm lịm đi trong phòng giam. Trước đó bà không khai ra điều gì, cứ một mực là bị người ta lấy trộm rựa mang đi. Thấy bà già yếu quá, hơi thở thoi thóp, lính đồn kêu người nhà lên mang về. Chị Ba Chiến khi trốn ra khỏi đồn, đã về thu gom hết tiền, vàng, nhờ người coi giùm cái tiệm tạp hóa, rồi đem em gái tránh sang nhà mẹ chồng bên chợ huyện Phù Cát. Má chồng chị thấy dâu về thì mừng quá, mổ vịt nấu cháo cho ăn. Mấy ngày sau, nghe tin sui gia chết, bà má chồng với cô Bảy về dự đám tang.

- Thôi con Ba về ở hẳn bên này với má. Chứ một mình cực lắm con ơi! Thằng Tịnh có trở vô, còn biết vợ ở đâu mà kiếm.

Mấy năm nay, chị Ba Chiến tuy ở riêng buôn bán, mà thực ra do yêu cầu hoạt động bí mật, nên không ở cùng với má chồng. Nhưng tháng nào chị cũng về nhà chồng, chăm sóc má, lo giỗ chạp, hoặc tranh thủ phát cỏ trong vườn. Hồi này tụi địch “đánh rắn động cỏ”, chị không thể bám trụ ở gần nhà nữa. Xem ra ý má chồng cũng hợp lý. Chị quyết định

ở lại, chuyển qua nghề đi buôn bê, nghé. Việc buôn bán bê, nghé cần phải có kinh nghiệm. Như con bê mua về bán cho lò mổ thì phải dùng mắt ước lượng được trọng lượng của nó, tính ra xem số thịt sẽ được bao nhiêu. Hoặc con nghé sử dụng cho việc cày kéo, thì cần xem kỹ răng, ức, vai, móng chân mà đánh giá con này lớn lên sức cày kéo như thế nào. Ba Chiến là dân mới vô nghề, vừa làm vừa học, vừa có tính liều lĩnh, nên buôn bán cũng trôi trợt, lúc lời lúc lỗ. Nghề này chỉ vui vì được đi nhiều, chỗ nào cũng có bầu bạn. Chị cũng tập tành ăn nhậu y như đàn ông, có bữa mua bán được lời nhiều còn mời bạn phùng nhậu mát trời ông địa, say lê lết phải ngủ lại nhà người quen.

Lần dắt nghé qua sông Địa Lưu, mấy bà nông dân xì xầm rằng, dưới sông nhiều bao bố trôi nổi lắm, mùi hôi thúi nồng nặc ám từng chiếc lá, vạt cỏ dọc bờ sông. Có người tò mò kéo những bao tải vô, mở ra coi thì tá hỏa thấy trong đó là xác người. Đàn ông, phụ nữ đều có hết. Họ bị trói tay ra sau lưng, bịt miệng nhét trong bao bố, cột chặt dây bên ngoài rồi ném xuống sông. Hồi này, thấy lính ông Diệm thay đổi cách gọi từ Việt Minh sang Việt cộng. Đây có lẽ là kết quả của “Chiến dịch tố Cộng” sùng sục hơn một năm nay, chúng nó từng tuyên bố “giết lầm hơn bỏ sót”, những nạn nhân chết thê thảm này chắc nằm trong số đó.

Lần khác, nghỉ trưa bên Phù Mỹ, thấy người ta túm tụm bên quán bún nem, lao xao:

- Trời quơ! Thằng chiêu hồi đó tui ngó quen lắm! Giống cái lão...
- Tào lao bà ơi! Ngó quen sao nó không chỉ điểm cho lính bắt bà đi luôn?

- Kệ nẫu! Nẫu không có Việt Minh, Việt gian chi hết! Sao bắt?

Qua khúc cạn sông Lưu Tinh, chị cột dây cho con nghé ăn cỏ, rồi lội xuống khoát nước rửa mặt. Bóng nước soi uốn éo khuôn mặt tròn có cặp chân mày xếch, mái tóc đen dài muốn xổ ra, chảy xuống cùng dòng sông. Lòng chợt nhói lên nỗi nhớ chồng, nhớ em. Mọi cơ hội đoàn tụ đã phũ phàng trôi đi như dòng nước kia. Giờ này anh Tịnh làm gì? Sống với

miền Bắc xã hội chủ nghĩa, không giặc giã, súng đạn, chắc ảnh béo tốt lên nhiều rồi, không gầy ốm, lêu nghêu giống cây tre nữa. Mấy người sướng quá mà. Nói đi tập kết là đi cái một, không ngó lại phía sau coi người ở lại sống khổ nhục ra sao. Anh với thằng Chinh chắc chưa biết tin má đã mất đâu. Má chết cơ cực lắm, đau đớn lắm. Tới lúc đem chôn cũng chỉ vài người thân thiết trong nhà khiêng vôi ra cái huyết nông mà lấp, chứ có được tổ chức đám tang làng hoàng như người già khác. Sợ liên quan tới họ. Đến chị bây giờ, đi tới lui trong thôn như chiếc bóng vật vờ, không ai muốn chạm mặt. Cái nhà con đó, hai người đi tập kết, bà già mới bị bắt giam tra tấn đến chết, ngu sao mà thân thiết! Giữa lúc hiểm nguy, gian khổ này, lòng người cũng dễ đổi thay. Mỗi khi đi ngang qua núi Bà, nhìn lên hòn đá Vọng Phu trên đỉnh, chị còn thấy lòng mình lung lay, chao đảo. Chắc cuộc đời chị cũng sẽ xám mốc như tượng đá kia thôi.

Sau chuyến đấy, có lẽ chị không đi buôn bán ghé nữa. Những quãng đường xuyên núi vắng vẻ, ẩn chứa bao nguy hiểm. Làm sao biết được không có toán lính nào phục kích bên đường, không có những viên đạn găm vô ngực chị dù chỉ là nghi ngờ. Bữa má chết, con Bảy về lo tang ma, khi xong rồi trở lại đưa cho chị một bọc giấy kiếng:

- Lúc sắp chết, má đưa tui thứ này, dặn đưa tận tay cho chị Ba. Khi nào Tư Danh về thì giao lại cho anh.

Tờ giấy xé từ tập vở, nét bút chì đậm vẽ ô hình chữ nhật, có mũi tên chỉ tới mấy vòng khuyên bên trong toàn ký tự và con số. Đây là sơ đồ kho vũ khí của tổ chức vũ trang huyện, được chôn giấu trước khi quân ta tổ chức tập kết ra Bắc, chỉ những người nắm được ký hiệu bí mật thì mới tìm thấy. Ba Chiến dùng bút bi, vẽ lại y chang tấm sơ đồ sau lá cờ vàng ba sọc, treo ngay trước bàn máy may. Chị nói với má chồng, sẽ ra thuê căn nhà ngoài ngã ba thôn, làm may lại.

- Ừa! Con tính sao đó tính! Chớ thấy bay đi khuya về sớm má hông yên lòng.

Căn nhà nhỏ của mụ Biền khá sạch sẽ. Từ ngày mụ về vùng biển với con gái, căn nhà bỏ không. Sau hàng bông bụt trước sân, giờ vang lên tiếng máy may rào rào, lạch xạch. Cây dừa già góc sân nghiêng xuống quầy trái non, thân mốc thối còn một vết thương toang hoác do miếng pháo từ hồi quân Pháp đánh nhau với Việt Minh. Khách tới cũng năm ngày bảy bữa được một người. Thường là tới sửa lại quần áo cũ, vá đũng quần tây hoặc lộn cổ áo sơ mi. Lâu mới có mỗi tới may áo cưới hoặc may đồ cho trẻ nít.

Linh tính cho chị thấy điều gì đó bất ổn. Hằng ngày con thoi máy thôi thúc vào tâm trí nỗi lo lắng vô cớ. Chị moi tấm sơ đồ dưới bếp lên, gấp lá cờ vàng ba sọc lại, gom một số tiền, vàng nữa đem gói kỹ mấy lượt vải mưa. Đêm đến, bắc thang trèo lên cây dừa, bỏ tất cả vào hốc đạn pháo, móc đất trét kín lại. Với tình hình địch ruồng bỏ, đàn áp quyết liệt các tổ chức Việt Minh còn ở lại miền Nam, không biết điều gì sẽ xảy ra. Mấy đầu mối liên lạc đều mất tích, không thấy tín hiệu trở lại. Những vụ thủ tiêu các đối tượng nghi ngờ liên quan đến Việt Minh, hay tàn sát trắng trợn số cán binh của ta, thấy rõ ý đồ thâm độc của chính quyền Ngô Đình Diệm muốn loại lực lượng cộng sản đối lập ra khỏi vòng pháp luật. Chị quyết định liều đi Quy Nhơn một chuyến, liên lạc trực tiếp với “anh Hai” theo phương án khẩn cấp. Ít nhất thì chị cũng được cấp trên chỉ thị cho phải làm gì trong giai đoạn ác liệt này.

Lấy có đi mua thêm vải đẹp để cắt may áo dài, chị ngồi xe đồ hết buổi sáng mới ra tới Quy Nhơn. Loanh quanh một hồi, quẹo hết hẻm nhỏ ra tới đường cái, chị đứng trước một tiệm vải lớn có chậu bông giấy đỏ ngoài sân. Cánh cửa kiếng cao hơn đầu người nhìn rõ những kệ vải đủ màu. Cô bé chừng là người giúp việc, tóc cắt ngắn, áo bà ba màu vàng chạy ra:

- Cô Hai mua vải ạ?

- Ừa cô mua vải! Tiệm còn bán vải tê-tơ-rông màu hoàng yến hồng em?

Con nhỏ ngó nghiêng một hồi mấy kệ vải, quay lại nói:

- Để con hỏi ông chủ! Cô Hai chờ chút!

Ông chủ tiệm là người đàn ông đầu hói lảng, bộ bà ba màu xám tro có gài nút gỗ như dân ba Tàu. Nhìn thấy Ba Chiến, ông nheo mắt:

- Cô mua vải gì?

- Dạ vải tê-tơ-rông màu hoàng yến để may áo dài!

- Cô mua nhiều hông?

- Dạ một cây thôi!

Ông ta mang ra một cây vải màu mạ non, đưa cho chị:

- Tiệm hết loại kia rồi! Cô mua đỡ loại này may áo dài cũng tốt, giá lại rẻ.

Liếc nhìn xung quanh, rồi ông ta nói nhỏ:

- Cô đừng bao giờ tới đây nữa! Đi liền đi!

Không kịp nhận tiền của khách, ông chủ vội bước trở vô, sai con nhỏ người ở khép cửa lại, mang chiếc ghế gỗ bắc ngồi trước nhà canh chừng. Ba Chiến cảm thấy ớn lạnh sống lưng, vội ngoắc xích lô chở cây vải ra bến xe đò. Thôi rồi! Chắc bể cơ sở hết. Hèn chi chỗ nào cũng im re, mất công chị mấy tháng trời đi mua bê nghé mà không móc được ai. Lên xe đò, chị chọn chỗ ngồi tận cuối xe, mà vẫn cảm thấy mọi người đang đổ xô ánh mắt nhìn mình. Chiếc xe chạy dần xóc qua những ổ gà nhỏ, vì ngồi phía sau nên chị bị hất cả người lên, đầu chạm nóc trần. Những suy nghĩ lan man làm chị không tập trung nhìn xe đã đi tới đâu, nhưng biết sớm muộn gì tối cũng về tới nhà. Chớm đất Phù Cát, xe bị chặn lại ở trạm Đập Đá. Ba Chiến đang lơ mơ, giật mình khi nghe lơ xe la:

- Bà con cô bác xuống cho cảnh sát soát xe chút hánh!

Một nhóm cảnh sát và mật vụ, vừa quân phục vừa thường phục bảy, tám người, đứng quanh chiếc xe jeep. Tên chỉ huy nghinh ngang bước ra, cười lịch sự, chiếc răng vàng lóe sáng trên miệng:

- Cảm phiền bà con mấy phút thôi! Giờ từng người đi ngang qua chiếc bàn kia, rồi bước lên xe, về nhà! Vây thôi!

Bây giờ chị mới phát hiện bên cạnh chiếc bàn gỗ là chiếc ghế có người đàn ông cao dong ngồi im lặng. Bộ bà ba màu đen cũ không che được thân hình ốm o. Lại là chiếc bao vải đen trùm kín mặt, khoét ba lỗ nhỏ. Hai lỗ mắt và một lỗ miệng để người này thi thoảng đưa điếu thuốc lá lên, rít mạnh. Từng sợi khói bị nén lại trong lồng ngực, nhả ra từng chút một, phất phơ bay lên. Đây lại là một tên chiêu hồi muốn chỉ điểm bắt người. Hành khách trên xe lo lắng nhìn đám lính, rụt rè bước qua chiếc bàn gỗ, rồi vội bước lên xe về chỗ ngồi, thở phào. Chị Ba chợt thấy người đàn ông kia giống Út Giàu làm ở Ban Mậu tài huyện. Có lần lên họp, chị gặp anh ta ngồi rít thuốc như hun lò, người cao ốm, lòng không như con cò ma. Vậy là Út Giàu “hồi chánh quốc gia” rồi. Bữa nay hắn ra ngồi đây với đám cảnh sát này làm gì? Nếu không là chỉ điểm bắt người của ta. Chị không thể quay lui được nữa, chỉ cố nép vào vai một bà già, tránh ánh mắt của tên chiêu hồi. Hình như hắn không nhận ra chị. Bàn chân chị đã bước lên bậc lên xuống xe đò, lòng nhẹ bỗng đi mọi lo sợ.

- Ê! Cô áo xanh kia dừng lại!

Chị giật thót. Vừa quay người nhìn lại thì hai cánh tay lực lưỡng đã nắm khuỷu tay chị, kéo lại. Chị hết sức vùng vẫy, hét lên:

- Ươ làng xóm! Ươ làng xóm! Cứu tui! Lính làng cường bức tui!

Những âm thanh cuống quýt, vô vọng của chị nghe vắng tới trong xe đò.

Người ta nhìn ngó ra cửa sổ xe, những nét mặt lo lắng, sợ hãi. Mấy cây súng ghim hòng chìa thẳng về phía xe đò. Chiếc xe cuống cuống rú ga, vọt đi. Khi bị trời quật tay ném lên thùng xe jeep, Ba Chiến hướng ánh mắt căm giận nhìn chiếc đầu bịt kín của Út Giàu. Qua hai lỗ vải, hình như con mắt hắn đỏ hoe, vẻ cầu xin thông cảm. Chắc Út Giàu chịu áp lực mạnh về vụ này, có thể gia đình hoặc bản thân hắn đang bị đe dọa. Nhưng hắn hèn quá. Sợ chết nên mới bán đứng đồng đội.

Về ngoài lịch sự của tên cảnh sát trưởng vẫn được duy trì cho đến phút cuối buổi hỏi cung. Chị Ba Chiến lý sự về việc chồng và em trai đi

tập kết:

- Đã là hiệp định có thể giới chứng kiến thì cả hai bên phải thực hiện. Người nhà tui đi tập kết là đương nhiên. Tui ngày trước có đi dạy Bình dân học vụ cho Việt Minh, nhưng giờ đi hết rồi, tui làm ăn lương thiện, tại sao mấy ông bắt tui?

- Bà này ăn nói được! Tui chịu mấy người Việt cộng có trình độ như vậy!

Chiếc răng vàng lại lóe lên nụ cười. Chị cải:

- Tui hoạt động cho Việt Minh, không liên quan gì tới Việt cộng!

- Thì cũng một nòi thôi mà! Giờ có chịu khai ra ai phụ trách Liên chi bộ Cát Sơn không? Có mấy người trong chi bộ?

- Đã nói tui lo mần ăn, không biết ai hết!

“Mẹ bà mày! Giờ má đây cũng không biết ai mà khai nữa. Có liên lạc được với ai đâu. Chỉ còn mỗi tấm sơ đồ kho vũ khí. Hở ra với tụi nó để đổi lấy tự do có nên không? Không được! Tụi này ranh ma cáo già lắm. Được đảng chân lân đảng đầu, có tấm sơ đồ rồi, nó uýnh cho ói cơm ra không chừng” - Ba Chiến nghĩ.

Tên chỉ huy căn vặn một hồi, không kết quả. Hắn búng tay cái chách, nói với thủ hạ:

- Thôi! Hết nước! Chị Ba đây hông có gì nói đâu. Mấy em làm việc của mình đi. Nhớ chăm sóc bả cho cẩn thận!

Đòn tra điện làm chị buốt nhức từ ngón chân lên đỉnh đầu. Tay chân đã bị trói chặt vô chiếc ghế lớn, chị oằn mình chịu đựng mỗi khi chiếc máy phát điện quay tay kêu xè xè. Hai chiếc kẹp sắt có răng cưa ở miệng, kẹp chặt hai ngón chân cái của chị, nối lòng thông hai sợi dây điện. Mỗi lần chúng quay điện, hai ngón chân co giựt, bị kéo căng ra, chảy máu. Chịu được chừng hai mươi phút, chị ngất đi. Khi chậu nước lạnh tạt vô mặt, chị tỉnh lại và thấy mình đã bị trói nằm ngửa trên chiếc ghế băng dài, quần áo bị lột hết. Hai thằng lính cởi trần, mồ hôi nhễ nhại, đứng ngó trần tẩm thân trần của chị:

- Con này còn ngon. Chắc chưa có con. Nhìn thì biết.

- Cô mình có chịu nói gì hông? Năm phút nữa vẫn im lặng là anh mập đẹp trai này sẽ thay thằng chồng tập kết của cô làm chuyện đó...

Trò khốn nạn này mà nó cũng làm được hả? Chị hơi lo lắng, nhưng nghĩ chắc thằng kia hù mình thôi. Suốt từ hôm qua đến giờ, người ngợm chị hôi hám, dơ bẩn, nó dám hăm hiếp mình mới lạ. Bàn tay to bè của thằng lính nắn bóp chị đau điếng.

- Thích không cô mình?

Bàn tay nó đã chuyển xuống phía dưới ngón tay thô bạo móc nhéo.

- Thằng chồng tập kết cũng làm như vậy thôi chứ gì?

Nó cười sằng sặc, cầm cây ma trắc nhấp nhứ ngoài cửa mình chị, rồi bất ngờ thọc mạnh. Chị rú lên đau đớn, cảm thấy bụng dưới như bị xé toạc. Máu chảy ra nóng ấm hai khe đùi. Hai thằng ác ôn lấy chậu nước vôi pha ớt bột đổ thẳng vào cửa mình chị. Không thể tả được cảm giác đau đớn lúc đó, chị quần quai rồi ngất đi. Trong phòng giam, mấy chị lớn tuổi bị giam từ trước vội đỡ lấy Ba Chiến, có ai đó lấy cho chị bộ đồ cũ, mặc vào. Một chị xót xa:

- Thằng mập phải hông? Tổ cha cái con heo nọc! Nó hiếp bốn người rồi đó.

Chị gật đầu, rồi lắc đầu. Thằng mập chưa hiếp chị, nhưng nó tàn ác hơn cả hăm hiếp.

Ba ngày sau, cô Bảy mới tìm được chỗ giam giữ chị gái. Là người khôn ngoan từ nhỏ, cô dúm cho tên lính trực nắm tiền, xin vô phòng giam đưa cho chị gái mấy bộ đồ và hộp dầu gió.

- Vô đi! Năm phút thôi đó! Ráng khuyên chị cô biết điều thì khai báo, không chết uống lắm.

Nhét bọc đồ qua cái lỗ vuông trên cửa phòng giam, cô Bảy khóc nức:

- Có sao hông hả chị Ba? Đừng có chết như má, bỏ em...!

Chị Ba Chiến chỉ kịp nói thầm:

- Cái hốc trên cây dừa... Giấu đi giùm chị!

Rồi chị đẩy em gái ra về, không muốn kéo dài nỗi đau tình chị em.

Sáng ngày thứ hai, cả phòng giam rục rịch bàn tán vì có tin cảnh sát huyện Phù Cát sẽ chuyển số người bị giam đi Nha Trang. Họ toàn là những người bị bắt theo chủ trương “bắt nhằm hơn bỏ sót”, bị nghi ngờ trước kia có liên quan đến Việt Minh. Chiều tối, chưa kịp phát cơm thì bọn lính vô phòng giam lừa tất cả mọi người ra bãi cỏ trước đồn. Mười một người, có bốn phụ nữ, còn lại là nam giới.

- Tất cả các người nghe đây! Hôm nay cảnh sát sẽ chuyển tất cả nghi phạm đi chỗ khác, để tiếp tục thẩm vấn. Tuy nhiên chỗ ở mới sẽ rộng rãi, tiện nghi hơn. Trên đường đi, ai có ý định bỏ trốn sẽ bị bắn bỏ, không xét xử.

Tiếng phanh phạch ngay trên đầu rõ dần. Một chiếc trực thăng sa xuống thấp, cánh quạt quay tít, cuốn bụi rác bay lên cao. Tóc tai, quần áo của đám tù nhân cũng bị thốc lên, cuốn chặt vào người. Chị Ba Thân thầm nhủ. Vậy là hết rồi. Từ Nha Trang, hoặc là bị chuyển ra đảo bằng tàu thủy, hoặc là chuyển vô Chí Hòa bằng đường sắt. Đằng nào cũng chết, phải liều thôi. Trực thăng nâng dần độ cao, vừa ra khỏi địa phận đồn khoảng năm trăm mét thì chị Ba Chiến nảy ra ý định liều lĩnh. Ngồi bệt trên sàn máy bay, ngó ra cửa chỉ thấy bên dưới một màn đen bao phủ. Nếu chị nhớ không nhầm, thì đây là khu đồng ruộng và hầm cá.

Tên lính ôm súng ngồi cạnh cửa máy bay bị xô ngã, vội nắm lấy thanh sắt ngang của bộ súng máy. Hắn nhìn thấy một bóng người vừa lao ra không trung.

- Có người bỏ trốn!

Tên lính la lên. Đồng hồ chỉ độ cao của máy bay chỉ mũi tên ở số 57 mét.

- Đứa nào trốn?

- Dạ chưa biết!

- Bỏ đi! Xuống tới đất thì cũng thịt nát xương tan rồi.

Cú tiếp nước của Ba Chiến như trời giáng. Lưng chị đập mạnh xuống

mặt nước, đau điên. Trước đó mấy chục giây rơi tự do trên không, gió rít ù ù bên tai, chị đã nhắm mắt chờ đợi cái chết. Sự may mắn giống câu chuyện thần thoại, hằm cá sâu đã cứu sống chị, chỉ bị choáng váng một lát. Chị lấy hơi, vừa lặn vừa bơi về phía bờ. Khi ngộp thở quá, chị ngoi lên thì thấy ánh đèn máy bay đã xa, tiếng phành phạch văng tới như tiếng cười của lão phù thủy. Nó tưởng mình chết rồi đó mà. Bò được lên đoạn đường đất thì chị đã định hướng được lối đi về núi Cát Sơn. Đường đi lối lại ở đây, chị khá rành từ hồi đi buôn bê, ghé. Đường tới núi Cát Sơn khá xa vì phải đi lối tắt, băng qua rừng, qua đồng vắng để không chạm mặt người. Toàn thân đau nhức. Vết thương bụng dưới rất bỏng, chảy nước mủ. Phải sống để trở về chiến khu. Chị không còn con đường nào khác.

Cô Bẩy về tiệm may của chị Ba Chiến, chờ đêm đến thì bắc thang trèo lên cây dừa. Trên tầm cao khoảng ba mét là hốc cây thủng trét kín đất.

- Cửa quỹ gì trong đó hông biết?

Cô lumm bầm, tụt xuống thang kiểm cây rựa, rồi lại hồi hộp trèo lên. Bên trong hốc là bọc vải mưa gói kỹ lá cờ vàng ba sọc và túi giấy kiếng khá nhiều tiền, vàng. Một mảnh giấy loằng ngoằng nét bút chì với những con số và ký tự khó hiểu.

Mảnh giấy đó, sau này cô Bẩy trao lại cho người liên lạc của Tư Danh. Lá cờ thì treo ngay trước nhà che mắt địch. Chị Ba Chiến như là biến mất khỏi quê nhà, ai cũng nghĩ chị đã chết ở đâu rồi. Mãi tới năm 1973, sau khi Hiệp định Pa-ri về Việt Nam có hiệu lực, mới thấy Ba Chiến về lại nhà má chồng, da hơi xanh mét nhưng người vẫn lành lặn, ưa nhìn. Chị tìm em gái, xin lại số tiền, vàng nhờ cất giữ,ặng tiếp tục buôn bán.

- Chị Ba giấu ở đâu, hay người ta lấy mất rồi, chứ em có thấy tiền vàng gì đâu!

Chị Ba khóc. “Thôi, của bỏ thí. Em gái mình chó ai, nó tham lam thì lương tâm nó cắn rứt”. Nhưng có lúc nổi điên lên, chị Ba cũng chửi tắt bết:

- Đồ khốn nạn! Gần mực thì đen mà! Xem bây có sống được giàu có không cho biết.

Lúc đó cô Bảy có hai đứa con, lấy chồng là lính địa phương quân. Cô cũng có lúc kể công kể đổi, rằng nhờ lấy lính địa phương quân nên gia đình mới không bị làng xã làm phiền. Chị Ba Chiến nghe, chỉ nhổ nước miếng.

Sau khi nghe tin chồng có vợ ngoài Bắc, chị Ba Chiến được má chồng mai mối, đã có con với một người tử tế trong thôn. Sau giải phóng, chị vẫn một mình chăm sóc má chồng. Năm bả mất, anh Tịnh ở Nam Định được tin, về tới nhà đã chôn má được một tuần. Mọi việc đều một tay chị Ba lo liệu.

Tết đầu tiên trên đất Bắc. Tiểu đoàn 6 của Năm Chinh đóng quân tại một làng trung du miền núi Phú Thọ. Doanh trại chưa làm kịp, đơn vị phân tán vào các nhà dân, ở nhờ. Cũng có sao đâu. Bộ đội ta có truyền thống ở nhờ nhà dân, ba cùng với dân. Hai mươi chín tháng Chạp rồi mà mới dựng xong hai cái nhà cho Ban chỉ huy tiểu đoàn, bếp và nhà ăn. Sau Tết lại mới dựng thêm mấy gian kho vũ khí, đạn dược. Những căn nhà vừa dài, vừa rộng, vững chắc nhờ bộ khung bằng tre, mái lợp lá cọ. Bộ đội miền Nam về được nửa tháng, địa phương đã tổ chức được Hội mẹ chiến sĩ. Những bà mẹ Bắc đầu trùm khăn đen mỏ quạ, áo gụ rách, vá diềm bầu vá chằng vá đụp, nhưng rất thương anh em tập kết.

- Các con vì giặc giã, vì đất nước mà phải xa quê hương ra tới đây! Hãy coi các mẹ như các má ở nhà.

Bà cụ Lộc, mắt lúc nào cũng toét nhèm, nói như vậy mỗi khi mang bánh tẻ đến cho tiểu đội Năm Chinh. Loại bánh này làm bằng bột gạo tẻ. Gạo ngâm nước độ ba, bốn giờ, cho vào cối đá xay nhuyễn thành bột mịn. Thứ bột này đổ nước vào, nấu chín đặc quánh lại, lấy vá múc ra từng nắm nhỏ bằng trái cam, cho hành mỡ xào chín lên làm nhân. Bỏ nhân vào giữa, nặn tròn lại, bọc lá chuối ra ngoài, rồi bỏ vô nồi hông hấp chín lần nữa. Bánh tẻ chấm nước mắm ớt ăn lạ miệng và ngon, có thể thay cơm. Lúc rảnh rỗi, Năm Chinh thường ngồi quay cối đá, xay bột cho bà Lộc. Anh bắt chước dân bản địa, gọi bà bằng bầm, riết rồi quen.

- Nhà mình có ai đi bộ đội hông bầm?

- Có! Bố Phát đi tám năm, xong Điện Biên giờ về làm xã đội. Anh Tuấn hy sinh năm Nhâm Thìn ở Suối Rút. Đã vợ con gì đâu.

Bà cụ bảo, nếu ở đây lâu, bà gả con gái cho. Nhà có hai cô con gái lớn tòng ngồng mà đã chồng con gì đâu. Năm Chinh nói đã có người yêu ở

quê. Cô ấy là Hai Loan, vừa đẹp người lại đẹp nét.

- Ừ! Thế thì cố gắng lên, bao giờ hòa bình về với người ta con ạ!

Tết có đủ thứ. Bánh chưng, thịt heo, thịt bò, kẹo mứt, rượu trà. Miền Bắc sau chiến tranh còn nghèo đói, nhưng người dân ưu ái hết mức cho bộ đội tập kết. Cũng là chia sẻ nỗi nhớ thương quê nhà, người thân ở phương Nam xa xôi. Quang cảnh ở đây giống y chang quê Phù Cát. Cũng những đồi đất đỏ, đất pha cát trồng mì, trồng khoai lang, những dải ruộng nhỏ hẹp cấy lúa, nằm giữa khe núi. Những triền núi thấp, xanh rì cây bản địa làm anh nhớ những ngày còn nhỏ, theo chị Ba, theo má lặn lội vô rừng kiếm củi, bứt rễ trầu, cắt dây trôn về tết võng.

Bây giờ tất cả như trong mơ, như chuyện từ một xứ sở thân quen trong dĩ vãng. Năm Chinh nhớ nhà quay quắt, muốn tìm anh Tịnh chồng chị Ba mà không được. Từ bữa tàu cập bến Sầm Sơn, Thanh Hóa, anh đã để ý kiếm người thân, vậy mà bóng dáng anh Tịnh mất dạng. Có lẽ vì ảnh bên dân sự, nên đi chuyển tàu khác. Đợt đó còn có cả tàu của Liên Xô chở cơ quan dân chính. Ra Bắc rồi thì vô phương kiếm. Mỗi đơn vị phân tán về một nơi, phải có người quen cho địa chỉ hòm thư thì mới liên lạc được. Có lần được về Hà Nội dự Hội nghị chiến sĩ thi đua, Năm Chinh gặp được hai người quê Phù Cát, hỏi có biết Huỳnh Ngọc Tịnh là giáo viên quê ở Phù Cát không, họ đều lắc đầu.

Tình hình đơn vị sắp có thay đổi lớn. Tiểu đoàn 6 sẽ được chia hai, một nửa đi làm nông trường ở Đoan Hùng, một nửa đi phục vụ công trường xây dựng cầu Việt Trì. Năm Chinh thích về thành phố hơn. Không phải vì đời sống sinh hoạt dễ chịu hơn, mà muốn có sự giao lưu thường xuyên, chờ cơ hội tìm anh rể. Trong lòng mỗi chiến sĩ, đều trĩu nặng một nỗi niềm, đó là sự an nhàn bất đắc dĩ, trong khi miền Nam quê nhà trở lại cảnh dầu sôi, lửa bỏng. Họ chưa quen với một thời khóa biểu mới của quân đội chính quy. Sáng thức dậy lúc năm giờ ba mươi, sau hồi kèn báo thức. Tập thể dục xong, vệ sinh cá nhân, đến sáu giờ ba mươi lại cầm bát đũa xuống nhà bếp ăn sáng. Bảy giờ, sinh hoạt học tập chính

trị hoặc ra thao trường lăn lê bò toài, ngấm bia bắn súng. Từng ở trong hoàn cảnh thời chiến, điều kiện sinh hoạt tới đâu hay tới đó, nay ra Bắc, sống có khuôn khổ, kỷ luật, nhiều anh em thấy khó chịu.

Mùa đông miền Bắc là thứ khó thích nghi nhất. Kể cả những ngày đông lạnh nhất ở Phù Cát, cũng chưa bằng chớm đông, heo heo gió bắc ở đây. Còn giữa tiết Đông Chí thì khỏi nói. Các chàng trai Khu 5 nhìn không còn được khí thế, oai phong của người lính. Đi đâu, làm gì nhìn cái tướng co ro, lom khom của họ mà mắc cười. Họ bắt chước người dân, phơi rơm, cắt lá chuối khô lót một cái ổ dưới nền nhà hoặc trên giường rồi trải chiếu lên nằm, chống rét. Ngày Đại hàn năm Đinh Dậu, bên “xê” 4 có một chiến sĩ bị viêm phế quản cấp, tử vong. Cậu này thì Năm Chinh biết từ hồi cùng lên tàu ra Bắc. Hắn quê Hoài Nhơn, người ốm ròm, đêm nằm trên tàu mà ho như cước.

Trong khi bộ đội tranh nhau xuống nhà bếp phụ anh nuôi, bổ củi, lật rau, vo gạo thổi cơm, lại được gần hơi lửa, thì bà cụ Lộc vẫn phong phanh hai chiếc áo cánh vải diêm bầu nhuộm nâu, chỉ có chiếc khăn đen mở quạ không buộc tét trên đầu nữa, mà trùm kín hai bên mặt, buộc dưới cằm. Năm Chinh có ý định bầm chiếc khăn sọc rằn của má cho hồi tập kết. Lấy chiếc ba lô trên giá xuống, anh tần ngần mở tờ nhật báo gói chiếc khăn vuông vức, mùi dầu Nhị Thiên Đường của má còn thoang thoảng.

Con chó mực lao từ trong bụi chuối ra, sủa ầm ĩ, rồi đột ngột nó dừng lại, kêu ư ử, đuôi vẫy rồi rít. Nó đã nhận ra Năm Chinh khi anh mắng:

- Em Mực hư nhé! Không nhận ra người quen hả?

Trời sắp tối rồi mà dầu đèn đâu bà cụ không thắp lên.

- Bầm ơi! Bầm à!

Bà cụ tắt tả đi từ ngoài ngõ vào, thấy Năm Chinh thì kêu lên:

- Ối Chinh ơi! Vợ thằng Phát mất rồi! Khổ thân bầm quá con ơi! Hai đứa trẻ nhỏ làm sao bây giờ hả giờ...?

Năm Chinh ngơ ngàng. Chị Sa vợ anh Phát sao mà mất? Tối qua còn

thấy chị dắt hai đứa con đi coi hát tuồng mà. Bà cụ rồi rít buộc lại hai cánh cửa bằng phen tre, quơ chiếc áo bông rách khoác lên người. Năm Chinh nhớ tới chiếc khăn sọc rằn, liền lấy ra choàng lên cổ bà già:

- Bầm choàng khăn vô kéo lạnh!

Hai người tất tả đi qua nhà anh Phát, ở bên kia đồi cách một rộc ruộng. Tiếng phụ nữ khóc hờ vang lên trong khoảng sân hẹp. Hai đứa trẻ một trai, một gái đang loay hoay trèo hái quả trên cây vả có hai nhánh lớn, ngay đầu nhà. Chị Sa đi làm sớm, bị chó dại cắn phát sốt, đã thuốc thang mấy tháng khỏi rồi. Đêm qua Tiểu đoàn 6 được Đoàn Văn công Liên khu 5 về biểu diễn, chị Sa dắt con đi xem. Vì là hát tuồng nên chiêm trống nhiều quá, chị chịu không nổi, về nhà thì lên cơn, phát bệnh dại, vật vã tới sáng thì chết. Cái chết của người vợ trẻ khiến nhiều người ngậm ngùi cảm cảnh. Chị Sa mới hai mươi bảy tuổi, đang là cán bộ phụ nữ thôn, thật tiếc quá. Đơn vị bộ đội miền Nam cử người tới giúp đỡ tang gia, riêng Năm Chinh dắt anh em thằng Hạnh, con Hà xuống nhà bếp đơn vị, cho chúng ăn cơm.

- Bầm cháu đau hả chú? Sao bầm kêu ghê thế?

- Ừa! Bầm con bệnh nặng lắm! Hai đứa phải ngoan để bố Phát lo cho bầm ha!

Cơm bộ đội có nhiều thức ăn hơn cơm nhà, hai đứa đều thích. Món cà trắng bung tỏi thằng Hạnh muốn thử, nhưng ăn được một miếng thì nhè ra, kêu cay quá. Con Hà đòi thịt lợn kho, rồi cũng không ăn nổi. Mấy món ăn của dân Khu 5, món nào cũng đồ ớt. Năm Chinh bảo anh nuôi chiên cho hai đứa trẻ đĩa trứng vịt. Nỗi buồn bất chợt dâng lên. Năm Chinh nhìn hai đứa trẻ mồ côi cảm cúi tự xúc cơm ăn, lại ngẫm tới cảnh gia đình mình năm ba mất. Hồi đó Năm Chinh còn nhỏ, lớn hơn thằng Hạnh nầy chút xíu nên biết được nỗi đau mất ba. Ông già bị kẻ xấu đánh lén, chết ngay ngoài đường, lại phải đắp chiếu nằm đó gần hai ngày để chờ má đi thừa kiện. Cuối cùng chẳng ai xử cho, mấy kẻ côn đồ chưa bị bắt, tội nghiệp ba nằm sương gió ngoài trời. Rồi má nhờ người đào cái

huyết nông ngay cạnh chỗ ba nằm chết, bó chiếu kéo xuống chôn luôn, chứ làm gì được tổ chức đám tang như chị Sa ở đây. Năm Chinh có thắc mắc hỏi chị Ba Chiến, rằng sao không đưa ba về nhà cho ổng nằm? Chị Ba nói cái lệ quê mình nó vậy, ai chết ngoài đường ngoài chợ thì chôn luôn chớ không được mang về nhà, xui xẻo. Nỗi nhớ quê ám ảnh anh ngày đêm, dù đang lúc thao trường luyện quân mồ hôi ướt đầm, hay lúc bàn tay dồn dập trên phím đàn ghi ta, vui văn nghệ với anh em. Nỗi nhớ ngày ngọt phát sốt chưa dứt, cồn cào xót ruột như vừa uống mấy ly trà Bắc đậm đặc.

Đúng đêm 11 tháng 3 âm lịch, sau một ngày đi thăm Đền Hùng về, Năm Chinh gặp giấc mơ thật dữ dội. Anh thấy má quần áo tả tơi, cầm cây gậy vừa đánh vừa la:

- Thằng Năm đứng lại! Đứng lại tau biểu! Tại sao không choàng chiếc khăn vô hả? Mày đi đâu? Đi đâu?

Năm Chinh quính chân, y như hồi má đuổi đánh khi anh sém làm cháy rừng của địa chủ Trần Đại. Đằng sau má, chị Ba cũng chạy theo vừa gọi vừa khóc:

- Má! Đừng bỏ tụi con má!

Má giận dữ ném cây gậy về phía Năm Chinh, rồi bà từ từ bay lên trời. Những mảnh quần áo rách phấp phới. Sau giải phóng, về Nam anh mới hay má mất vào ngày 12 tháng 3 âm lịch, một ngày sau giấc mơ năm ấy. Có một hiện tượng người ta gọi là “thần giao cách cảm”, chỉ xảy ra giữa những người ruột thịt. Phải chăng má đã gặp anh bằng cách ấy, trước khi qua đời?

Sau đám tang vợ, anh Phát lại tong tả hợp hành trên xã suốt ngày. Con Hà thì bám đít bà nội, còn thằng Hạnh mê chú Năm quá, cứ thấy anh đi qua nhà là nó réo tên chạy theo. Nó theo anh đi đá bóng, đi chơi ngày chủ nhật trong xóm, đến bữa cơm cũng đòi theo. Thương thằng nhỏ mồ côi mẹ sớm, các chú bộ đội cho nó ăn chẳng thiếu thứ gì. Hơn một năm được các chú bộ đội miền Nam nuôi cơm, nó mập lên mấy ký

và đã biết ăn ớt. Đầu năm 1959, khi đơn vị rời đi làm kinh tế, thằng nhỏ khóc ngất chạy theo chiếc xe tải chở trung đội của Năm Chinh:

- Chú Chinh ơi! Chú Chinh! Đừng bỏ con chú ơi!

Nước mắt, nước mũi thằng nhỏ chèm nhẹp. Năm Chinh ngồi trên phía sau thùng xe, lấy tay áo chùi mắt.

Thị xã Việt Trì ngồn ngang những công trường lớn. Từ cuối năm 1958, ở đây đã khởi công xây dựng một khu công nghiệp quy mô, theo mô hình phát triển chủ nghĩa xã hội. Những xí nghiệp phục vụ cho xây dựng cơ bản như Xí nghiệp Gạch Bờ Sao bên kia ngã ba sông; Xí nghiệp Gạch Minh Khai đầu phía bắc thị xã; Xưởng xẻ Bạch Hạc, Kho xăng dầu Phủ Đức. Cảng Việt Trì và nhà ga xe lửa đang được sửa chữa, xây dựng lại. Nhà máy Điện Việt Trì bắt đầu khởi công. Cầu Việt Trì cũ xây dựng từ thời Pháp, hình như vào năm 1901, bốn nhịp uốn cong đẹp lắm, giống y cầu Long Biên. Tiếc rằng cây cầu bị bom đạn đánh sập vào ngày mùng 9 tháng 4 năm 1942. Chiến tranh không cho nó tồn tại. Cây cầu mới đang được xây dựng lại, điện sáng lung linh suốt đêm trên dòng Lô giang. Tiếng hát vọng trên cao xuống, từ ven đê lên, bài Ánh điện sáng trên cầu Việt Trì.

Trước khi chuyển về đại công trường này, tiểu đoàn trưởng đã có buổi sinh hoạt toàn đơn vị. Những chiếc ghế xếp ngồi ngay trên sân đất, thẳng hàng. Những chiếc mũ bọc lưới buộc vải dù xé nhỏ nghiêm ngặt.

- Chúng ta cần phải xác định tư tưởng cho thiệt tốt. Các đồng chí ha! Địch nó phá cái Hiệp định Giơ-neo rồi, mình phải yên tâm tin tưởng vào Đảng và Bác Hồ. Giờ đơn vị tham gia xây dựng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc, càng vững mạnh phát triển bao nhiêu thì càng hỗ trợ cho miền Nam nhiều bấy nhiêu. Ngày trở về quê hương càng gần lại.

Thực lòng thì bộ đội cũng muốn tham gia lao động hơn. Môi trường thì thoải mái, vui vẻ, được tiếp xúc hằng ngày với các thanh niên nam nữ. Giờ giấc sinh hoạt cũng nới hơn, không gò bó như ở trong doanh trại. Một hôm, anh Hai Nhân, Chính trị viên tiểu đoàn gọi Năm Chinh lên

gặp:

- Sao rồi đồng chí, đã quen với công việc chưa?

- Dạ có gì đâu! Vụ đào hố móng, đẩy đất, ở quê tui làm rồi.

- Có cua được em nào chưa?

- Dạ quen thì có, chứ chưa cua. Ở quê tui còn có Hai Loan là người yêu. Cổ đẹp lắm anh Hai!

Nỗi buồn chợt thoáng qua trên mặt Chính trị viên:

- Ừa! Trước khi tập kết, trừ mấy cháu thiếu niên, còn anh em mình ai cũng có vợ con hoặc người yêu ở lại quê nhà. Bốn năm xa cách rồi, không biết cuộc sống của họ ra sao. À mà chú mày nhiều tuổi rồi?

- Dạ, hai mươi mốt, thưa anh!

- Vậy là trẻ nhất đơn vị! Học lớp mấy?

- Dạ lớp bảy!

- Giờ có muốn đi học nữa hông?

Năm Chinh ngần người, không hiểu. Đang bộ đội, chẳng lẽ lại chuyển ra ngoài học văn hóa sao? Hai Nhân hiểu được ánh mắt ngạc nhiên của người lính. Anh giải thích, cấp trên đang có kế hoạch đào tạo một số chiến sĩ trẻ có văn hóa, tiếp tục theo học một số ngành nghề cơ bản, chuẩn bị lực lượng trí thức lâu dài cho miền Nam. Số anh em được lựa chọn sẽ theo học một khóa học bổ túc văn hóa, thi tốt nghiệp lớp 10 xong, ai có khả năng cho đi học đại học tiếp. Năm Chinh mừng thầm. Được đi học thì tốt quá, còn hơn tối ngày ở nhà đào đất trên công trường. Anh chỉ chờ Chính trị viên hỏi có đi học không là gật đầu liền. Nhưng Hai Nhân chẳng nói chi cả, hỏi han chuyện gia đình một lát rồi bắt tay, cho Năm Chinh về.

Những ngày lao động tiếp theo kém hào hứng, thậm chí còn lơ là bị nhắc nhở. Năm Chinh nôn nao trong dạ, với ước mơ được đi học tiếp. Ngày trước anh vốn học giỏi, kiến thức văn hóa hầu như còn nguyên. Ông Chính trị viên ác nghiệt. Cho đi thì nói luôn một câu, cứ ồm ờ vầy, thấy tức trong bụng. Nỗi trông đợi giày vò anh cho hết tháng chín. Hôm

đó vừa ăn sáng xong, chuẩn bị đi công trường, Năm Chinh nhận được lệnh gọi lên ban chỉ huy tiểu đoàn gấp. Chính trị viên vui vẻ giơ tay bắt, mời Năm Chinh ngồi xuống ghế. Cạnh đó là Út Liêm, thằng bạn đồng hương nhưng ở Đại đội 1. Nổi hời hóp làm hai thằng bạn không kịp vò vập chào nhau, mà chỉ gật nhẹ cái đầu. Hai Nhân lôi đầu ra chai rượu chanh quốc doanh, rót ra ba chiếc ly.

- Nào! Nâng ly mừng hai sĩ tử! Ráng mà học hành cho tử tế. Cả tiểu đoàn chọn được hai đồng chí thôi đó, lại cùng học lớp bảy, cũng dễ sắp xếp.

Ngày chủ nhật, Năm Chinh mượn xe đạp của đồng chí tiếp phẩm chạy ra chợ Gia Cẩm. Hôm qua vừa được lĩnh phụ cấp, cộng với số tiền tiết kiệm được, anh định mua cho anh em thằng Hạnh bộ đồ mới. Lựa mãi, cuối cùng anh lấy chiếc váy màu hồng và chiếc áo kiểu hải quân có sọc xanh.

Vừa xong vụ gặt tháng mười, đồng làng ngổn ngang gốc rạ, ngổn ngang những dấu chân lấm bùn. Hai anh em thằng Hạnh đang lặn lội ở bãi rơm phơi đầu cồng, thấy chú bộ đội đi vào nhà mình thì đứng ngẩn ra nhìn. Thằng anh, cái đầu cắt trọc, má loang vệt nhọ nôi, hai mắt thao láo, rồi bỗng chỉ tay, u ơ:

- Ơ! Ơ! Chú Chinh kìa!

Con bé nép vào vai anh, sợ sệt:

- Chú Chinh nào?

- Chú bộ đội miền Nam í...

- Đi hết rồi cơ mà...?

Năm Chinh vút chiếc xe đạp đổ kênh giữa đồng rơm, bước tới ôm lấy hai đứa trẻ mồ côi.

- Ừa! Chú Chinh bộ đội miền Nam! Chu cha ơi! Hai anh em chơi dơ quá! Chú có quà cho các cháu nè!

Hai đứa trẻ mừng rỡ, đứng im nhìn mấy thứ áo, váy, không dám tin đây là của mình. Chuyện này giống như chuyện cổ tích ông Bụt hiện ra

cho quà mà bà nội thường kể.

- Bà nội đâu?

- Bà đang nấu cơm!

Hai đứa trẻ chạy ào vào trong sân, vừa chạy vừa reo bà ơi, bà ơi! Thằng Hạnh sáng trưng chiếc áo hải quân, bên dưới là chiếc quần nâu thủng dít. Con Hà áo xanh bạc màu, đứt cúc phanh bụng, lòe xòe bên dưới chiếc váy hồng. Bà cụ Lộc vẫn chiếc áo bông rách và khăn mỏ quạ, ngó ra sân hỏi:

- Cái gì thế? Hôm nay bố Phát về sớm mấy?

- Con đây bẩm ơi! Con là Chinh “xê” 4!

Bà cụ mắt đỏ hoe:

- Tưởng đi hết không đứa nào về! Mấy hôm trước có thằng Mười, thằng Vũ về đây, bẩm có hỏi thăm thằng Chinh, chúng nó bảo không gặp, đi công trường mỗi đơn vị một nơi, họa hoằn hội họp gì mới tập trung về tiểu đoàn. Nghe đâu hai đứa về thăm người yêu, xin phép gia đình cho cưới vợ. Thằng Mười yêu con Lân, thằng Vũ yêu con Tuyết. Sắp cưới cả rồi. - Bà mắng Năm Chinh - Còn con nữa! Bảo ở đây với bẩm, tao gả con gái cho thì không chịu. Con Thứ, con Sửu đứa nào cũng hón!

- Hai chị lớn hơn con năm sáu tuổi mà bẩm!

- Chao ôi! Lớn hơn mấy tuổi ăn thua gì! Anh Cả nhà này còn lấy vợ hơn những mười hai tuổi. Hồi mới cưới, đêm vợ còn phải công đi hái ải ấy chứ.

- Con có người yêu trong quê rồi! Bao giờ thống nhất, con về cưới vẫn còn kịp!

Bà cụ Lộc mời Năm Chinh ở lại ăn cơm. Cũng chẳng có gì, cơm dọn sẵn ăn với rau sẵn luộc và tép kho mặn. Toàn những thứ cây nhà lá vườn. Tép thì bà tát dưới đồng, rau sẵn thì hái ngoài hàng rào. Ngoài sân ngổn ngang một đồng sắn củ vừa róc vỏ.

- Bẩm làm mì hả?

- Không có mì con ạ!

- Cả đồng mì vừa bào vỏ kìa!

- À, là củ sắn! Bầm róc vỏ sắn, chiều bố Phát về nó mài, tối bầm lọc bột!

Xem qua mấy dụng cụ làm bột sắn, Năm Chinh thấy cũng giống cách làm bột mì trong quê. Má và chị Ba cũng bào vỏ mì như vậy, rồi ngâm trong nước lâu ngày cho mì nát ra, lúc đó sẽ lọc lấy bột nhất, bột mì. Ở đây bà con cắt lon sữa bò ra, lấy đỉnh đục thủng thành từng hàng lỗ đều nhau, rồi đóng lên một khung hình chữ nhật bằng tre. Phía mặt lon mũi đỉnh đục xuống rất bén sắc, dùng để mài củ mì lên đó. Chiếc bàn mài được để vào một chậu nước to, mì bào đến đâu sẽ rơi xuống nước, khi nào đầy chậu, sẽ chuyển sang thùng vại khác để lọc bột. Lọc xong, bột được vớt ra miếng vải diềm bầu đặt trên thúng tro bếp. Nước chua sẽ được tro bếp hút hết, còn lại tinh bột mì. Công đoạn cuối cùng là đem phơi khô, cất vào thùng kín bảo quản rồi đem bán hoặc sử dụng chế biến món gì thích hợp. Ngoài Bắc không biết chế biến bánh canh bằng bột mì khô, mà chỉ khuấy lên nấu cháo ốc, hoặc là rán từng miếng bằng chiếc đĩa, ăn sáng. Năm Chinh thấy sau giếng có một thúng bột vừa lọc, liền bẻ một cục lên xem. Nó cũng có mùi chua thum thum như trong Bình Định.

- Con xin mẹ một cục bột nhá! Con thêm bột mì khuấy chấm nước cá quá trời!

Cả ba bà cháu xúm xít ngồi xem Năm Chinh nấu món bột mì khuấy. Hòa bột với nước xong, anh cho vào chảo đun lên, lấy đũa khuấy đều. Lửa phùng phùng được một lát, bột mì trắng sôi lục bụi, chuyển sang màu trong rồi chín. Bà cụ ngạc nhiên:

- Tưởng gì! Thế này là nấu hồ dán! Ở đây người ta nấu để dán điều con ạ!

Năm Chinh kể, đây là món ăn dân dã của người nông dân nghèo quê anh. Những ngày mưa gió, không có việc gì làm, cũng không đi chợ được. Tối bữa khuấy một nồi bột mì nhất, chấm nước cá kho hoặc mắm

cua chua, ăn cùng mấy thứ rau ráng ngoài vườn, vừa ngon miệng vừa no bụng. Tháng mười mưa ngập đồng cho tới ngày hai mươi ba cuối tháng mới ngớt. Nước lũ trên núi tràn về, bốn bề trắng nước. Cứ mưa liên ba bốn ngày là lũ cò, chim cút gặp thảm nạn. Lông chúng ướt sũng không bay nổi, cũng không có chỗ nào mà đậu. Những gò đất cao nước chưa ngập tới, lũ cò đứng chen chúc, run rẩy. Người ta chèo xuồng hoặc lội ra bắt cò về xào măng. Năm Chinh còn nhỏ không dám héo lánh tới mấy gò đất bắt cò, vì ở đó nước sâu, nên tìm cách theo các bờ ruộng cao, đuổi bắt lũ cun cút cụt đuôi. Bọn này cũng ướt lông ướt cánh, bay không nổi, cứ chạy một đoạn rồi rớt xuống nước và bị tóm cổ. Có bữa Năm Chinh săn được hàng rổ, đem về cho má chế biến đủ món, từ cút chiên, cút nướng tới cút kho sả ớt, cút xào măng chua, ăn đến ớn. Sau mưa lũ, nước rút đi để lại lớp phù sa mỏng, màu mỡ, là lúc bọn cua đồng xuất hiện. Cũng lạ thật, khi mùa khô hạn, không biết bọn cua chết hay trốn đi đâu, lúc mùa mưa lũ, khắp đồng không thấy một con. Vậy mà sau hai ba tháng mười, chúng bò ra nhung nhúc, nấp dưới những bờ cỏ ven đồng. Lúc đó đang vụ gặt, Năm Chinh mới là một thiếu niên mới nhổ giò, ra đồng phụ má và chị ôm lúa từ ruộng lên bờ. Những khi chờ đợi, thường lò dò đi bắt cua. Trước đó, khi ra đồng hẳn mang theo chiếc thau, sẵn có đồ đựng cua. Nhiều cua lắm. Cua nằm trong hang, thập thò cặp mắt lồi ngoài cửa, thấy bóng người là thụt tuốt vào trong, phải dùng tay thọc vô, móc ra. Vụ móc cua trong hang, không cẩn thận bị càng cua kẹp cho đau điếng. Nó không nhả ra, mà đeo theo ngón tay ra tới cửa hang, càng bứt ra, nó càng kẹp mạnh. Năm Chinh được chị Ba Chiến chỉ cho một cách hay, là nhúng bàn tay và con cua xuống nước, nó tưởng được giải thoát liền nhả càng ra chạy đi, lúc đó mình nhanh tay chộp lại. Những con cua nằm trong cỏ ven bờ hoặc lang thang trên cạn thì dễ bắt hơn. Cứ lựa tay chộp cho gọn, kiểm chế được đôi càng, nhẹ nhàng thả vô thau. Cua bắt về nhiều, má thường ngồi bóc yếm, rửa sạch rồi bỏ vô cối giã nát. Sau khi lọc vớt xác cua ra, nước cua cho vừa muối. Cho vào hũ bịt kín, ngày

mai đã có mắm ăn. Nhớ cái mùi mắm cua chua thum thum ngọt ngọt béo béo cộng với mùi thơm của lá gừng tươi mùi ngò gai nồng thắm mùi thì là phụng phức. Chan với bún tươi và kèm theo cái ớt bay xanh... Năm Chinh nhớ nồi canh cua với rau tập tàng má hay nấu. Hương vị quê nhà dù có đi đâu, có được thưởng thức sơn hào hải vị rồi có lúc nào đó bùi ngùi nhớ lại bát canh cua quê mình.

Tiếp tục hóa của bà Hồng, thời gian đấy không đủ hàng mà bán. Các loại nhu yếu phẩm như: gạo, muối, bột ngọt, cá khô bị người ta tận mua, mà mỗi không về kịp. Bà chột tiếc vì đã để cho ông Bùi rời quân ngũ. Trước kia ông chồng làm ở gần nhà thường một tuần hoặc nửa tháng lại lái chiếc xe Dog chạy về nhà, quăng xuống mấy bao tải gạo, mớ đồ lỉnh lỉnh tinh, vậy là bà có tiền. Buôn bán mà không phải bỏ tiền vốn ra mới sướng. Khổ nỗi bà hay ghen. Thà mất tiền chứ không chịu mất chồng.

Thời điểm đấy, mới bước qua tháng 4 năm 1972 mà thấy rục rịch không ổn. Khi người dân lo dự trữ lương thực, thực phẩm là sắp có biến động về chiến sự. Cả hai trung đoàn bộ binh có người nhà của bà đều trong tư thế sẵn sàng tác chiến. Trung đoàn 47 của cậu Thành em họ thì giữ Kon Tum. Trung đoàn 42 của con rể Hoàng thì nằm chết gí ngoài Tân Cảnh. Cả tháng chưa thấy thằng Hoàng ghé nhà, tức là tình hình căng thẳng rồi.

Lạch bạch bước ra sau nhà, bà Hồng chột bực mình vì nghe tiếng mấy đứa trẻ ê a đánh vần. Chồng bà như người côi trên, chẳng thèm quan tâm tới xung quanh, chỉ chú ý vào mấy tập vở của đám trò nghèo.

- Giời ạ! Không còn hạt gạo nào để bán, thế mà cậu vẫn an phận thủ thường, sống chết mặc bay! Thằng cu đi vô, biết gì mà học!

Thằng cháu ngoại chưa đầy ba tuổi, tay dính bụi phấn, giấy nẩy:

- Hồng! Cu học! Cu học!

Ông Bùi nghech cặp kính cận bám trên chiếc sống mũi cao, cười. Đã ngoài năm mươi nhưng khuôn mặt ông vẫn toát lên vẻ phong trần, hào hoa.

- Mợ hay thật đấy! Con rô cũng tiếc, con diếc cũng muốn! Phải để tôi

còn trong quân đội, giờ này thiếu gì gạo bán. Mà tôi kèm thằng cháu cho quen mặt chữ, mợ không được la nó thế.

Thật thế! Nếu cậu ấy còn là sĩ quan, mấy năm nay bà giàu to. Số gạo lính cậu ấy bớt mang về để cũng hàng tấn chứ ít sao. Lạy Chúa lòng lành! Con cam phận nghèo để giữ lấy chồng. Cậu ấy đẹp trai, số đào hoa, thả ra là mất như chơi. Đến như về nhà rồi, mở lớp dạy trò nghèo mà còn có mấy bà bạn hàng nhà giàu cứ nằng nặc dắt con tới nhờ ông Bùi kèm cặp thêm, rồi mời chào hẹn hò cà phê, cà pháo, làm bà lo ngay ngáy.

- Tình hình chiến sự có vẻ căng thẳng cậu ạ! Mấy hôm nay, người dân mạn sông Pô Cô ra mua hàng, nói trong ấy đánh nhau dữ lắm.

Ông Bùi chúi qua cặp kiếng cận, mang lên lại rồi chúi vào tờ Nhật báo Sài Gòn. Gay go rồi. Tướng Triển vừa mới xin rút chân tư lệnh sư 22 để đại tá Lê Đạt lên thay, anh em sư 22 bộ binh và lữ đoàn dù đã đụng đầu với Sư 320 Bắc Việt. Ông dừng lại, quay sang vợ:

- Tôi lo cho đơn vị thằng Hoàng! Sáng ngày 3 tháng 4 quân Bắc Việt đã đánh vào căn cứ Delta rồi. Sư 320 này tôi biết. Nó nổi tiếng từ hồi đánh Điện Biên Phủ, đại tá Lê Đạt non tay là bị bóp nát ngay.

Bà Hồng thở dài:

- Lạy Chúa! Cầu cho mọi sự an lành. Con Thảo thì đang học, cu Thường chưa nói sõi. Liệu Việt cộng có đánh vào Kon Tum không cậu?

- Chưa biết thế nào được! Còn phụ thuộc vào có giữ được Tân Cảnh không! Ôi mà mợ đừng lo, Kon Tum còn có sư đoàn 23 bộ binh cơ mà. Lão đại tá Tòng đánh đấm cũng khá.

Nửa tháng liền, tin chiến sự nóng hầm hập, chẳng có gì lạc quan. Mấy tên biệt động quân giữ đồn Ben Hét khoe khoang rằng bắn cháy được nhiều chiến xa T54 của Việt cộng, giờ cũng tan hàng chạy hết rồi. Trên quốc lộ 14, Việt cộng cũng chiếm được đèo Chư Pao, cắt đứt tuyến tiếp vận từ Pleiku đi thị xã Kon Tum. Tình hình rối như canh hẹ.

Trung tuần tháng tư, thấy Thanh Thảo từ Sài Gòn lên, dắt theo một cô bạn dáng vẻ thôn nữ. Cô gái chắc già hơn Thảo, da sạm nắng.

- Thừa hai bác! Con là bạn học của Thảo từ hồi lớp nhất.

Theo như lời kể của Hằng, cô thôn nữ vừa ngồi xe đồ từ Quy Nhơn vô Sài Gòn, tìm được Thanh Thảo rồi nhờ bạn đưa lên Kon Tum. Chồng Hằng là thiếu úy trung đội trưởng thuộc trung đoàn 42, cùng đơn vị với trung úy Hoàng chồng Thanh Thảo. Cô muốn lên thăm chồng, vì đã ba tháng nay không thấy chồng về, mà sư đoàn 22 cũng không thấy chuyển quân về Bình Định. Bà Hồng kêu trời:

- Con ơi là con! Đi thăm lúc nào không đi, lại đi vào lúc nước sôi lửa bỏng này. Ngoài ấy đang bắn nhau loạn lên, không ra được đâu. Ở đây chơi với hai bác mấy hôm rồi về.

Nhưng cô gái nhất định đi thăm chồng. Lúc nguy hiểm này, anh ấy mới cần sự có mặt của vợ. Bây giờ làm sao ra được Tân Cảnh mới là chuyện đáng bàn. Thanh Thảo ngỏ ý với cậu, mợ:

- Hay là để con đưa bạn Hằng đi Tân Cảnh, nhân tiện thăm anh Hoàng luôn?

- Không được! Hai đứa đi chỉ thêm lo chứ giải quyết được gì! Mà tụi bay đi bằng cách nào?

Thanh Thảo nghĩ ngay đến một người bạn có thể nhờ cậy, là đại úy Tô Vững làm ở Nha cảnh sát Kon Tum. Đại úy Tô Vững quen biết đã lâu, rất có cảm tình với cô sinh viên trẻ sớm đèo bông chồng con. Thấy Thanh Thảo tới kiếm, Tô Vững mừng quá:

- Chờ anh chút, rồi đi ăn chè!

- Thôi! Em mắc bận! Có một chuyện nhờ anh nè!

Nghe Thanh Thảo trình bày, Tô Vững tỏ ra tiếc vì không trực tiếp đưa giúp cô bạn ra Tân Cảnh. Ngoài ấy mấy ngày nay chộn rộn lắm, rất nguy hiểm. Nhưng nếu cô bạn phải đi, Tô Vững sẽ giúp bằng cách gửi Hằng cho một người bạn lái xe vận tải quân sự.

Chiếc xe chở quân nhu cho cô gái quá giang ra Đắk Tô, vào buổi chiều ngày 23 tháng 4.

Buổi chiều ấy, cao nguyên cũng ào ạt nắng và gió. Chiếc xe quân sự

dừng lại ở một trạm chốt, người lính lái xe mặt đỏ bụi, vẻ lo lắng chỉ cho Hằng lối đi về phía Tân Cảnh:

- Em đi bộ chừng hai cây số, thấy chỗ nào có khu lán trại lợp thiếc thì hỏi xem trung đoàn 42 nằm ở đâu! Cẩn thận nha! Chúc nhiều may mắn!

Cô gái xuống xe, lóng ngóng chiếc giỏ nhựa màu xanh nhạt. Gió quần quật thổi bộ bà ba lụa màu mỡ gà dính sát da thịt. Đoạn đường ngồi xe lòng vòng thiệt là mệt. Giờ còn phải cuốc bộ hai cây số nữa, giữa vùng chiến sự. Nhưng mà đã lỡ liều rồi, giờ liều thêm chút nữa cũng sao đâu. Hằng mím chặt môi, rảo bước. Kia rồi, một căn cứ của lính mà cô từng gặp. Chắc chồng cô trong đó, nơi nhấp nhô khu lán trại lợp thiếc và những lô cốt che lều bạt vắn vện xanh xám. Lũ hỏa châu lấp ló dưới những chõng bao cát cũng màu xám. Không một bóng người, nhưng đây đó cô cảm nhận được hàng trăm đôi mắt trắng dã mở to ngạc nhiên nhìn tấm thân thanh nữ mảnh mai. Bây giờ tìm ai để hỏi thăm đây? Hằng bắt đầu cảm thấy lo sợ, cô buông chiếc giỏ quà, kêu lên vô vọng:

- Chồng ơi! Anh Phong ơi!

Rồi bật khóc nức nở. Một dáng người bận đồ sĩ quan lom khom chạy về phía cô, tay giữ chiếc nón sắt trên đầu, mỗi bước chạy đôi giày bột-đờ-sô đá tung bụi đất. Cô hốt hoảng khi bị người lính râu ria kín mặt ôm chầm lấy.

- Trời ơi! Hằng! Đang súng đạn ì xèo, lên đây mần chi?

Cô nhìn một lúc mới nhận ra chồng, anh già sạm đi, phờ phạc.

- Tại má biểu...! Với lại em cũng nhớ anh!

Chồng cầm tay vợ, kéo đi như chạy về phía đất trũng, sát con suối. Nơi có một căn phòng vách gỗ tuềnh toàng. Một chiếc võng cột giữa hai cột ghi sắt, lay động, vật vờ gió. Tấm pông-sô màu xanh lá còn vắt ngang thân võng. Cô vợ bị ấn ngay xuống. Anh chồng quỳ dưới đất, ôm choàng cả chiếc võng và người vợ. Hai bàn tay phụ nữ vò nhàu cái đầu lính bù xù, bụi bặm, khét lẹt.

Bóng chiều phủ xuống quá nhanh, mà họ không để ý. Thiếu úy bước

ra cửa phòng nhận cả mèn cơm và bi đông nước mà chú lính công vụ vừa mang tới. Cô ngồi dậy, bới lại mái tóc dài. Vợ chồng mới cưới hồi tết, xa nhau đến nay đã ba tháng. Cô mong có bầu sớm để được hủ hỉ với con, khi chồng liên miên hành quân hết vùng chiến thuật. Trước đó, Hằng có viết thư cho chồng hẹn lên thăm. Nhưng cuộc gặp gỡ ở thời điểm này thật nguy hiểm. Đây là sự liều lĩnh của tình yêu vợ chồng mà cô chấp nhận.

Đêm không yên tĩnh. Giấc ngủ không có cơ hội đến. Mặc tiếng đại bác từ xa dội tới, hai tấm thân vẫn cuốn lấy nhau, cuồng nhiệt, hồi hải. Tiếng nổ đã rất gần, nghe rõ tiếng la hét của binh lính. Bước chân chạy hấp tấp, ánh đèn pin hắt văng cùng cú vấp ngã chí mạng của người lính. “Thiếu úy! Nguy cấp rồi! T54 của Việt cộng đang càn qua, không cản được”. Lúc ấy, bên ngoài trận địa, từ đài quan sát có thể nhìn thấy hơn chục xe tăng T54 chạy theo hàng dọc, đèn pha quét sáng quắc, ầm ầm lao tới. Pháo xe tăng đã quất thẳng vô đài quan sát, mảnh tôn, xác người bay tung lên trong chớp lửa. Thiếu úy chỉ kịp đội chiếc nón sắt lên đầu, vừa chạy vừa hồi vợ:

- Em lui xuống suối, chạy về phía buôn Thượng. Lẹ lên!

Một trái pháo nữa nổ gần, cành cây bị phạt đứt quật xuống mái thiếc rầm rầm. Hằng sợ hãi hét lên:

- Anh ơi!

Chồng cô đã lao về phía trận địa. Tiếng hò hét, giục giã. “Đ... má! Sao không bắn chặn tụi T54? M72 đâu?”. “Chạy thôi tụi bay! Nó vô nghìn nát bây giờ!”.

Bước chân người vợ quay ngược vùng chiến trận, cuống cuồng, vấp phải một gốc cây cụt, xé toang ống quần. Nước mắt cứ chảy giàn giụa, tiếng gọi chồng nức nở, vô vọng. Tiếng đạn pháo truy đuổi cô gần sáng thì im hẳn. Nhìn về phía ấy, bình minh đỏ rực màu máu, khói lửa vẫn oằn oại bay lên. Cô dừng lại, gần như đổ vật trước ngôi nhà sàn thấp. Một phụ nữ người dân tộc tóc rối bù, tay cầm cây rựa dài, đứng im lìm

như bức tượng trước sân. Cô ngược nhìn lên, chiếc áo váy màu đen có những sọc ngang trắng đỏ nhập nhòa, lay động bởi gió sớm.

- Dì ơi! Cứu con với!

- Sao lạc vô đây?

Tiếng Kinh đơn đót, mùi trà cay nồng, lúc người phụ nữ cúi xuống hỏi.

- Con đi tìm người nhà, nhưng tới đây thì gặp họ bắn nhau!

Cô không dám nói thật chuyện đi thăm chồng là lính.

-Ồ! Đêm qua Giải phóng đánh vô Tân Cảnh. Ở lại ít bữa! Súng đạn nhiều lắm.

Cô ngẫu nhiên là thành viên của một gia đình người Xơ Đăng. Ngày hôm sau, những người lính bên kia đã đóng quân trong làng. Họ ồn ào, vui vẻ và thân thiện, không dữ dội như ánh chớp đạn pháo cô từng thấy. Không có chuyến xe và cơ hội nào cho cô trở về nhà. Cô đã mượn được bộ áo váy, khăn choàng của bà chủ nhà, kiếm một sợi vải đỏ, buộc tóc lên từ trán ra sau gáy. Bà chủ nhà Hơ Bia và người con gái mười tám tuổi tên Hơ Bờ Lao đã đồng ý cho cô tá túc, sau khi dẫn cô tới nhà Pô Lăn (chủ làng) xin phép. Bà già gọi là Pô Lăn ấy, khuôn mặt hàng trăm nếp nhăn, lơ dờ đôi mắt đục nhìn cô một thoáng, rồi gật đầu. Cô nhen lên hy vọng chồng còn sống và sẽ trở lại tìm vợ. Gần một năm trôi qua, cô đã quen với việc cầm cây rựa hay xà gạc lên rẫy. Đã biết dùng pò tá cán bông dệt vải. Bản chất người nông dân giúp cô nhanh chóng làm quen với công việc. Cô đã dám một mình lên rẫy, một mình ra suối. Cô đã trở thành người của buôn làng. Đôi lúc, đang làm gì đó bỗng cô dừng lại, tự hỏi mình là ai, sao lại xuất hiện ở đây? Nhiều lần trong giấc ngủ, dĩ vãng hoang hoải một vạt cau xõa tóc giữa trời xanh, thân cau nhuộm vàng ánh nắng chiều. Vạt mồ hôi đọng muối trắng sau lưng áo má chồng. Rồi bỗng nhói lên một khuôn mặt râu ria gần kề, mùi mồ hôi lính nồng khét, hôi hám. Phải tìm cách trở lại quê hương. Phải biết được tin tức của chồng sau trận đánh ác liệt năm ngoái. Phải, phải...! Ruột gan cô

đau quặn. Giấc ngủ thường bị kéo thốc dậy, với đôi má đầm đìa nước mắt.

Tân Cảnh thất thủ. Chỉ trong một đêm, mười lăm chiếc xe tăng T54 của Quân giải phóng bao vây, bắn phá tan nát cứ điểm của sư đoàn 22. Đại tá Lê Đạt từ chối không lên máy bay chạy trốn cùng cố vấn Mỹ. Ông ta ra lệnh cho thuộc hạ “tùy nghi di tản”, vượt vòng vây chạy ra ngoài, rồi tự sát. Quân lính sư đoàn 22 mạnh ai nấy chạy, cố gắng thoát ra khỏi căn cứ trước khi trời sáng. Sự tính toán của đại tá Lê Đạt là hợp lý, sáng suốt, vì bảy giờ sáng hôm sau, Quân giải phóng đã ngập tràn căn cứ Tân Cảnh.

Suốt ba ngày sau, khắp thị xã Kon Tum náo loạn vì binh lính thất trận dồn về. Ai có gia đình thì may mắn được chăm sóc, ăn uống, tắm giặt. Ai quê ở xa thì tìm đến bạn bè, dạt vào các trại lính trú nhờ. Đêm thứ ba, cả nhà bà Hồng đang lo lắng vì tin Tân Cảnh thất thủ thì trung úy Hoàng và mấy thuộc hạ tìm về đến nơi. Nghe tiếng đập cửa dồn dập, Thanh Thảo biết ngay là chồng còn sống, liền nhào ra mở cửa. Ánh đèn vừa bật lên, Thanh Thảo kêu rú lên khi nhìn thấy chồng. Trung úy Hoàng quần áo rách tả tơi, bắp tay và trán có mấy vết thương máu mới khô. Khoảng chục người lính bộ dạng cũng không kém, người có súng, người không, mệt mỏi ngồi bệt trước sân.

- Trời ơi! Anh! Sao lại thế này?

Cô định ôm lấy chồng, nhưng chững lại vì mùi khai nồng, khẳn khẳn từ thân thể anh. Trung úy Hoàng cảm nhận được một thoáng ấy của vợ. Một cái bạt tai làm Thanh Thảo choáng váng, nổ đom đóm mắt:

- Tại sao em về đây? Đang chiến sự ác liệt như vậy. Hẹn hò với thằng nào?

Thanh Thảo cố nén tiếng khóc, sợ cậu mợ biết và con trai thức giấc. Hai cậu lính cũng chạy đến can ngăn:

- Trung úy bớt nóng! Bà trung úy thông cảm cho, anh em tụi tui mới từ cõi chết trở về... Cả đại đội còn bi nhiêu đây!

Thanh Thảo chùi nước mắt, nhìn hơn chục hình hài con người nằm ngời ngả nghiêng trước nhà:

- Anh em chờ một lát! Tôi đi nấu cơm liền!

Cô vô phòng gọi bà Hồng dậy. Hai mẹ con mở tủ lạnh, còn thịt cá, rau đậu gì lòi ra hết, bắt đầu làm cơm. Ông Bùi thủng thẳng ra sau nhà, cắt một ôm rau muống đem vào. Thấy con rể gặt đầu chào, ông cười nửa miệng:

- Anh em cũng mệt hả? Còn ai nữa không?

Trung úy Hoàng lắc đầu. Còn được bấy nhiêu là tốt rồi. Đơn vị tổn thất nặng nề, tan hàng bất ngờ. Số bị tử thương tại trận, số tháo chạy và chết dọc đường. Hoàng còn nhớ lúc bơi qua sông Pô Cô, màn đêm đen kịt, ánh hỏa châu đã tắt lịm ngang trời từ lâu. Tiếng thở và tiếng tay đập nước loạn xạ của trung tá Nghĩa ngay bên cạnh:

- Hoàng! Cứu tôi với! Thoát trận này... trung úy sẽ... thăng tiến!

Bàn tay mập như nải chuối nàng hương cổ sống cổ chết níu lấy vai Hoàng. Anh bị kéo xuống, ngập nước mấy lần.

- Trung tá! Thông cảm cho tôi! Vợ con tôi đang chờ...

Anh lặn xuống, lấy hết sức đập viên trung tá trung đoàn phó ra xa, rồi ngoi lên, sải tay bơi tiếp. Giờ đây đã về tới nhà ông bà già vợ, được tắm giặt, thay đồ mới, mà trong đầu trung úy Hoàng vẫn âm âm vọng tiếng súng nổ, tiếng xích xe tăng nghiêng loảng xoảng ghê rợn. Trong ánh hỏa châu, Hoàng nhìn rõ người anh đồng hương là thiếu tá Như và một sĩ quan Mỹ trèo lên bồn nước, ghì chặt cây đại liên bắn xối xả về phía đối phương. Hình như chỉ được mấy phút. Một vệt lửa có đuôi bay thẳng lên tháp nước, ánh chớp hỏa tiễn chói lòa, soi rõ chiếc bồn nước bay lên cao cùng hai thân xác giơ tay, giơ chân như đang nhảy điệu tăng gô cùng thần chết.

Những tên lính thất trận sống sót xúm quanh mâm cơm, ăn như chết đói lâu ngày. Một đêm mất ngủ của gia đình. Phòng trong, trung úy Hoàng ôm vợ ngủ, cứ một lúc lại lồm cồm nhưng bất lực không làm gì

được. Nỗi sợ hãi, phần chí ám ảnh đầu óc anh ta, làm con giống không cương lên nổi. Cô vợ trẻ vật vã khao khát, rạo rực cả đêm rồi cũng mất ngủ theo. Ngoài phòng khách, toán lính ngủ nằm ngủ ngay trên nền đất, tiếng ngáy vang rền. Nửa đêm, một người bỗng vùng dậy, hét:

- T54 đó! Chạy đi! Lẹ lên!

Có ba người hốt hoảng vùng dậy chạy, lao đầu đánh cốp vào tường nhà, ngã bổ ngửa, rồi xoa đầu nhận ra đó chỉ là cơn mơ ngủ.

Sáng hôm sau, ngồi uống cà phê với con rể, ông Bùi mới có thời gian hỏi thăm về tình hình chiến sự ở Tân Cảnh. Trung úy Hoàng ầm ức:

- Tại mấy thằng cố vấn Mỹ ngu như bò! Đêm trước, đơn vị địa phương quân ở Đắk Tô có nghe thấy tiếng xe tăng Việt cộng chạy trong rừng, báo về cho sở chỉ huy. Thằng cố vấn Pôn cho rằng đó là xe bọc thép chở bộ binh, nên không cho B-52 đánh bom ngăn chặn.

Ông Bùi chép miệng:

- Tướng Hoàng Minh Thảo của Bắc Việt giỏi cầm quân, trung tướng Ngô Du không ăn được đâu! Bây giờ họ sẽ thừa thắng đánh luôn vào thị xã Kon Tum, mọi người di tản dần đi là vừa.

Nhưng không như ông Bùi dự tính. Quân Giải phóng không lợi dụng tiến công ngay mà mãi tới hai mươi ngày sau mới đánh vào Kon Tum, khi mà sư đoàn 23 bộ binh của đại tá Lý Bá Tòng đã có đủ thời gian chuẩn bị phòng thủ. Quân lực Sài Gòn kịp đưa tướng Nguyễn Văn Toàn thay tướng Ngô Du làm tư lệnh Quân khu 2, kịp điều động chiến xa của lữ đoàn 2 thiết giáp lên phòng thủ Kon Tum. Đó có lẽ là nguyên nhân không thành công của đối phương khi đánh vào Kon Tum tháng 5 năm 1972.

Chưa cạn nửa ly cà phê thì hai chiếc xe jeep chạy tới, đậu trước sân. Mấy sĩ quan trong trung đoàn tới tìm trung úy Hoàng. Đại úy Nghĩa giờ tay chào ông già, rồi nói nhanh với trung úy Hoàng:

- Tình hình nguy cấp! Sư đoàn ta tan hàng rồi, chỉ còn khoảng hai ngàn người, bằng quân số trung đoàn 42 trước đây. Trung úy gom hết

anh em lại, rồi rút về Pleiku ngay. Cho cả gia đình theo luôn.

Tướng Ngô Du vừa đi trực thăng lên, hẹn các chiến hữu ngoài nghĩa trang thị xã, tổ chức rút quân khỏi Kon Tum.

Ông Bùi bảo vợ con cứ di tản theo quân đội, ông ở lại còn giữ nhà. Bà Hồng trong lúc lo lắng cuống cuồng, chỉ nghĩ tới việc thu gom tiền vàng mang theo. Việc này bà có kinh nghiệm từ năm 1954, khi quyết lên tàu di cư để tìm công tử Bùi. Thôi mặc xác ông ấy. Có ông ấy ở lại coi giữ nhà cửa, hàng hóa cũng tốt. Mà hình như ông này không ón Việt cộng, mà còn có mối liên quan mờ mịt gì đó. Đôi khi bà ngờ ngợ về thái độ của chồng, nhưng chưa biết nguyên do, cội nguồn từ đâu. Tình yêu làm cho bà mờ mắt, quyết đeo đuổi lấy ông cho bằng được, chỉ nghe ông kể về sự giàu có, danh vọng của gia đình chứ bản thân bà chưa biết cái bậc cửa nhà chồng cao thấp thế nào. Một lần hồi trẻ, khi say rượu, ông có lỡ miệng nói gì đó về cuộc trao đổi với người của Việt Minh lúc sắp vào Nam:

- Hừ! Người ta bảo anh. Hãy đi đi! Đừng về quê! Về bây giờ là chết oan! Chết oan! Em hiểu không?

Sau này không bao giờ ông Bùi nhắc lại chuyện đó nữa.

Thanh Thảo nói với chồng:

- Cho em đờn nhỏ bạn thêm một ngày nữa nha anh?

- Bạn nào?

- Nhỏ Hằng cùng quê! Chồng nó là sĩ quan trung đoàn 42 mà. Mấy bữa trước, em dắt nó lên đây.

- Giờ cổ đâu rồi?

Thanh Thảo bật khóc:

- Nó đi nhờ xe quân đội lên Tân Cảnh chiều 23 tháng 4. Giờ chưa thấy vợ chồng nó đâu hết!

Trung úy Hoàng vo điệu thuốc nát trong tay, giận dữ:

- Điên khùng! Đêm đó Việt cộng đánh tan Tân Cảnh. Chắc chết hoặc bị bắt làm tù binh rồi. Vậy thôi! Em phải đi ngay, không chờ đợi gì hết.

Họ ngồi xe jeep đi ra khu mỏ. Sĩ quan và binh lính dần dần tìm đến, túm tụm theo từng đại đội. Chiếc trực thăng đáp xuống bãi trống cạnh nghĩa trang. Thiếu tướng Ngô Du bận đồ trận, đội nón kết. Cặp kính đen che nửa mặt, chỉ lộ nụ cười gượng gạo. Trung úy Hoàng đứng cùng gia đình, quan sát ông tướng tư lệnh đang bàn bạc công vụ với số sĩ quan cao cấp còn lại. Chợt ông hướng về đám đông, nói lớn:

- Các chiến hữu thân mến! Tôi rất buồn vì sự đoàn 22 bại trận ở Tân Cảnh. Cũng xin báo tin đại tá Lê Đạt và một số sĩ quan cao cấp đã vì quốc vong thân. Nhưng không sao, chúng ta sẽ phục hận. Giờ các chiến hữu khẩn trương di tản về Pleiku, chúng ta sẽ phối trí lại lực lượng.

Trung úy Hoàng chạy tới viên trung tá đứng cạnh trực thăng đề nghị gì đó, nhưng ông này lắc đầu. Hoàng quay lại, nhổ nước miếng, chửi thề:

- Má nó chó!

Thanh Thảo khoác tay chồng, ngược đôi mắt ngây thơ hỏi:

- Sao vậy anh?

- Anh xin gĩa cho mẹ con em và mợ ngồi trực thăng mà nó không chịu! Giờ mà ngồi xe tải nguy hiểm lắm. Dọc đường gặp Việt cộng phục kích, chết cả đám.

- Ông nào là tướng Ngô Du hả anh?

- Cái ông thấp đậm, mặt tròn, mang kính đen đó. Hỏi chi?

- Để em!

Cô nói rồi hai tay khẽ kéo vạt áo, xăm xăm bước tới chỗ mấy sĩ quan cấp trên của chồng. Đứng lại trước mặt người đeo kính đen, Thanh Thảo cúi đầu lịch sự:

- Dạ, kính chào thiếu tướng!

Tướng Ngô Du ngạc nhiên thấy một thiếu nữ xinh đẹp, tóc thề tới chào mình:

- Chào cô! Có việc gì không người đẹp?

- Em là vợ của trung úy Hoàng, thuộc trung đoàn 42 ạ!

-Ồ! Chào trung úy phu nhân! Trung úy vẫn an toàn chứ?

- Cảm ơn thiếu tướng! Chồng em bình an. Em có một thỉnh cầu, muốn nhờ thiếu tướng cho bà già và con nhỏ ngồi trực thăng lên Pleiku, sợ ngồi xe vận tải không ổn ạ!

Ông tướng cười rất ga lăng, giơ cánh tay phải:

- Xin mời! Máy bay chắc còn chỗ. Phu nhân đi cùng luôn chứ!

Trung úy Hoàng thở phào, khi mẹ và vợ con lên được trực thăng của tướng Du. Yên tâm rồi. Giờ quan lính ngồi xe di tản, qua đèo Chư Pao lỡ gặp phục kích cũng dễ hành động.

Đoàn xe vừa đi khỏi lúc buổi trưa, chiều muộn hôm đó đại úy Tô Vững chạy xe tới nhà tìm Thanh Thảo. Ông Bùi ngạc nhiên:

- Ủa! Cháu chưa di tản hả?

- Dạ hông! Tụi con phải ở lại Kon Tum chứ! Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên yêu cầu bà con không dao động, không hỗn loạn. Việt cộng không đánh vô đây được đâu. Con đến trễ quá, không đã nói thím với em Thảo ở lại rồi.

Ông Bùi chỉ chiếc ghế hời sáng người con rể từng ngồi cà phê:

- Ngồi uống trà cháu! Chừng nào cưới vợ?

- Dà...! Còn nhỏ mà chú! Nói giỡn vậy, chứ coi tình hình yên yên con mới dám có vợ!

- Mẹ con bà ấy đi di tản hết, ở nhà một mình cũng buồn. Cháu có rảnh, lâu lâu chạy qua chơi uống nước.

- Dạ!

Tô Vững bước ra xe, ôm vô một két bia Con Hổ. Không chờ ông Bùi có đồng ý không, anh bật nắp hai chai đặt lên bàn:

- Lai rai chút đi chú! Có nước đá cho con một khay đi!

Ông Bùi vui hẳn lên. Chạy vô nhà, mở tủ lạnh, còn mang theo mấy trái xoài xanh.

- Còn mấy con khô mày oir! Để chú đi nướng.

Vô được hai chai, Tô Vững ghé tai ông Bùi:

- Hỏi thiệt! Chú ở lại, hổng sợ Việt cộng đánh vô Kon Tum hả?

Ông Bùi im lặng một lát, rồi nói:

- Có gì mà sợ! Nhưng sau trận Tân Cảnh, Việt cộng chưa đánh vô là lỡ việc rồi. Cả tuần nay, sư 23 họ phòng thủ kỹ lắm. Mà có đánh vô, ai để ý mấy lão già như chú làm gì!

Được ba ngày, thấy Tô Vững lại chạy xe tới, bên trên chở bà Hồng, lĩnh lĩnh túi xách, bao lớn bao nhỏ.

- Con trả cho chú nguyên vẹn nha! Em Thảo gửi xe nhà binh cho thím về thăm chồng đó. May con gặp thím ngoài ngã ba.

Bà Hồng chưa kịp chào chồng, vội bước ngay vô nhà, đưa mắt kiểm tra đồ đạc xem có gì suy suyển gì không, sau mới mở miệng than van:

- Ôi giờ đất ơi! Khổ sở lắm, tôi không chịu được cậu ạ! Trong trại tị nạn, họ toàn che lều bạt. Bẩn thỉu, dơ dáy, người nằm người ngồi chen chúc nhau kinh lắm. Hằng ngày con Thảo xếp hàng lãnh tiêu chuẩn gạo muối xong là về nằm vật ra vì mệt. Tôi đòi về với cậu. Sống chết gì cũng có hai vợ chồng.

Chiếc bộ đàm trên xe jeep của Tô Vững phát tín hiệu u u, đèn xanh nhấp nháy.

- Con có việc phải đi ngay! Bữa nào rảnh ghé thăm nhen chú.

Bà Hồng chép miệng, nhìn theo bụi xe:

- Cái thằng tốt nết quá! Nó mến con Thảo nhà mình. Phải trước kia nó tới hỏi tôi gả luôn!

Ông Bùi nhăn mặt:

- Bà chỉ đứng núi này trông núi nọ! Sao trước kia gả con Thảo sớm cho thằng Hoàng làm gì?

Cặp mắt bà Hồng đượm buồn, mờ mịt. Nói thế mà cũng nói. Phải hồi đó thằng Hoàng không mang lựu đạn tới nhà đòi tự sát cùng con Thảo, còn lâu bà mới gả. Cái thằng mất dạy! Gia đình nó gốc Bắc, gia giáo lắm, tại sao nó hỗn thế chứ? Con Thảo 17 tuổi đã lấy chồng, sinh con, sung sướng gì đâu. Vừa sinh con, vừa là sinh viên. Khổ nhục quá. Không có ông bà ngoại thì rũ xác ra. Bởi thế bà mới yêu cầu thằng Hoàng mỗi

tháng phải nộp đủ tiền nuôi cháu ngoại, tiền nuôi con Thảo học đại học, không lơ mơ làm con sen người ở cho nhà nó được. Ước gì rể bà là thằng Tô Vững. Nó cấp đại úy, tiền lương nhiều hơn, lại không phải hành quân đánh trận. Mà thôi, con người ta có số cả. Trời cho sướng mới được sướng. Giờ chỉ có nước thằng Hoàng thôi con Thảo hoặc... tử trận thì may ra. Bà giờ tay làm đầu thánh trước ngực, tự sám hối vì suy nghĩ tội lỗi ấy.

Sáng chủ nhật, bà Hồng đi lễ nhà thờ. Buổi lễ xong sớm vì ít con chiên. Nhà thờ Con Gà đổ bóng dài vắt qua đường, sang tận dãy nhà bên kia, trùm lên giàn hoa giấy màu hồng trước cánh cổng một căn nhà mái nhọn. Mấy con bướm vàng xòe cánh nhao theo tia nắng, đập chồn giữa cơn gió nhẹ cao nguyên, bắt chợt tập trung lại thành bầy, tạo ra thảm vải vàng lao về phía vườn cà phê cạnh đó. Có bóng dáng một chiếc xe jeep lao vun vút tới. Người ngồi lái mặc sơ mi màu xám, bà Hồng nhận ra Tô Vững. May ghê! Cứ lúc nào đi ra chợ hay ra thị xã là bà gặp hần. Giờ tay lên vậy, bà chợt lùi vội vào bên trong hè đường. Chiếc xe lao vút qua, phun khói khét lẹt. Chưa hết ngạc nhiên, bà lại hốt hoảng khi thấy hai xe cảnh sát hụ còi đuổi theo sau chiếc xe của Tô Vững. Sao lạ thế nhỉ? Mấy người kia không nhận ra đại úy Tô Vững vì hần mặc thường phục à? Về tới nhà, bà hốt hoảng kể lại sự việc vừa nhìn thấy ngoài thị xã. Ông Bùi thủng thẳng:

- Tôi biết rồi! Mọi nên giữ miệng, đừng nói với ai thằng Tô Vững quen con Thảo!

- Vâng ạ!

Lâu lắm mới thấy bà Hồng lễ phép với chồng.

Ngày hôm sau, cả thị xã Kon Tum ồn ào vì việc xe cảnh sát và quân cảnh rượt đuổi xe của một đại úy cảnh sát y như trong phim tình báo. Người ta đồn đại, thêu dệt đủ tình tiết ly kỳ hấp dẫn, rằng ông đại úy là tình báo Việt cộng. Ông hay tới nhà em gái chơi, ở lại rất lâu. Vừa qua, mấy căn cứ hỏa lực của sư đoàn 23 bộ binh, kho xăng dầu thường bị

Việt cộng pháo kích gây tổn thất. Máy dò sóng của tình báo quân đội đã phát hiện ra địa điểm điệp viên truyền tin tại một căn nhà của cô gái làm việc tại Sở Giao thông công chánh. Theo tin ông Bùi được biết, qua lời kể của thiếu tá Huy, thì tên điệp viên kia chính là đại úy Tô Vững. Hắn đã tẩu thoát qua cửa sổ ra con hẻm phía sau, nơi đã để sẵn chiếc xe jeep. Cuộc rượt đuổi rất gắt gao, bởi lệnh cấp trên phải bắt sống được tên tình báo Việt cộng. Đại úy Tô Vững lái xe rất giỏi, thẳng một lèo lên từ Kon Tum tới Tân Cảnh, vút xe bên đường rồi chạy bộ vô rừng. Mấy chiếc xe truy đuổi không dám chạy tiếp, vì Việt cộng đang tạm thời chiếm đóng khu vực.

Sau chiến sự, trung đoàn 42 được lệnh rút về Hoài Nhơn, Bình Định. Vợ chồng Thanh Thảo gửi con cho ông bà ngoại rồi đường ai nấy đi. Trung úy Hoàng đưa cho mẹ vợ một bọc tiền lớn:

- Đây là toàn bộ lương nửa năm nay của con, nhờ mợ chăm nuôi thẳng Thường giúp. Vợ con phải về Sài Gòn học tiếp, sắp thi năm thứ hai rồi.

Bà Hồng đỡ vợ bọc tiền, ôm vào lòng, vui vẻ:

- Dào ơi! Anh chỉ vẽ vời, chẳng lẽ ông bà không nuôi nổi cháu à! Thôi cứ yên tâm mà thi hành công vụ. Nhớ giữ gìn con nhé!

Năm 1974 “là năm có nhiều điều không hợp với tuổi Ngọ”. “Cô cần phải dâng sao giải hạn, cẩn thận giữ gìn”. - Đó là lời ông thầy tử vi nói. Thanh Thảo không tin bói toán lắm, nhưng năm đấy cô thấy có gì đó đang âm thầm biến động. Sài Gòn vẫn ồn ào, náo nhiệt với những ánh đèn màu lấp lánh và tiếng nhạc đậm đặc. Hình như những chuyến xe nhà binh chạy hối hả, nhiều lượt hơn. Học đường mỗi buổi lèo tèo vài sinh viên. Thanh Thảo cũng cúp cua mấy lần, ngồi xe đò về Bình Định thăm chồng. Đã một năm nay, trung đoàn của anh được bổ sung quân số, vũ khí và chuyển từ cao nguyên xuống trấn giữ vùng Hoài Nhơn, nơi tiếp giáp với tỉnh Quảng Ngãi. Sau trận thảm bại ở Tân Cảnh, Hoàng đã được thêm một bông mai. Giờ Thanh Thảo đã là bà đại úy ở tuổi hai

mười, một điều vinh hạnh mà đám bạn học cùng khóa luôn ganh tị. Những cuộc gặp gỡ của vợ chồng Thanh Thảo thưa dần. Đại úy Hoàng cùng trung đoàn đang phải căng mình đối phó với Sư đoàn 3 Sao Vàng của Việt cộng. Sư đoàn này sau một thời gian bao vây, cô lập quận Hoài Ân, giờ đang triển khai các mũi tiến công mới.

Thanh Thảo đang cúi đầu vào cuốn tiểu thuyết Trà hoa nữ. Ghế đá chỉ có một người, im lìm mấy chiếc lá vàng nằm thỏ. Khuôn viên trường buổi trưa vắng tiếng ồn ào, cười đùa của sinh viên. Một bóng áo dài trắng như bay lượn tới trước mặt cô. Con bạn Thúy Hồng ở Cần Thơ miệng reo hò, tay cầm một tờ giấy nhỏ:

- Ê! Đại úy phu nhân! Cho moa đi với!

- Đi đâu. Toa có gì vui hả?

- Nè! Điện báo! Phu quân mời về dự đại hội mừng công!

Hoàng báo cho vợ hay, tối thứ bảy tại sở chỉ huy trung đoàn sẽ mở đại hội mừng công, anh mong vợ về dự để giới thiệu với một số chiến hữu mới. Hôm nay là thứ năm, tối mai cô ngồi xe ra Bình Định vẫn kịp. Cô nói với Thúy Hồng:

- Rất muốn dắt *toa* đi chơi, nhưng không tiện lắm!

- Có gì đâu mà không tiện! *Toa* ở đâu *moa* ở đó mà!

- Vậy lúc chồng *moa* nó dẫn vợ vô phòng riêng, *toa* cũng đi theo à?

Thúy Hồng giã nảy:

- Trời ơi! Tiếc quá đi! Thế này hông được, thế kia cũng hông được! Làm sao đây?

- Để *moa* giới thiệu cho một ông trung tá bạn chồng, mới thôi vợ...

- Hả! Mà thôi cũng được! Lẹ lên nhen!

Thanh Thảo chọn chiếc áo dài màu vàng chanh, rất hợp với nước da trắng và dáng người cao của cô. Đón cô tại văn phòng sở chỉ huy không phải là Hoàng mà là trung tá Thông, chỉ huy trung đoàn. Bàn tay lính chiến ram ráp nắm chặt bàn tay mềm ẩm của Thanh Thảo. Trung tá Thông có vẻ ngạc nhiên:

- Ủa! Sao em biết nhanh vậy?

Thanh Thảo cười tươi:

- Dạ anh Hoàng điện báo cho em từ bữa kia!

- Trời ơi! Thằng này linh...

Trung tá chùi vội khoe mắt, rồi bước vô trong, bỏ mặc Thanh Thảo đứng một mình ngoài cửa. Trung đoàn phó An vừa thoáng nhìn thấy cô, cũng lảng đi chỗ khác. Thanh Thảo cảm thấy có điều gì bất thường. Một đại úy và một thiếu úy lật đật từ trong nhà bước ra. Viên đại úy giơ tay mời cô ngồi xuống ghế:

- Thưa cô! Xin cô hãy hết sức bình tĩnh. Đại úy Hoàng vừa bị Cộng quân phục kích lúc 12 giờ trưa nay và đã vị quốc vong thân. Thành kính phân ưu cùng gia đình!

Thanh Thảo ngồi chết trân một lúc rồi gục xuống bàn khóc nức nở. Cô làm theo chỉ dẫn của mọi người như chiếc máy. Sau khi vào bệnh viện nhận xác chồng, cô xin xe đơn vị mang anh về mai táng tại nghĩa trang quê nhà, không muốn đưa anh vào nghĩa trang quân đội. Cố hết sức, cô mới lết về tới Kon Tum. Ông Bùi chỉ im lặng nhìn con gái, còn bà Hồng lặng xắt đun nước cho con tắm, miệng bà lẩm bẩm:

- Sống chết có số con ơi! Thôi đời còn trẻ lo gì! Chồng chết thì lấy chồng khác!

Thanh Thảo hét lên:

- Mợ im đi cho con nhò!

Vì hét lớn quá, cô ôm bụng đau quằn quại. Bà Hồng vội kêu xe chở con đi bệnh viện. Bác sĩ báo tin Thanh Thảo đang có bầu. Cái thai đã được hơn tháng.

Ông Bùi khuyên con gái bỏ Sài Gòn về Buôn Ma Thuật học cho gần nhà. UNESCO vừa tài trợ thành lập Trường Sư phạm Cao nguyên, dành riêng cho con em các sắc tộc thiểu số.

- Về học nghề sư phạm cũng tốt con ạ! Lại được đãi thọ ăn ở không mất tiền. Chứ mấy năm nay con học đại học, toàn tiền chồng nuôi, giờ

nó chết rồi, biết làm sao. Cậu sẽ xin giấy chứng nhận sắc tộc Mường cho con. Chuyện thi cử cũng đơn giản thôi.

Thi vào Trường Sư phạm Cao nguyên, học được bốn tháng thì Thanh Thảo sinh con gái. Con bé có lẽ chịu nhiều áp lực tai ương khi còn trong bụng mẹ, nên sinh ra èo oặt, xanh rớt, nhưng rất chịu ăn. Bé bỏ bú mẹ, chỉ ăn sữa Guigoz do bà ngoại mua. Loại sữa lon của Pháp rất hợp với trẻ nít mới tập ăn dặm. Bởi bé không bú sữa mẹ, nên kì lễ cúng 100 ngày cho chồng, Thanh Thảo chỉ dắt thẳng con lớn về Bình Định. Gia đình đại úy Hoàng giao lại căn nhà của anh ở Quy Nhơn cho ba mẹ con cô.

- Rồi các cháu nó lớn, cũng cần phải có chỗ chui ra chui vào, chứ ở nhờ ông bà ngoại mãi thế nào được. - Bà mẹ chồng, miệng đỏ nước quết trâu, buồn bã đưa chùm chìa khóa cho Thanh Thảo.

Hai mẹ con về tới Kon Tum thì mới hay ông ngoại bị tăng xông, phải đi cấp cứu. Trên giường bệnh, ông Bùi mở to mắt nhìn trừng trừng vào con gái, như muốn nói điều gì đó mà không được. Hai ngày sau thì ông mất, để lại nhiều điều bí ẩn ngay trong ngôi nhà của mình. Tết năm đó, cả nhà bà Hồng chỉ làm mâm cơm đặt lên bàn thờ, còn lại chẳng sắm sửa gì cả. Mùa xuân tới với hai cái tang trĩu nặng trên vai, làm Thanh Thảo gầy rộc đi. Cô tới trường, mà đầu óc mụ mị, u ám những vệt đen ký ức.

Tháng ba Tây Nguyên năm 1975, nắng không còn trong lành trên từng dòng suối, cành lá. Từng đàn ong bỏ nhụy hoa thơm trên rẫy cà phê, bay tán loạn vào rừng. Ngay từ đầu tháng 3, tiếng đạn pháo, hỏa tiễn nổ rền phía Nam. Tiếng máy bay gầm rít, súng bộ binh căng hàng ngàn tia lửa trong đêm. Chiến sự ác liệt lại xảy ra, chẳng kém phần long trọng như hồi tháng 4 năm ngoái ở Kon Tum.

Thanh Thảo và các bạn không còn tâm trí nào mà học tập. Những sinh viên tỉnh xa đều muốn về với gia đình. Nhưng mọi con đường đã bị cắt đứt. Đường 14, đường 21, đường 19... tất cả đã bị Quân Giải phóng

phong tỏa. Mọi ngã đường về Nam, lên Bắc không còn nữa. Buôn Ma Thuột đã bị cô lập. Ngày 10 tháng 3 năm 1975, Buôn Ma Thuột thất thủ. Một cuộc tháo chạy tán loạn chưa từng có của quân lực Sài Gòn hồng thoát khỏi nơi đây.

Thanh Thảo chỉ biết ôm mặt khóc, khi các bạn giục cô hãy mau chạy trốn. Chạy đi đâu? Không cần biết! Miễn là thoát khỏi Ban Mê. Quân Giải phóng đang tràn vào, nguy hiểm lắm!

- Bạn có muốn bị Việt cộng lấy kèm rút móng tay không? Có lo sợ sẽ bị cưỡng hiếp không? Ráng mà chạy đi!

Cuối cùng nhóm bạn cũng lôi được Thanh Thảo ra khỏi phòng, tìm đường chạy vào núi. Cả nhóm có bảy người, hai nam, năm nữ. Họ chạy trốn chiến sự mà không mang cho mình một thứ gì, cả quần áo, lương thực. Đường rừng không hợp với bọn sinh viên chân yếu tay mềm. Chỉ được vài cây số là tất cả mệt rũ. Gặp con suối, họ cắm đầu xuống uống một hơi căng bụng, nước óc ách càng làm cơ thể mệt hơn. Thanh Thảo không thể lê nổi chân nữa. Cô đang yếu và bị sang chấn về tinh thần. Khi nhóm bạn đi một quãng, Thanh Thảo vẫn nằm bên gốc cây, mắt nhắm nghiền. Cậu bạn khỏe nhất, cầm rựa mở đường vội quay lại:

- Thảo! Cố lên! Các bạn đi hết rồi!

- Mình không đi nổi! Thôi hãy để mình chết ở đây! Các bạn đi đi!

Cậu bạn giận dữ:

- Thảo có đi không?

- Không! - Thanh Thảo lắc đầu.

- Vậy được rồi! Tôi sẽ chém chết bạn, để bạn khỏi rơi vào tay Việt cộng!

Thanh Thảo nằm im, chỉ he hé mắt theo dõi. Thấy thằng bạn lấy hết sức vung cây rựa lên, cô hoảng hốt ngồi nhóm dậy:

- Thôi được rồi! Mình đi!

Cô bước mấy bước loạng choạng, rồi lại ngã nhào. Cậu bạn xốc cô lên vai, công đi. Đường rừng càng ngày càng khó đi. Phía sau tiếng súng

vọng tới, loạn xạ. Bóng đêm đã ập xuống. Nhóm sinh viên quyết định ngủ lại, sáng mai đi tiếp. Họ gục xuống bên các gốc cây, người rũ rời vì mệt và đói. Tiếng khóc rầm rút, tiếng nấc chìm dần vào giấc ngủ mệt nhoài.

Sau một ngày vượt núi, nhóm người tả tơi đến được Đà Lạt. Tới đây họ chia tay nhau, đường ai nấy đi. Thanh Thảo gặp một xe nhà binh, tự giới thiệu là vợ sĩ quan trung đoàn 42 và xin đi nhờ về Sài Gòn. Chỉ hơn một tháng sau, khi tiếng xích xe tăng của Quân Giải phóng rồn rảng tiến vào thành phố, cô mới tin rằng, mọi chuyện đã chấm dứt.

Chị ba Chiến đặt gánh cây đậu xuống sân nhà Năm Chinh. Nhà nó vắng hoe, không thấy tiếng con nhỏ Quyên lú lo. Rồi trong nhà vọng ra tiếng em dâu hát. *“Gió về miền xuôi. Anh đưa em cuối nẻo đường đời. Gió đầu non, gió lọt đầu ghềnh. Đường em đi đường nở hoa khắp bốn mùa”. “Rừng lá xanh xanh cây phủ đường đi. Thành phố sau lưng mang mộng ước gì. Tôi là người đi chinh chiến dài lâu... Ờ ờ! Ngủ đi con! Ngủ đi mẹ thương!”*. Hình như mợ ấy kêu con Quyên, kêu nhỏ vì sợ con em thức giấc:

- Quyên ơi! Con làm gì ngoài đó hả Quyên?

Chị Ba bước vô nhà, chỉ tay ra ngoài bảo em dâu đi kiếm con lớn:

- Để đó tau ru cho! Ru con gì mà toàn hát eo éo, con nít ngủ sao được!

Chị Thảo nghe vậy liền đứng dậy khỏi chiếc võng, nhường chỗ cho bà chị chồng, bước ra sau bếp. Con Quyên ngồi xồm bên bụi chuối, quần kéo xuống quá gối, chắc nó vừa ị xong.

- Mới ị hả con? Dơ dáy quá đi!

Con nhỏ không để ý tới mẹ, tay nó cầm một chiếc lông gà, chọc chọc vào cái hang để trước mặt, miệng gần từng tiếng:

- Mà... có... ngứa... tai... hông? Mà... có... ngứa... hông!

Chị Thảo phì cười. Năm nay bốn tuổi rồi mà con gái vẫn chưa nói sõi. Nó thường chậm chãi phát âm từng tiếng một, như: “Mẹ... ơi... đói!”. Cái câu “mày có ngứa tai hông” là con Quyên bắt chước ba nó. Ông Năm Chinh thường chọn những chiếc lông cánh gà, tước bỏ phần hết hai bên, chỉ chừa chùm lông đầu rồi làm cây ngoáy tai. Ông bảo ngoáy tai bằng lông gà khoái lắm, rất đã và thường hỏi con gái: “Con có ngứa tai hông? Tới đây ba ngoáy cho!”. Vậy là con nhỏ bắt chước.

Trong nhà, vắng ra tiếng hát ru mượt mà, trầm lắng của chị Ba Chiến:

- Hời hời ời! Ru em... em ngủ cho rầu (rời). Để mẹ đi chợ... ờ, là mua nầu (nồi) nấu cơm (cơm). Mua nầu à... là phải mua ờ zung (vung). Đặng chừng cơm cạn lòng bùng mẹ ư (ơ)! Hời hời... Một mai ai chớ à... bỏ ai. Chỉ thiêu (thêu) nên gấm... sắt mài kim mà nên kim, sắt sắt mài nên... ừ kim.

Chị Thảo biết chị Ba đang buồn. Hình như sắp tới ngày giỗ má chồng của chị, mà anh Tịnh vẫn biệt tăm không về. Nghe chị kể, anh Tịnh lấy vợ Nam Định, một bà nông dân thiệt hột chứ không tay trái tay mặt vừa buôn bán vừa làm nông như chị. Họ có tới bốn đứa con, kinh tế cũng khó khăn, nên mỗi chuyến về quê là mỗi lần anh Tịnh khốn khổ vì tiền bạc. Từ ngày anh Tịnh đi tập kết, rồi có vợ ngoài Bắc, việc nhà chồng chị Ba vẫn lo chu đáo. Năm má chồng mất, anh Tịnh ở Nam Định, nhận được điện báo, về tới quê thì đám tang đã xong cả tuần lễ, vẫn một tay chị Ba lo liệu. Chẳng năm nào giỗ má mà ổng về! Chị Ba thường than trách vậy. Không về thì chị lo cũng quảy, vậy thôi.

Năm 1976, anh Tịnh về thăm quê, bà má nói:

- Mầy thiệt tệt! Đi tập kết cái là vợ con luôn ngoài. Tau biểu con Chiến đi kiếm đứa con mà nuôi. Chờ mầy chắc chết già.

Anh qua thăm vợ cũ, thấy thằng nhỏ chừng ba tuổi, mặt mũi tròn o hiền lành thì hỏi là con ai? Chị Ba lẳng lặng vác cày dắt bò ra đồng. Bà má xúi con:

- Hình như nó còn thương mầy! Đi ra năn nỉ xin lỗi một tiếng. Thôi cái số vậy, cứ chạy đi chạy về cả hai cho trọn tình nghĩa.

Nghe lời má, anh Tịnh lò dò ra tới bờ ruộng. Cô vợ tướng người cao lớn, tay cầm cày nhẹ như cầm cây đuă cái. “Bả vẫn đẹp như ngày trước”. Anh thầm nghĩ.

- Nấu giận tui hén!

Chị Ba không trả lời, quất roi thúc bò đi băng băng. Những tiếng “dí, thá” như kìm nén lại, chỉ bật ra khe khẽ.

- Tui có lỗi! Thực lòng lúc nào tui cũng nhớ thương em! Nhưng tại

quân Mỹ - Diệm nó phá hiệp định, nó chia cắt vĩnh viễn hai miền. Tui buồn quá, không biết bao giờ mới trở lại, nên mới lấy vợ ngoài!

- Dọ!

Con bò dừng lại, da dưới bụng rùng rùng liên tục, ướt mồ hôi. Chị Ba xách roi nhảy lên bờ, ngay trước mặt chồng.

- Thương tui mà như vậy hả? Hồi nào tới giờ bộ tui không biết ông là kẻ dẻo miệng sao?

Nhìn đôi mắt xéch ngược của chị, anh biết vợ giận lắm. Bả mím môi lại rồi kìa. Cây roi tre trên tay bả nhúc nhích mấy lần, rồi bỗng vun vun như rồng bay, phượng múa. “Tạ tạ tạ hữu giai trùng nhị”, anh vừa nhận ra một thể trong bài “Roi tấn nhứt” nhưng chỉ dám né tránh.

- Tui thân bại danh liệt như vậy, cũng là nhờ ông đó!

Vút! Vút! Vút! Từng đường roi biến hóa làm anh Tịnh hoa mắt, không kịp tránh đỡ. Bụp! Bụp! Một đòn quất xuống vai, một đòn quất ngang lưng, đau rát. Anh biết mình vừa bị thể roi “Xà thành đích thủy song song đả”. Mấy người hàng xóm đi chợ về ngang, thấy anh bò lết dưới đất, cố tránh những đường roi ngày càng mạnh lên vì giận dữ của vợ, họ chạy tới can ngăn:

- Thôi, con Ba mầy nóng tánh quá. Chồng nó vừa về tới! Có gì về nhà nói chuyện phải quấy!

- Uýnh ổng vậy đủ rồi chị Ba! Đàn ông mà lộn xộn quá, hông uýnh hông xong... Bỏ qua đi chị!

Chị Ba không nói gì, giơ tay áo quẹt nước mắt, bước xuống cầm cày hối bò đi tiếp. Tiếng cười ròn rảng theo những bước chân về làng.

- Trời quơ! Hồi nào tới giờ nghe nẫu nói “con gái Bình Định cầm roi dạy chồng”, nay mới thấy đó!

Về làm vợ Năm Chinh, chị Thảo nghe làng xã lưu truyền vụ đó nên khóp, sợ chị chồng một phép. Có lần ông Năm Chinh phải an ủi vợ:

- Mình đừng có sợ chị Ba! Bả hiền lắm! Hồi năm chắc hờn giận chồng quá nên mới vậy thôi.

Chuyện mới đó mà đã hơn mười năm. Nay đến ngày giỗ má đẻ mà anh Tịnh cũng không về. Anh nói ngoài đó hai vợ chồng cũng làm giỗ má. Nhưng sao bằng được giỗ ở quê, ngay trong căn nhà được coi như từ đường của bên chồng. Chị Ba vẫn một mình lo làm cỗ cúng, để cho con cháu nội ngoại kéo về, uống chung rượu tưởng nhớ bà. Hôm nay qua nhà Năm Chinh, chị muốn đưa hai cháu nhỏ qua chơi, cho chúng kiểm miếng bánh thịt ngày giỗ. Vợ chồng Năm Chinh thiếu thốn đủ bề. Lương hưu của chồng thấp, phụ cấp thương bệnh binh cũng chẳng bao nhiêu, mà nhà những bốn mạng người. Chị ghét cô em dâu người Bắc. Không phải chê nó “Bắc Kỳ”, “Nam Kỳ” chi, mà chị không ưa thứ phụ nữ ẻo lả, đài các, luôn phải dựa vào đàn ông mới sống nổi. Huống hồ ngày trước nó từng là trung úy phu nhân phía ngụy, cái quân dã man độc ác từng tra tấn, hành hạ má con chị đến chết. Từ sau Hiệp định Pa-ri năm 1973, chị mới dám công khai về quê. Chứ hồi nhảy trực thăng sém chết, chị chạy một hơi lên núi Cát Sơn, tìm căn cứ của ta. Mấy chú, mấy anh giữ chị ở lại luôn, không cho về hoạt động công khai nữa. Sau giải phóng, vừa làm ruộng, làm may mặc, vừa buôn bán, kinh tế nhà chị luôn dư dả. Thằng con trai tuy ẻo uột nhưng nuôi miết cũng lớn, học hành giỏi giang. Thấy em trai cực khổ, chị thương lắm, nhưng quyết không cho thứ gì. Thằng Năm ngu ránh chịu, chứ mắc mớ chi chị phải nuôi con hồ ly tinh kia. Nhưng cháu mình thì không bỏ được. Chị Ba thường may quần áo cho hai đứa con gái nhà Năm Chinh, hoặc cho chúng miếng ăn, thức uống. Bữa nay cũng vậy, chị muốn đưa chúng về nhà mình ăn giỗ, nhưng con em ngủ mất rồi.

- Mợ nói với thằng Năm, tau đưa con Quyên về bến cho nó ăn giỗ bà nội thằng Còi, mai đem trả hén!

- Dạ! Bác cho em gửi cháu một buổi!

Dồn đám cây đậu về một bên thúng, bỏ thêm cục đá cho cân, chị Ba Chiến đặt con Quyên ngồi bên kia rồi quảy về nhà. Từ nhà Năm Chinh qua nhà chị, đi bộ chừng nửa giờ. Cát nóng lạo xạo dưới chân, bóng chị

đổ dài trên con đường đất, lơ thơ mấy cây dừa.

Năm Chinh công tác ở Hội cựu chiến binh xã được hai năm thì xin nghỉ, viện lý do kinh tế gia đình khó khăn. Nhưng nguyên nhân chính thì khác. Từ khi Tư Danh chuyển lên huyện làm Trưởng phòng Nông nghiệp, Bảy Liên được đôn lên chủ tịch xã. Ba Thoại tất nhiên là ngồi ghế phó công an, cái tính thích dòm dỏ nhà này, nhà kia cũng bớt đi. Ngoài những cuộc họp bắt buộc phải có mặt, Năm Chinh không muốn héo lánh tới trụ sở ủy ban xã. Cứ nhìn cái mặt vênh như bánh tráng nướng của Bảy Liên là ông muốn chửi lộn. Thứ hai đầu tuần, bưu tá tới nhà gọi công văn mời họp, Năm Chinh lưỡng lự. Thứ tư họp, mai mình tính đi rẫy. Miếng rẫy đã phát xong, phơi khô, cần dọn dẹp đốt liên không có mưa xuống là lỡ dịp trả bắp. Tối cơm nước xong, ông khểnh trên võng, bảo vợ:

- Ngày mai nhà mình đi rẫy một buổi. Mấy má con phụ tôi dọn cỏ, nấu cơm. Mốt về còn đi họp ngoài xã.

Chị Thảo dừng tay rửa chén, hỏi lại:

- Sao mà gấp vậy mình? Cứ nghỉ ngơi lại sức, mốt đi họp về rồi tính.

- Ôi trời ơi! Lo ăn cho con quan trọng hơn hay họp quan trọng hơn. Cả đời tui, ngồi họp rách bao nhiêu đũng quần rồi, ngán tới cổ rồi. Chị em con Quyên ngủ sớm hén! Mai ba cho đi rẫy.

Hai đứa con gái reo hò, dời ngay cuốn truyện tranh khỏi cây đèn dầu hỏa tù mù. Chúng chạy tới bên võng, nắm tay ba kéo lên giường.

- Đi ngủ ba! Mình đi ngủ! Con gối đầu tay ba hén!

Mùa hè, bọn trẻ thích được vô rừng. Trong đám rẫy của nhà, Năm Chinh kì công đốn cây, cắt tranh về dựng cái nhà trại khá rộng. Mái tranh, nền đất, chiếc giường ghép bằng tre thấp đủ chỗ cho bốn, năm người nằm. Ông bỏ ra một tuần lợi sâu vô rừng, kiếm cây sắt vác về, buộc ken bốn xung quanh làm vách che. Nằm lán trại còn mát hơn ở nhà. Nên hai đứa nhỏ dắt hai con chó trèo lên sàn ngủ ngay từ giấc trưa. Năm Chinh dùng cào gom cây bổi khô lại từng đống, châm lửa đốt. Chị

Thảo loay hoay với mớ cành khô, chặt làm củi chụm.

- Thôi mình để đó cho tui, đi kiếm mớ rau chút nấu nồi canh.

Năm Chinh giục vợ, giành luôn việc chặt củi. Ông thừa biết vợ ngày trước là tiểu thư đài các, không quen việc nặng, ăn uống cực khổ cũng chưa quen. Hồi mới lấy nhau, còn ở nhà tập thể, cuộc sống tuy còn thiếu thốn nhưng đỡ hơn, vì ông có lương và vợ có “lậu”. Lậu ở đây là lậu vé tàu lửa. Chị Thảo là người tinh nhanh, thấy chồng làm cán bộ đường sắt thì móc với mấy nhân viên bán vé tàu, chuồn vé ra ngoài kiếm lời. Thời đó người ta gọi là dân “phe vé”, chịu khó chen chúc, co kéo là có tiền. Thời bao cấp, mua được tấm vé tàu Thống Nhất cực chảy máu mắt ra, nên đôi khi người ta nhờ phe vé cho khỏe xác. Bởi vậy nghề phe vé của chị Thảo mới có đất làm ăn. Tới khi Năm Chinh dắt vợ con về quê làm nông nghiệp, thì thực sự chị Thảo bị sốc. Chị lấy chồng, tin chồng, nhưng chưa chuẩn bị cho hoàn cảnh này. Nhưng Năm Chinh hứa như đinh đóng cột, rằng sẽ không để vợ con phải khổ. Mấy năm nay, công việc nặng nhọc một tay ông gánh vác, chị vợ chỉ lo chợ búa, cơm cháo, giặt giũ cho chồng con. Thương và cảm phục chồng, chị Thảo đôi lúc cũng hoài niệm về thời vàng son cũ, nhưng cứ nhìn lưng áo đầm mồ hôi của ông chồng già là lại nôn nao yêu thương. Ừ thì có người cho rằng chị chỉ dựa hơi ông mà sống, mà lo cho con khi thời cuộc thay đổi. Không hề đổi lòng, chị thấy ông mới là cây tùng cao lớn cho đời chị.

Ngôi nhà lợp tranh của họ vắng vẻ, đơn độc giữa triền đất dốc, mùa mưa nước cuộn cuộn chảy hai bên hông nhà, thành những rãnh rộng và sâu. Với một cây cuốc nhỏ, đêm sáng trăng nào ông Năm Chinh cũng đào bới, san lấp tới khuya. Đến lúc khu vườn trồng cây ăn trái đã hình thành, với những khuôn đất hình bậc thang, vuông vức, phẳng phiu. Cuộc sống đang dần định hình, với xu hướng truyền thống của người nông dân, chứ không phải sự nhàn hạ của một anh kỹ sư cầu đường như ông Năm Chinh và cô giáo tiểu học như chị Thảo. Vợ chồng họ chịu hành xác khổ cực để đổi lấy tình yêu.

Thửa rẫy hơn năm sào này đã minh chứng cho điều đó. Họ sống và vượt lên vì tình yêu. Chị Thảo thương ông chồng già tận lực vì vợ con, nhưng chị sức yếu, lại không quen lao động nên chỉ đóng vai phụ cho chồng. Vụ thu hoạch mì, ông chồng hùng hục đào bới, khuôn vác củ mì vô lán, chị chỉ việc ngồi bào vỏ, đem phơi. Mùa thuốc lá, chồng bẻ lá, vận chuyển tới lán, chị ngồi phân loại lá vàng, lá xanh rồi xâu lại từng dây, cột gọn gàng lên vách hay trời nắng thì mang ra sân. Từ trại về nhà năm, sáu cây số, có những đêm ông Năm Chinh phải ngủ rẫy canh thuốc lá, vợ con về hết, chỉ có hai con chó ở lại cùng chủ.

Tụi nhỏ thường nói với mẹ Thảo, rằng cơm ở rẫy sao thấy ngon hơn cơm nhà, dù chỉ có canh rau tập tàng và chút mắm cơm, mắm mặn. Người lớn thì không nói chi, vì lao động mệt nhọc, được chén cơm nóng, tô canh ngọt là thấy ngon miệng. Chị Thảo nhận xét sự ngon cơm lại khác. Có lẽ do hiệu ứng môi trường đem lại, hai bên là rừng cây xanh mê hoặc, bên cạnh là dòng suối trong vắt róc rách chảy. Sự ngon ngọt của nồi canh rau rừng, thấm vị mồ hôi mặn của ông chồng. Cứ giắc mười giờ trưa, Năm Chinh dừng công việc, xách cuốc xuống suối, vừa tắm giặt vừa tìm hang cua. Mấy con cua đá vẻ dữ tợn, hai mắt lồi ra, khua cặp càng tổ chảng dọa nạt. Bọn cua này to bằng bàn tay người lớn, cái mai màu xanh rêu và đầy răng cưa. Chị Thảo và tụi nhỏ hồi nào tới giờ chưa biết bọn cua này, còn Năm Chinh thì quá quen thuộc từ những năm còn là bộ đội nằm rừng Trường Sơn. Canh rau rừng nấu với cua rừng, “ngọt lũng nồi” như Năm Chinh thường nói khi ăn.

- Sao còn bào mì hấp cơm chi vậy mẹ?

Con Quyên vốn không thích ăn cơm độn, nên hỏi mẹ. Chị Thảo chỉ hai con chó đang nằm thỏ:

- Để cho con Mực, con Vàng ăn nữa chứ! Nó cũng đói như mình mà! Phải không con gái?

Hai con chó nghe chừng hiểu ý chủ, cùng sủa mấy tiếng, rồi chạy lao vào bìa rừng. Con Quyên nhảy múa dưới một tán cây, ngửa mặt cười

hình hích. Trên tàn lá, tiếng ve kêu râm ran, từng đợt rồi ngắt, rồi lại rộ lên.

- Mẹ! Mưa hay sao á! Mát quá hà!

Chị Thảo ngẩng mặt lên nhìn trời, vòm trời cao trong xanh đầy nắng.

- Nước đái ve đó con ơi! Đừng để nó rớt vô mắt nhé!

Năm Chinh đã tắm rửa xong, thung thủng bước lên. Tiếng hai con chó sủa vang góc rừng. Chị Thảo dừng tay dọn cơm, hỏi chồng:

- Ba chạy vô coi xem chó bắt được con gì nữa kìa!

Năm Chinh cười:

- Mình không biết rồi! Tụi nó sủa hơi đó! Sủa cho vui thôi! Còn khi có con mồi nó sẽ sủa đuổi. Sủa đuổi nghe nhanh và dồn dập! Thôi kêu tụi nó về ăn cơm.

Ông Năm vốn cứng bọn chó, nên bữa ăn không bao giờ quên chúng. Hai đứa chạy ào về, nằm sải chân ngay cạnh mẹt cơm. Chỉ có đĩa mắm cơm và nồi canh rau cua đá. Năm Chinh nhường phần thịt cua cho vợ con, mút mát hoài hai cái càng và mu cua, chan canh húp súp soạn, luôn miệng khen ngon, mồ hôi chảy đầy mặt. Chị Thảo lấy chiếc khăn trên vai xuống, lau mồ hôi cho chồng. Tội nghiệp ống, thứ gì ngon cũng nhường vợ con. Mấy năm trước còn thiếu đói, bữa ăn bao giờ ông cũng giành rổ mì, ăn với rau tàu bay luộc chấm mắm mặn. Nồi cơm ít ỏi và mấy con cá bống kho sả ớt thì để cho vợ.

Hồi này, thấy người ta đổ xô vô rừng tìm rế mang về bán. Năm Chinh cũng ra lò rèn đặt một con rựa vừa tầm tay, theo họ vô rừng. Việc chặt rế cây mang về bán cho người ăn trâu, mỗi con rựa phải thừa theo tầm tay từng người. Dài quá khi chặt rế sẽ vướng víu, đôi khi nhầm cành cây khác, rựa bật lại vô trán sưng u. Ngắn quá cũng không được, cây rựa hụt tầm chặt, một lúc là mỏi rã rời đôi tay. Năm ngày một phiên chợ, những gánh rế mang được đánh nài gọn gàng đẹp mắt, mang ra chợ bán sỉ. Mấy người buôn chuyển cát lại, mang về dưới vùng biển bỏ mồi. Cái thứ rế rừng này thiệt lạ. Gọi là rế, nhưng chính là phần vỏ cây lột ra, nhai

miếng vỏ dẻo dẻo, mùi vị thơm hắc và hơi đắng. Mấy bà mấy chị ăn trầu, khi đã quệt vôi lá trầu, thêm miếng cau nữa mà thiếu rễ mang thì mất ngon. Bởi vậy, khi người ăn trầu còn nhiều, thì người kiếm rễ mang còn sống được. Nhất là ngày đầu tháng hay hôm rằm, rễ mang mang ra chợ không đủ mà bán. Đã lâu ngồi bàn ghế hành chính, Năm Chinh vẫn chưa quên nghề chặt rễ mang. Những năm thiếu niên, cậu Năm nghịch ngợm thường theo chị Ba Chiến vô rừng kiếm rễ. Nhưng lúc đó phải xin phép ông Trần Đại, địa chủ. Ai tự ý vô rừng, ông bắt được cho gia nhân đánh như đòn, thu hết lâm sản kiếm được.

Năm Chinh bắt đầu một ngày đi rễ mang từ lúc ba giờ sáng. Ông pha một bình trà, ngồi phì phèo thuốc lá, lặng lẽ quan sát vợ lúi húi nấu cơm để đỡ theo cho chồng. Việc cơm nước không thể vội vàng được. Trước đó, chị Thảo vo gạo và cho thêm nhiều nước để nôi cơm hơi nhão một chút, vắt cơm sẽ mịn hơn. Cơm vừa chín tới, chị nhúng chiếc khăn mặt ướt, trải ra mâm rồi dỡ cơm ra, vắt tròn, lăn đi lăn lại cho thật mịn. Tàu lá chuối cắt vò, hơ qua lửa cho tái đi, lau sạch rồi mới gói vắt cơm lại. Bữa nay nhà hết mắm cơm, thứ mà ông Năm thích nhất.

- Ba ăn tạm muối mè một bữa. Để tới phiên em mua thêm hũ mắm!

Đường rừng lạnh lẽo, vắng vẻ. Sương mù bảng lảng xung quanh, những bước chân lụi đui hay tiếng ho khúc khắc phía trước, báo rằng người ta cũng bắt đầu vô rừng. Chiếc túi vải đập đập bên hông theo nhịp bước, hơi nóng của vắt cơm thấm qua mấy lần vải, ấm nóng. Năm Chinh hăm hở đi về hướng đã định trước, đó là khe Lạch, nơi cửa rừng hơi xa một chút, ngày trước ông từng theo chị Ba Chiến đi chặt rễ. Đúng như dự đoán, khu vực này chưa có ai đặt chân tới. Cây to, cây nhỏ đứng xen kẽ, cành lá giao nhau kín mít, dây rừng ngang dọc, chằng chịt trông giống đàn rắn nhỏ. Lúc này là năm giờ sáng. Ông Năm nhìn đồng hồ, chọn một nhánh cây cao ngang tầm vai treo túi cơm lên. Ngồi lên một hòn đá, ông quệt lửa châm thuốc hút. Mùi thuốc rê khen khét lẫn quần trong sương sớm, bay là là mặt đất, không chịu phát tán đi.

Chỉ phát dọn lối đi chừng mười mét, ông đã phát hiện mấy bụi mang mọc lúp xúp. Mừng húm! Vừa phát dây dợ, vừa chặt rế, ông vung rựa liền một hơi khoảng hai giờ đồng hồ mới dừng lại. Hừm! Xem ra sức khỏe mình còn ổn. Mà không tốt sao được. Cô vợ trẻ hơn tới hai mươi tuổi, đang sức xuân hơ hớ, chồng mới đụng tay vô là đã thở gấp, chịu gì nổi, nếu không đầy đủ công lực... Ông mỉm cười, với chiếc bi đông chiêu một ngụm nước trà, rồi cầm cây rựa, chặt tiếp. Những đám dây rừng lằng nhằng trước mặt, bị cây rựa bén chém rụng lả tả. Trong những khúc cây rớt xuống, ông thấy hai thân rắn lục mây. Giống rắn này ban ngày không thấy đường, chỉ nằm im trên cành cây, nếu bị động thì chậm chạp bò đi chui vô chỗ nào đó. Con rắn lục chắc chạy không kịp, bị rựa ông Năm chém đứt đôi, nửa trên còn cố bò lết vô bụi cây, phần nửa đuôi giãy giụa một lúc rồi nằm im. Tụi này cực độc, loạng quạng bị cắn coi chừng chết lãng nhách.

Róc lá xong mấy đám rế mang, ông Năm lần lượt ôm ra bìa rừng, bó lại. Mới hơn ba giờ chiều, cần tranh thủ về sớm cho mấy mẹ con nó đúng rế mai còn đi chợ. Buổi đầu quay lại nghề sơn tràng, thấy cũng may mắn. Một thời gian nữa, người ta phát hiện ra khu khe Lạch này lắm rế mang, chắc không còn được như vậy. Ông quyết định sẽ quay lại đây sau phiên chợ, tranh thủ chặt rế đem về, dành để bán dần. Chị Thảo ngạc nhiên thấy chồng về sớm, liền lo cơm nước cho ông rồi chuẩn bị việc buổi tối. Bữa chiều đấy có thêm nồi tép bạc và rổ rau sống để ông Năm cuốn bánh tráng.

- Ba uống ly rượu giải mỗi! Nhưng một hai ly thôi đó! - Chị Thảo đưa ra một xị rượu, dặn chồng.

Chiều tối, nhà Năm Chinh nổi lửa gióng rế đầu tiên. Lúc đó có người mới từ rừng gánh rế về. Tiếng cười nói lao xao:

- Trời quơ! Nhà Năm Chinh lẹ quá ta! Rế về lúc nào mà đốt sớm vậy?

- Ha ha ha! Mấy chú thua bộ đội Trường Sơn là cái chắc! Tau về từ lúc mặt trời còn ngồi trên núi.

Năm Chinh ném cây tăm xỉa răng vô đồng lửa, bắt đầu công việc. Từng bó nhỏ rế mang được hơ trên lửa, đập qua đập lại. Khi vỏ tái đi rồi, sẽ dễ lột ra và dậy mùi thơm rất đặc trưng. Mấy bà ghiền ăn trầu thấy mùi rế mang đốt là chảy nước miếng liền. Chị Thảo lột vỏ, xếp gọn gàng từng nài đẹp mắt. Chị em con Quyên chưa chịu đi ngủ sớm, ngồi châu rìa coi ba mẹ làm. Thỉnh thoảng chúng cười ré lên khi thấy mẹ đưa tay quạt mồ hôi trên mặt và để lại một vệt đen lọ lem. Bốn giờ sáng, Năm Chinh buộc gánh rế mang lên xe đạp, kéo kệt đạp mười lăm cây số tới chợ phiên. Gánh rế bán cũng nhanh, vì mấy bà dưới biển lên cất nhiều quá. Ông chỉ dám ăn một tô bún cá cơm nhỏ cho đỡ đói, còn đâu mua lấy năm ký gạo, một bịch mắm cơm, mắm mực gói bánh đúc, kẹo cà làm quà cho con, riêng bà vợ được ưu tiên mua hai lạng thịt nạc, vì ăn không được mắm. Bấy nhiêu thứ đủ ăn cho cả nhà trong năm ngày, chờ lần đi rừng và phiên chợ sau.

Ba Thoại cười chiếc xe *Honda 67* chạy tuốt vô trại rẫy tìm Năm Chinh, thấy ông đang chống hông vờn một hòn đá vào sát vách lều. Hắn thầm nghĩ ông già hồi này vừa ốm vừa đen, không được trắng trẻo thư sinh như năm sau giải phóng, mới về Nam. Ông Năm Chinh lờ đã, suýt ngã nhào, chiếc nón cối văng xuống đất, hỏ ra cái đầu muối tiêu đầm mồ hôi.

- Nghỉ chút đã anh Năm! Chu cha! Hòn đá để nó nằm yên đó, lăn đi đâu cho mệt hả bố?

Năm Chinh thẳng người lên, cười khà khà:

- Tính lăn nó vô đây làm cái ghế ngồi uống nước! Chú mày đi đâu đây?

- Vô thăm anh coi nương rẫy ra sao! Nè bố! Coi mòi năm nay ốm hơn mấy năm trước hén! Phải chăm sóc bản thân chớ. Thấy anh da mốc cời lên rồi! Hồi năm, em còn nhớ anh khoác ba lô đi bộ về làng, người sạch sẽ, trắng tươi như công tử phố. Giờ ra lão rồi ghen!

Ông Năm Chinh xoa xoa mái tóc rối, bực bội:

- Má! Một mình tau mần muốn chết nuôi ba con người, hổng ốm

hồng đen sao được!

Ba Thoại móc thuốc lá mời. Ông Năm rút một điếu, châm lửa rít phì phà. Hắn vừa nhắc lại ông mới nhớ. Năm đó thu xếp công việc ngoài Hà Nội xong, mấy tháng sau giải phóng Năm Chinh mới đăng ký được xe khách về thăm quê. Hôm đó trời nắng oi, không chút gió. Đi bộ từ chợ bò cũ lên bờ sông, Năm Chinh định hướng một hồi, nhận ra cái tháp chuông cao màu vàng của Thánh thất Cao Đài và con đường đầy cát đi ngang qua đó. Cát vẫn mênh mông, bóng râm như ngày nào. Chỉ có mấy cây dừa cũ cao vút là cụt ngọn vì mảnh bom pháo, thân dừa nham nhở mấy vết thương chảy nhựa đỏ quạch từ vết đạn xuyên. Dăm mái nhà tranh vừa mới lợp dựng trên nền nhà cũ. Chắc là mấy gia đình di tản chiến tranh, nay trở về quê sinh sống. Dưới gốc cây mít già cành lá nửa xanh, nửa cháy sém, hai con bò đang nằm lim dim, miệng bồm bồm nhai lại. Nắng tháng năm oi ả, khát khô cổ, Năm Chinh ghé vô căn nhà gần đường nhất, xin nước uống. Chủ nhà vui vẻ chỉ cái giẻ nước đựng ngoài giàn. Gáo dừa mới tinh gọt cẩn thận được tra cán dài, cái giẻ mới chứa nước, chưa kịp đóng rêu xanh. Lần đầu tiên sau 21 năm, Năm Chinh mới được uống nước mưa bằng gáo dừa. Nước ngọt lịm, anh làm thêm hơi nữa.

- Cảm ơn chú hánh!

Chủ nhà nhìn ra, ngạc nhiên. Người xứ nẫu mà, sao khách sáo quá vậy? Họ đâu biết Năm Chinh mới từ Hà Nội về, đã quen tính cách lịch sự của người Thủ đô. Nếu ngồi tám chuyện chút nữa, chủ nhà còn ngạc nhiên hơn khi biết anh đã có vợ Hà Nội, một cô đẹp cỡ hoa hậu.

Bước ra đường, đi chừng vài chục mét, thấy có chiếc xe honda 67 chạy rề rề phía sau. Năm Chinh đạp sát bờ cỏ, tránh đường. Chiếc xe không vọt lên mà cứ bám sát. Trên xe, một tên trung niên trạc ba mươi tuổi, mặt nghiêm nghị, ánh mắt chiếu vào chiếc nón cối và ba lô cóc căng phồng của kẻ lạ mặt. Thấy Năm Chinh cứ cầm đầu đi, không hề ngoảnh lại, chiếc xe vọt lên dừng ngay trước mặt. Người trên xe bỏ cặp kính đen

ra, hỏi:

- Anh là người ở đâu tới? Có việc gì không?

- Tôi tập kết mới về thăm quê! Chú hỏi chi kỹ dậy? Có về Cát Hiệp cho quá giang một đoạn đi!

- Anh về Cát Hiệp thăm ai?

Năm Chinh nóng mặt, tính chửi lộn. Mình đi bộ mệt muốn chết mà nó còn hạch sách y chang tụi mật vụ ngày trước vậy. Nhưng mà thôi, mới giải phóng anh em họ cảnh giác vậy cũng tốt.

- Tui về thăm chị gái! Chị Ba Chiến chú biết hông?

- Chu cha! Bà Ba Chiến nổi tiếng xứ này mà, ai hông biết! Chắc anh là Năm Chinh, bộ đội tập kết chớ gì? Thôi lên đây em chở về!

Xe chạy nhanh, đôi lúc leo đẹo lảng qua lảng lại trên đường cát. Người cho đi nhờ xe nói tên là Ba Thoại, thôn đội trưởng. Trong tiếng gió ù ù, hấn vừa chạy xe vừa ngoái cổ lại hỏi chuyện miền Bắc, chuyện Hà Nội, làm Năm Chinh sồn da gà.

- Coi chừng té xe nghe chú mày!

- Anh Năm yên tâm! Em chạy xe ngang biệt động thành Quy Nhơn! Hồi anh tập kết, em còn nhỏ nên chưa biết. Hà Nội đẹp lắm anh há?

- Ừa! Cứ nhìn tau thì biết!

Chu cha ơi! Vậy thì rõ rồi. Nhìn Năm Chinh béo tốt, trắng trẻo, bàn tay thon nhỏ, trắng muốt, hấn tưởng tượng ra cuộc sống ở ngoài ra sao. Ba Thoại chở Năm Chinh về tới nhà chị Ba Chiến.

- Chị Ba ơi chị Ba! Có khách quý nè!

Nghe Ba Thoại lớn giọng, chị Ba chưa thềm quay lại. Ai chớ cái thằng thôn đội cà trớn này, mấy khi nó nói được một câu đàng hoàng. Tới khi nghe bước chân bước vô nhà, chị nhận ra ngay là Năm Chinh, trước cả khi nó cất tiếng chào:

- Chị Ba! Em mới về!

Quay ngoắt lại, chị Ba Chiến sững người nhìn thẳng em xa cách hơn hai mươi năm. Nó cao lớn, chững chạc hơn nhiều so với hồi chưa tập

kết. Câu đầu tiên chị hỏi thằng em:

- Cậu có biết má chết rồi hông?

- Dạ mới biết hai năm nay chị!

Chị Ba ôm lấy vai thằng em, lu loa khóc:

- Cậu sướng quá mà! Bao nhiêu năm nay ăn sung mặc sướng, có biết tau với má tù đầy, sống chết ra làm sao hông?

Năm Chinh chỉ biết ôm lấy chị, nước mắt chảy dài. Chị Ba buông em ra, với tay nắm cổ con gà mái đang ấp, bắt ra làm thịt.

- Gà đang ấp mà chị?

- Kệ nó! Đuổi bắt lũ kia nó chạy cời cời ngoài vườn, lâu lắm. Thằng Thoại ở lại ăn cháo gà với Năm Chinh hánh!

Mới đó mà đã mười ba năm. Ba Thoại giờ là phó chủ tịch xã, còn Năm Chinh trở thành tiểu phu. Chức chủ tịch cựu chiến binh ông tham gia cho vui, nỗi lo thường nhật vẫn là làm sao có cơm, áo cho vợ con.

- Chú tìm tui có việc chi?

Lúc đó Năm Chinh mới nghĩ tới lý do Ba Thoại tới tận rẫy tìm mình. Cách đó hai ngày, ông đã đạp xe tới Nông trường Phù Hưng gặp giám đốc Thịnh. Huỳnh Đức Thịnh trước kia cùng tập kết ra Bắc, hồi làm ở nông trường Thanh Sơn, Phú Thọ hai người có biết nhau. Sau này Năm Chinh đi học rồi chuyển sang Tổng cục Đường sắt thì Thịnh chuyển sang tỉnh Hòa Bình làm lâm trường. Sau này, biết Nông trường Phù Hưng có ông giám đốc từ ngoài Bắc về, nhưng Năm Chinh không muốn gặp, sợ bạn bè nói mình tới nhờ vả. Nhưng vừa rồi, bảy người dân trong xã bị bảo vệ nông trường bắt giữ vì đi nhổ mì trộm thì máu sĩ diện của ông xẹp xuống, quyết đi nông trường giải cứu bà con. Giám đốc Thịnh vẫn ốm ròm như xưa, tóc bạc trắng. Thấy bảo vệ báo có người quen tới gặp, giám đốc bước ra, thấy một ông nông dân đen sạm đứng bên chiếc xe đạp Thống Nhất thì ngờ:

- Ai như kỹ sư Nguyễn Trường Chinh ta ơi?

Năm Chinh gãi đầu cười ngượng ngịu:

- Dạ! Đúng là hần! Nhưng giờ làm nông dân rồi ông ơi!

Nghe Năm Chinh thanh minh rằng dân đói quá, lỡ nhổ mấy bụi mì của nông trường, giám đốc thông cảm bỏ qua cho. Ở ngoài Bắc, họ đều học tập kỹ về công tác dân vận rồi, cho nên đừng khe khắt, nguyên tắc quá.

- Ông có phạt họ được mấy chục đồng, nhưng lòng dân không phục. Dân không ủng hộ thì công việc sản xuất kinh doanh của nông trường gặp khó khăn. Tôi xin lấy tư cách là Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã, xin bảo lãnh cho mấy người dân. Đảm bảo từ nay về sau không có vụ phá hoại nông trường nữa.

Giám đốc Thịnh vui vẻ:

- Ông nói vậy được rồi! Thôi cho qua vụ này đi! Ở lại nhậu với tui miếng cho vui!

Chiều về, cậu bảo vệ cột sau xe đạp một bao bí đỏ, nói với Năm Chinh:

- Nông trường có chút quà gửi chú thím!

Nay thì Ba Thoại tìm đến ông về vụ này đây. Đúng y vậy, hần đăng hăng mấy lần rồi mở miệng:

- Anh Bảy Liên nói anh tự ý đi xin cho mấy người dân trộm mì nông trường là không được. Sai nguyên tắc. Anh Năm sau này rút kinh nghiệm.

Năm Chinh giật giật mí mắt bên phải, dấu hiệu ông sắp nổi nóng.

- Nguyên tắc gì vậy? Đây là quan hệ cá nhân với cá nhân mà. Sao nói là tự ý được?

- Nhưng anh Năm lấy tư cách cán bộ cựu chiến binh bảo lãnh cho dân mà!

- Đúng rồi! Đó cũng là nhiệm vụ, trách nhiệm của cán bộ địa phương. Tau có trách nhiệm với nông trường nếu tài sản của họ bị người dân xâm phạm. Không được sao? Chú có cái nghị quyết hay quy định nào của Đảng, của Nhà nước cấm việc làm đó hông?

Nói tới đường lối, chính sách là Ba Thoại ớn. Hấn đang xin đi học lớp Sơ cấp lý luận chính trị mà huyện chưa cho. Cãi lý với cái lão đi học đại học này mệt quá.

- Vậy lúc nào anh Năm nói chuyện lại với chủ tịch xã hén! Tui về!

Năm Chinh không thèm trả lời, lúi húi vun vun đắp đắp.

Nhận được quyết định của huyện về dự án xây dựng đập thủy lợi Ba Núi, Bảy Liên mừng lắm, đi đâu cũng huênh hoang: “Đời Chủ tịch trước làm đâu được vụ này! Là nhờ có tui đó nhen!”. Ý Bảy Liên chê thời Tư Danh không dám quyết, dám làm. Thực ra là chó ngáp phải ruồi, nhằm đúng thời điểm ủy ban huyện muốn thâm canh, tăng diện tích sản xuất cho ba xã vùng hạ lưu, mà muốn được vậy thì phải có thủy lợi. Ý tưởng đắp đập thủy lợi Ba Núi được bàn tới trong các cuộc họp từ thời Tư Danh làm chủ tịch xã, nhưng chưa có kinh phí. Giờ huyện muốn triển khai, bên Phòng Nông nghiệp của Tư Danh lập tức bám sát, tham mưu cho lãnh đạo huyện, khẩn trương thực thi. Do vị trí đập thủy lợi nằm trên địa bàn xã, nên Bảy Liên được giao phụ trách công trình, trực tiếp giám sát. Việc đầu tiên là huy động sức người. Những ai trong độ tuổi lao động phải thực hiện nghĩa vụ lao động, đi dân công mười ngày. Xã đoàn; Hội nông dân; Cựu chiến binh tất cả vào cuộc, huy động tổng lực dân công ra đắp đập.

Buổi chiều muộn, công trường đã xong một ngày lao động. Từng đoàn người đạp xe đạp, đi bộ, tấp nập qua ngõ nhà Năm Chinh. Toàn những thanh niên thanh nữ trai tráng, khỏe mạnh. Ai cũng diện bộ quần áo đẹp nhất đi lao động. Tính thanh niên vốn vậy, ở hoàn cảnh nào thì họ cũng muốn ăn diện, làm đẹp để giao lưu, tìm hiểu. Việc đi dân công đắp đập vất vả vậy mà họ cứ như đi hội. Hai chị em con Quyên, cứ chiều tới là rủ nhau trèo lên cây mít đầu nhà, xem đoàn người đi lao động về. Chúng mê mẩn ngắm nhìn những chàng trai, cô gái ăn mặc đẹp đẽ, rồi tranh nhau xí phần:

- Chị áo xanh, anh áo sọc kia là của chị hén!

- Ơ ơ! Sao chị xí phần nhiều vậy? Cô áo đỏ tóc dài kia là của em đó!

Năm Chinh lo lắng. Hai ngày trước, Bảy Liên đã nói bóng gió xa gần:

- Mọi người trong độ tuổi lao động đều được huy động ra công trường hết. Mình là cán bộ, đảng viên cần gương mẫu anh Năm hén!

Là hần nhắc ông, bà vợ trẻ mới ba mươi lăm tuổi, vẫn còn nghĩa vụ lao động, nên cũng phải có mặt, đi làm đủ mười ngày như người ta. Ông Năm biết mình đã về hưu, lại là thương binh nên được miễn nghĩa vụ lao động, nhưng còn má con Quyên thì phải tham gia, mà tướng bả thư sinh, cầm sao được cây cuốc, cây leng đào đất? Thương vợ quá, Năm Chinh nghĩ ra một cách.

Mấy hôm sau, trong tổp người đào đất của thôn, giữa đám thanh niên trẻ trung có một ông già cũng say sưa xúc đất. Ông ta còn kể chuyện tiểu lâm, làm bọn trẻ cười ngặt nghẽo, cười chảy nước mắt.

- Rồi sao chú Năm? Bà đó có đòi được tiền hông?

- Đòi gì nữa! Thằng Tình biểu chị ơi, em bệnh quá hông dậy mở cửa được. Nhà em có cái trống cho chó ra vô, chị làm ơn đưa chân vô trước, lấy tiền giùm em. Tiền em để trong cái bọc trước hòm lúa đó chị...

Một con nhỏ chừng mười bảy tuổi, tóc dì tết đuôi sam, vội chen ngang:

- Vậy là bà chủ nợ phải đưa hai chân chui vô hả chú?

- Ừa! Mới chui lọt nửa người, thằng Tình nhào tới nắm hai chân bả dang ra, tốc váy bả lên, rồi làm bậy...

- Làm bậy là sao hả chú?

Ông Năm Chinh đứng thẳng người, nắm tay đấm sau thắt lưng, cười hóm hỉnh:

- Nó làm gì bây biết rồi còn hỏi cắc có...

Bọn con gái ngơ ngác, mấy thằng thanh niên có vợ rồi thì phá lên cười:

- Là nó cho bà kia ăn con c... của nó chớ gì nữa. Rồi sao chú Năm? Hồi hộp quá!

Ông Năm xoa tay:

- Có gì nữa đâu! Bà kia thấy vậy thì la lên, năn nỉ. Tình ơi chị đang có tang! Là chồng bà mới chết mà. Riết một hồi thấy bà còn kêu nhỏ nhỏ “Tình ơi... tang! Tình... tang! Tình... tang”. Vậy đó!

- Má ơi! Đã quá trời!

Lũ con trai phá lên cười sằng sặc. Lũ con gái mặt đỏ bừng vì mắc cỡ. Một đứa ngưng cười trước, chột hỏi:

- Ủa! Sao chú Năm già rồi còn đi dân công?

- Thì tau đi làm công tác tuyên truyền văn nghệ cho tụi bây chớ sao!

Ông nói tránh như vậy, chứ thực ra là đi làm thay vợ. Chứ cho chị Thảo đi đắp đập, xong đợt dân công là có khi đưa vợ vô bệnh viện luôn.

Trực tiếp theo dõi việc đổ ống cống, trải bê tông chắn đập, ông Năm một lần nói nhỏ với Ba Liên:

- Chú coi lại việc trộn bê tông cho đúng tỉ lệ hánh! Làm ẩu coi chừng hậu họa!

Bảy Liên bức bối nhìn ông già lắm chuyện:

- Anh cứ làm việc của mình đi, biết gì bê tông, hồ vữa mà nói!

“Bà mẹ cái thằng này! Nó không biết mình từng là kỹ sư xây dựng sao? Mày không muốn nghe lời tốt, sau này khổ ráng chịu”.

Đập thủy lợi Ba Núi vừa khánh thành đã sạt lở, do khâu kỹ thuật kém. Người ta rút ruột công trình, kiếm xi măng, sắt thép bán đi chia nhau tiền. Hiệu quả của đập không cao, vì mương máng không được lán xi măng, nước chưa kịp chảy về cánh đồng Trung, đồng Bầu thì đã cạn hết vì bị thấm vô đất cát. Bảy Liên bị kỷ luật, mất cả chức chủ tịch, khai trừ khỏi Đảng. Bữa thấy Ba Thoại chạy tới nhà, năn nỉ ông Năm xác nhận việc ăn bớt nguyên vật liệu của Bảy Liên, nhưng ông không ký. Ba Thoại trộn tròng, trộn trạc:

- Con người đó làm mất uy tín của đảng bộ, chính quyền xã, cần phải xử lý cho thật nghiêm anh à. Bảy Liên kì này đi bằng mông dít rồi!

- Tau thấy chú mày bạc tình quá! Mới đó mà đã trở mặt, trở cò rồi!

Ông Năm huých toẹt vô mặt thằng cán bộ cơ hội, phản thầy hại bạn. Thứ này có làm lên nữa cũng chỉ thêm khổ dân, rồi ren chính quyền. Ông làm đơn xin nghỉ công tác bên hội cựu chiến binh, về vác rựa, cuốc, mở thêm một thửa rẫy nữa, trồng đào lộn hột.

Trời mưa liên tục, mưa thối đất, ngập trắng cánh đồng Bầu. Cây lúa loi ngoi cầm cự được dăm ngày rồi héo úa, mục nát làm mối cho lũ cua đồng. Mùa mưa năm nay, nhà Năm Chinh mất trắng hai vụ chính. Vụ đỗ cua tháng bảy và vụ mì tháng mười.

Thừa rẫy cũ, Năm Chinh quyết định trồng hơn một trăm gốc đào lộn hột. Cuối mùa khô năm ông nghỉ công tác cự chiến binh, Năm Chinh đã tìm một khoảnh rừng khác để phát rẫy mới trồng đậu cua. Giống đậu cua cho năng suất cao và dễ bán, dễ ăn. Cuối tháng Chạp, ở chợ người ta tìm mua đậu cua về làm nhân bánh tét. Đậu cua cũng có thể đem nấu chè, trộn nếp nấu xôi hoặc ngâm kỹ trộn với mì lát thái mỏng nấu ăn với muối đậu phộng. Nỗi lo vợ con bị đói đã đầy ải ông, một người trí thức quen làm việc đầu óc, vào công việc vô cùng khổ cực là phát rẫy. Cây rựa không biết đã mài đến bao nhiêu lần, lưỡi đã mòn lõm ở giữa. Mồ hôi ông chảy đầm đìa, bạc màu dần rồi mục nát chiếc áo lính. Ông thừa hiểu rừng bị phá như vậy sẽ ảnh hưởng đến môi trường. Tới đời cháu ngoại ông, con của con Quyên, con Trinh chắc bị thiệt thòi nhiều lắm. Nhưng bây giờ thì cái đói đang đe dọa, không phải riêng gia đình ông, mà cả cộng đồng người xứ nẫu. Mong rằng, thế hệ sau không còn biết đến việc đốt rẫy. Cũng có thể lúc đó, cuộc sống sẽ khá hơn hoặc sẽ không còn rừng để mà phá nữa!

Cuối tháng bảy âm lịch, thừa rẫy mới đã được phát xong, phơi nắng khô nỏ. Năm Chinh bắt đầu đốt rẫy. Bọn con nít phải ở nhà, không được theo vô rẫy vì sợ bị than lửa. Ông Năm chỉ mang theo hai con chó vàng. Khi mối lửa bén dần, bốc cao rần rập gặp gió thổi cháy quần quai, lan rộng dần, khói đen bốc cuồn cuộn, tiếng nổ lộp bộp từ những thân cây còn tươi, chưa khô hẳn. Tiếng mấy con sóc, chí chọe gọi nhau tháo chạy

khỏi biển lửa, cũng là lúc hai con chó sủa vang, cắn đầu đuổi theo lũ sóc. Không còn cây cao để trèo lên, hai con sóc bị khói làm mờ mắt, chạy dúm dúi và bị bọn chó bắt được. Hai đứa chúng nó cắp con mồi bắt được chạy tới chỗ Năm Chinh vẫy đuôi mừng, khoe chiến tích. Tối nay hai đứa con gái lại có chút thịt tươi tắm bổ. Năm Chinh cười rạo rỡ.

Mấy đám rẫy bên cạnh cũng bắt đầu nổi lửa. Lửa reo ù ù, khói đen che kín khu rừng. Họ phải tranh thủ đốt sớm mấy ngày, phòng mưa xuống bất tử là khói tủa đậu. Phát rẫy trồng đậu cua, không ảnh hưởng tới rừng già. Người ta chọn những vùng cây nhỏ lúp xúp để làm rẫy, khi phát bao giờ cũng chừa lại những thân cây cao chừng một mét. Mai mốt đậu cua mọc, có chỗ mà bám, leo lên.

Khi những hạt mưa đầu mùa lặng lẽ rơi xuống, cây bằng lăng đầu ngõ chỉ còn vài bông hoa màu tím nhàn nhạt. Những trái bằng lăng bằng ngón chân bắt đầu trĩu nhánh. Năm Chinh giục cả nhà đi tría đậu cua. Trái bầu khô treo trên gác bếp được lấy xuống, mở nút lá chuối khô ra. Những hạt đậu giống để từ mùa trước tròn mẩy, đen nhánh lanh canh chảy xuống chậu. Đậu giống phải chọn và bảo quản kỹ, tránh mối mọt. Nhà nào không may phải trồng giống mới, thấp thỏm lo hên, xui. Cái giống đậu mới, tría xuống là xanh um lên ngay, tốt ngần ngật, nhưng thường ít hoặc không có trái, chỉ có nước cắt về cho bò ăn. Bốn ngày sau, chị Thảo dắt con Quyên vô thăm nương. Đậu cua nở rất đều, những hạt mầm nhỏ bé trắng nõn xòe hai cánh bay lên mặt đất, đón ánh mặt trời. Con Quyên ngồi thụp xuống bên luống đậu, vỗ tay reo hò:

- Các bạn đậu đang múa nè mẹ! Múa đẹp quá, đều quá!

Đất rẫy mới phát và đốt, nhiều dinh dưỡng do tro mùn và chưa nhiễm sâu bệnh, nên đậu cua vươn lên khỏe mạnh. Nhưng chỉ cần vài trận mưa lớn thì tất cả sẽ bị rửa trôi. Lúc đó, những ngọn đậu cua đã kịp dây bám cây leo lên xanh mướt, bắt đầu trổ hoa vàng rực rỡ. Chị Thảo mừng thầm. Công sức của ông chồng già đây. Thương quá! Nương đậu cua vươn đều, hứa hẹn cho mùa thu hoạch sớm. Tết này chị bán đỡ, có

thêm món tiền mua cho chồng đôi dép mới, chứ đôi dép đúc từ hồi bộ đội của ông có bốn quai sút hết nửa rồi. Con Quyên cũng cần một bộ đồ mới, con Trinh đòi mua chiếc váy đầm. Chỉ mình chị là không cần mua sắm gì, chỉ cần món quà tình thương của người thân. Cuối năm dư dả, chị tính rủ ba con nhà nó về Kon Tum thăm bà ngoại, vì đã ba năm rồi mẹ con, bà cháu chưa gặp nhau.

Chị Thảo đi khắp nương mới, tay nâng nhẹ từng ngọn đậu cua vắt lên cấy nọc. Hoa rất đều, hy vọng trái cũng nhiều. Chị lo mùa thu đậu, vợ chồng phải dậy sớm mà đi thu hái. Cái giống đậu cua đã chín, cứ để quá mười giờ, gặp nắng là tự nó nổ tanh tách, văng hết hạt ra ngoài, không sức đâu mà đi lượm lại giữa đám cỏ rác, đành bỏ lại cho lũ chim cu gáy và chồn, sóc. Nhưng hy vọng tắt ngúm, khi những trái đậu nhỏ xíu bắt đầu bung, không hiểu sao cả nương đậu tự nhiên héo rũ, chỉ còn vài đám loe ngoe gần bờ rừng. Năm Chinh ngồi bên nương đậu, giơ tay quệt nước mắt. Má nó! Đây là bệnh gì? Mình cần phải biết để mùa sau còn phòng trừ. Nhưng hỏi ai cũng không biết, mà cũng chỉ riêng nương đậu nhà ông bị chết cháy, những nhà khác có sao đâu.

- Không sợ! Mình chăm con đi! Để tui cày đất kịp vụ mì sau vậy!

Năm Chinh động viên vợ. Mất một vụ đậu, có gì đâu. Mình làm tiếp, không để vợ con phải thiếu đói. Mất trọn một tháng ông Năm đào gốc, phát cỏ, dọn sạch thửa đất, chuẩn bị làm vụ mì. Mấy cơn mưa liên tiếp, vừa ngót là ông dắt hai con bò mới mua ra cày đất. Bò còn nhỏ, mới tập cày nên chủ nhà mệt muốn hộc máu.

- Thá! Thá, thá... Trời quơ! Hai đứa ngu này, tau hô thá mà bay đũa rẽ phải, đũa rẽ trái là sao?

Càng trưa, tiếng nạt nộ, dí thá càng lớn, cây roi quất đen đét vô móng lũ bò càng nhiều. Con Quyên ngồi chơi bán hàng trong bụi cây thấy bò bị ứnh quá, liền chạy ra, giã nảy:

- Ba! Sao ứnh bò của con dữ vậy?

Nó gào khóc. Ông Năm dỗ con:

- Uýnh đâu! Ba chỉ xua tụi nó đi cho lẹ thôi!

- Còn gì nữa! Con vừa đếm kìa! Con Mẫn bị tám roi, con Xe bị mười một roi. Ba còn cãi hả! Hu hu! Sao ác quá đi! Sao uýnh bò của con!

Vừa mệt vừa tức, ông tự nhủ ngày mai không cho con nhỏ này theo vô rẫy nữa. Bốn ngày thì cày vỡ đất xong. Để phơi ải mấy ngày, ông Năm bắt đầu cày trở đất. Lần này thì nhanh hơn, mất một ngày rưỡi. Thêm một ngày bừa đất nữa, vậy là ổn. Tháng Chạp chợt đến với mưa bay, gió dãi, ướt lạnh. Cả nhà lại tập trung vô rẫy mới. Con Trinh ngồi chơi trên chiếc chiếu rách, nhoẻn miệng cười mỗi khi thấy ba và cặp bò đi qua. Bóng người và bò lẫm lũi đi trước xóc hàng, hai mẹ con chị Thảo râm ran cười nói, đi theo rải hom.

“Người tính không bằng trời tính”. Gần tết ông trời trở mặt, nắng nóng liên tục. Đám mì nằm im hoặc thúi gốc, không thềm nhú lên khỏi mặt đất. Hai vợ chồng dậm đi dậm lại mấy lần mà không thấy mì mọc. Nản quá, Năm Chinh bỏ thí. Mùa đó, nhà Năm Chinh mất mùa riêng. Nhà Mười Đẹt trồng mì trước hai mươi ngày, bị ông cười vô mũi là không hiểu gì về khoa học, vậy mà nó trúng mùa. Xong vụ mì, thấy con vợ Mười Đẹt khoe vừa xuống tiệm vàng An Phú đồ thêm năm chỉ, cất phòng ra Giêng cưới vợ cho con trai.

Chị Thảo bàn với chồng, hay là kéo cả nhà lên Kon Tum làm ăn. Trên ấy điều kiện cuộc sống dễ chịu, chị lại có nhiều mối buôn bán. Hai đứa con có thể nhờ bà ngoại trông. Ông Năm Chinh nghĩ ngợi một đêm, rồi đồng ý. Mình thử đổi gió coi có khá hơn không. Trên Kon Tum cũng có mấy người bạn trước cùng đơn vị. Thấy gia đình Năm Chinh lên, họ mừng lắm, xúm vô lo liệu giùm. Trước mắt có căn nhà của một người xuất ngoại, có thể mượn ở một thời gian. Năm Chinh sẵn đất rẫy đó, trồng cà phê, hồ tiêu, chăn nuôi gà vịt, dê bò. Chị Thảo kiếm vốn chạy chợ với bà ngoại. Mọi việc thấy có vẻ xuôi chèo mát mái, nhưng Năm Chinh lại linh tính điều bất ổn. Dù đã viết thư báo trước gửi lên Kon Tum, nhưng khi thấy bầu đoàn bốn người nhà con rể tới nơi, mặt bà mẹ

vợ lạnh tanh. Ít nhất bà cũng hỏi xem các cháu đi đường ra sao, có mệt không chứ? Trước kia, Năm Chinh có phong thanh nghe chuyện mẹ vợ chê ông là “Việt cộng già”, xúi con gái bỏ cháu lại cho bên nội, rồi về Kon Tum lấy một ông sĩ quan chế độ cũ, được đi Mỹ theo diện H.O, ông không chấp trách vụ này, vì thấy vợ mình không chịu, vẫn một lòng yêu thương ba con ông. Nhưng thái độ lạnh nhạt của mẹ vợ làm ông ngán. Ba ngày trôi qua nhạt nhẽo. Căn nhà đi mượn đã được anh em bạn giúp dọn dẹp sạch sẽ, khiêng tới đủ thứ từ giường, tủ, bàn ghế cũ. Bữa tối ngày hôm đó, bà mẹ vợ nhìn vợ chồng Năm Chinh hỏi giọng chua loét:

- Thế anh Chinh định ở đây bao lâu, để tôi còn chuẩn bị gạo, muối? Thời buổi khó khăn, nên cứ phải lo trước. Mà cứ tưởng bên các anh cướp được chính quyền rồi, thì ai cũng sung sướng, nhà lầu, xe hơi chứ!

Năm Chinh lặng thinh. Hôm sau một mực đòi dắt vợ con về Bình Định.

- Dù chết đói ở nhà mình còn hơn sung sướng ở đây mà chịu nhục mình ạ! Mình tin tui đi! Nhất định tui không để ba mẹ con thiếu thốn nữa.

Chị Thảo khóc, nói chồng cứ về trước. Để hai con ở chơi mấy bữa rồi chị về sau. Năm Chinh khoác ba lô, chào mẹ vợ rồi ra xe đò.

Chị Thảo biết tính mẹ keo kiệt, coi đồng tiền hơn tình nghĩa, nên cũng chỉ trách sơ sơ, rằng mẹ không tôn trọng con rể. Chẳng gì Năm Chinh cũng lớn tuổi rồi, chỉ kém mẹ vợ sáu tuổi. Bà Hồng cười nhạt:

- Nó lớn với chị, chứ không thể lớn với tôi. Bằng củ khoai cứ vai mà gọi, nhé! Có là ông tướng ông tá gì thì cũng là con rể tôi thôi.

Ngồi trong quán cà phê Cối Xay, chị Thảo trầm ngâm điểm lại những vui buồn cuộc đời mình. Ngày còn nhỏ, cậu có nhờ một ông thầy tử vi xem cho chị. “Tuổi Giáp Ngọ, mạng Kim, vàng trong cát. Có biết đào tìm thấy thì mới sung sướng. Nhưng thế nào cũng hai lần đào”. Hồi ấy, chị còn nhỏ, chỉ hiểu hai lần đào là qua sông hai lần, lớn thì hiểu đời mình hai đời chồng. Không trật chút nào. Nếu đã là số phận, thì không thể tránh né,

phải đối mặt với nó. Những ngày làm phu nhân trung úy chế độ cũ, tuy ngắn ngủi nhưng đã ghi đậm trong tâm trí chị nhiều vinh nhục. Tiếp những ngày làm vợ một sĩ quan chế độ mới đã chuyển ngành, chị cũng nhận nhiều yêu thương và đắng cay. Vì chị mà chồng phải về hưu non, phải bỏ phố thị về núi rừng ẩn dật. Chính những ngày thiếu thốn, khổ sở này, chị mới cảm nhận được tính hy sinh hết thảy cho tình yêu của ông chồng thứ hai.

Một phụ nữ Ê Đê vai mang gùi bắp, dừng trước cửa quán, cất tiếng mời:

- Bắp non đi cô ưi! Bắp rẫy ngon lắm!

Tò mò, chị Thảo bước ra:

- Bắp bán sao đây?

- Dạ mười đồng bốn trái! Đã luộc rầu đó cô!

Một ánh chớp ký ức vừa lóe lên trong mắt của cả hai người. Chị Thảo hốt hển mở lời trước:

- Hồng lẽ là mày hả Hằng?

- Trời quơ! Là con Thảo! Mày còn trẻ đẹp vậy sao?

Thảo lời tuột người bạn cũ vô quán cà phê. Vậy là sau buổi chiều ngày 23 tháng 4 năm 1972, Hằng đi thăm chồng ở Tân Cảnh và còn sống sót tới bây giờ.

- Rồi chồng mày đâu?

Hằng lắc đầu, kể cho bạn nghe cái đêm khủng khiếp đó. Chồng cô chắc đã chết trong trận ấy, vì mãi sau này, Hằng ra sức tìm mà không thấy tin tức gì. Cô đã lạc vào một buôn người Ê Đê và được cư mang. Nếu không có sự việc oái oăm thì cô đã về quê rồi. Bà Hơ Bia chủ nhà đã coi cô như con gái. Lúc đó Quân Giải phóng đã chiếm được vùng đất ấy, họ ở lại khá lâu.

Bước sang năm 1973, Hằng nhận cơ hội quen biết một người bộ đội giải phóng, định nhờ anh đưa ra khỏi khu vực chiến địa. Người lính giải phóng đó hay vô làng mua bí, mua gà. Anh có hàm răng hô, lúc nào

trông cũng như đang cười. Bữa sáng ấy, người lính bước vô sân, cô tưởng anh cười, nên đã cười đáp lại. Cô không ưa cả bộ răng hô lẫn người lính, nhưng cô sợ. Không biết anh ta kiếm đâu được chiếc xe đạp khung ngang màu xanh đen, đằng sau cột hai chiếc gùi lớn. Rau, bí, gà, bắp... những thực phẩm mua hay đổi được đều bỏ vô đó, chở về bếp đơn vị. A mí Hơ Bia sức khỏe đã kém, em Hơ Bờ Lao hồi đầu năm đã “chuê nuê”⁴ với anh rể vì chị gái vừa mất. Cô trở thành lao động chính, chăm sóc đám rầy và đàn heo trong nhà. Một lần, anh lính hay cười ghé hỏi mua gà, nhưng A mí không có nhà. Cô nói anh buổi khác hãy tới. Anh bộ đội nhìn cô hồi lâu:

4 Tục nối dây của người dân tộc: Chị chết thì em gái lấy anh rể, em trai chết thì em dâu theo anh chồng.

- Em có phải người Ê Đê không?

Cô giật mình lo lắng.

- Dạ phải! Bộ đội hỏi làm chi?

Anh bộ đội cười thật, lộ cả hàm răng dưới đều tắp:

- Nhìn em giống người Kinh, giọng nói của người Kinh. Sao em lại tới đây?

Dù lo sợ, cô còn kịp nở nụ cười thật tươi, liếc mắt với anh bộ đội:

- Dạ...

Anh bộ đội lấy ra một bọc giấy màu xám hình chữ nhật.

- Cho em! Lương khô đấy! Ăn cho vui!

Bọc giấy tỏa mùi thơm quyến rũ, giống mùi bánh in dưới quê.

Người lính hay ghé qua nhà a mí. Thường ngồi lại hỏi han chuyện heo gà, lúa bắp. Đôi mắt có chân mày rậm hay nhìn chăm chú vào mặt, vào thân thể cô. Buổi tối, a mí vừa cho thêm gạo củi vô bếp, vừa bảo cô:

- Nó muốn làm ung mo với mày đó!

Cô hiểu hai tiếng “ung mo” là chồng vợ, nhưng không hiểu “nó” là ai?

- Là bộ đội giải phóng đó! Mày ưng nó đi, rồi theo nó về xuôi!

Trong lòng cô lóe lên một âm mưu.

Từ bữa đó, cô hay tìm cơ gặp anh bộ đội, thậm chí còn dẫn anh vô mấy nhà ở cuối làng mua gà, tới cả nhà Dam Yuc, Niê Huệ tuốt trong rẫy để mua bí, mua rau. Trận mưa rừng bất ngờ bữa đó, anh bỏ xe đạp giữa lối mòn, cùng cô chạy vào lều rẫy trú mưa. Nước mưa hắt trên áo nét quyến rũ của cô gái chưa sinh nở. Cô nóng rát mặt khi gặp ánh mắt của anh. Họ ngồi sát bên nhau, hơi ấm thân thể thấm qua làn nước mưa.

- Anh rất cảm ơn em đã giúp đỡ... - Giọng anh ngàn ngạt.

Cô “dạ” rất nhỏ. Hình như một cánh tay anh đã choàng qua vai cô, kéo sát lại. Mái tóc cô bị đau vì những ngón tay anh lùa vô, xoắn nhẹ. Mùi mồ hôi lính chọt thốc vô mũi, làm cô choáng váng. Mùi mồ hôi khen khét rất quen thuộc. Bàn tay cô vô thức xoa lên mái tóc rậm rạp, khô cứng. Nụ hôn lẫn vài giọt nước mưa rất ngọt. Không biết tại sao cô lại nằm xuống nền đất, một cục đá nhỏ chỏi vô lưng đau nhói. Niềm đam mê từ quá khứ ủa đến, nóng bỏng. Cô kêu khẽ:

- Anh ơi...

Rồi nằm xoải hai tay, nghe đam mê chạy trong từng thớ thịt. Chợt bên tai cô ùng ùng tiếng đại bác nổ, tiếng chiến xa gầm rú, tiếng người la hét hoảng loạn. Vùng bật dậy, cô làm anh lính ngã ngựa sang một bên. Cô cuống cuống kéo ống váy xuống, mặt tái mét.

- Em có sao không?

Anh bộ đội hỏi. Cô chỉ lắc đầu.

Lần thứ hai, vào một buổi chiều muộn, anh tìm ra khúc suối vắng cô ngồi giặt quần áo. Họ lại ngồi bên nhau sau tảng đá lớn. Lần này cô chủ động dâng hiến. Cô cảm thấy xót xa cho những người lính. Đơn vị anh tối qua có ba người bị đạn trúng, khi một nhóm lính dù phía bên kia lên sang bất ngờ tập kích.

- Bọn chúng vi phạm Hiệp định Pa-ri!

Anh bộ đội nói vậy, nhưng cô không hiểu đó là cái hiệp định gì. Cô chỉ thương những người lính chớp mắt là đời trong khi tuổi còn trẻ. Cô hiến dâng cho anh như một sự bù đắp.

- Anh giúp em qua bên kia con suối được không?
- Em qua làm gì? Bên ấy là bọn lính dù hung dữ lắm!
- Em muốn qua bên tìm má! Gia đình em đều ở bên!

Cô nói dối anh, khi trong lòng nhói lên nỗi thương chồng. Cô muốn qua được bên kia suối, nơi hằng ngày thấy những tên lính quốc gia xuống lấy nước, rồi hỏi thăm tin tức chồng. Nếu gặp được, sẽ rủ chồng đào ngũ về quê vợ làm ruộng rẫy nuôi nhau, sinh con. Cô không muốn chồng chết trận.

Mãi một tuần sau, anh bộ đội mới bố trí đưa cô ra phía bờ suối cách đơn vị gần một cây số. Bên khoảng rừng phía bên kia, hoàng hôn đã khuất, chỉ le lói vạt mây hồng tím.

- Mai mốt em quay lại há!

Cô nói với anh, nắm tay anh một thoáng rồi vội buông ra, trên vai khoác bọc vải có hai bộ đồ cũ của người Kinh.

- Em đi cẩn thận nhé!

Cô đã lội ra đến giữa lòng suối cạn, ngoái nhìn lại. Dáng anh sừng sững với cây AK khoác trước ngực, hai ống quần xắn cao, chân đi đôi dép cao su đúc. Cô nhìn rõ khi anh giơ tay vẫy, thì phía bên kia rừng một loạt súng vang lên chói tai. Anh loạng choạng đổ gục xuống. Cô bàng hoàng hét lên, đứng sững, rồi bật quay trở lại. Mặt anh ướt đầm máu, miệng anh vẫn như mỉm cười. Chiếc nón cối lủng một lỗ trước trán.

- Anh ơi! Tha lỗi cho em!

Cô ôm chầm lấy thi thể anh bộ đội, gục đầu lên ngực anh nức nở. Một loạt AR-15 nữa gầm chiu chiu xung quanh, một viên đạn xuyên vào bắp chân người lính, làm nó giật lên. Cô chợt nhận ra nỗi nguy hiểm cận kề, liền vùng dậy chạy ngược về phía làng. Cuộc tháo chạy y như một năm trước, nhưng không có tiếng đại bác và động cơ chiến xa gầm rú.

Gần nửa đêm, đơn vị bộ đội mới tổ chức ra bờ suối đưa thi thể anh về chôn cất. Cô hoảng sợ, trốn biệt trong nhà, lo lắng vì mình là thủ phạm gây ra cái chết bất thường kia.

Ba tháng sau, thấy cái bụng nhu nhú, a mí phát hiện cô mang bầu.

- Mà có bầu với bộ đội hả?

Cô chỉ mím môi, không trả lời. A mí cho cô một vạt đất, cất cho chiếc lều nhỏ. Cô tự làm rẫy, nuôi gà, cho tới cuối năm đó sinh ra một bé gái. Con bé xinh đẹp giống mẹ, chỉ có hàng chân mày rậm là giống ba. Cô đặt tên con theo họ mẹ, Huỳnh Phương Bắc. Cái tên để nhắc nhở tới người bộ đội miền Bắc. Sau giải phóng, hai mẹ con vẫn ở lại làng. Cô sợ về quê, sợ gặp dĩ vãng.

Chị Thảo ôm chặt vai bạn, nước nở khóc. Thân phận người phụ nữ trong chiến tranh thật đáng thương. Nó giống những hạt mưa sa, rơi vào chỗ nào biết chỗ nấy. Như cuộc đời chị, qua bao thăng trầm, nay đang gắn bó với một người mà khi xưa, mới chỉ nghe danh hiệu của họ là đã sợ ngất xỉu. Chị xoa nắn đôi vai gầy của Hằng, an ủi:

- Để lần này về quê, tao ra Hoài Ân hỏi xem má và anh em có ai còn ở đó không! Rồi đem con về quê Hằng ạ! Trung đoàn 42 trận đó, tử trận nhiều lắm, nếu không chồng mày đã đi tìm.

Chị muốn nói trung úy Hoàng của mình cũng tử trận rồi, nhưng lại thôi. Hóa ra cả hai đứa đều dính dáng đến những người đàn ông của hai bên chiến tuyến. Chỉ có điều chị thì đang hạnh phúc, còn Hằng và con gái thì chịu cảnh đơn côi. Hằng vẫn ở buôn Thượng, cách thị xã Kon Tum ba chục cây số. Đứa con gái đã mười lăm tuổi, giờ đang học Trường Dân tộc nội trú.

- Nó học giỏi lắm! Tau mong nó được vô đại học. Người ta ưu tiên con bộ đội, nhưng tau không chứng minh được. Hồi đó, chỉ biết tên ba nó là Phương, quê ở Hưng Yên thôi.

Họ ngồi với nhau gần hết buổi. Chị Thảo mua luôn gói bắp của bạn, rồi đưa tiền ra bến xe buýt, đúng nơi mười sáu năm trước Hằng ra đón xe quân sự, quá giang thăm chồng ở Tân Cảnh.

Bà Hồng, trong bữa cơm tối chỉ mặt hai đứa cháu ngoại:

- Bà nói thật! Ở với bà thì bỏ cái tính “con nhà lính tính nhà quan” của

thằng ba già chúng mày nhé! Nhà bà xưa nay danh giá...!

Con Quyên thấy bà ngoại nói tới ba nó thì đỏ mặt cãi:

- Bà ngoại hông được kêu ba là thằng! Ba cháu giỏi lắm!

Bà ngạc nhiên nhìn đứa cháu bảy tuổi, rồi rít lên:

- Đấy! Nòi nào giống nấy! Con mẹ Thảo mày thấy chưa! Ngừ này lại tự ái bỏ về nay mai thôi.

Chị Thảo mắt đỏ hoe:

- Thôi mà mợ! Con nít biết gì mà trách nó! Mẹ con nhà con chơi ít bữa, rồi cũng phải về Bình Định phụ ba nó việc chăn bò, nương rẫy.

Bà Hồng nhìn con gái, lắc đầu chán nản. Giờ nó có khác gì con nhà quê thất học, chứ đâu phải là một tiểu thư cành vàng lá ngọc hồi chưa giải phóng.

- Đúng là giờ định mà. “Bắt phong trần phải phong trần. Cho thanh cao mới được phần thanh cao”. À! Có thằng Vũng hỏi thăm mày đấy!

- Vũng nào hả mợ?

- Đại úy Tô Vũng ấy! Nó mới về Kon Tum, đâu làm bên Ty Giao thông công chánh gì đó. Nó có ghé hai lần tìm mày, còn để lại cả số điện thoại nữa. Cả thằng đó nữa, tao không hiểu tại sao đang là đại úy cảnh sát mà lại theo Việt cộng? Chịu thật!

- Có những chuyện mợ không thể hiểu được đâu!

Chị cầm tờ giấy nhỏ, nhìn dòng chữ số và nét chữ quen thuộc. Đây chắc là số ở cơ quan Tô Vũng, còn ở đây lấy điện thoại đâu mà gọi hỏi thăm. Dù sao thì cũng mừng cho anh còn sống sót quay trở về quê hương.

Cũng may, trước ngày về Bình Định, chị Thảo gặp được Tô Vũng. Anh đang trên đường đi làm, chạy rề rề chiếc xe honda cúp ngang qua nhà bà Hồng, thấy chị đang quét sân thì tạt vô.

- Nè! Phải Thanh Thảo hông đó?

Một lúc nhìn sẫm soi, chị mới nhận ra anh. Tô Vũng giờ mập hơn nhưng da vàng bủng, dấu hiệu của bệnh gan. Anh ngồi trên chiếc ghế đá

quen thuộc, giờ tay nhận ly nước lạnh từ chị Thảo, miệng xuýt xoa:

- Hồi bác trai còn sống, bao giờ cũng có ấm trà nóng!

- Dạ! Cậu em ghiền trà Bắc! Từ ngày ông mất, thành ra... hiếm. Cả nhà không ai uống trà, cậu Thường cũng không biết luôn. Mấy năm nay, anh đi những đâu?

Tô Vững kể lại, sau cuộc trốn chạy ngoạn mục năm đó, mười mười anh nghĩ mình sẽ bị chết. Hên là tụi nó quyết định bắt sống anh, chứ không bắn tiêu diệt. Nhờ đó mà anh chạy tới Đắc Tô, trốn vô rừng tìm căn cứ của ta. Cuối năm 1973, anh ra Bắc theo đường giao liên, an dưỡng một thời gian rồi được nhận vào làm ở Ty Giao thông Vận tải Hà Tây.

Đôi mắt anh buồn xa vắng, dăm dăm nhìn chị:

- Nghe tin vợ ôm con đi lấy chồng khác. Tui chán không muốn về quê nữa. Được cử về Kon Tum lại, tui tìm em ngay mà không thấy. Bác gái có nói chuyện chồng em tử trận. Xin chia buồn!

Vậy là mợ giấu chuyện mình lấy chồng cách mạng. Hèn chi anh Vững hay qua lại, tìm kiếm.

- Em giờ ở Bình Định anh ạ! Chồng em cũng là cán bộ quân đội nghỉ hưu.

Ánh mắt thất vọng của anh làm cô mềm lòng.

- Anh cũng nên làm lại từ đầu! Phụ nữ bây giờ cũng dễ chịu mà! Đó! Hai đứa con nhà em!

Chị Thảo chỉ hai đứa con gái vừa đuổi nhau chạy từ nhà ra, vòng sau lưng mẹ. Con Trinh mếu máo:

- Mẹ! Chị Quyên cứ dọa ma con!

Tô Vững xoa đầu đứa nhỏ, rút bóp cho mỗi đứa một tờ bạc mười đồng đỏ tươi.

- Bác tặng hai chị em mua đồ mới hén!

- Mai em cho các cháu về quê nội anh ạ! Anh ở lại mạnh giỏi, có dịp về Kon Tum em sẽ ghé thăm.

Tình cờ trong lúc đi rừng, Năm Chinh gặp lại người quen cũ là anh Ba Tu. Hồi mới tham gia cách mạng, đơn vị Năm Chinh từng nhờ vả bà con dân tộc Ba Na tại làng này. Lúc đó Ba Tu còn khá trẻ, đổng khố, để trần bộ ngực vạm vỡ và cặp đùi chắc như gỗ cắm xe. Nay thì anh đã trở thành già làng Ba Tu, râu tóc bạc phơ, miệng ngậm tẩu thuốc, giấu thân hình khô mốc trong chiếc áo bộ đội cũ, rộng rinh. Bữa đó nghe tiếng đàn hát léo nhéo, bầy chó mười ba con đổ xô về một chỗ, sủa râm ran, già làng tìm đến và thấy một trung niên nằm ngủ ngay trên bờ suối. Thực ra đây là khúc sông cạn, do nhiều con suối hợp thành, nhưng ở đoạn thượng lưu, nó nhỏ hẹp và lô nhô đá nằm, đá ngồi. Con rựa bén dính mũ dây rừng để bên cạnh cạnh giấc ngủ, chứng tỏ người này vừa vô rừng. Đằng kia, cách mấy bước chân là gánh dây trăn. Chắc nó bút về ngâm đánh vông chớ gì!

Rừng liền rừng, bên kia con suối là thuộc địa phận huyện Tây Sơn. Nó mà qua bên đó, chắc sẽ bị kiểm lâm bắt phạt.

- Nè! Dậy đi! Sao nhìn quen con mắt quá!

Già làng cúi xuống, lắc vai người kia. Lũ chó lù ra ngoài, sủa lách nhách. Lạ thiệt, tiếng bầy chó ầm ĩ vậy mà người ngủ không hay, nhưng mùi thuốc lá rẫy từ chiếc tẩu làm anh ta hắt hơi, ngồi ngay dậy.

- Ô! Anh Ba Tu! Đúng anh Ba Tu rồi! Sao già quá vậy?

Năm Chinh mở to mắt, mừng rỡ. Anh Ba Tu ngày trước có cái sẹo nằm chéo ngay má trái, nhìn là nhận ra liền. Ông Ba Tu cười khặc khặc, hỏ ra mấy chiếc răng ám khói vàng:

- Giờ mình là già làng rồi, thì phải già thôi!

Hỏi thăm, ông Ba Tu bảo làng Ba Na vẫn còn chỗ cũ, nhưng đông hơn trước, gần năm chục nóc nhà rồi. Sau khi đơn vị Năm Chinh đi tập kết, một thời gian làng sống thấp thỏm vì đạn bom của giặc. Sau này nhiều đơn vị bộ đội miền Bắc ghé ở cũng lâu, nên Mỹ càng ném bom nhiều hơn. Bom cày, đạn xới tanh bành, bà con cứ dời làng chạy vòng quanh bờ sông chứ không đi xa. Rừng ngày xưa đã mất. Bom Mỹ ném cây to đổ

gục hết, còn sót mấy cây thì thương tích đầy mình. Già làng chỉ cây trắc đen phía bìa rừng:

- Thấy cây đó lớn không! Nhưng thân nó đầy mảnh bom đó. Đã có người đem máy cưa vô tính cắt trộm, mà đụng mảnh bom kẹt làm phải bỏ máy lại.

Chỉ còn lại đôi cỏ tranh mênh mông. Lá tranh cắt dùng không xuể, khô rồi dân làng lại đốt đi, để tranh non nhú mầm mọc lên, cho trâu bò ăn. Hai người đàn ông ngồi dựa lưng vào tảng đá, trầm ngâm chuyện xưa. Năm Chinh không nhớ nổi cảnh vật cũ, mới cách đây hơn ba mươi năm. Từ bãi tranh ra bờ sông khoảng một cây số. Hai bên đường là những rẫy của đồng bào, chuối và đu đủ xanh từ lá đến trái, thấp thoáng những chòi canh. Bọn ve bắt đầu tấu lên khúc nhạc hè, râm ran trong những tán lộc vùng mọc theo triền sông, đổ những chùm hoa đỏ tía mịn màng. Năm Chinh buổi trưa có lợi xuống sông kiếm thức ăn. Những con ốc đá nằm dưới đáy sông, có thể thò tay xuống mò bắt vì nước cạn. Mùa này, sông ít khi có lũ bất ngờ, lại ở nơi thượng nguồn nên tha hồ nhẩn nha mò cua, bắt ốc.

- Bước qua ngọn núi này là tới xã Kim Sơn của Hoài Ân phải hông anh Ba Tu... à già làng Ba Tu?

- Ừa! Bên ấy giờ có thêm cái trại tù giam giữ tội phạm đó! Còn theo sông này, men hai sườn núi sẽ về tới Thuận Ninh, xuống giáp xóm Quán.

- Thay đổi nhiều quá, tui hông nhận ra! - Năm Chinh thú nhận.

- Mà ra Bắc sớm không biết đâu! Bom đạn tụi Mỹ trút xuống đây gấp hàng trăm lần dân số. Có rải cả chất độc da cam nữa. Mà đi rừng, nhớ mang theo nước uống. Đừng uống nước sông, nước suối. Nguy hiểm tới đời sau đó!

Điều đó Năm Chinh biết rõ. Trong thôn cũng có một gia đình, người chồng không tham gia cách mạng, không vào núi hoạt động, nhưng mới đây sinh ra tới ba đứa con dị tật. Có lẽ do người chồng đi rừng rồi uống nước suối đầu nguồn còn bị nhiễm độc điôxin.

- Làng có cô Ka Lin, trước có tham gia công tác thanh niên, giờ còn hông già làng?

- Con Ka Lin hả! Nó chắc cùng lúa với mày. Nó chết rồi! Bắn nhau với lính chư hầu, bị tui nó bắn chết. Mày không biết đâu! Bọn lính chư hầu hồi đó gớm lắm. Chúng hành quân đường bộ từ dưới Bình Tân lên làng ta. Bắn phá, đốt nhà, hãm hiếp con gái. Nhiều lắm. Con Ka Lin trẻ đẹp, bị mấy thằng chư hầu hiếp liền, đến nỗi mang bầu. Một lần nó lừa lả lơi với nhóm lính chư hầu, giựt được cây súng, bắn loạn lên giết được ba thằng, rồi bị chúng nó bắn trúng.

Chuyện buồn quá, tới nay mà người làng vẫn chưa quên được. Già làng Ba Tu hỏi Năm Chinh có phải muốn tìm cây trăn về đan võng không? Nếu muốn lấy nhiều nữa, qua bên kia ông chỉ chỗ. Năm Chinh gật đầu.

- Giờ vợ con đói khổ quá anh Ba Tu à! Việc gì khổ mấy em cũng làm hết!

- Vậy đi theo tao!

Đi theo già làng là đàn chó mười ba con, con nào cũng săn chắc nhanh nhẹn, rất tinh khôn. Khi già làng và Năm Chinh lội qua khúc sông sang bờ bên kia, đàn chó ào xuống theo, đoạn thì lội, đoạn thì bơi qua, kêu ăng ẳng. Lên bờ, lũ chó lắc mình thật mạnh, rũ cho khô nước, tiếp tục chạy thành đoàn theo nhau, con chạy trước con chạy sau rất trật tự, con đầu đàn rít lên từng hồi. Ông Ba Tu quay đầu lại, nói với Năm Chinh:

- Nó rít lên từng chập vậy, là có con gì gần đây! Huây! Tụi bay đi săn đi!

Đàn chó tranh nhau chạy tuốt vào ven rừng, sủa gắt. Già làng nói, bây chó này không lúc nào rời ông. Mỗi lần ra họp ngoài ủy ban xã, chúng đều đi theo, ngồi chầu rìa bên ngoài hội trường, lúc nào chủ về làng mới chạy về theo. Khúc sông này, chỗ nào sâu dưới bẹn, chỗ cạn trên đầu gối, càng đi ngược dòng sông càng sâu và hẹp dần. Thượng nguồn nước trong xanh, hồi chiến tranh đây là nơi bộ đội mình từ Bắc vô hay dừng

lại đóng quân, nghỉ dưỡng một thời gian. Ba Tu khoe mấy tờ báo để trong gùi. Cái chữ ông đọc bữa nay là do bộ đội dạy đó. Trong làng có nhiều người biết làm y tá bằng bó vết thương, cũng là do bộ đội bày cho. Đau ốm bây giờ không cúng con ma rừng nữa, mà phải xuống bệnh viện. Hồi xưa, người ốm nằm trong nhà, cúng ma ba ngày là chết, có mấy người khỏi đâu.

- Đây nè! Cả một bãi trăn!

Cách bờ sông chừng hai trăm mét, già làng dừng lại và chỉ cho Năm Chinh những vạt bụi cây có lá tròn mặt trên xanh, mặt dưới trắng, một vài bụi cây đang trổ hoa, những nụ bông lấm tấm màu đỏ xen giữa tán lá. Đúng là cây trăn. Ở đây lâu không có người tới, cây trăn mọc cao tới hai mét, thẳng đuột. Từ ngày mai, ông đã có một điểm khai thác trăn lý tưởng. Mình sẽ rủ thêm thằng Xuân, thằng Mến. Hai thằng đó ít tuổi, nhưng mà sống tử tế. Tụi nó như bạn vong niên của ông. Giờ có mảnh kiếm ăn, ông bỏ sao được.

Năm Chinh có thói quen ngồi cây bần nhét trong móng chân rồi đưa lên mũi để ngửi. Cái mùi thum thum nồng nồng đó thật hấp dẫn. Nó là mùi no ấm. Con Quyên thường hay lội xuống ruộng xem ba ngâm vỏ trăn, hoặc xin ngồi trên chiếc bừa sạ của ba, thỉnh thoảng chộp cua chộp cá dưới ruộng cho vào đọt mang về cho mẹ nấu, nên chân tay nó cũng nhiễm mùi bần. Đi học bị lũ bạn chế, nó còn vênh mặt lên tự hào:

- Mùi của ba mẹ tao đó! Mùi cơm đó!

Người quê, ai mà chưa từng nằm ngủ trên chiếc võng trăn, một thứ đồ gia dụng được làm rất công phu và thấm đẫm mùi mồ hôi và bần đất. Năm Chinh nghiệm ra rằng, vô rừng chỉ có chặt trăn là cực nhất so với bứt mây, chặt giang, rẽ mang hoặc đi gỗ trắc, đi trầm... Vỏ trăn lâu được tiền vì phải qua nhiều công đoạn. Từ lúc chặt trong rừng, lột vỏ tới lúc mang về nhà, đào hầm dưới ruộng ngâm bần một tuần rồi mới mang lên nạo sạch phần thịt, chỉ lấy phần sợi vỏ, óng ánh màu tơ trắng đục. Mà lạ thật, đúng là giở nhà ai quai nhà nấy. Đứa con gái lớn của ông nó

cũng thích cái mùi bùn ngâm vỏ trần như ba. Thấy người ta vớt vỏ trần lên phơi, nó lại gần cứ hít hà khen thơm. Chị Ba Chiến có lần mắng yêu cháu:

- Tổ cha mày! Thơm vậy lớn lên rồi lại đi chặt trần, cho mùi sinh ám đừ địa cha con nhà mày suốt đời.

Chị Thảo thường ra tới lỗ ngâm trần, chờ chồng vớt lên thì nạo vỏ, giặt sạch rồi gánh về nhà đem phơi khô. Xong rồi bó gọn lại, để đó chờ tới phiên chợ. Người vùng núi có nguyên liệu nhưng không biết đan võng trần, mà đem bán cho người vùng biển. Dưới đó người ta có nghề đan lưới, đan võng rất khéo. Đường đi vòng tròn của vỏ trần là như vậy. Người ta đem cá khô, nước mắm, lưới một, lưới hai lên đây đổi vỏ trần về. Khi đan võng xong, họ lại đem lên bán đổi cho người vùng núi. Còn khi về thì họ mua trần, mua rễ, mua thuốc lá. Cứ đổi qua đổi lại vậy mà vui. Người ta không cần ganh đua nhau, ai cũng quý yêu đời sống cộng đồng, gần bó chia ngọt sẻ bùi từ công sức lao động của chính mình.

Nhà Năm Chinh cũng có mua võng trần. Đôi lúc ông ngồi mân mê những sợi võng được đan kết bền đẹp, tự hỏi cọng trần nào do bàn tay ông đem từ trong rừng ra? Võng trần nếu biết giữ gìn, có thể dùng được hai ba năm. Nhưng nếu người đi làm đồng về, mồ hôi đầy mình mà nằm ra võng mồ hôi ngấm làm võng nhanh mục. Những chiếc võng mà nhỏ Trinh hay nằm, thường bị mục một chỗ vì nước đái con nhỏ tè dầm. Một lần đi rừng về, Năm Chinh thấy con Trinh đang khóc nức nở. Nó mách ba:

- Mẹ đổ thừa con làm rách võng đó! Hu hu!

- Trời quơ! Có nhiều đó mà cũng rách. Thôi để phiên này, ba bán trần xong sẽ mua cho chiếc võng mới.

Mồ hôi, máu, nước mắt. Đủ cả. Nó đổ từ rừng về nhà, từ nhà ra rẫy, ra vườn, xuống sông. Năm Chinh đã nuôi được vợ con và cất được ngôi nhà mới. Chị Ba Chiến nhiều lúc ngạc nhiên tự hỏi: Không biết cái thằng em thư sinh và nghịch ngợm ngày trước, bằng cách nào đã biến thành

một nông dân thực thụ, việc gì cũng biết làm, dám làm. Có lẽ do tình yêu! Đứa em dâu hồ ly tinh xinh đẹp kia đã biến em trai mình thành người đàn ông vĩ đại.

Con Quyên đạp xe từ nhà cô ba Chiến về, mồ hôi tướt tấp trên mặt. Nó chạy vòng quanh nhà, quỳnh lên gọi ba. Ông Năm Chinh đang nhổ mấy bụi mì cho đám heo rừng, hỏi vọng vô:

- Chi dậy? Làm như có cháy nhà á!

- Nhà hông cháy, nhưng cô Ba yếu lắm rồi! Cô biểu kêu ba qua liền!

Chị Ba Chiến nằm dán xuống giường, người trơ một bộ xương, hai con mắt như hai lỗ giếng, mờ đục. Thấy Năm Chinh tới, chị khẽ vẩy mấy ngón tay, ra hiệu lại gần.

- Chị Ba thấy trong người sao?

- Chết... tới... rồi!

Chị cố khều ngón tay trở lên túi áo. Năm Chinh lấy từ trong đó ra một tờ giấy. Trong đó ghi số tiền gửi tiết kiệm ở ngân hàng một trăm mười hai triệu.

- Cậu Năm mua cho thằng Hòa Bình chiếc xe tải nhỏ! Hai mẫu đất đồi đã làm xong bìa đỏ, nhờ cậu Năm làm giấy chuyển nhượng giùm sang tên thằng Hòa Bình.

Năm Chinh hiểu chị gái muốn gởi gắm.

- Sao chị hông giao cho con Bảy, nó rành hơn tui mà?

Chị Ba lắc đầu hai, ba lần liền, nước mắt ứa ra. Chắc chị nhớ lại chuyện ngày trước bị ở tù, giao tiền vàng cho cô Bảy rồi nó chiếm đoạt mất. Chờ cho em trai hứa chắc vụ quản lý tài sản cho con, chị Ba mới chịu nhắm mắt.

Đám tang chị Ba Chiến, làng xã đến đông lắm. Người dân tới viếng chị, nhưng cũng tò mò vì không biết bà này làm thứ gì mà có cả chủ tịch, bí thư huyện đi xe hơi tới đặt vòng hoa viếng. Những người tham gia kháng chiến ở làng này đâu còn mấy ai, nên những câu chuyện về chị Ba

Chiến như một màn sương mờ ảo, hư thực. Đến khi người đàn bà độc thân ấy nằm xuống, mới thấy nhiều bí mật về đời chị được vén lên. Năm Chinh cũng không ngờ chị gái có của chìm của nổi. Vậy mà lúc mình khó khăn, không thấy chị giúp đỡ gì? Bả không ưa cô em dâu! Chắc vậy luôn! Nhưng cũng không sao. Năm Chinh tự hào vì đã nuôi được vợ con, xây dựng được cơ ngơi mới, hai đứa con đều tốt nghiệp đại học. Con Quyên kỹ sư nông nghiệp, con Trinh cô giáo cấp ba. Chẳng còn mơ ước gì hơn, sau những gian khổ nhọc nhằn. Nhờ có số điện thoại cơ quan của con trai, ông Năm báo tin cho chị em Tuyết - Thuần là cô Ba mất. Hôm sau cả đoàn sáu người gồm hai cặp vợ chồng và hai đứa trẻ đã có mặt, kịp đưa tang bà cô. Hai đứa con riêng của bà Thảo không dính líu gì tới. Con Hường đang học ở Sài Gòn, thằng Thành vừa về với bà ngoại trên Kon Tum, coi như không biết, mặc dù hai anh em từng ở với ba dượng Năm Chinh mấy năm trời.

Tính ra, cả hai người có tới sáu người con. Cả “con anh, con em, con chúng mình”. Hai người con riêng của ông Năm ngoài Hà Nội đều đã trưởng thành, nên ông nên bà cả rồi. Cô Minh Tuyết gái lớn kém mẹ kế có bốn tuổi. Hồi mới lấy bà Thảo, ông Năm Chinh đưa vợ ra Hà Nội, Minh Tuyết và em trai là Văn Thuần toàn gọi bà Thảo là chị. Mãi tới khi có con, họ mới chuyển sang gọi là “bà”. Bà vợ cả người Hà Nội là người đàn ông hoàng. Từ lần về thăm quê chồng sau giải phóng, phải xách dép đi bộ gần mười cây số trên đường cát nóng, bà vừa khóc vừa nói:

- Thôi ba con Tuyết về quê hương khói cho ông bà, em với các con ở lại Hà Nội!

Hai người con đều trưởng thành hết, vợ chồng họ mới làm đơn ly hôn. Lúc đó Văn Thuần đã là sĩ quan, Minh Tuyết công tác trong ngành văn hóa. Năm con Quyên mười bốn tuổi, ông Năm Chinh có đưa con ra Hà Nội chơi nhận anh, chị. Mai Tuyết và Văn Thuần mừng lắm, cưng cô em gái hết mực. Chị Tuyết chú tâm chế biến các món ăn đặc sản Hà Nội để đãi em. Cho đến giờ, bác sĩ Quyên vẫn nhớ và thèm món bún ốc và

đậu phụ mắm tôm của Hà Nội. Còn anh Thuần lại thích dẫn em gái đi chơi Bờ Hồ ăn kem Tràng Tiền, vào các rạp chiếu bóng xem phim Liên Xô. Cô bán kem có lần hỏi:

- Hai bố con ăn kem gì?

Anh Thuần xoa đầu Quyên, cười rồn rảng:

- Em gái tôi đó! Cái nhà cô này...

Năm nào, hai chị em cũng gửi chút quà Bắc vào cho ba và mẹ kế. Bà Thảo nhiều lần rớm nước mắt, khen cô con riêng của chồng, rằng Minh Tuyết nó khéo đáo để. Mỗi lần gửi tiền cho ba, nó đều gửi theo tên bà Thảo, với lời nhắn: “Biếu ông bà mấy đồng ăn quà”. Bà lại xót xa thương hai đứa con riêng của mình. Ba nó tử trận, tiền tuất chưa kịp nhận hết thì đã giải phóng. Ba mẹ con sống đùm túm trong căn nhà phố chồng để lại. Được mấy năm, khi bà Thảo quyết định đi bước nữa thì bà ngoại nhất định giữ hai đứa cháu lại:

- Cô lấy chồng Việt cộng, khác máu tanh lòng rồi để hai cháu tôi khổ nhục. Thôi cứ để tôi nuôi anh em thằng Thành.

Ông Năm Chinh lúc đó ngổ ý sẵn sàng nuôi con riêng của vợ. Bà Thảo tin chồng sẽ sống như vậy, vì ông là người nghĩa hiệp. Nhưng bà ngoại sắp nhỏ không chịu. Bà giữ luôn nhà cửa, sổ tiết kiệm của các cháu, rồi nuôi dạy chúng trong nhà. Con Hường có chí hơn, nên học tới cao đẳng, rồi xin việc cơ quan nhà nước ở Sài Gòn. Thằng Thành lêu lổng, bỏ học từ năm lớp chín, không giúp gì cho bà ngoại, còn phá phách ngoài đường, làm cho người tới nhà mất vốn. Năm thằng Thành mười lăm tuổi, bà Hồng kêu con gái lên, trao trả cháu ngoại:

- Mợ già rồi, không nuôi nổi chúng nó nữa! Con đem các cháu về Bình Định đi.

- Trời đất! Vậy tiền bạc, nhà cửa của ba tụi nhỏ để lại đâu hết? - Nghe con gái thắc mắc, bà Hồng lôi ra một cuốn sổ:

- Nhà ấy mợ bán rồi! Không bán tiền đâu nuôi chúng nó! Đây! Tất cả các khoản chi tiêu trong sáu năm qua, con xem đi! Sợ còn lạm sang cả

tiền của mẹ.

Bà Thảo lúc ấy gạt nước mắt đưa hai đứa con về quê chồng. Lúc đó con Quyên đã có thêm em gái là con Trinh. Bốn đứa trẻ sống chui rúc cùng ba mẹ trong ngôi nhà tranh thấp.

- Đứa nào còn muốn đi học, ba sẽ cho học tới cùng. Đứa nào không muốn học, ở nhà chăn bò giúp ba mẹ.

Ông Năm Chinh khảng khái nói như vậy. Con Hường khôn ngoan, xin dượng cho đi học tiếp. Nhờ lý lịch của dượng, nó học ào ào rồi xin việc nhẹ như không. Thằng Thành tuyên bố, đi chăn bò sướng hơn đi học. Vậy là nó lãnh đàn bò bốn con, lùa vô rừng chăn thả, dỡ theo một bọc cơm vắt với muối ớt, mắm cá. Chiều về, chưa kịp tắm rửa đã sùng sục đòi ăn vì đói bụng. Có bữa con Quyên mải đọc sách chưa kịp nấu cơm, bị thằng anh về thấy đánh cho xì máu mũi. Bà Thảo sợ cái tính ác ôn của thằng Thành, nó giống y chang ông Hoàng. Chồng cũ của bà cũng giết người không ghê tay. Hồi ở Tân Cảnh, Hoàng đã bắn hai phụ nữ người Thượng, một người đang có bầu, vì sợ lộ bí mật nơi đóng quân. Thanh Thảo nghe chồng lạnh lùng kể lại, thì ôm mặt khóc. Trung úy Hoàng thanh minh:

- Em tính giùm đi! Mấy tên Việt cộng đang ở trong buôn. Không giết hai người đó, lỡ họ nói lộ ra, các chiến hữu của anh liệu có còn không?

Thằng Thành mang trong người dòng máu hung dữ đó. Đi chăn bò, đôi khi nó nổi điên lên đánh đập mấy con bò tóe máu lưng, hoặc què chân khập khiễng. Ông Năm Chinh xót con của, có lúc giận dữ lên dọa:

- Mày mà đánh bò nữa, ba sẽ xử đó!

Nó vênh mặt, thách thức:

- Ông có ngon ư nh tui thử coi!

Ông Năm lặng thinh không nói gì.

Mười bảy tuổi, đêm nào nó cũng đi tán gái. Đi tới khuya lơ khuya lắt, lại còn tụ tập ăn nhậu say xỉn quậy phá tung trời. Mà cái đám bạn nhậu, không mấy khi nói được lời khuyên tử tế. Toàn chọc lưng thằng nhỏ

kiểu: “Mầy làm chi cho hung! Ông là ba dựng thôi, đâu có thương xót gì mầy! Về đòi ông chia đất cất nhà ở riêng cho khỏe”. Thằng đầu đất về nhà đòi ông Năm Chinh chia đất cất nhà thiệt.

- Mầy lớn chút nữa, cưới vợ đi rồi ba cất nhà cho. Giờ chia đất cất nhà làm chi?

- Tui biết ông mà! Không chia đất cất nhà tui bỏ đi à!

Bà Thảo hết hồn vì tính ngang ngược của thằng con trai. Bà sợ chồng sẽ buồn rồi đánh đập nó. Nhưng ông Năm Chinh chỉ buồn chứ không làm gì. Ông nín thinh, mặc kệ thằng quý kia không thềm nhắc tới nữa. Bà dấm dúi cho nó ít tiền, năn nỉ con trở về Kon Tum với bà ngoại. Thằng nhỏ về Kon Tum được một tuần, bà Hồng viết thư chửi con rể tât bết. Bà nói Năm Chinh ác độc, nuôi con vợ mà đối xử như kẻ thù. Bà kể tội mấy lần Năm Chinh cầm rựa dọa chém thằng Thành, mấy lần dùng gậy uýnh thằng nhỏ tả tơi, không cho ăn cơm. Ở nhà, bà chửi con gái:

- Tại con mẹ chúng mầy hết! Không hiểu sao lại ham lấy thằng già đó. Không biết Việt cộng nó ác độc lắm sao?

Ông Năm Chinh buồn hơn, giận bà mẹ vợ từ đó, không bao giờ lên Kon Tum nữa. Lúc nào nghe tin mẹ vợ ốm đau, ông chỉ gửi lên cho ít tiền, không một lời thăm hỏi. Bà Thảo chỉ biết thanh minh với mẹ: “Mợ ơi! Đừng nghe lời con nít. Tội nghiệp nhà con anh ấy hiền lành lắm”. Bà Hồng khăng khăng để bụng. Bà khuyên thằng Thành:

- Rốt cuộc, chỉ lắm tiền người ta mới nể cháu ạ! Mầy lớn khôn rồi, sức khỏe tài năng có, kiếm việc mà làm giàu. Cho vợ chồng thằng Việt cộng già mở mắt ra.

Sức khỏe thì thằng Thành có dư, nhưng tài năng như bà ngoại nói thì chưa biết. Nó chọn nghề đi đào đãi vàng. Nghề đó vô mách một cái là đổi đời. Nó hứa với bà ngoại là sẽ đổi đời, rồi xin bà một khoản lộ phí, ra bãi vàng Bồng Sơn thử sức. Hai năm là có sự “đổi đời” từ thằng cháu ngoại. Bà Hồng nhận được tin cháu nay đã biết chơi thuốc phiện, biết hút thuốc lá, thêm tât nghiện rượu. Nó viết thư về cho bà ngoại, khoe

cuối năm sẽ cưới vợ. Cô sơn nữ ấy bằng tuổi nó, rất siêng năng chiều chồng, có ba là bộ đội cách mạng nên được địa phương nể trọng. Nó tự tới xin làm rể, nhờ ba vợ tổ chức đám cưới, không nhắc chi tới vợ chồng ông Năm Chinh. Bà Thảo buồn, vì thấy con bạc bẽo. Nhưng khi nghe tin thằng Thành được ba má vợ cưng, cất nhà cho ở riêng, giao cho chăm sóc mấy mẫu ruộng, bà lại mừng.

Con Hường lẳng lẳng học tập, lẳng lẳng sống, như tận dụng hết những cái tốt của ba dượng. Ông Năm Chinh thấy vậy cũng thương nó, không tiếc một thứ gì. Hường học cao đẳng xong, xin được việc làm. Từ đó sống đơn độc ở Sài Gòn, không về thăm mẹ, cũng không về thăm bà ngoại. Cho đến năm 45 tuổi Hường vẫn sống độc thân, không chồng con. Cô sống an phận, coi như mình vô thân thích giữa dòng đời náo loạn. Kể cả khi đau ốm, vào bệnh viện phẫu thuật cô cũng không cho ai biết. Có một sự hận thù âm ỉ trong lòng cô gái đơn thân, mỗi khi nghĩ về thân phận mình trong một gia đình bị chia năm xẻ bảy. Bà Thảo cũng không mấy khi nghĩ đến con gái. Không phải là bà tệ bạc gì, nhưng đứa con ấy bản lĩnh quá. Nó còn bản lĩnh hơn cả bà, khi dám vứt bỏ mọi ràng buộc gia đình để sống cho bản thân. Mấy năm học đại học ở Sài Gòn, Quyên biết chỗ chị gái làm việc mà không dám tới thăm, chứ đừng nói nhờ vả chuyện khác. Hường không muốn gặp gỡ người ruột thịt. Biết có đứa em gái cùng mẹ khác cha đang học ở thành phố, chưa bao giờ Hường quan tâm. Thành ra, bốn năm sinh viên, cho tới khi về quê mà Quyên không có cơ hội gặp chị gái. Với bản tính hiền hậu, Quyên rất muốn được gắn kết tất cả các anh chị ruột thịt của mình, dù họ cùng cha hay khác cha, khác mẹ. Sau mấy lần đi Hà Nội thăm mẹ lớn, gặp chị Minh Tuyết, anh Văn Thuần, Quyên cảm thấy hạnh phúc ấm áp. Lúc đó, anh Thành đã có vợ con ngoài Quảng Nam, dù chưa quên những trận đòn cũ vì tính háu đói của anh trai, cô vẫn muốn ra ngoài đó một chuyến. Năm hai ngàn không trăm lẻ mười, trong khi chờ việc, cô đã thử ra quê vợ của anh một lần.

Lần ấy Quyên ngỏ ý với chị dâu, muốn ra ngoài kiếm tiền:

- Ước gì mùa hè này em ra anh chị kiếm việc! Hay là ra Bồng Sơn đào đãi vàng như anh Hai Thành?

Chị dâu cười khanh khách:

- Ừ! Cô ra mà đào! Mỏ vàng Bồng Sơn tiêu rồi! Hay đi lượm trái ươi bay! Có tiền lắm đó!

Người ta bảo bốn năm cây ươi mới ra trái một lần. Những cây ươi ở rừng Phước Sơn năm nay đến vụ rồi. Vậy là Quyên đi, rủ một thằng bạn học hồi lớp 12 đang thất nghiệp.

- Tau đi nhặt ươi bay về bán kiếm tiền đúc vàng để dành, mai mốt làm của hồi môn. Mi đi hông?

- Đi! Tau đang chết đói!

Vậy là cuốn đồ theo bạn ra xứ Quảng. Nói là quê Phước Sơn, nhưng chị dâu, vợ anh Thành nói chưa bao giờ đi nhặt ươi cả. Vì còn phải ở nhà nuôi con, lo cơm nước cho chồng. Chỉ biết hạt ươi có giá lắm, đến mùa “ươi bay” người dân quê bỏ cả việc nhà nông đi thu lượm. Quyên ham, nhưng khi theo bạn trai vô rừng, mới lội qua một con suối, trèo qua ba cái dốc, cô đã muốn bỏ cuộc.

- Cây nào là cây ươi?

Cô vừa thở vừa hỏi. Anh Thành chỉ về cánh rừng trước mặt:

- Đó! Những cây cao vút lên một mình, tán lá đỏ như lửa là cây ươi! Tụi bay vô đó có nhiều người lượm ươi lắm. Anh về còn đi cắt gỗ.

Nhưng thấy vậy mà không phải vậy. Có những cây ươi trái rụng tới đâu, người lượm hết tới đó. Phải đi sâu, đi tuốt vô trong rừng xa, tìm chỗ con mắt mới tìm được một gốc ươi có trái bay. Khi gặp may, quanh gốc ươi dày những trái hình thoi màu nâu xám, hấp dẫn. Hai người lượm trọn ngày cũng được mười, mười lăm ký. Gặp cây mới rụng, chỉ được năm, bảy ký. Có khi ngửa cổ nhìn ngọn cây cao vút mấy chục mét, tít trên trời xanh mây trắng, thầm van vái. “Ươi ơi ươi! Rụng cho tui ít trái cho bỏ công trèo đèo lội suối. Cho khỏi phụ đôi bàn chân rướm máu vì

trượt qua gờ đá. Cho cái trán đỡ tủi khi mấy lần đập vô cành cây dọc đường rừng nổi u, nổi cục”. Quyên mấy lần chấp tay khẩn vái như vậy.

Có một lần, thằng bạn nhặt ươi nổi máu yêng hùng, quyết trèo lên cây hái trái chứ không chờ được ươi bay. Chọn một cây cao chừng hai chục mét, là cây thấp nhất trong mấy cây quanh đó, bạn nhổ nước bọt vô bàn tay, xoa xoa rồi bám thân ươi, trèo thoăn thoắt. Nhưng được nửa chừng chiều cao, thấy bạn chậm dần, chậm dần, rồi dừng hẳn, hai tay ôm chặt thân ươi, hơi thở hỗn hển đến dưới đất còn nghe thấy. Được mấy mét nữa, thấy bạn bất lực, khóc tức tưởi, rồi ôm thân cây tuột xuống một lèo. Tới mặt đất rồi, cườm tay, cẳng chân rớm máu. Nước mắt chảy dài trên đôi má lem luốc bụi phấn. Cũng vì cái cảnh leo cây thê thảm đó, có vài thanh niên vung rựa đốn cây ngang tầm thắt lưng. Cây ươi run rẩy, ứa máu quanh thân, chống chọi chừng một giờ đồng hồ rồi oằn oại gục xuống. Đau xót quá! Tàn ác quá! Cây ươi mọc hai chục năm mới cho trái, bốn năm mới ra trái một lần.

Lần ấy, đi lượm ươi bay một tuần, muốn ngất xỉu. Về nhờ bán được hơn năm triệu đồng, chia mỗi đứa một nửa, Quyên mừng húm. Từ nhỏ đến lớn, có lúc nào cô được một trăm ngàn tiền riêng trong túi. Sau này về, nghe ba nói tụi bây bán ươi rẻ quá. Lái buôn thu mua có bốn chục ngàn một ký, đem về thành phố bán những trăm hai, trăm rưỡi ngàn. Thiệt là đồ mồ hôi đi làm giàu cho người ta. Quyên mới thấy đau lòng. Nhưng cái đau ấy không bằng nỗi đau bị anh trai đối xử tệ bạc. Mấy hôm được anh chị cho ở nhờ trong nhà, hai đứa yên trí là có người bao bọc. Nhưng khi bán được mớ ươi đầu tiên, thì anh Thành rệu vô mượn lời chửi:

- Má nó chó! Ăn ở hông biết điều. Đây là nhà của tau nghe, không phải quán trọ. Mà ở quán trọ người ta cũng phải trả tiền ngủ.

Quyên hiểu anh chửi hai đứa vì kiếm được tiền mà không đưa cho ông đồng nào. Tính hay tự ái, cô dùng dùng dặt bạn bỏ đi ngay trong đêm, hôm sau đón xe về Bình Định. Anh em ruột mà tính toán quá vậy

thấy kỳ.

Giờ mỗi lần thấy anh Thành gọi điện vô khóc lóc với mẹ về việc vợ sắp sanh mà không có tiền, là Quyên thấy ghét. Đàn ông gì mà hèn, làm quanh năm không đủ lo cho vợ, lúc sinh nở còn xin tiền mẹ. Mà cả ba lần sinh con đều xin cả ba mới lạ chứ. Lần đầu, bà Thảo bớt nửa tháng lương hưu của chồng được bốn triệu đồng, kêu gọi hai đứa Quyên, Trinh được thêm hai triệu nữa, rồi gửi ra cho con trai. Lần thứ hai không ai góp nữa, bà tự bớt xén tiền của hai vợ chồng già, gửi cho hai triệu đồng. Thành tỏ ý không bằng lòng, chửi bóng gió. Rồi mới đây, vợ sinh lần ba, Thành lại giở bài kêu khóc, trách móc. Bà Thảo cầm lòng khôngặng, lại kêu gọi hai cô con gái thì bị từ chối. Cô giáo Trinh là người nóng tính, la mẹ là người bạc nhược. Tiền bạc có nhiều đâu, ngoài lương hưu của ông già, tiền bán hoa trái, chăn nuôi gom góp cất được căn nhà đúc là vừa hết. Giờ gánh thêm ông con trai nghiện nữa thì làm sao.

- Mà nói anh nó nghiện là thế nào?

Bà Thảo giận dữ tra vấn con gái. Trinh không nói gì, bấm số điện thoại rồi đưa cho mẹ:

- Nè! Mẹ nói chuyện với chị Hai đi!

Cô con dâu không kịp chào mẹ chồng, báo rằng đang chuyển bụng sanh, đau quá mà thằng chồng không thấy đau.

- Nghe nói nó nghiện hủ con? Nghiện gì?

- Trời ơi! Hu hu hu! Giờ mẹ mới biết sao! Ảnh ghiền ma túy mấy năm rồi, làm được đồng nào chỉ hút chích.

Bà Thảo té ngửa. Ôi trời đất ơi! Thằng con trai độc nhất của bà đã hư hỏng rồi.

Hồi này, bà Hồng hay gọi điện về Bình Định hỏi thăm con gái và các cháu. Hình như trong tâm tính bà có thay đổi. Ông Năm Chinh đánh giá như thế, vì không thấy bà trách móc, chê bai chế độ nữa. “Kể ra họ cũng tử tế! Tao có làm gì cho chế độ đâu, toàn nói ngược, vậy mà họ vẫn cho

tiền trợ cấp hằng tháng mấy trăm ngàn”. Bà Hồng đã ngoài chín mươi tuổi, được hưởng trợ cấp người cao tuổi theo chế độ. Với món tiền trợ cấp nhỏ ấy, bà đã trở thành con người có nhận thức khác về chế độ mới. Nhưng cái tâm của bà với con cái, vẫn vậy thôi.

- Nay mẹ Thảo! Mẹ bàn với con chuyện này, quan trọng đấy. Con không làm sớm thì sau này Năm Chinh nó chết là khó lắm.

Một lần bà Thảo lên Kon Tum thăm mẹ và các em, được mẹ gợi ý như vậy. Theo ý bà Hồng, diện tích đất vườn của nhà con gái rộng lắm, có hơn một trăm mét ngang mặt đường. Bây giờ phải bàn với Năm Chinh chia cho các con trước đi, cả thằng Thành, con Hường và chị em con Quyên, Trinh. Bà Thảo băn khoăn:

- Mẹ nói vậy, con xin vâng! Nhưng khó lắm ạ! Đất đó toàn công sức của ba hai đứa Quyên, Trinh khai phá, con có làm được gì đâu!

- Không làm gì thì con cũng lo chăm sóc ba con nhà nó. Của chồng công vợ mà!

Ý của mẹ cũng là suy nghĩ trăn trở của bà Thảo. Bà cảm thấy có tội với hai đứa con riêng, khi bỏ mặc chúng sống lay lắt với bà ngoại. Đến nỗi căn nhà ba chúng để lại cho cũng bị bà ngoại bán mất. Bà muốn bù đắp cho con, nhưng không biết bằng cách nào. Hai đứa con gái chung với ông Năm Chinh rồi sẽ có chồng, ở riêng. Rồi chúng nó lo việc nhà chồng chứ làm sao nuôi nổi ba mẹ. Bà hy vọng còn có thằng Thành. Mai này ông chồng già đi trước, chắc bà phải nương tựa vào con trai. Nghe mẹ tâm sự, Trinh cười chảy nước mắt:

- Mẹ cứ chờ đó hánh! Anh Thành mà nuôi mẹ được một tháng, con không làm người nữa.

- Vậy hai đứa bay, lấy chồng bắt ở rể đi cho mẹ nhờ với!

Trinh dứt khoát:

- Hông! Con lấy chồng là theo chồng! Vụ này mẹ bàn với chị Quyên thử coi!

Quyên vốn hiền lành, dễ tính, nên gật đầu:

- Ừa! Để coi con dụ thằng nào về ở rể cũng được. Quan trọng là nó có chịu hông.

Cô kỹ sư nông nghiệp giữ lời hứa với ba mẹ, kéo được một chàng rể về ở chung. Căn nhà ông bà Năm Chinh cất cho con gái sát ngoài mặt đường, vừa tiện đi lại, vừa để Quyên làm dịch vụ thuốc thú y. Anh chồng cao ráo, đẹp trai lại giỏi nghề đàn ca. Họ có vẻ hợp nhau về tâm hồn. Trang trại dê và heo rừng của ông Năm Chinh được con gái hỗ trợ về thú y nên phát triển ào ào. Ông vẫn thói quen không chịu ngồi yên một chỗ, tối ngày lo cỏ cho dê xong, lại lo thức ăn cho bầy heo, đàn gà. Thu nhập gia đình và tiền lương hưu, một tay bà Thảo quản lý, chi tiêu. Là người tần tiện, chi ly, cuộc sống khá ổn định, nhưng nhiều lúc nỗi lo hết tiền làm bà lao đao. Đó là những lúc bà phải giấu chồng và các con gái, chi viện cho vợ chồng thằng Thành. Bà có ý nguyện, sau này chồng khuất núi rồi, sẽ kêu gia đình thằng Thành chuyển vô đây cho có mẹ có con. Nhưng tính thì tính vậy, chứ con trai cứ mỗi ngày một hư hỏng, bà sợ dẫn nó về đây sẽ làm rối loạn mái nhà vốn bình yên từ lâu, hai đứa con gái sẽ chịu hậu quả.

Chiều nay sắp có cơn mưa. Ông Năm Chinh ngồi nhấp nhồm bên bàn đá, nhâm nhi bình trà nhạt hoét, lúc lúc lại ngó nhìn lên trời:

- Liệu có mưa hông mình?

Bà Thảo đang đun nấu, không quay ra, chỉ nói lớn:

- Mưa đó!

Mưa thì mưa, ông hồng lo nữa. Cỏ dê, cỏ bò, mì cho heo, bắp cho gà, ông chuẩn bị xong hết rồi. Mùi thơm khét trong bếp bay ra, chứng tỏ bà già đang nấu nồi cá trắng. Lúc này thấy bả hái một rổ rau tập tàng, rửa sạch rồi. Trời mưa xuống, ông lại được ngồi nhúng bánh tráng bột mì chấm cá kho, rau sống, nhậu vài ly rượu thuốc giải mỏi. Cuối cuộc đời, ông vẫn bảo lưu một ý nghĩ, rằng sống làm người thì đừng tham lam, ôm đồm quá, cái gì cũng muốn, cũng mơ ước. Phải biết chọn lấy một thứ, để mà sống cho tốt. Ông không hề tiếc những ngày còn công tác, có

quyền chức, bổng lộc. Tại vì ông chọn tình yêu với vợ con. Ông chấp nhận thiệt thòi đường công danh để có được bà vợ trẻ. Giờ thì thời gian trôi đi, đã trả lời cho hành động của ông là đúng. Một mái ấm gia đình, dù trải qua nhiều gian khó, thì nay cũng đã toại nguyện trong cái nhìn khách quan của xã hội.

- Mình ơi! Pha cho tui bình trà mới!

Bà Thảo ngạc nhiên. Hôm nay ông già chịu chơi dữ. Hay là sắp có khách quý. Sáng giờ bà có nghe điện thoại của ai đâu.

- Bữa nay ba xài hoang.

Bà cười nói vui. Ông cũng chỉ im lặng cười theo. Bà Thảo không gắng hỏi, nhưng bà biết chồng vui. Con Quyên cũng vừa đi chích thuốc cho bò về, chạy xe tấp vô:

- Ba! Sắp mưa đó! Có cỏ cho dê chưa?

Ông già cười hiền lành, gật đầu. Quyên lấy ra một bịch sữa đậu nành, rót vô chiếc ca nhựa:

- Nè ba uống đi cho nóng! Sữa đậu nành tốt lắm. Con bỏ vô chút đường hánh?

Ông già lại gật gật, cười như con nít. Bà Thảo với tay, cầm ca sữa uống thử một ngụm. Nhạt đường vậy được rồi. Người già uống nhiều đường không tốt cho sức khỏe. Bà nhẹ tay, gỡ mấy cọng rác và mạng nhện trên tóc chồng, nói khẽ khàng:

- Bà ngoại con Quyên muốn về dưới này ở với vợ chồng mình một thời gian. Em thấy khó nghĩ quá ba nó ạ!

Ông Năm Chinh nheo mắt, nhìn lại vợ như đánh giá sự chính xác trong câu nói:

- Dậy na! Nếu mợ muốn, thì mình cứ đón bả về đây ở cho vui! Chỉ sợ các cậu, các dì hông chịu thôi!

Quyên từ ngoài giếng đi vô, tay cầm mấy trái ổi, bắt chợt nổi giận, nói lớn:

- Mẹ hay thiệt nha! Lo chăm ba cho tốt đi, ổng cũng ngoài tám mươi

rồi. Ba mẹ nuôi sao được bà ngoại! Mà hồi nào tới giờ, bà ngoại có coi ba con ra thứ gì đâu, giờ lại đòi về ở đây là sao?

Bà Thảo bật khóc:

- Tao mới hỏi ý ba chúng mày thôi! Làm gì như ăn tươi nuốt sống mẹ mày vậy?

- Chứ còn gì nữa! Bà ngoại bán hết cả đất đai nhà cửa, nường vào số đề. Cái nhà bây giờ cũng gán nợ cho ngân hàng rồi. Giờ muốn về báo hại ba con nữa. Chúng con hông chịu đâu!

Ông Năm Chinh khoanh tay bó gối, ngồi nghe một lúc, rồi thủng thẳng khuyên con:

- Thôi con! Hãy để cho mẹ con có cơ hội báo hiếu với bà ngoại. Bà còn sống được bao năm nữa đâu!

- Con đi nói với dì Trinh, rồi sẽ có ý kiến với mẹ. Hồi này mẹ nhiều ý tưởng khùng rồi. Hết muốn đưa thằng nghiện về ở chung tới muốn đưa bà ngoại về hành ba. Mẹ biết rồi đó, dì Trinh nó dữ dằn lắm chứ hông hiền như con đâu.

Bà Thảo chết sững trước phản ứng dữ dội của con gái. Nó nói hỗn, nhưng cũng có lý. Bà ngoại hầu như không quan tâm tới hai chị em nó từ nhỏ tới giờ. Con Trinh còn than thở, chưa biết bàn tay bà ngoại nó ấm lạnh ra sao, vì chưa bao giờ bà vuốt má cháu. Có lẽ phải suy nghĩ lại, chuyện đưa bà ngoại về đây. Bà cảm phục và thương chồng xót xa. Ông luôn hết mình vì vợ, hy sinh bản thân vì bà như mấy chục năm qua. Có những lúc đói khổ quá, bà Thảo thở than, trách móc ông, rồi nhớ lại thời gian mình còn là phu nhân trung úy, lên xe xuống ngựa, xài tiền như nước. Sau dần cũng nguôi ngoai, qua thực tế cuộc sống, mới thấm thía ông chồng già này mới chính là người đàn ông đáng tin cậy. Ông đã buông bỏ, tha thứ tất cả hận thù, tị hiềm để sống cho tình yêu.

Cơn mưa đã khởi đầu bản nhạc, bằng những tiếng long tong thưa thớt trên mái tôn. Đàn vịt xiêm cắm đầu, vỗ cánh lao ra giữa sân đón mưa, kêu quàng quạc. Một bóng áo mưa đỏ như đốm lửa, lao vút vào

sau mái hiên. Tiếng con nít reo lên:

- Mưa rồi! A mưa rồi! Con chào ông bà ngoại!

Bà Thảo kêu trời. Là mẹ con nhà Trinh. Đi đâu mà lúc mưa mới chở nhau tới ông bà ngoại. Cháu gái bốn tuổi tròn như hạt mít, lòn xòn tằm váy hồng. Tay nó xách một hộp bánh ga tô, khệ nệ đặt lên bàn:

- Ông ngoại, đỡ giùm con! Quà của ông ngoại mà, có phải của Bông đâu!

Ông Năm Chinh xoa đầu cháu:

- Bông giỏi! Hôm nay sinh nhật con hả?

- Hông! Sinh nhật ông ngoại mà!

Bà Thảo giật mình: “Ừa! Đúng rồi! Sinh nhật ông ấy vào ngày 15 tháng 10. Không lẽ hôm nay là ngày ấy”. Trước kia mới lấy nhau, thi thoảng bà cũng nhớ tới ngày này, vào những lúc kinh tế gia đình dễ chịu. Nay thì quên mất rồi. Cũng may mà mẹ con nhà Trinh nhớ được.

- Tháng nào con chả đi lĩnh lương hưu cho ba. Sổ hưu con cầm thì con nhớ ngày chứ gì!

Trinh nói xong, hối con gái cắm nến lên bánh ga tô. Quyên hôn lên mái tóc mềm mượt, còn thơm mùi dầu gội của con bé:

- Hai dì cháu mình cùng đốt nến cho ngoại hánh! Con học tới chữ gì rồi?

- Dạ chữ ba, mẹ!

Cơn mưa đã dồn dập trút nước. Bà Thảo trải chiếu, mang ra niêu cá kho, rổ bánh tráng và rau sống.

- Mời ba! Chúc mừng sinh nhật ông ngoại!

Cả nhà xúm xít quanh mâm bánh. Bà Thảo cay cay con mắt, nhớ cũng cảnh mùa mưa năm nào năm nào, chồng bà bày ra một chiếc nia những bánh tráng, rau rừng và nôi tép bạc. Chị em con Quyên nhao vào, ngồi chồm hồm trong nia, giành ăn.

- Chị Ba tính chừng nào mới sinh? Cưới ba năm rồi, chưa có bầu là phải coi lại nhen!

- Nhức đầu quá! Dì mày nói y chang bà má chồng tau vậy! Bả cứ đổ thừa con dâu chậm bầu. Tuần trước tau đưa ổng đi khám nam khoa rồi. Tinh trùng có mười hai phần trăm, làm sao bầu bí được.

Ông Năm Chinh rót ra một ly rượu, nhấp môi:

- Tìm thầy tìm thuốc chạy chữa cho chồng con ời! Đừng bỏ nó tội nghiệp! Thằng đó cũng hiền mà.

Quyên phá lên cười:

- Trời! Sao ba đoán ý con gái hay vậy? Con đang tính, nếu ảnh hông sanh được, vợ chồng xin một đứa con nuôi đó ba!

Thấy cháu ngoại bỏ bánh sinh nhật quay qua ăn bánh tráng chấm nước cá, ông Năm Chinh xót lòng. Ngày nhỏ mẹ nó ngán tới mang tai món này, giờ nó lại coi như đặc sản. Cuộc đời thay đổi đến lạ. Có những thứ ngày xưa thấy tầm thường, thì nay như báu vật. Hoặc có thứ trước kia ta đam mê, thần tượng, thì nay chán ghét không buồn nhắc tới.

- Bà ngoại tính bỏ Kon Tum về đây với ba mẹ đó! Dì Trinh coi được hông?

Quyên gọi chuyện vậy và nhìn thấy vẻ lo lắng, giận dữ trên mặt mẹ. Thế nào con Trinh cũng phản đối tưng bừng cho coi. Trinh tròn mắt, ngạc nhiên, rồi vỗ tay cười:

- Hay vậy ta? Rước ngoại về luôn đi!

Bà Thảo nói cà lăm:

- Là... là là... con nói... nói sao?

- Ngoại biết nghĩ tới nhà mình vậy là bả thay đổi tánh nết. Mừng chứ sao! Cứ đón bả về ở, cho ngoại biết ba con mình tốt ra sao ba hánh!

Ông Năm Chinh chỉ cười, rót thêm một ly rượu nữa.

- Ủa, đón thì đón. Vậy để bán lứa heo này, ông lấp thêm cái bồn nóng lạnh, cho hai mẹ con bả dùng khi mùa đông. Mình sống vậy đi con gái của ba. Các con thiệt ngoan. Thời của bà ngoại các con sắp hết rồi. Bả chín mươi hai tuổi rồi. Mình ghim gút chuyện xưa làm gì.

Giữa cơn mưa, trời gầm một tiếng sấm thiệt lớn. Ánh chớp xé toang

đám mây đen, vạch ngang trời một vầng sáng chói lòa.

*Hoàn thành tại Trại sáng tác văn học về đề tài Lực lượng vũ trang và
chiến tranh cách mạng, do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân tổ chức tại
Đại Lải - 2018.*

DÒNG ĐỜI VÀ CHIẾN TRẬN

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

23 Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: <http://nxbqdn.com.vn>

Email: nxbqdn@nxbqdn.com.vn

ĐT: 0243. 8455766 - 0243. 7470780; Fax: 0243. 771106

Ban đại diện Nhà xuất bản tại TP. Hồ Chí Minh

Số 161-163 Trần Quốc Thảo, phường 9, quận 3

ĐT: 069. 667452 - 028. 62565588; Fax: 028. 62565588

Đại diện Nhà xuất bản tại TP. Cần Thơ

Phi trường 31 - đường Cách mạng Tháng Tám

ĐT: 069. 629905 - 0292. 3814772; Fax: 0292. 3814772

Đại diện Nhà xuất bản tại TP. Đà Nẵng

172, đường 2-9, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

ĐT: 0236. 6250803; Fax: 0236. 6250803

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập ĐẬU XUÂN LUẬN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập NGUYỄN VĂN SÁU

Biên tập : **TRẦN ĐỨC TĨNH**

Trình bày, sửa bản in: **PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG**

Kỹ thuật vi tính: Nguyễn Thị Giang

Bìa: **NGUYỄN ANH TUẤN**

Khổ sách: 13 x 19

Số trang: 252

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 398-2020/CXBIPH/05-11/QĐND

Số quyết định xuất bản: 05/QĐĐT-NXBQĐND ngày tháng 4 năm 2020

ISBN: 978-604-51-5865-4